

Trần Thị Cẩm

Tiến sĩ tâm lý
Đại học Sorbonne - Paris



TÂM LÝ

TRẺ

VÀ

GIÁO
DỤC

TRONG
GIA ĐÌNH



NHÀ XUẤT BẢN
PHỤ NỮ

TRẦN THỊ CẨM

Tiến sĩ tâm lý

ĐẠI HỌC SORBONNE - PARIS

**TÂM LÝ TRẺ
VÀ GIÁO DỤC
TRONG GIA ĐÌNH**

(Tái bản)

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ

Tiến sĩ Trần Thị Cẩm sinh năm 1923.

Chị sang Pháp du học năm 1949.

Sau khi học Tâm lý đại cương ở Đại học La Sorbonne, chị tiếp tục học tại hai Viện Đại học cấp III tại Paris: Viện Tâm lý học và Viện Đào tạo Chuyên gia Tâm lý Lâm sàng, và tốt nghiệp các chuyên ngành: Tâm lý Trẻ em, Tâm lý Ứng dụng Công nghiệp, Tâm lý Xã hội, Tâm lý Bệnh lý, Tâm lý Lâm sàng. Do nguyện vọng được về nước tham gia công tác hàn gắn những vết thương chiến tranh, chị làm Luận án Tiến sĩ Chuyên ngành với chủ đề: Phục hồi tâm lý người khuyết tật.

Ở Paris, chị đã làm việc tại Bệnh viện Tâm thần La Salpêtrière và các Trung tâm Vệ sinh Tâm thần.

Năm 1979, chị cùng chồng trở về nước.

Chị công tác tại Viện Khoa học Giáo dục phía Nam, Phụ trách Phòng Tâm lý ứng dụng. Cùng lúc đó, bệnh viện Tâm thần Chợ Quán mời chị sang đào tạo các bác sĩ về Chẩn đoán tâm lý, và Ban Giám đốc Trường Mẫu giáo T.Ư 3 mời chị sang đào tạo Giảng viên về Chẩn đoán tâm lý trẻ em. Ngoài ra, chị tham gia thành lập Phòng Tư vấn Tâm lý, với danh nghĩa

tư nhân, do một tập thể bốn chị em đảm nhiệm: hai chị Tâm lý học, một chị Xã hội học, một chị công tác xã hội, nhờ sự tài trợ kinh tế của một chị bạn ở nước ngoài do chị Xã hội học vận động.

Hiện nay, chị cùng chồng đoàn tụ với các con và cháu ở Pháp.

Phần 1

GIÁO DỤC TRẺ TRONG GIA ĐÌNH

TỪ SƠ SINH ĐẾN TUỔI THƠ NÔI

Việc nuôi dạy trẻ con bắt đầu từ lúc đứa trẻ vừa chào đời. Vì trẻ không còn ở trong môi trường tự nhiên như trong bụng mẹ nữa, mà bước vào một môi trường có văn hóa. Việc nuôi dạy con bao giờ cũng thể hiện nền văn hóa ấy.

Ngày nay, các nhà tâm lý giáo dục đều nhất trí rằng, ngoài những yếu tố sinh vật, sinh lý và xã hội, sự nuôi dạy ở giai đoạn 3 tuổi đầu, giai đoạn mà đời sống của trẻ thường hoàn toàn ở gia đình là nền móng đầu tiên để từ đó con người được trưởng thành một cách vững chắc và toàn diện. Nếu thiếu điều đó, sẽ gây nhiều trở ngại trong toàn bộ quá trình trưởng thành về sau của đứa trẻ.

Cứ nhìn quá trình phát triển của một đứa trẻ từ khi lọt lòng đến 8 tuổi, mới ngày nào chưa biết gì mà nay bé đã biết bi bô cười nói, chơi đùa, ta sẽ thấy tốc độ phát triển của trẻ trong giai đoạn này nhanh như thế nào. Nhanh nhất và có thể nói là thần kỳ cũng không quá đáng, so với nhịp độ phát triển chung của con người. Từ trong bụng mẹ ra đời, liền sau đó bé đã thích nghi với khí hậu bên ngoài, với nhịp độ ngày đêm trong sự sống (giờ bú, giờ ngủ v.v...), 6 tuần bé đã bắt đầu biết cười; 3 tháng đã ngóc đầu lên được và

phát âm a-rơ a-ra; 6 tháng biết ngồi, 8 tháng biết phân biệt người quen, người lạ; 10 tháng biết đứng; 1 tuổi biết đi; 18 tháng biết nói, rồi kể đó bắt đầu hỏi đủ thứ chuyện, bắt đầu có suy luận. Chỉ có loài người mới có được cái thần kỳ này. Ai có con cháu lại không nhiều lúc cảm thấy sao nó thông minh lạ thường! Sự phát triển nhanh ở 3 tuổi đầu cho ta cảm giác đó. Đó là giai đoạn hình thành toàn bộ các cơ cấu của sự nhận thức, làm nền móng cho sự phát triển, trí tuệ và tình cảm sau này. Mỗi cử chỉ, thái độ của mẹ, của cha đều để lại ấn tượng cho trẻ, mặc dầu ta có thể cho rằng trẻ chưa biết tư duy. Những ấn tượng tốt đẹp bao giờ cũng tác động tích cực trong việc hình thành và giáo dục trí tuệ và tình cảm của trẻ. Vì vậy, mà ngoài các yếu tố khách quan (bẩm sinh, sinh lý, xã hội), tình thương yêu sáng suốt và việc nuôi dạy có phương hướng của cha mẹ là những yếu tố chủ quan cơ bản cho sự phát triển tối ưu của trẻ. Để hỗ trợ cho sự phát triển được tốt, một số vấn đề tâm lý đặt ra trong những cái cụ thể của đời sống hàng ngày cần được quan tâm đúng mức ngay từ lúc trẻ mới lọt lòng.

Sự đón tiếp của cha mẹ

Sinh con trong điều kiện bình thường là niềm vui lớn của cha mẹ. Nếu là con đầu lòng thì niềm vui càng to lớn hơn, vì đó là một bước ngoặt của cuộc đời xây dựng gia đình của hai người: được "thăng chức xã hội" làm mẹ, làm cha. Nếu sự ra đời của trẻ là một thất bại, của cha hay của mẹ, hoặc của cả hai, thì vết thương tình cảm này để lại nơi trẻ một dấu ấn khó

phai, mà có khi lại lan toả và bao trùm cả cuộc đời của trẻ. Cho nên *sinh con ra thì phải hết lòng thương yêu và nuôi dạy con*. Đó là chân lý.

Sự chẩn đoán đầu tiên

Vừa lọt lòng, trẻ phải được chẩn đoán về mặt thần kinh và cơ thể để phát hiện những rối loạn có thể gây nên những khiếm khuyết nặng nề sau này. Phản ứng thính giác phải được kiểm tra kỹ lưỡng vì là cơ bản nhất, cũng như chẩn đoán tim mạch, kiểm tra các phản xạ hoặc khám xét khớp háng.

Cho con bú và bế con

Lý tưởng nhất là trẻ được nuôi bằng sữa mẹ, vì sữa mẹ có đủ các dinh dưỡng cần thiết và luôn cả các nguyên tố để chống các bệnh tật. Màu sữa mẹ có thể thay đổi trong một ngày, đừng vội kết luận rằng sữa không được tốt hoặc nghe theo ý kiến hàng xóm cho rằng vì sữa mẹ không tốt, nên cho bú không tiêu... Màu sữa mẹ thay đổi không can hệ gì đến tính chất của sữa.

Khi cho con bú, mẹ phải bế làm sao cho con được thoải mái. Nếu mẹ không đủ sữa thì cho con bú thêm sữa hộp, liều lượng theo lời khuyên của thầy thuốc. Nhưng dù bú sữa mẹ hay sữa hộp, mẹ vẫn là người cho con bú. Nếu mẹ bận việc thì mẹ vẫn phải là người cho con bú nhiều lần nhất. Những lúc cho con bú là dịp mẹ con biết nhau. Ôm con trong lòng, bà mẹ quan sát từng chi tiết trên thân thể con. Bé bắt đầu biết nhìn, thì bé trần trần nhìn mẹ không nháy mắt khi

mẹ cho bú. Được ba tháng, bé mới thật sự nhận được gương mặt của mẹ và biết cười với mẹ. Nếu đang lúc bế bé, mẹ cười với bé thì bé nhả vú ra để cười với mẹ. Bé bú để thoả mãn nhu cầu đói, nhưng trong lúc bú có một sự giao thông tình cảm qua lại giữa mẹ và con không gì thay thế được. Cho nên mẹ cho con bú không đơn thuần chỉ để nuôi con và con bú mẹ không phải đơn thuần để thoả mãn cái đói.

Các nhà tâm lý học cho rằng nụ cười có ý nghĩa đầu tiên này của bé là mối triu mến đầu tiên của con người đối với người khác. Sự triu mến này tạo ra cảm giác thoải mái và an toàn không gì có thể thay thế. Sự triu mến đầu tiên này là nền móng cho các triu mến khác, là bước đầu của quá trình tình cảm của con người. Sự triu mến ấy là một xúc động có sức mạnh và sức bền bỉ lạ thường. Cho nên, nếu vắng mẹ thì người thay thế mẹ phải là một người duy nhất, thương yêu bé như con mình, để bé có thể đầu tư sự triu mến ấy. Nhu cầu tình thương là nhu cầu sơ đẳng của con người, không khác gì nhu cầu ăn để sống. Thiếu nó, con người không thể sống một cách đầy đủ. Cho nên dù bận đến đâu, mẹ cũng cố gắng tranh thủ bế con vào lòng và nói chuyện với con nhiều lần trong ngày. Tuy nhiên, nếu cứ bế con vào lòng suốt ngày, không lao động và sinh hoạt thì tác dụng sẽ ngược lại, giống như cố giữ bé lại trong bụng mẹ, không giúp bé sớm đáp ứng các đòi hỏi của đời sống ngoài bụng mẹ, để nhanh chóng tiến bước vào thế giới bên ngoài. Cho nên, cần nắm rõ ý nghĩa của sự bông bế con vào lòng để có thái độ đúng đắn.

Cho con ngủ

Bình thường bú xong thì bé ngủ. Ăn, ngủ là nhu cầu cơ bản cho sự sống của các loài động vật. Nếu phải ru hoặc đưa vông bé mới ngủ thì đó là thói quen (phản xạ có điều kiện) mà người lớn tạo ra cho bé. Ở thời đại chúng ta, phụ nữ tham gia nhiều công việc xã hội nên ít có thời gian vào bếp và ôm con như trước. Suốt ngày bỗng bề hát ru không bổ ích gì cho trẻ. Phải tập cho bé tự quản đời sống của bé. Tập cho bé thói quen có ru mới ngủ là làm cho bé phụ thuộc vào một tác động bên ngoài không cần thiết. Có những bà mẹ hay ru con bằng cách đưa vông kéo kẹt và hát to khiến bé khó ngủ nên bé khóc. Bé càng khóc thì mẹ đưa vông càng nhanh, càng hát to bé lại càng khó ngủ, và cái vòng luẩn quẩn ấy cứ kéo dài làm bé mệt mỏi, căng thẳng. Đó là một việc làm phi sinh lý, vì giấc ngủ là sự giải toả căng thẳng. Đó là bước đầu giáo dục thẩm mỹ và cũng là một trong những hình ảnh đẹp giữa mẹ và con (ở đây xin nói thêm rằng, có điều rất đáng tiếc là các bài hát ru con đẹp đẻ của ta không còn được phổ biến trong nhân dân, mà chỉ nằm trong các tác phẩm nghệ thuật. Các nghệ sĩ dường như chưa chú ý nhiều trong việc sáng tác các bài hát ru con, khiến cho nhiều bà mẹ phải ru con bằng những bài hát không có giá trị giáo dục thẩm mỹ).

Con khóc

Khi đói, lạnh, đau thì bé khóc vì bé chưa biết phát biểu bằng lời nói. Tiếng khóc khi đói là tiếng khóc mạnh mẽ, đòi hỏi. Tiếng khóc khi đau thì thảm thiết,

cầu cứu. Cũng có thể giữa giấc ngủ ban đêm, ban trưa bé thức dậy thấy có một mình, bé sợ bé khóc để vòì mẹ, vòì cha. Dù sao, nên vào xem vì sao bé khóc khi bé thấy cần sự có mặt của mẹ, của cha. Có trường hợp cha mẹ tưởng bé vòì, nhưng thật sự bé bị một cái gì cảm thấy có thể nguy hiểm. Lúc được 8 tháng, bé biết phân biệt mẹ, cha với những người lạ một cách rõ ràng hơn, nên khi thấy người lạ thì bé sợ nên bé khóc. Khi có người không quen đến nhà, bé có thể khóc và có phản ứng tìm cách trốn tránh. Khi bé bỗng nhiên cứ khóc mãi, không thấy lý do gì cả, thì nên xem có sự thay đổi gì trong môi trường gia đình để tìm cách giải quyết. Tiếng khóc thảm thiết liên tục của trẻ bao giờ cũng là tiếng kêu cầu cứu của một tâm trạng không an toàn.

Đồ chơi

Khoảng 4 tháng tuổi thì bé thích cầm nắm các đồ vật. Nên cho bé đồ chơi để bé thực hành khả năng mới mẻ này. Khi được 6 tháng, bé bắt đầu biết ngồi, khảo sát được thế giới chung quanh, não bộ cũng bắt đầu trưởng thành, sự phối hợp vận động tiến bộ hơn, có thể nhìn rõ hơn các đồ vật mà bé cầm, nhìn nhiều góc độ khác nhau, có thể chuyển đồ chơi từ tay này đến tay kia. Khi được 8 tháng, bé có thể biết vật cứng, vật mềm, vật nóng, vật lạnh. Bé ném đồ chơi xuống đất rồi bé nhìn theo tìm nó. Đó là những bước đầu khảo sát thế giới bên ngoài đang mở cửa cho bé. Khi được 10 tháng, bé thực hành trí óc bằng cách xem xét món đồ chơi mới, hay kết hợp các món đồ chơi với nhau để

chơi. Khi được 11-12 tháng, nếu món đồ chơi để trên chiếu xa tầm tay, bé lấy không được, ngẫu nhiên khi kéo chiếu bé thấy nó xích lại gần, thì bé sẽ kéo chiếu để lấy món đồ chơi đó. Trí óc của bé bắt đầu làm việc. Ban đầu nên cho bé những đồ chơi đơn giản, dễ nắm, dễ cầm bằng vật liệu mềm, sạch (nhựa, cao su...). Đừng cho bé đồ chơi nhỏ bé có thể nuốt được, hoặc đồ chơi có góc cạnh hay nhọn dễ gây thương tích. Khi bé gần được 1 tuổi, nên cho bé giấy để bé có thể xé chơi (thay đổi các hình vật do sự tác động của mình), hộp nhỏ như hộp diêm có thể đóng, mở được, hay những đồ chơi lắp ráp để bé thực hành sự khéo tay. Chưa được một tuổi, không nên cho bé chơi búp bê hoặc gấu con vì bé chưa ý thức được là đồ chơi, nên bé có thể sợ. Dù sao không nên cho bé đồ chơi đắt tiền, bé sẽ đập vỡ. Đồ chơi đơn giản nhưng có tính giáo dục bổ ích cho bé nhiều hơn.

Ngôn ngữ

Sự xuất hiện ngôn ngữ là một giai đoạn cơ bản trong sự phát triển của trẻ. Trước 6 tháng bé phát âm tỏ sự vui mừng để chơi. Khi được 6 tháng trở lên, bé bắt đầu chủ động điều khiển các dây thanh âm của mình để phát âm những vần ngắn. Các âm "ma", "ba" bắt đầu xuất hiện và bé rất thích lặp đi lặp lại. Nhân cơ hội ấy, phải làm sao cho bé liên hệ được những âm thanh thân thuộc ấy với người thân thuộc của bé, với má, với ba: ngôn ngữ đầu tiên của bé đã xuất hiện. Từ đó nếu ta nói chuyện với bé nhiều thì bé sớm làm quen với ngôn ngữ, bé sẽ mau tiến bộ và bé ngày càng

hiểu biết nhiều thêm. Nên khuyến khích bé nói và chú quan tâm lắng nếu bé nói chưa rõ hoặc nuốt bớt các từ. Không bao lâu bé sẽ ghép hai, ba tiếng để thành một câu, như "ba đi", "ba về", "má đi", "má về"... "cha đi làm", "má đi chợ"... Giai đoạn kế tiếp đó bé sẽ hỏi rất nhiều, vừa để thoả mãn tính hiếu kỳ mới chớm nở, vừa để hiểu biết về thế giới chung quanh.

Trí tuệ của bé bắt đầu phát triển và sẽ phát triển không ngừng thông qua ngôn ngữ. Không nên nói với bé như "trẻ con" bằng tiếng một, không có câu. Phải nói chuyện với bé bằng những câu bình thường. Như thế giúp bé chóng nói được những câu đúng ngữ pháp.

GIÁO DỤC TRẺ EM TỪ 1 ĐẾN 3 TUỔI PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VẬN ĐỘNG

Trong giai đoạn trẻ từ 1-3 tuổi có hai chức năng mới được hình thành, làm cho trẻ không còn chịu đời sống hoàn toàn lệ thuộc như năm đầu: trẻ biết đi và biết nói.

Khoảng 12-15 tháng, trẻ biết đi. Có thể sớm hoặc muộn hơn (nếu trẻ thích bò, thích lết), nhưng không can hệ gì. Đi được thì trẻ ham đi để quan sát, tìm tòi, lục lạo, đi đến nơi mà trẻ muốn, ham tác động lên các đồ vật bởi vì các động tác của bàn tay trẻ bắt đầu ngày thêm nhuần nhuyễn và chính xác.

Trẻ tiến công không ngừng vào thế giới bên ngoài. Lứa tuổi này là lứa tuổi dọn đồ, sắp xếp, leo trèo. Trẻ cần vận động luôn luôn. Vận động để khảo sát thế giới vật chất xung quanh trẻ và thực hành khả năng vận động của trẻ trong thế giới đó. Cần tạo điều kiện cho sự thực hành đó. Cần kích thích cho sự vận động ấy có tổ chức, kỷ luật vì điều đó rất bổ ích cho sự phát triển trí tuệ và tình cảm của trẻ sau này.

Cũng trong giai đoạn này lúc 1 tuổi, trẻ bắt đầu có ý thức sạch sẽ, không đi bần ra quần, vì biết và chủ động được thân thể của mình. Về điểm này, không nên giáo dục trước 1 tuổi khi hệ thần kinh của trẻ chưa đủ

trưởng thành để liên hệ giữa cái bộ và nhu cầu tự nhiên đó (phản xạ có điều kiện). Nếu không được giáo dục đi nữa, bình thường một đứa trẻ 18 tháng đến 2 tuổi vẫn tự mình có ý thức phải sạch ban đêm. Nếu sau 2 tuổi mà trẻ thường đái dầm thì hoặc có sự khiếm khuyết gì trong sinh lý, hoặc trẻ đang sống trong một bầu không khí mà trẻ cảm thấy không an toàn.

Các trò chơi

Chơi đối với trẻ là một bản năng giống như ngủ, thở, ăn. Thông qua các trò chơi, chẳng những trẻ thực hành năng lực vận động đang phát triển, mà trẻ mở rộng phạm vi hứng thú, phát huy sự hiểu biết thuộc tính của các đồ vật, phát huy khả năng quan hệ giao tiếp. Không chơi là các trẻ bị bệnh vì thiếu sức lực, các trẻ kém trí tuệ vì không biết chơi. Những thói quen lao động bắt đầu hình thành từ các trò chơi của trẻ, nên dành riêng cho trẻ một nơi để trẻ được tự do chơi và tổ chức trò chơi của mình, không bị quấy rầy.

Nên cho trẻ 1-2 tuổi những mảnh vải nhỏ nhiều màu sắc khác nhau, các hộp có thể đựng đồ và có thể trút ra được, các chai nhỏ có thể đập nút, lấy nút ra, những chiếc xe nhỏ có thể đẩy hoặc kéo. Trẻ lớn hơn thì nên cung cấp cho trẻ những vật liệu có thể nắn, có thể vẽ... Những đồ chơi phức tạp dành khi trẻ có đủ khả năng chăm sóc và sửa chữa khi hỏng. Sửa chữa đồ chơi là một lao động bổ ích vì trẻ bắt đầu tiếp xúc với công việc của người lớn. Phải quan tâm và giúp đỡ khi trẻ bị vướng mắc trong trò chơi hoặc trẻ hết hứng. Nhưng phải bảo đảm sự chủ động của trẻ. Trước một

vướng mắc nhỏ, nên hướng trẻ tự tìm cách giải quyết. Nhưng cũng không nên đặt trẻ trước những khó khăn vượt quá khả năng giải quyết của trẻ.

Có cha mẹ thích cho con các đồ chơi có tính cách dạy học (chữ để ráp, số, v.v...). Cung cấp cho trẻ các loại đồ chơi ấy, có thể chuẩn bị để trẻ vào trường, nhưng không cần thiết lắm. Dù sao không nên bắt buộc trẻ phải nhất thiết chơi các loại đồ chơi ấy mà nên để chúng chủ động chọn các đồ chơi chúng thích. Các trò chơi trẻ tự chọn lựa biểu hiện cá tính, khả năng tiềm tàng, sức khỏe của trẻ. Có trẻ giàu tưởng tượng, có trẻ rất thực tế, có trẻ chơi một cách tập trung, có trẻ không chơi được một trò chơi nào đến cuối cùng cả, có trẻ dễ mệt, có trẻ liên thoảng, có trẻ thiếu kiên nhẫn.

Ở lứa tuổi này, hoạt động của trẻ chính là chơi. Sự hình thành các cơ chế trí tuệ được tập trung nhiều nhất trong khi chơi. Trẻ quan sát, kết hợp, sáng tác, tập trung, cố gắng. Cho nên nếu có đề nghị một trò chơi nào thì lưu ý để trẻ hướng trò chơi ấy theo cảm hứng của trẻ.

Phát triển trí tuệ trên việc lĩnh hội văn hóa thông qua các trò chơi và tiêu khiển

Trẻ 18 tháng có thể lật các trang sách hình ảnh. Các hình ảnh trình bày cho trẻ phải đơn giản. Một món đồ hoặc một con thú trình bày trên một trang là đủ. Trẻ 2 tuổi có thể nhận ra hình ảnh đơn giản. Trẻ 30 tháng có thể tiếp tục một vài câu trong các mẫu chuyện mà trẻ đã được nghe nhiều lần. Trẻ 3 tuổi có

thể kể tên những đồ vật và người trong một hình ảnh (đến 4 tuổi thì trẻ có thể giải thích hình ảnh).

Đưa cho trẻ 1 tuổi cây bút chì thì trẻ chỉ biết chấm đúng nó lên giấy. Trẻ 15 tháng có thể nghiêng cây viết chì và vẽ những lần nhẹ trên giấy: thật sự, trẻ chỉ làm động tác vẽ chứ không quan tâm đến kết quả. Phải từ 21 tháng đến 2 tuổi, trẻ mới có thể bắt chước vẽ một lần. Trẻ 30 tháng thích vẽ xoay vòng và trẻ có thể vẽ phân biệt được lần dọc và lần ngang theo mẫu. Trẻ 3 tuổi mới bắt đầu vẽ thực sự và sau khi vẽ xong, trẻ nói là trẻ vẽ gì. Trẻ bắt đầu vẽ hình người (một vòng tròn làm đầu và hai lần hai bên làm hai cánh tay) và chọn màu khi vẽ. Trẻ rất thích vẽ bằng cọ và màu nước nếu trẻ được cung cấp các vật liệu đó.

Trước 1 tuổi, trẻ đã nhạy về âm thanh và nhịp điệu. Trẻ 30 tháng có thể múa khi nghe nhạc. Trẻ 3 tuổi có thể nhận nhạc điệu bài hát và hát được những bài trẻ thích. Với một nhạc cụ đơn giản, trẻ có thể kéo âm theo ý muốn. Trẻ 4 tuổi có thể tham gia một dàn nhạc con nít trong vườn trẻ như đánh chập nhà, chơi trống, rung chuông...

Các mẫu chuyện kể cho trẻ có tác dụng giáo dục văn hóa. Những mẫu chuyện ấy phải thích hợp với tầm hiểu biết của trẻ. Những mẫu chuyện kỳ quái, hoang đường thì sẽ ảnh hưởng tiêu cực. Những mẫu chuyện vui tươi, cảm động, hài hước về người, về thú vật biểu hiện tình cảm tốt đẹp và óc thông minh sáng tạo bao giờ cũng bổ ích chẳng những cho sự giáo dục văn hóa và các giá trị xã hội của dân tộc mà còn xây dựng tình cảm và nhân cách của trẻ.

SỰ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Trước 1 tuổi, trẻ đã liên hệ được những từ với những người quen thuộc thân thiết như ba, má và trẻ bắt chước được những âm thanh mới. Hơn 1 tuổi, trẻ bắt đầu phát triển mau chóng vốn âm tự nhiên bẩm sinh bằng cách lĩnh hội các âm thanh của người xung quanh. Chú ý một chút, ta thấy trẻ thường bắt chước nói theo âm điệu toàn bộ của câu, chứ không lặp lại được tất cả các từ của câu.

Nhân tố trí tuệ và tình cảm trong ngôn ngữ

Trong sự lĩnh hội ngôn ngữ, ngoài nhân tố cảm giác vận động, còn có nhân tố trí tuệ. Các từ mà người lớn dùng để nói với trẻ trong các tình huống hàng ngày, trẻ sẽ nói lại khi các tình huống ấy tái diễn. Các từ ấy đối với trẻ có tác dụng miêu tả đại diện cho tình huống. Cũng như các đồ vật xung quanh, như các cử chỉ thông thường của người lớn, các từ ấy dần dần chẳng những trở thành đại diện cho tình huống, mà sau một thời gian nó gọi lên tình huống đó, chính nó là tình huống đó. Nhưng phải trải qua nhiều mò mẫm, trẻ mới có thể lắp ráp có hiệu quả. Hai năm (từ 1 đến 3 tuổi) chỉ vừa đủ để trẻ có được ngôn ngữ thông thường. Cách sử dụng các từ của trẻ 3 tuổi (cho đến 4 tuổi) vẫn còn mang nhiều tính chất tượng trưng tổng quát và không chính xác.

Một nhân tố cơ bản khác cần được lưu ý trong sự lĩnh hội ngôn ngữ của trẻ là nhân tố tình cảm. Từ lúc ra đời, tiếng khóc của trẻ bao hàm một sự xúc động mà người lớn đã cho nó một ý nghĩa bất an. Ngoài ý nghĩa của người lớn gán cho, tiếng khóc đối với trẻ có tác dụng làm cho mẹ phải đến với trẻ. Và mẹ đến là được an ủi, dỗ dành, là được sung sướng. Mặc dù chưa phải là một ngôn ngữ, nhưng tiếng khóc nhanh chóng trở thành một phương tiện để tác động đến người khác. Trong trò chơi bô ba, bô bi của trẻ lúc 3 tháng đã chứa đựng nhân tố tình cảm ấy: mẹ con nói chuyện với nhau và chơi bắt chước nhau đến nỗi đôi khi khó phân biệt ai bắt chước ai, vì hai mẹ con cùng chan hòa trong trò chơi nói chuyện vui vẻ đó.

Lúc săn sóc con, lúc chơi với con là những lúc mà mẹ dạy con nói tiếng mẹ đẻ. Sự lĩnh hội ngôn ngữ này được xây dựng vững chắc trên cả niềm yêu thương giữa mẹ con. Cho nên lúc đầu, ta thấy trẻ nói chuyện, nhưng không phải nói chuyện với bất cứ ai, mà chỉ nói chuyện với mẹ. Những trẻ sống trong tình cảm lạnh nhạt chậm tiến về ngôn ngữ. Ngôn ngữ là phương tiện và cũng là kết quả của sự quan hệ, trao đổi tình cảm giữa người và người, cụ thể là giữa mẹ và con. Cho nên, ngôn ngữ muốn phát triển được, đòi hỏi một yếu tố không thể thiếu được là quan hệ và tình thương giữa con và mẹ (hoặc người thay thế mẹ).

Quá trình lĩnh hội ngôn ngữ

Trẻ 1 tuổi nói được 7-8 từ. Trẻ 2 tuổi nói được hơn 200 từ. Những từ ấy chưa đúng khái niệm như người

lớn nói, vì chưa có ý nghĩa chính xác. Một từ của trẻ có thể mang nhiều nghĩa, không hạn định, nhiều khi có nghĩa của một câu. Các từ của trẻ có thể chỉ một tâm trạng, một thái độ. Té "đau", ngứa cũng là "đau", sờ đồ bị nóng cũng là "đau". Kiểm kê lại tất cả các ý nghĩa của tiếng "má ơi" đối với trẻ, ta sẽ thấy rõ hiện tượng "đa nghĩa" trong ngôn ngữ của trẻ. Vì thế ta hiểu được ngôn ngữ của trẻ bắt đầu học nói không phải là dễ, chỉ người mẹ mới có thể hiểu được. Trẻ không thể phân biệt được hoàn cảnh khách quan và cảm giác của trẻ trong hoàn cảnh đó. Những tình huống mặc dù không giống nhau về mặt khách quan, nhưng đối với trẻ nó giống nhau vì trẻ cảm thấy như nhau và một từ đủ để diễn đạt (như từ "đau"). Vì thế, cái từ mà trẻ sử dụng được trẻ sắp xếp theo thứ tự tình cảm (chứ không phải theo thứ tự ngữ pháp). Đó là một trong những bí quyết cơ bản của thế giới trẻ.

Khi 2 tuổi, trẻ nói được thì câu hỏi "cái gì đây?" xuất hiện. Đó là nhu cầu vừa để biết thêm tiếng nói, vừa mở rộng kinh nghiệm của trẻ, nhưng đồng thời cũng là nhu cầu định hướng trong thế giới vật chất khách quan đối với trẻ còn nhiều xa lạ. Đối với trẻ, từ để chỉ đồ vật và bản thân đồ vật là một. Biết được từ để chỉ một đồ vật nào là đã chiếm lĩnh được đồ vật đó. Và mỗi đồ vật được trẻ xác nhận thông qua chính bản thân thực tế của nó. Bằng các câu hỏi, trẻ sắp xếp lại trật tự trong mọi vật mà trước đó đối với trẻ rất hỗn độn. Tuy nhiên, cho đến khi được 4 tuổi, các từ của trẻ vẫn mang ý nghĩa chủ quan đặc biệt.

Kế đó, khi được 3 tuổi, biết được các từ để chỉ đồ

vật chưa đủ, trẻ tìm hiểu tại sao có đồ vật ấy. Câu hỏi "tại sao?" bắt đầu xuất hiện. "Tại sao?" không phải để tìm hiểu (chức năng thông tin) mà ở đây nó làm chức năng tình cảm, bám sát người lớn, bắt người lớn phải quan tâm, chú ý đến mình, tự trấn an trước những lo sợ vì thế giới bên ngoài đang mở rộng và mang nhiều tính chất bất ngờ, khảo sát các quy tắc cư xử, các cách sử dụng của người lớn. "Tại sao?" không có ý nghĩa để tìm căn nguyên của đồ vật, nguyên do của sự việc, mà để đáp ứng một nhu cầu. Không phải trẻ tìm một giải thích khách quan mà trẻ chưa đủ khả năng trí tuệ để hiểu, mà chính là để biết được sự liên hệ của đồ vật đối với bản thân trẻ trước nhu cầu và sự lo sợ của trẻ. Cho nên, khi ta trả lời đúng theo câu hỏi "tại sao?" thì trẻ không thoả mãn, mà cứ tiếp tục hỏi.

Ngôn ngữ và xã hội hóa

Ngôn ngữ của trẻ được hình thành thường biểu hiện dưới ba dạng khác nhau:

a) Ngôn ngữ đi kèm theo mọi hoạt động của trẻ. Trẻ vừa làm vừa nói. Trẻ tự thuật cho mình cái mình đang làm. Trẻ không cần ai nghe. Trẻ nói cho tự mình nghe. Nội dung của sự đối thoại ấy sẽ dần dần nhập tâm, nhưng cần một thời gian lâu. Trong lúc ấy, trẻ vẫn tiếp tục vừa suy nghĩ và nói ra suy nghĩ của mình.

b) Ngôn ngữ là phương tiện quan hệ xã hội: khi trẻ tường thuật lại một câu chuyện, trẻ bắt buộc ta phải chú ý nghe và phải hiểu. Vì thế mà trẻ rất bức khi thấy ta không hiểu. Tuy nhiên, đây chưa hẳn là

một sự nói chuyện trao đổi qua lại thực sự. (phải đợi khi trẻ được gần 4 tuổi).

c) Ngôn ngữ cũng là một trò chơi: trò chơi phát âm lúc 3 tháng được tiếp tục ở đây bằng trò chơi ngôn ngữ: trẻ lặp đi lặp lại các từ lạ, khó hoặc có tính giấu cợt (trò chơi này có thể kéo dài đến 7-8 tuổi).

Ngôn ngữ tiến triển nơi trẻ có tác dụng khách quan hóa sự vật và người. Các tiến bộ ngôn ngữ giúp trẻ từ từ độc lập với sự việc hiện tại và tri giác trực tiếp: ngôn ngữ cho phép trẻ kể chuyện đã qua, xảy ra nơi khác, nói về những ngày sắp đến. Không gian và thời gian của trẻ từ từ mở rộng. Dần dần nhập tâm, ngôn ngữ cấu trúc hóa tư duy của trẻ theo những đường hướng mà cha mẹ và những người xung quanh chúng đề nghị. Vì thế mà ngôn ngữ là yếu tố cơ bản của sự xã hội hóa của trẻ, thông qua các quan hệ gián tiếp, và thông qua các khái niệm được lưu thông, mà thực chất là nền tảng văn hóa của xã hội, của dân tộc. Ngôn ngữ là lĩnh vực có ưu thế nhất, để các kinh nghiệm của trẻ và những cung cấp của xã hội trong môi trường sống (mà trung gian ưu tiên ở lứa tuổi này là gia đình) gặp nhau, phối hợp tác động lẫn nhau để góp phần xây dựng nhân cách của trẻ. Trước kia, người ta thường nghĩ, trẻ con như tờ giấy trắng, muốn in cái gì vào cũng được. Thực sự trẻ không tiếp thu một cách thụ động mà tư duy của trẻ luôn luôn vận hành trong sự tác động qua lại giữa trẻ và môi trường. Điểm quan trọng ở đây là làm sao cho sự tác động ấy mang tính chất tích cực.

GIÁO DỤC TÍNH KỶ LUẬT, Ý THỨC LAO ĐỘNG VÀ CHUẨN BỊ VÀO TRƯỜNG MẪU GIÁO

Giáo dục tính kỷ luật

Những sự bất tuân đối với cha mẹ thường bắt đầu từ lúc trẻ được 18 tháng. Ở giai đoạn từ 18 tháng đến 3 tuổi, trẻ thường có những cơn ấy. Cha mẹ có cảm giác như con không còn nghe lời và kính nể mình, tìm cách làm những việc mình cấm.

Ở lứa tuổi này, sự xã hội hóa của trẻ bước vào một giai đoạn tiến triển nhanh. Trẻ thích gây nên các tình huống và muốn các tình huống ấy phải được lặp đi lặp lại để trẻ kiểm nghiệm, biết được một cách xác thực cái gì trẻ được phép làm, cái gì không. Cho nên trẻ đặc biệt chú ý đến những mệnh lệnh và cấm đoán của cha mẹ, của người lớn vì nó luyện tập cho trẻ thái độ thích hợp đúng đắn trong các tình huống.

Phải nói rằng sự vâng lời của trẻ không phải là mục đích của sự giáo dục, mà chỉ là một trong những cách thức để đạt mục đích giáo dục. Cho nên giáo dục kỷ luật không phải thuần túy là đưa ra mệnh lệnh, ép buộc trẻ phải vâng lời, kìm hãm hoạt động của trẻ, trừng phạt trẻ hoặc ngược lại làm cho trẻ phải nghe lời bằng nhiều cái thưởng. Tất nhiên, kỷ luật đòi hỏi phải

có sự vâng lời, thực hành mau chóng các mệnh lệnh. Nhưng không phải chỉ biết vâng lời là có kỷ luật.

Mục đích của giáo dục là hướng dẫn trẻ lựa chọn và thực hành các hoạt động thích hợp với lứa tuổi và sự phát triển của trẻ. Vì thế mà trước hết phải hiểu biết trẻ và biết cái gì trẻ có thể làm được để hướng dẫn. Việc dễ quá thì làm trẻ phát triển chậm. Việc khó quá thì làm trẻ mau chán. Phải làm cho trẻ cảm thấy vui sướng khi thành công và sự phụ giúp của cha mẹ phải là ở mức tối thiểu.

Chương trình được đề nghị cho trẻ phải phù hợp với mục đích và trẻ phải thấy là đúng. Nếu ta bảo trẻ rửa tay trước khi ăn thì bản thân ta phải gương mẫu và phải hướng cho trẻ biết rằng rửa là để cho bàn tay đẹp hơn, như thế ta sạch sẽ và sạch sẽ là chống bệnh tật, không thể ăn cơm với bàn tay bẩn...

Chế độ đặt ra phải được áp dụng thường xuyên cốt là để trẻ có thói quen nắm được kết quả hành động của mình. Sự không tuân lời của trẻ thường do ta đã chấp nhận những vi phạm trong những việc mà ta đã cấm đoán. Nếu đánh răng thì mỗi ngày phải đánh răng, không bỏ ngày nào. Khi chơi xong, phải thu dọn đồ chơi lại một chỗ nhất định, đó là kết thúc đương nhiên của cuộc chơi. Nếu quấy rầy người khác hoặc la lối om sòm trong phòng có nhiều người thì sẽ bị đưa đi nơi khác. Qua nhiều lần thử nghiệm, trẻ sẽ nắm được ngay hậu quả những hành động của mình. Cho nên sự áp dụng kỷ luật phải thường xuyên và liên tục. Không nên thả lỏng hoặc bỏ qua những vi phạm.

Khi bảo trẻ làm một việc gì, phải kiểm tra xem trẻ

có làm đúng như thế hay không. Được 18 tháng, trẻ rất thích được sai làm những việc vặt. Từ chuyện nhỏ ấy, trẻ có thể tiến đến làm những việc phức tạp hơn, cần nhiều kiên nhẫn và phối hợp. Nếu có khi trẻ không chịu làm một việc theo mệnh lệnh thì có thể là vì mệnh lệnh không đúng lúc: trẻ đang muốn làm một việc gì khác hoặc trẻ đang mệt. Trong trường hợp này, nên giúp trẻ thực hiện mệnh lệnh. Nếu bỏ qua thì tạo cho trẻ ý tưởng cho rằng mệnh lệnh đó không cần thiết.

Không nên đặt trẻ trong tình huống có lựa chọn. Trẻ 30 tháng có thể có những lúc bỗng nhiên từ chối làm một việc thường khi trẻ làm một cách vui vẻ mà ta không thấy được lý do. Trẻ không chịu đi xuống cầu thang, hoặc đang đi trẻ bỗng đòi bế. Có thể có một chi tiết gì khiến trẻ cảm thấy không an toàn, mà ta không thấy được vì trẻ rất nhạy với những thay đổi nhỏ bé trong trật tự hàng ngày. Trong trường hợp này, nên bế trẻ vào lòng hơn là bắt buộc trẻ phải nghe theo mệnh lệnh.

Thưởng phạt

Nên hạn chế, nếu trẻ chỉ vâng lời vì sự phạt, thì sự giáo dục này là nghèo nàn, bế tắc. Roi vọt thường có tác dụng làm nguôi cơn nóng của cha mẹ hơn là giáo dục. Nhốt phòng tối, đe bị đòn... đều là những cách làm hạ thấp nhân cách của trẻ, nên tránh. Các kiểu phạt vạ nào mà làm cho trẻ cảm thấy mất an toàn và không giải thích được hậu quả của các hành vi, hành động của trẻ đều có hại.

Khi trẻ làm tốt việc gì thì nên khen. Chớ nên lúc nào cũng thưởng. Vì làm như thế là tạo cho trẻ thái độ chờ đợi phần thưởng, và tiếp sau đó là một sự mặc cả khi phải làm một việc gì. Những việc đề nghị với trẻ phải đơn giản, khác nhau, hợp với khả năng và lứa tuổi của trẻ. Và phải làm sao cho trẻ ý thức rằng đó là những việc phải làm của nó chứ không phải vì ý riêng của người lớn.

Giáo dục ý thức lao động

Trẻ 2 tuổi có thể sắp xếp lại đúng chỗ các món đồ đơn giản trong nhà. Trẻ có thể lau chén, đĩa, muỗng, bắt chước mẹ quét nhà, nếu ta tập cho trẻ thói quen ấy. Như thế trẻ bắt đầu thử sức mình trước một số công việc. Nhân cơ hội, phải tập cho trẻ khi bắt tay vào làm một việc gì thì phải làm cho xong. Khi trẻ muốn làm thì để trẻ làm một mình. Như thế tập cho trẻ tính độc lập và biết tự kiểm chế, tự kiểm tra mình khi cần.

Trẻ 3 tuổi có thể dọn chén, mang báo đến cho cha, mang dép đến cho mẹ, tưới cây, mang bình sữa bú cho em... Khi thấy những công việc đơn giản hàng ngày làm vui lòng cha mẹ, trẻ sẽ xin làm thêm các công việc khác. Dần dần trẻ sẽ biết tổ chức công việc. Như thế là giáo dục trẻ ý thức phụ giúp gia đình, tính tự quản, tính độc lập.

Không dạy trẻ biết phụ giúp những việc gia đình là tập cho trẻ thói quen luôn luôn phải nhờ đến người khác. Tăng cường ý thức trách nhiệm của trẻ trong gia đình cũng là chuẩn bị tốt cho trẻ vào nhà trường.

Khi trẻ đã đến trường rồi, tiếp tục giáo dục cho trẻ những trách nhiệm trong gia đình. Vào trường, trẻ sẽ mang theo thói quen tích cực ấy để học tập sáng tạo và cảm thấy vui sướng khi làm xong một công việc. Ở trường, các quan hệ giao tiếp của trẻ sẽ tăng thêm, cho nên ngay từ bây giờ phải chuẩn bị cho trẻ tình thế mới ấy.

Chuẩn bị cho trẻ vào trường mẫu giáo

Từ 1 đến 3 tuổi, trẻ thích chơi một mình, cho nên cần phải tạo cho trẻ những điều kiện để trẻ có thể chơi với các trẻ khác. Một đứa trẻ chưa được chuẩn bị có thể bỏ trốn về nhà khi vừa đến trường: có trẻ dãi dầm, hoặc nói như một đứa trẻ nhỏ tuổi hơn, hoặc không nói gì cả...

Những điều kiện chuẩn bị tốt cho sự tiếp xúc với nhà trường là:

- Thói quen sạch sẽ và không sợ sệt khi đến nơi lạ.
- Đủ trình độ ngôn ngữ để phát biểu ý muốn.
- Mặc quần áo một mình.
- Rửa tay một mình.
- Có thói quen đi qua lại trong các phòng một mình không la lối.
- Biết tên họ của mình.
- Biết chơi với những trẻ khác.
- Biết nhận ra các món đồ của mình và có thể cho bạn mượn.
- Có thể chạy, nhảy, leo mà không sợ.

Nói tóm lại, phải giúp cho trẻ không bị mất tập trung trong đời sống bắt đầu phức tạp của một nhóm trẻ 3, 4 tuổi.

Kết luận

Trong các bài viết trên, tôi đã lần lượt trình bày những đặc điểm tâm lý của trẻ từ lúc sơ sinh đến 3 tuổi và những điều cần chú ý trong việc chăm sóc dạy dỗ các cháu ở gia đình. Có thể nói tóm lại, những phương hướng chính trong sự giáo dục của trẻ từ sơ sinh đến 3 tuổi mà các bậc cha mẹ cần chú ý là:

1. Xác định được rõ ràng những mục tiêu giáo dục của mình đối với con. Lý tưởng của mình và trách nhiệm đối với xã hội nằm trong các mục tiêu đó.
2. Hiểu biết về con mình nghĩa là biết tôn trọng nhịp độ phát triển của con, để tránh quá đòi hỏi hoặc quá dễ dãi. Nhận định một cách khách quan về con mình rất khó. Nhận định của người khác có thể bổ ích.
3. Tổ chức đời sống của con bằng cách giáo dục những thói quen để trẻ tự quản được trong một môi trường thích ứng với trẻ.
4. Luôn luôn nêu gương tốt cho con. Bản thân cha mẹ phải gương mẫu vì các cử chỉ, phản ứng, thái độ của cha mẹ ảnh hưởng to lớn đến việc giáo dục con. Trẻ cũng phải được phát triển trong một tập thể của trẻ cùng lứa tuổi, trẻ phải được tiếp xúc với các trẻ gương mẫu cùng lứa tuổi.
5. Giáo dục là một quá trình liên tục và sự phát triển của trẻ phải từ từ.

6. Trong giáo dục, phương châm là phòng ngừa và hướng lại những thói quen hoặc tật xấu, chứ không phải kiềm chế hay trừng phạt. Hơn nữa, hướng lại một hành động hay một hành vi lệch lạc của trẻ dễ hơn là kiềm chế nó. Khi trẻ làm bậy, nên hướng trẻ vào một công việc khác. Kiềm chế có thể gây cho trẻ có thái độ chống đối lại. Sự hướng lại có thể khích lệ làm cho trẻ phấn khởi. Và từ đó trẻ dễ có thái độ cộng tác hơn.

TRÒ CHƠI VÀ ĐỒ CHƠI CHO TUỔI THƠ

Vui chơi là một mặt của cuộc sống, là để vui, để thích thú, để luyện tập. Cho nên trong trò chơi luôn luôn có tiếng cười rộn rã, có trao đổi, có tập thể, có sự thân mật, và thường mang tính chất mỡ mang, phát huy. Không chơi là trẻ quá kém trí tuệ, không biết chơi hoặc trẻ bệnh, không đủ sức để chơi; cách chơi, sự chọn lựa trò chơi và đồ chơi biểu hiện trình độ phát triển của trẻ về mặt trí tuệ cũng như về mặt thể chất.

Khi trẻ bắt đầu biết hướng các hành động của mình thì hoạt động vui chơi chiếm ưu tiên. Hoạt động chơi xuất phát từ bên trong đời sống của trẻ; nó là điều cần thiết tất yếu cho sự phát triển thể chất và tâm lý của con người, chuẩn bị và luyện tập cho một đời sống xã hội thật sự.

Ý nghĩa của trò chơi

Thông qua các trò chơi, trẻ thử nghiệm các chức năng vận động mới bắt đầu phát triển của mình. Còn bé thì trẻ đi, chạy, leo, nhảy. Các trò chơi kiểu "bắt chước" ở lứa tuổi này (bắt chước mẹ quét nhà....) giúp trẻ lớn mau chóng (hướng các chức năng mình có được để làm theo người lớn). Từ 3-6 tuổi thì trong hoạt động chơi, trẻ luyện tập nhuần nhuyễn hơn các chức năng vận động của mình để tiến tới chủ động bản

thân. Đi không mất thăng bằng trên bờ lề đường, nắm một chân để nhảy lò cò là cả một sự luyện tập, vận động. Mỗi chức năng vận động mới có được, đều thúc đẩy trẻ có những sáng kiến mới để vận dụng chức năng ấy. Những sáng kiến mới ấy làm nảy sinh những chức năng vận động mới. Và chính trong giai đoạn tuổi mẫu giáo, trẻ bắt đầu chủ động được các thao tác nên có thể hướng hoạt động chơi theo một quy luật nào của chính đứa trẻ, hoặc theo một mô hình nào đó, như thực hiện một công trình xây cất bằng cát, bằng đất sét, bằng các khối vuông. Trẻ thích hướng các trò chơi của mình theo một hình ảnh, một cấu trúc nào trẻ định, dù có khó khăn. Sự khắc phục khó khăn đó biểu hiện một tiến bộ mới trong sự chinh phục thế giới bên ngoài và phát huy được tính tự chủ bản thân.

Ở lứa tuổi từ 6-9, những lực mới phát sinh bên trong trẻ, khiến trẻ có mong muốn thực hiện các trò chơi khó hơn. Các chức năng sơ cấp vững vàng hơn nhưng các chức năng phối hợp chưa phát triển đầy đủ; cho nên trẻ thích các trò chơi tập thể có độ sức, có cộng tác, có đoàn kết (đánh cờ, đá bóng...) để kiểm nghiệm sức lực và tinh thần của mình.

Các hoạt động chơi của trẻ là cả một quá trình chuẩn bị làm người lớn sau này. Từ các trò chơi, sẽ xuất phát sau này các hoạt động thể thao, nghệ thuật, lao động sản xuất. Tất cả các hoạt động này đều đòi hỏi một sự nhuần nhuyễn trong thao tác, một kỹ luật cao, một sự cố gắng liên tục. Những đức tính này trẻ bắt đầu tiếp xúc và luyện tập từ các trò chơi, đơn giản đến phức tạp. Các trò chơi có kỷ luật đều có tác dụng củng cố tính

thần và ý chí. Các trò chơi hỗn độn, dẫn đến sự hỗn độn trong sự hình thành nhân cách: thích phá phách, làm lộn xộn, gây rối loạn, thay đổi bất thường ý kiến.

Các trò chơi truyền thống (như đánh khăng, chơi lò cò, chơi chuyền...) có những quy tắc rõ ràng gần như các quy tắc xã hội của người lớn, mà trẻ kiểm tra sự áp dụng một cách chặt chẽ. Ai muốn chơi thì phải tuân thủ các quy tắc ấy, tuân thủ nhóm và tuân thủ thủ lĩnh của nhóm, nghĩa là tuân thủ các truyền thống đã có từ trước đến nay, từ các thế hệ trước. Cho nên các trò chơi của trẻ tiêu biểu được tinh thần trách nhiệm đối với tập thể mà người chơi đồng tình và đảm nhiệm nó. Có thể nói rằng, các trò chơi truyền thống chính nó cũng là những quy chế xã hội thu nhỏ. Do thế, mà trong thực tiễn, ta thường thấy trẻ khoảng 10 tuổi (lứa tuổi mà trình độ xã hội hóa tương đối khả quan) phản ứng một cách mãnh liệt khi các quy tắc trong trò chơi bị vi phạm; không tôn trọng quy tắc trong trò chơi là phạm một tội to lớn(!). Chi tiết này nói lên sự tôn trọng gián tiếp của trẻ đối với người đi trước (là người lớn) đã đề ra các quy tắc đó. Nó cũng nói lên tính chất ổn định và liên tục của các quy tắc xã hội mà làm cho mỗi thành viên cảm thấy một sự an toàn bảo đảm, khiến ai cũng có nhiệm vụ phải duy trì và bảo vệ nó. Vì thế mà các nhà tâm lý học và giáo dục học không ngừng nhấn mạnh tác dụng xã hội hóa con người của các trò chơi trẻ em, và vai trò trọng yếu của nó trong quá trình hình thành nhân cách.

Tác dụng của đồ chơi

Hiện nay, có thể nói có 3 loại đồ chơi mà trẻ thường được cung cấp.

Loại thứ nhất: đồ chơi làm sẵn đơn giản như xe hơi, tàu thủy, búp bê,... và các thú vật khác. Có đồ chơi làm sẵn một phần mà trẻ phải tiếp tục sáng tạo như các loại đồ chơi lắp ráp để xây dựng các khối vuông và khối hình học khác, các mô hình để ghép cho xứng với nhau, để thành một mẫu nào. Có thể xếp vào loại này các vật liệu như đất sét, cát, bìa cứng, gỗ, giấy, kẽm, đinh, mica...

Mỗi thứ đều có tác dụng. Đồ chơi làm sẵn có tác dụng làm trẻ quen thuộc với những đồ vật và những nhân vật xã hội chung quanh trẻ (đồ chơi của ta hiện nay rất hiếm các nhân vật này: chú bộ đội, chú công an, bác thầy thuốc, cô y tá... những hình ảnh xã hội thân mến của trẻ), đồng thời thông qua đó, trẻ nắm được các khái niệm đơn giản (cứng, mềm, có thể uốn, nắn được theo thao tác...) và phức tạp hơn (hình học, thể tích, trọng lượng, nhân vật quan trọng phải có trong một xã hội). Nó dẫn trẻ đến những vấn đề kỹ thuật và tác dụng sử dụng cho đời sống gia đình và xã hội. Một chiếc tàu hỏa hay chiếc xe hơi trên tay một đứa con trai làm cho nó có ý niệm về sự giao thông chuyên chở; con trâu, con bò làm cho nó nghĩ đến vấn đề ăn cỏ, cày bừa (nếu trẻ nghĩ chưa sâu chưa rộng thì người lớn giúp đỡ trẻ).

Vì thế, mà phải làm cho trẻ thấy khía cạnh tích cực của đồ chơi, không nên làm cho trẻ chỉ năng nổ, náo nức về một khía cạnh nào của đồ chơi (cơ động đơn giản hoặc điều khiển dễ dàng) mà trước một món đồ chơi cần tranh thủ để mở rộng tầm nhìn của trẻ về

mặt xã hội, nhất là tránh không cho trẻ khoe khoang, vì mình có món đồ chơi tốt mà trẻ khác không có. Những món đồ chơi phức tạp chỉ có tác dụng và bổ ích khi trẻ tự bản thân biết sử dụng (không ít trường hợp đồ chơi của trẻ chỉ có cha mẹ biết chơi và trẻ chỉ nhìn!). Trước một món đồ chơi làm sẵn như chiếc xe hơi, hoặc con búp bê, trẻ có thể có nhiều sáng tạo rất phong phú. Xe hơi thì phải chở một cái gì hoặc dùng để làm một việc gì có ích... Còn búp bê thì biết ngủ; biết thức; trẻ có thể mặc quần áo cho nó, tắm cho nó, cho nó đi thăm bạn bè, trẻ dặn dò nó, trẻ khuyên bảo nó... Sáng tạo phong phú ấy càng sâu sắc thì trẻ càng phát triển tốt. Bản thân đồ chơi phải có sự sống đối với trẻ. Nếu con gấu nằm trong một góc nhà, hư hỏng thì không tốt, nhưng nếu gấu ở trong một góc mà trẻ dọn cho nó, nếu nó làm cho búp bê sợ hoặc làm cho một người bạn sợ, thì đó là một điểm tích cực.

Loại đồ chơi thứ hai là loại đồ chơi đặt vấn đề cho trẻ giải quyết, sau một thời gian suy nghĩ và cố gắng (cờ quốc tế, hộp logic, rubik...). Có khi không phải trẻ tự đặt vấn đề. Giải quyết được vấn đề ở đây nghĩa là đã có một kỷ luật nào trong trí óc, đã đạt được một trình độ suy luận, chứ không phải thuần túy chỉ tưởng tượng khi làm việc. Loại đồ chơi này có tác dụng phát triển một số mặt của tư duy trong một giai đoạn phát triển nào đó của trẻ.

Loại đồ chơi thứ ba gồm các hộp vật liệu nhiều thứ của các ngành chuyên môn và kỹ thuật khác nhau. Hiện nay, ta rất thiếu loại đồ chơi này, mặc dù có thể nói là nó ít tốn kém nhất mà lại phong phú nhất (vì trẻ

có thể sử dụng nhiều lần mà không bao giờ đi đến chân trời cuối cùng của sáng tạo). Các đồ chơi ấy gần giống như các vật liệu mà các thành viên trong xã hội sử dụng trong lao động sản xuất hoặc nghiên cứu của mình (văn học, hóa, vật lý, cơ học, xây dựng...).

Các đồ chơi ấy tập luyện cho trẻ một óc thực tiễn lành mạnh, đồng thời kích thích óc tưởng tượng sáng tạo của trẻ. Với một miếng nhựa trong hoặc một miếng mica có thể làm được một cửa sổ và nếu làm được khung cửa nữa thì đương nhiên phải nghĩ đến vấn đề xây nhà phải cần dùng vật liệu gì và phải làm gì. Nếu có thêm đất sét nắn thành cây thì có thể làm một mô hình khu vườn cho nhà (hiện nay các trường phổ thông ta có mục lao động hướng nghiệp, để hướng học sinh ta vào một số ngành nghề, nhưng đó là học tập thật sự bắt đầu từ cấp 2, không thay thế được các trò chơi phổ biến bắt đầu từ nhỏ hơn và kích thích nhiều sáng tạo nơi trẻ...). Nếu trẻ được cung cấp và thích thú chơi với các vật liệu ấy, thì có thể nói rằng, một sinh hoạt văn hóa đã hình thành nơi trẻ và trẻ đang đi tới một mục tiêu cao nhất của trò chơi.

Do đó, trước một đồ chơi phải kích thích sự sáng tạo của trẻ, trẻ sẽ phải xây dựng hoặc phối hợp các thứ để thành một món đồ gì. Khi trẻ chơi, chú ý động viên trẻ phải hoàn thành một việc trước khi bắt tay vào làm một việc khác. Phải làm cho trẻ hiểu giá trị của đồ chơi để chăm sóc nó. Chú ý dành cho trẻ một góc đồ chơi và góc ấy phải có trật tự và sạch sẽ (đồ chơi vứt bừa bãi sẽ hạn chế tác dụng giáo dục).

ẢNH HƯỞNG CỦA ÂM NHẠC VỚI TRẺ

Âm nhạc ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của trẻ về trí tuệ, óc sáng tạo, tình cảm và đạo đức.

Vai trò của cha mẹ trong việc này là chủ yếu. Hoạt động của cha mẹ hiệu quả hơn nhà trường. Khi chưa đi học, nếu gia đình thiên về âm nhạc thì năng khiếu âm nhạc có điều kiện tốt để hình thành. Khi đi học, hoạt động của cha mẹ tác động song song với thầy dạy nhạc. Thực tiễn chứng minh, ảnh hưởng của thầy không đạt được hiệu quả như mong muốn nếu thiếu sự hỗ trợ của cha mẹ.

Giai đoạn từ sơ sinh đến 4, 5 tuổi là giai đoạn hình thành và phát triển năng khiếu âm nhạc nơi trẻ.

Năng khiếu âm nhạc là gì? Ta thường cho trẻ này có năng khiếu âm nhạc, trẻ kia không. Do di truyền? Do môi trường? Khó khẳng định được. Các nhạc sĩ thiên tài như J.S.Bach và Beethoven đã sinh sống trong gia đình có truyền thống âm nhạc từ tuổi nhỏ. Thực tiễn cho thấy năng khiếu âm nhạc là bẩm sinh, như năng khiếu ngôn ngữ vậy. Và cũng như ngôn ngữ, nó không tự phát phát triển mà cần có sự kích thích của môi trường. Mới được vài tháng khi nghe âm nhạc, trẻ đã biết cảm thụ. Cho trẻ nghe âm nhạc là duy trì và bồi dưỡng sự cảm thụ đó. Khi chưa biết nói,

trẻ đã nhận ra tiếng của mẹ, tiếng người thân thương: trẻ vui sướng, phát âm bi bô. Khi mẹ hát, mẹ ru thì trẻ tỏ ra thích thú. Dù chưa biết nói, trẻ cũng lập lại được một vài âm thanh tương tự. Các nhà tâm lý học có nhận xét rằng, những trẻ được nghe mẹ hát đúng giọng thì khi lớn lên sẽ hát đúng giọng dễ dàng.

Ảnh hưởng của âm nhạc trên tình cảm, sự cảm thụ

Một số nhà tâm lý học nhận xét rằng, bé đã bắt đầu cảm xúc ngay khi còn trong bụng mẹ. Không phải ngẫu nhiên mà những người du cư (digan) khi mong muốn con mình sinh ra trở thành nhạc sĩ, thì mấy tháng trước khi trẻ ra đời, họ mời nhạc sĩ mỗi ngày đến chơi nhạc cho đứa trẻ trong bụng mẹ nghe, để khi lớn lên trẻ sẽ ham mê âm nhạc. Và ta biết người Digan có năng khiếu âm nhạc lạ thường. Một bài hát ru trẻ thích nghe có tác dụng như một liều thuốc an thần. Nhịp điệu âm nhạc vui hay nhộn đều có tác dụng đến tâm lý trẻ. Nhạc kích động sẽ làm cho trẻ mệt mỏi khó ngủ. Từ 2-4 tuổi, vì chưa điều khiển được nhuần nhuyễn thanh đới nên trẻ chỉ hát được giọng trầm, khi giọng cao thì trẻ hét. Được 4 tuổi, trẻ hát được các nốt nhạc của quínte la 2 - mi 3. Giọng trẻ dần dần cao lên hơn. Nói chung, nghe và hát lại đúng được hoàn chỉnh lúc lên 4. Âm nhạc có vai trò giáo dục và trau dồi khả năng nghe đúng. Thính giác của con người phát triển sớm hơn thị giác. Tai nghe có thể nắm bắt được các dữ kiện, tri giác được một cách tinh tế tổ chức và cấu trúc của các dữ kiện. Nhờ đó, trẻ lập lại được đúng các chuỗi âm thanh trong bài hát. Tuy

nhiên, những tiềm năng ấy có thể bị mai một, nếu không được quan tâm tạo điều kiện tốt. Nếu nghe hát trật giọng thì trẻ sẽ hát lại sai giọng. Nếu không phải là hát, mà là hét thì càng nguy hơn: trẻ sẽ chán âm nhạc. Có người đã than phiền trẻ sống trong lòng âm nhạc và vẫn không thích âm nhạc là vì thế. "Muốn làm cho một đứa trẻ chán âm nhạc, không gì hơn là cứ cho nó phải nghe nhạc lung tung tối ngày!". Có một nhà giáo dục đã khẳng định như thế. Và thật đúng như vậy.

CON MUỐN LÀM MỘT MÌNH

Muốn lớn lên trẻ phải tự độc lập dần. Tự giải phóng khỏi những phụ thuộc đối với cha mẹ, người lớn là quy luật tiến triển của con người. Cho đến khi biết tự điều khiển đời sống bản thân, con người phải mất đến 20 năm.

Xu hướng độc lập hóa của trẻ biểu hiện như thế nào?

Bé Nam 3 tuổi đang cố gắng xây một cái tháp bằng cách lấy quân cờ domino chồng cái nọ lên cái kia. Máy lần thử nhưng tháp không đứng vững được 4 tầng... Người chú thấy vậy, dỗ dành để giúp Nam. Chú xây được một tháp 9 tầng và giải thích Nam phải làm như thế nào... Nam bỏ đi lấy một món đồ khác để chơi... Chú trở về ghế ngồi và tiếp tục đọc báo. Bỗng chốc Nam quay lại... xô một cái làm tan vỡ cái tháp... và tiếp tục tự mình xây tháp. Vẫn không được cái tháp nào quá 4 tầng cả!

Hắn ta có thể hiểu sai: Nam không thích thú! Sự thật không phải thế, ý thức độc lập mới chớm nở nơi Nam là nguyên do chính. Trong quá trình phát triển, lúc 3 tuổi, trẻ bắt đầu ý thức được tự mình, có thể làm được một số việc mà trước đó chỉ có người lớn mới có thể làm được điều đó. Khám phá tác dụng của hoạt

động của mình trên các vật thể rất hấp dẫn đối với trẻ, nên trẻ không ngừng kiểm nghiệm nó trong mọi tình huống, để xác định khả năng của mình. Được 3 tuổi, trẻ thường làm ngược lại những lời khuyên bảo, không vâng lời một cách thụ động như trước nữa. Làm ngược lại là một cách tự khẳng định mình, khẳng định sự hiện diện của mình là một con người riêng biệt, tồn tại song song với người khác. Lúc còn bé hơn, trẻ đối với mẹ là một. Bây giờ trẻ với mẹ là hai, dù trẻ còn cần mẹ trong các nhu cầu, kể cả nhu cầu tình thương.

Trong sự việc xây cái tháp dominô của Nam không phải kết quả thành công hay không mà chính là các thao tác để xây tháp mới là quan trọng. Kết quả dù tuyệt đẹp của người chú chẳng những không làm cho Nam thích thú mà ngược lại gây sự phản đối. Có 2 lý do: một là, nó làm nổi bật sự yếu kém của Nam (sự tự khẳng định bao giờ cũng đi đôi với sự biểu hiện sức mạnh và quyền lực). Hai là, Nam không được tham gia vào kết quả đó. Như vậy, xô đổ cái tháp người chú xây không phải là biểu hiện tự ái hay gan lì vì Nam chưa ý thức được điều đó. Nam chỉ muốn kiểm nghiệm khả năng có thể làm được một việc khó đó thôi.

Trước đó vài tháng, khi nghe và thấy một bạn quay một đồ nhạc gỗ, Nam chạy theo với tay la lên: "Của Nam! Của Nam!". Đây chẳng phải bé muốn cướp giật món đồ chơi đâu. Mà chính là Nam muốn tự mình tạo nên âm thanh của nhạc gỗ đó. Lúc được 4 tuổi, khi cha của Nam giúp ráp các đường ray của chiếc tàu hoả Nam được tặng. Nam cũng phản ứng giống như lúc xô đổ cái tháp, tuy có phần nhẹ hơn. Nam phản

đôi: "Không! Không! Con muốn làm một mình!" cho dù người cha cứ lập đi lập lại nhiều lần "Con không thể làm được đâu, khó lắm!". Nam cứ năn nỉ: "Con làm được mà!". Hẳn người cha không hiểu thấu được là chính sự khẳng định sự bất lực của Nam đã làm cho Nam trở nên cứng đầu.

Người lớn cần có thái độ như thế nào?

Tuy là một đặc điểm bình thường của quá trình phát triển nhân cách, nhưng xu hướng độc lập đó không phát triển giống nhau nơi các trẻ. Nơi con trai mạnh hơn nơi con gái (bé gái sẽ dễ phục tùng, thích nghi dễ dàng hơn trước những đòi hỏi của người lớn). Các bậc cha mẹ không nên mừng trước một trẻ không đòi hỏi sự độc lập nào cả. Nhu cầu được che chở an toàn quá lớn khiến trẻ chỉ biết tìm sự bao bọc ấm áp, vâng lời tuyệt đối, không một sáng kiến dù nhỏ. Khi thơ ấu có lẽ điều đó làm cho các bà mẹ thoả mãn, nhưng thói quen chỉ dựa vào người khác để được khuyên bảo, tán thành, thừa nhận, quả thật sẽ không chuẩn bị cho trẻ vào đời với những trách nhiệm và sự quyết tâm cần thiết trước cuộc sống. Không nên tiêu diệt ý thức độc lập nơi trẻ mà nhiệm vụ người lớn là giúp phát huy đúng đắn ý thức này.

Trong trò chơi lắp ráp tàu kia, nếu người cha để nghị mình làm công nhân lắp ráp, còn con trai thì sẽ đóng vai trò thợ cả và "sếp ga" thì Nam sẽ rất phấn khởi và tự hào trước hai vai trò có phân công và vị trí đó.

Trước một hiện tượng "cứng đầu" của trẻ, nếu giải thích vì lợi ích của chính trẻ và những người thân yêu

trong gia đình sẽ dễ thuyết phục trẻ hơn. Sau đó, trong quá trình lớn lên, trẻ dần dần ít nhiều thoát ly cộng đồng gia đình để tìm đến với bạn bè... Đến tuổi học trò, trẻ không thích mẹ có biểu hiện âu yếm mình trước bạn. Không nên xem sự tách rời đó là sự bất gần bó với gia đình.

Phải chấp nhận rằng trẻ phải lớn lên. Do đó ngày càng ít cần đến người lớn để tự bay vào đời. Tìm hiểu, tôn trọng, giúp đỡ nhịp độ tiến hoá tự nhiên của trẻ là chuẩn bị cho trẻ hòa nhập vào xã hội một cách vững vàng. Cha mẹ cần trang bị cho mình những tri thức và kinh nghiệm cần thiết về tâm lý trẻ. Thành công của bậc làm cha, làm mẹ là con ra đời với sự nghiệp tự lập hoàn toàn và cha mẹ chỉ còn là biểu tượng của tình thương vô tư và sáng suốt.

TRAO ĐỔI VỚI CÁC BÀ MẸ: ĐỪNG PHÁ!

Một bé gái 3-4 tuổi vào một cửa hàng với mẹ. Bé rảo mắt. Ôi chao nhiều chai, nút nhiều màu thế! Bé thẳng tiến đến hàng chai trên kệ, bắt đầu sờ mấy nút chai kích thích tính hiếu kỳ của bé. Bé muốn biết kỹ hơn, không chỉ bằng mắt thôi mà phải bằng tay cơ. Người mẹ hẳn là người chú ý chăm sóc con, nói chặn ngay: "Đừng phá! Lại đây!". Bé ngó ra rồi vâng lời. Vài phút qua, quả thật đứng im khó quá lại không vui chút nào! Bé chạy lại đẩy cái bao nhựa có đôi dưa trong đó. Lạ quá nhỉ, dưa sao lại đựng trong bao, không như ở nhà mình? Người mẹ lại lặp lại mệnh lệnh: "Đừng phá! Lại đây mẹ cho kẹo!". Bé chạy lại mẹ há miệng, mẹ bỏ vào một viên kẹo. Thế là bé đứng yên, bình tĩnh mút kẹo. Bé không còn nghĩ gì khác.

Hẳn người mẹ đó cũng biết rằng cho bé ăn kẹo giữa hai bữa ăn là không đúng vệ sinh. Hẳn bà cũng biết là mặc cả bằng kẹo như thế để trẻ đứng yên là sai lầm giáo dục nếu không nói là phản tâm lý. Nhưng trong tình huống này, người mẹ băn khoăn. Để trẻ đụng gì cũng sờ mó, táy máy tay chân thì cũng nguy. Một là trẻ có thể bị thương tích, vì trẻ chưa biết đồ vật

có cái nhọn, cái sắc... Hai là nó có thể làm vỡ, làm hỏng phải bồi thường tốn kém mà đôi khi người chủ cũng không bằng lòng. Chưa kể những lời bình luận khó chịu của những người chung quanh. Tốt nhất là bé phải đứng im, đừng sờ mó gì cả!

Phá - một tật "xấu" trong quá trình phát triển của trẻ

Bé sờ mó đồ vật không phải để "phá". Đã từ lâu, mẹ cấm bé sờ mó các đồ vật lạ đó làm bé càng muốn chính tay mình cầm nó lên xem... Nếu người mẹ thay vì bảo đừng phá, lại nói với bé: Mẹ con ta hãy cùng xem mấy cái chai nút để làm gì... vì sao đôi đũa lại đứng trong bao... Khi đã hiểu rồi, bé sẽ không tìm cách sờ mó nó nữa.

Tật hay phá của trẻ là thế. Giúp trẻ trải qua giai đoạn đó một cách thông minh là giúp trẻ hiểu được các đồ vật chung quanh, quan sát nó, biết sự lợi ích của nó; chinh phục thế giới chung quanh. Kích thích sự hiếu kỳ, tìm hiểu là giúp trẻ mở mang trí óc.

Hứng thú

Người lớn không còn muốn sờ mó các đồ vật quen thuộc, bình thường (như cái chai, nút chai) vì bao lần đã sờ mó, sử dụng nó rồi, nhưng khi đứng trước một món đồ vật mới lạ là ta quan sát nó, muốn tháo nó ra; nó khơi động hứng thú muốn nắm bắt cơ chế của nó. Hẳn là ta cũng giống bé thôi. Nhưng cái đồ vật của ta phức tạp hơn. Phần đông những người không thích tìm hiểu, không có cảm xúc nào trước một vật lạ,

không thích tiếp cận những suy nghĩ, ý tưởng mới lạ, có lẽ họ cũng không có nguyện vọng, ước mong gì cao xa cả (lĩnh vực tâm lý chiều sâu). Sờ mó các đồ vật để khám phá, nắm bắt thế giới chung quanh là một trong những hoạt động cơ bản cần thiết của trẻ để phát triển. Trẻ quá "ngoan"; không có hoạt động "phá" mới chính là đáng lo cần được quan tâm.

Trẻ phá phách

Có trẻ dụng gì cũng táy máy, nhưng không phải để tìm hiểu khám phá. Lấy món đồ này lên, bỏ xuống, lấy món đồ khác rồi lại lấy món khác nữa liền tay, không ngớt... Nếu trẻ hay làm vỡ đồ hẳn vì chưa xem nó đã quảng xuống rồi! Quả thật không bình thường. Quá trình giáo dục chưa đầy đủ trước đây đã làm cho trẻ không còn chú ý đến gì cả. Trẻ không có những đồ chơi để có thể tháo ra xem bên trong rồi lắp lại (nếu trẻ không biết lắp lại thì người lớn giúp cho làm việc đó...). Trẻ thiếu hoạt động có tổ chức (chơi cũng là một hoạt động) và luôn luôn lơ đãng, dăng trí. Trẻ không thể để tâm vào một việc gì dù trong một thời gian ngắn vì cha mẹ (và người chung quanh) luôn luôn can thiệp rầy la bất cứ một động tác hay cử chỉ nào của trẻ: trẻ không bao giờ được yên để có một hoạt động nào thích thú trước đó. Những trẻ "phá phách" đó không phải vì có nhiều hiếu kỳ mà sự thật là thiếu tính hiếu kỳ: trẻ không bao giờ được chỉ bảo để có hứng thú xem xét, quan sát một đồ vật cụ thể nào cho đến nơi đến chốn cả. Sinh lực chớm nở của trẻ không được sử dụng tốt, trẻ buộc lòng phải chuyển sinh lực

đó và nỗi buồn chán từ món này đến món khác vì không kìm chế được... Tương tự, như trẻ trì độn (apathiques). Có khác là trẻ trì độn kìm hãm nỗi niềm đó bên trong nội tâm!

Trẻ bình thường sờ mó bất cứ vật gì mà trẻ cảm thấy muốn biết. Những đồ vật đã biết thì trẻ muốn biết thêm kỹ hơn... Đó là một phương tiện nhận thức, tri thức mà con người vận dụng và phát triển suốt cuộc đời. Hạn chế nó chỉ làm cho trẻ thụ động. Ta biết đó là một khuyết kém thường gặp ở tuổi học trò mà nhà trường hiện nay thường phải đối đầu.

Mẹ con ta cùng xem nhé!

Bé gái trên muốn sờ mó vào mấy chai và nút không hẳn là để phá phách. Là vì từ lâu mẹ đã cấm bé vì sợ bé làm vỡ. Chính sự cấm đoán vô điều kiện lâu ngày có thể làm cho bé trở nên phá phách. Thay vì ra mệnh lệnh đừng phá, nếu mẹ bảo rằng hai mẹ con cùng xem và mẹ chỉ cách cho bé biết làm sao để nút chai xoay... khi bé đã "học" động tác đó, đã hiểu tác dụng của nút chai, bé không còn muốn sờ mó nó nữa. Sau này khi đi học, bé chỉ xếp sách lại khi đã đọc, hiểu và ghi nhớ những gì phải ghi nhớ.

Chỉ mất 5-10 phút mà người mẹ đã giáo dục con bao điều bổ ích cho sự phát triển của trẻ và hẳn là người chủ cửa hàng kia không nói gì khi thấy đó là một người mẹ biết chăm sóc và giáo dục con cái!

CÓ PHẢI CON KHÔNG MUỐN VÂNG LỜI ĐÂU?

"Con gái tôi, ba tuổi, tôi mệt với nó quá! Tôi đã thử nhiều cách rồi..." Lời than đơn giản đó quả thật bao hàm nỗi lo âu, thất vọng, bối rối của người mẹ. Từ dễ bảo, dễ thương trước đây bỗng nhiên bé trở nên khó dạy. Cả một cuộc đấu tranh giữa đứa con nhỏ cứng đầu không chịu nhường và người lớn cương quyết buộc bé phải tuân thủ tuyệt đối. Tuân thủ gì? Phép tắc sơ đẳng? Bốn phận làm con?... Các ví dụ sau đây cho ta thấy đôi phần vấn đề ở những trẻ không biết vâng lời và tất nhiên là có những mẫu cha mẹ không làm cho trẻ vâng lời được.

Trẻ thơ

Tiếng đầu tiên trẻ 2 tuổi nói để quan hệ thân thương với người lớn là: "Không!" Bé nói "không" khi được một cái bánh, nhưng lại ngốn nó một cách ngon lành! Bé có thể thích thú cho mẹ một món đồ nhưng cũng thích thú không cho mẹ món đồ đó! Vâng lời đối với trẻ là làm hay không làm. Cả hai đều là cách thử nghiệm để tự khẳng định. Cho nên bé thích làm theo và cũng thích làm ngược lại những gì người lớn bảo! Đối với trẻ được giáo dục đúng đắn đi nữa, khi dạy trẻ sạch ta thấy có lúc trẻ thích sạch có lúc trẻ không

muốn sạch. Nếu trẻ được tự do (từ chối sạch), ta sẽ thấy một thời gian ngắn sau đó trẻ tiến bộ và lại tự quản tốt hơn. Nhờ cảm thấy thoải mái tự do, tự cảm nhận giống như người lớn, nên trẻ thích thú tham gia sinh hoạt với người lớn, cả sinh hoạt của người lớn: từ đây đối với trẻ vâng lời có nghĩa là đã lớn rồi. Những cơn giận dữ, phản đối thường nổi lên nơi trẻ ba tuổi là cần thiết vì nó giúp trẻ tự điều chỉnh trước phản ứng chung quanh: không nên quan trọng hóa, để cho những "cơn" đó qua đi. Điều cần được quan tâm: bé phải cảm thấy mình được thương yêu những lúc đó. Không nên phủ nhận bé.

Khi trẻ phản ứng

Minh, 18 tháng, bỗng nhiên không chịu ăn. Người mẹ sáng suốt không bắt buộc bé phải ăn trong giờ ăn, mà cho bé trái cây bé xin ngoài giờ ăn. Mẹ không nên tỏ ra quá lo âu và chiều bé. Trong ba ngày liên Minh chỉ ăn trái cây, uống nước hoặc nước trái cây. Sang ngày thứ tư, vào bữa cơm Minh xin ăn. Sau mười ngày Minh ăn uống trở lại bình thường. Minh còn rất vui vẻ bú lại một bình sữa mỗi buổi sáng! Những "cơn" đó thường nói lên nhu cầu thay đổi chế độ ăn uống: không nên chỉ cho trẻ ăn đồ ăn nghiền nhỏ, mà những món ăn mà trẻ có thể nhai chút ít... Lúc bé "bỏ ăn" thường bé hay cầu nhàu, chống đối, nhưng ngủ nhiều. Sau hai tuần Minh trở lại bình thường. Và còn tiến bộ thêm: nhiều từ hơn trong ngôn ngữ, giọng hát uốn éo, vận động tốt hơn. Kinh nghiệm "sống" đó đã giúp Minh biết tuân thủ (trong khi chỉ biết chống đối). Sự

am hiểu của người mẹ đã giúp Minh lớn lên sau cơn khủng hoảng (giống như người lớn vững chắc hơn khi giải quyết được những vấn đề thiết thân!).

Lan, 3 tuổi, tự nhiên hay chống đối "Con không làm! Con không thích!", dù lúc 18 tháng Lan rất dễ dạy: không phá phách và rất sạch sẽ ngay cả lúc chơi. Tuy nhiên sự "dễ dạy" đó là thụ động không một chút tự giác, mà do một sự áp đặt. Khi được 3 tuổi, Lan khám phá rằng tự mình phải có ý muốn, có nhu cầu có ý muốn và không phải lúc nào cũng cần đến người lớn để hoạt động. Làm ngược lại mệnh lệnh: chỉ có cách đó mới đạt yêu cầu trên! Lan bắt đầu hay cãi lại, đòi tự làm những gì Lan muốn, đôi khi lại tè ra quần, hay quạu quọ... Lan ngủ mơ thấy ba mẹ bỏ Lan một mình bơ vơ, điều đó báo hiệu cảm giác mất an toàn. Khi xem xét lại ngược thời gian, các sinh hoạt, hoạt động của Lan đều do áp đặt: khủng hoảng tâm lý của Lan là một cách thử sống như tự ý muốn với nhịp độ tự mình điều khiển... Trước tình thế đó cần cho Lan được tự do (nghĩa là được phép) "lớn". Tránh cho Lan tình thế bị bắt buộc phải "đập phá" cái gì trước đây Lan phải tuân thủ một cách thụ động...

Dũng, 10 tuổi, bất chấp không vâng lời ai cả. Dũng không làm bài nhưng quả quyết đã làm tốt rồi! Mẹ bảo đi mua đồ, Dũng về nói rằng hàng đã hết, hoặc không có... Gần như đó là cách sống của Dũng: Dũng hành động như một đứa luôn luôn bị đuổi bắt, không biết mình muốn làm người khác bằng lòng hay không bằng lòng mình. Vì Dũng không kham nổi sự đòi hỏi quá lớn của cha mẹ, nên đã không biết mình

đang ở đâu, xử trí như thế nào... Trước tình thế đó, cha mẹ cần giảm bớt những đòi hỏi, yêu cầu đối với Dũng... giúp Dũng dần dần tự lấy thăng bằng để cho hành vi và hành động khôn ngoan hơn.

Quyền lực cần thiết trong giáo dục là thế nào?

Cha mẹ chẳng những chăm sóc học tập, các sinh hoạt ngoài giờ học, định đoạt các quy tắc sống trong gia đình mà còn vui mừng khi thấy con mạnh khỏe, thích nghi tốt, biết sáng tạo. Đáp lại các con cũng cảm thấy buồn phiền khi tự thấy mình không thỏa mãn được những điều đó. Quyền lực mà cha mẹ phải có đôi khi thực thi sai: giáo dục chỉ bằng mệnh lệnh, trách móc, hình phạt, cấm đoán... không làm trẻ trưởng thành vững vàng được. Không khí cứng rắn, khô khan dĩ nhiên làm cho trẻ khó chịu, trở nên mất bình tĩnh, có ý muốn chống đối. Ngược lại, một sự dạy dỗ dễ dãi, giả tạo cũng làm tê liệt trí óc sáng tạo, ngăn chặn hoạt động hữu ích...

Quyền lực hay uy tín không phải là cái vỏ bọc bên ngoài mà xuất phát từ bên trong nhân cách. Người trưởng thành, thành đạt không đòi hỏi quá đáng nơi con cái, nơi người khác. Khi quá lo âu, tự cảm thấy bất lực, thường xảy ra xu hướng đòi hỏi quá đáng ở con cái, người cấp dưới. Cha mẹ đầm ấm, thuận hòa thường có thái độ giáo dục đúng đắn. Khi cha mẹ tôn trọng lẫn nhau thì cũng tôn trọng nhân cách con. Trẻ dễ dàng vâng lời cha mẹ có tâm lý vững chắc, sáng suốt.

Vâng lời là gì?

Sự vâng lời nơi trẻ thích nghi xã hội tốt (năng nổ,

học tập, lao động tốt) là biểu hiện một sự thăng bằng tâm lý: đồng tình, hợp lý căn bản với cha mẹ, nhà trường. Trong sự vâng lời có ý muốn của chủ thể làm theo như lời dặn: Vâng lời được cảm nhận như một nhu cầu cộng tác với người giáo dục mình đến tiến bộ. Nơi trẻ sớm bị bắt buộc luôn luôn tuân thủ vô điều kiện (thụ động) người lớn; thường xảy ra một sự bùng nổ tâm lý một lúc nào đó, bởi trẻ cảm thấy như có nguy cơ mình không còn là một thực thể nữa! Cảm giác bất an bên trong đó trở nên mãnh liệt hơn lời khiển trách của người lớn! Xung động bên trong khiến trẻ chỉ còn biết phản kháng dưới nhiều hình thức để tồn tại!... Con đường phía trước là: không thể thích nghi xã hội tốt được!

Ở lứa tuổi nào thì vâng lời cũng có ý nghĩa là ý thức được kết quả tốt xấu của công việc làm của mình. Tạo cho trẻ có điều kiện được tự do, được sáng tạo (qua các trò chơi, quan hệ xã hội), cho trẻ tham gia vào công việc gia đình từ lúc 2 tuổi chính là giáo dục kỷ luật, tổ chức, sự tuân thủ tự giác.

Nuôi dạy trẻ trong một môi trường khép kín, lo sợ các quan hệ với trẻ khác là làm cho trẻ không trở thành hữu ích, không có hứng thú sống trong xã hội. Như một thiếu niên học kém nhưng không cảm thấy buồn phiền gì điều đó đã nói: "Khi tôi lớn đã có cha tôi lo cho một việc làm và một địa vị xã hội"(!). Trong môi trường thiếu quyền lực hay quyền lực chỉ biểu hiện bằng những cơn nổi giận, mắng nhiếc, thì trẻ chỉ còn biết ứng xử bằng một sự hỗn loạn, bối rối tâm lý...

Hành vi của trẻ thường là phản ứng thái độ của những người sống quanh chúng.

Thiếu vắng lời vì sao?

1. Trẻ là một sinh vật sống

Có những bà mẹ nóng vội, lo âu quá đáng, quá tỉ mỉ trong chăm lo cho con. Trong bầu không khí quá máy móc đó, trẻ cảm thấy như một đồ vật nên có phản ứng làm trái lại mẹ. Giống như để nói với mẹ: con là một sinh vật sống, nên phải sống, mẹ hãy chú ý đến con! Nếu mẹ cho con tham gia vào các công việc trong nhà của mẹ, trẻ sẽ thay đổi hành vi: trẻ không muốn gây rắc rối cho mẹ đâu, trẻ muốn "sống" thực sự đó thôi!

2. Mẹ vắng nhà lâu ngày

Mẹ bận đi làm suốt ngày. Khi mẹ về nhà thì bé phản ứng bằng cách gây khó khăn cho mẹ vì bé rất buồn bực khi vắng mẹ, nên bé vừa mừng vừa giận mẹ. Bé có rất nhiều điều muốn nói với mẹ khi mẹ vắng nên "bùng nổ" bằng cách làm như mình ngu dốt, bé bồng hay cái gì cũng vùi... nếu mẹ hiểu điều đó, bình tĩnh, dễ thương thì bé sẽ bình thường, dễ thương lại. Không nên rầy la bé mà chỉ nói: "Mẹ kỳ quá! Cứ đi vắng hoài con nhỉ?". Bé sẽ quen khi mẹ vắng và chấp nhận điều đó thôi!

3. Cha mẹ không hòa thuận

Hòa thuận hay bất hòa của cha mẹ phản ánh trên thái độ của con. Con trai thường chịu ảnh hưởng thái độ của người cha đối với người mẹ. Nếu người cha vũ phu với người mẹ, con trai bắt chước điều đó qua thái độ chống đối: vô lễ với mẹ, không thích nghỉ ở trường, hung hăng ở gia đình. Hùng 9 tuổi thường lặp lại thái độ của cha đối với mẹ. Tuy nhiên, rõ ràng Hùng rất

đau khổ, căng thẳng, lo sợ. Khi được một gia đình bà con êm ấm, hạnh phúc nuôi dưỡng. Hùng thay đổi ngay. Nhưng mỗi lần về gia đình, Hùng tái phát... Khi được 11 tuổi, Hùng học nội trú. Hùng học tập và hạnh kiểm bình thường tiếp sau đó. Thái độ kém thích nghi xã hội nơi trẻ thường là biểu hiện tâm lý âu lo, bất ổn nơi trẻ.

Trước một trẻ không vâng lời, trước nhất cha mẹ nên xem xét có đòi hỏi trẻ quá mức không. Nếu cha mẹ đều là những người làm việc, có đời sống xã hội bình thường, hạnh phúc mà không giúp đỡ được con thì nên cho con đi khám sức khỏe tâm lý. Khi sự bất vâng lời kéo dài trong một thời gian thì có thể là một triệu chứng nổi loạn tâm lý trầm trọng.

Điều cần chú ý: một đứa trẻ không vâng lời không bao giờ cảm thấy hạnh phúc, rất cần được giúp đỡ, thương yêu, tìm hiểu.

GIÁO DỤC TRẺ EM TỪ 3-6 TUỔI TRONG GIA ĐÌNH

Luyện tập cố gắng cho trẻ em

Sự giáo dục bao giờ cũng đòi hỏi cố gắng nơi trẻ (với cha mẹ để tìm hiểu trình độ, để đòi hỏi ở con sự cố gắng đúng mức); cố gắng sạch sẽ, lễ phép, trật tự vâng lời... Sự cố gắng ấy phải liên tục, nhất là trong lĩnh vực luân lý, đạo đức; cố gắng tuân thủ các quy tắc cha mẹ và người lớn đề ra, cố gắng tự kiểm chế không vi phạm những điều ngăn cấm. Sự giáo dục trí tuệ (ở nhà trường) cũng đòi hỏi trẻ luôn luôn cố gắng chú ý, chăm chỉ, nếu không thì khả năng trí tuệ dù cao mấy đi nữa cũng không hiệu quả bao nhiêu. Sự cố gắng làm cho tài năng trở thành hiện thực. Vì thế, một yêu cầu giáo dục đối với trẻ là lao động và chịu khó.

Sở dĩ sự cố gắng có tầm quan trọng to lớn như thế là vì nó tượng trưng được bản chất con người, là nền tảng của nhân cách. Trong lịch sử thế giới, nhiều nhà triết học đã lấy sự luyện tập cố gắng vào giáo dục ý chí làm tư tưởng chủ đạo lý luận của mình. Ngày nay, các nhà tâm lý học và giáo dục học đều nhất trí xem khả năng cố gắng và trình độ ý chí là cơ sở để giải thích con người, giải thích cá nhân về bản chất cũng như về tiền đồ.

Có thể nói rằng năng lực cố gắng (khả năng cố gắng và liên tục hết sức mình) biểu dương được nhân cách của con người trong thế mạnh của nó. Năng lực cố gắng là mẹ của sự thành công: thành công lúc còn thơ ấu, thành công trong quá trình học tập ở nhà trường, thành công lúc trưởng thành. Trong thực tiễn, người ta phân biệt trẻ giỏi và trẻ kém, trẻ có ý chí và trẻ nhu nhược, trẻ sáng tạo và trẻ thụ động phần lớn do khả năng cố gắng ấy. Trong cố gắng, có ba mặt đều quan trọng: lượng cố gắng hay cường độ cố gắng, mục đích cố gắng và lĩnh vực cố gắng. Xu hướng đầu tư năng lực cố gắng và ý chí trong một lĩnh vực này hơn các lĩnh vực khác thể hiện bản sắc của cá nhân.

Sự luyện tập cố gắng có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong quá trình hình thành nhân cách. Sự luyện tập này phải bắt đầu ngay từ bé. Mấy ngày đầu mới sinh, khi trẻ bú chưa no đã ngủ, ta đánh thức để trẻ bú xong hãy ngủ. Ta bảo trẻ "làm biếng" bú (chú ý: từ "làm biếng" nghĩa là không làm việc mà mình phải làm). Trẻ ngủ quá giấc, ta đánh thức cho trẻ dậy bú, trẻ ăn... Như vậy, ta đã luyện tập cố gắng cho trẻ từ lúc mới ra đời.

Trong sự luyện tập sự cố gắng cho trẻ cần chú ý ba điểm:

Một là, quy luật sinh vật học về nhịp độ luân chuyển giữa thời gian cố gắng và thời gian nghỉ ngơi; thời gian lao động bao giờ cũng phải được kế tiếp bằng thời gian nghỉ ngơi để hồi sức. Đó là một vấn đề thường gây mâu thuẫn giữa cha mẹ (hay người phụ trách giáo dục) với trẻ. Xu hướng thay đổi nhịp độ

luân chuyển đó bằng cách gia tăng thời gian làm việc lẫn chiếm thời gian nghỉ ngơi không phải là hiếm. Trước tình thế ấy, trẻ bù trừ bằng cách không tập trung chú ý, xao lãng tâm trí vào việc khác hay mơ mộng, nghĩa là nghỉ ngơi trong thời gian bị bắt buộc phải làm việc.

Hai là, những việc mà trẻ thích cố gắng không hẳn là những việc mà cha mẹ (hoặc người phụ trách giáo dục) muốn cho trẻ cố gắng. Trẻ có thể năng nổ cố gắng trong trò chơi nhưng tỏ ra uể oải trong công việc. Trẻ có thể vui vẻ vác cây hay đồ vật rất nặng để cất một cái chòi đặc biệt cho trẻ, nhưng trẻ lại rên rỉ khi phải mang một bó củi nhẹ hơn nhiều để mẹ nấu cơm. Trẻ có thể "biếng nhác" trong một số việc, nhưng tỏ ra siêng năng trong một số việc khác. Nên không thể cho trẻ ấy lười biếng mà phải nghiên cứu các công việc trẻ thích đầu tư cố gắng để từ đó hướng dẫn lại sự cố gắng của trẻ. Bởi vì trẻ nuôi dưỡng cố gắng từ bên trong, vì cố gắng là sản phẩm của sức mạnh bên trong của trẻ. Còn cha mẹ thì nhận xét sự cố gắng từ bên ngoài, thông qua kết quả cụ thể mà cha mẹ muốn. Đối với trẻ, cố gắng là một mặt của hứng thú. Có thể nói đó chính là sự hứng thú. Trẻ có thể tự nhiên cố gắng để thoả mãn một nhu cầu, để đạt một mục tiêu hấp dẫn nào đó. Đối với trẻ dưới 6 tuổi, chơi là hoạt động chính, là hứng thú nên không lạ gì trẻ cố gắng hết sức mình để chơi. Cố gắng ở đây là sử dụng sức mạnh của mình và đồng thời để cho sức mạnh ấy lôi cuốn mình. Cha mẹ thường xem sự cố gắng không phải là một mặt của hứng thú, mà là sự bắt buộc. Cho nên nếu có

thắng lợi thì không phải thắng lợi của trẻ trong sự biểu hiện sức mạnh bên trong của mình mà là thắng lợi để thực hiện những bắt buộc của cha mẹ.

Ba là, đời sống đặt ra một số vấn đề không phải luôn luôn hứng thú, và trong một số vấn đề có ích cho trẻ, cần có sự ép buộc của cha mẹ. Vả lại sự ép buộc cũng làm ý thức được thực tế. Dù sao, sự ép buộc cố gắng phải đúng khả năng giải quyết của lứa tuổi. Phải làm sao cho sự ép buộc vừa đáp ứng được lợi ích, vừa phù hợp phần nào với hứng thú của trẻ, để cho trẻ có thể dần dần tự động viên mình cố gắng. Trong lúc đó vẫn dành ưu tiên cho những cố gắng tự phát và vui vẻ. Như thế cố gắng ép buộc có điều kiện trở thành cố gắng tự nhiên và tự giác của trẻ.

Từ 3 đến 6 tuổi, trẻ đến trường mẫu giáo. Đó là một sự thay đổi to lớn về mặt xã hội và tâm lý đối với trẻ, mở đầu cho một giai đoạn những cố gắng mới sẽ làm cho trẻ có thói quen cố gắng; cố gắng dậy đúng giờ để đi đến trường, cố gắng ngủ sớm để mai dậy đi học, cố gắng xếp đồ đạc, cố gắng sắp xếp đồ chơi khi chơi xong, giữ lễ phép, không làm ồn khi người lớn nói chuyện v.v... Tất cả những cố gắng ấy dần dần trở thành thói quen. Bước đầu là một sự nỗ lực cố gắng, sau đó không đòi hỏi sự nỗ lực như trước, mà dần dần trở thành thói quen, không cần phải cố gắng. Như thế năng lực cố gắng đầu tư trong các việc ấy đã được giải phóng để được đầu tư trong các việc khác quan trọng hơn, đòi hỏi sự nỗ lực cố gắng lớn hơn. Và sự đầu tư cố gắng cứ thế mà tiếp diễn suốt quá trình hình thành nhân cách. Ý chí con người từ từ hình thành trong

quá trình luyện tập cố gắng. Những cố gắng nhỏ hàng ngày chuẩn bị cho những cố gắng to lớn hơn sau này.

Nên nhớ rằng đòi hỏi sự cố gắng giống như trong những công việc có tính "khổ sai" thì bao giờ năng suất cũng rất kém. Chỉ có sự cố gắng phấn khởi mới có năng suất cao. Nên làm sao tạo nơi trẻ sự thích thú làm hơn sức mình để lớn. Ở lứa tuổi nào, đặc biệt là ở lứa tuổi 3-6, trẻ cũng thường thích làm những việc hơn sức mình: với lấy đồ vật trên cao, khuân vác món đồ nặng, chạy thật mau. Tâm thế luôn luôn có ước vọng vươn lên ấy cần được người làm giáo dục giúp đỡ và tạo điều kiện để phát huy.

Vấn đề trẻ làm biếng

Trước một đứa con làm biếng, cha mẹ rất âu lo, chẳng biết phải làm gì. Trường hợp làm biếng vì lý do sức khỏe kém, bệnh tật, hoặc thiếu hưng phấn rất hiếm. Nếu vì các lý do này thì phải nhờ đến thầy thuốc. Phần đông làm biếng là do thói quen, tật xấu đã nhiễm từ lâu trong môi trường mà cha mẹ không chú ý phát triển năng lực của trẻ khi còn nhỏ, không quan tâm làm trẻ có hứng thú giúp đỡ các công việc hàng ngày trong gia đình, không tập cho trẻ thói quen lao động, thói quen vui sướng tự bằng lòng mình khi làm một công việc có kết quả.

Phương pháp tốt nhất để chống thói xấu, lười biếng là làm sao dần dần lôi cuốn trẻ lao động, bằng cách làm cho trẻ từng bước thấy hứng thú lao động, nghĩa là cảm thấy vui sướng trước kết quả công việc tự tay trẻ làm. Phải bắt đầu bằng một công việc trẻ

thích, hoặc có thể làm cho trẻ thích. Trẻ phải cảm thấy thoải mái và vui sướng trước kết quả lao động của mình. Ban đầu có thể phụ giúp trẻ để công việc trẻ làm thành công, nhưng chú ý để cho trẻ có vai trò chủ động.

Chống thói quen lười biếng đòi hỏi phải chống các tật xấu khác. Có những trẻ có thể làm bất cứ công việc nào cha mẹ bảo, nhưng không để tâm trí vào công việc nên không vui vẻ hứng thú. Làm vì bắt buộc, nếu không sẽ bị trách phạt. Lao động như thế này thì không khác gì lao động của con thú mà bắt cày, bắt kéo xe cho ta. Lao động thiếu tinh thần, thiếu tư duy thì không đi đến đâu, không thể nào có chất lượng trong lao động. Từ bé phải tập cho trẻ có thói quen lao động có chất lượng, thói quen này có một tầm quan trọng quyết định trong nhân cách con người. Cho nên luôn luôn phải đòi hỏi trẻ hoàn thành tốt một việc dù nhỏ bé, tốt chừng nào hay chừng ấy. Sự đòi hỏi này phải ráo riết và nghiêm túc. Nhưng cũng nên nhớ rằng vì trẻ chưa có kinh nghiệm và chưa đủ khả năng thực hiện công việc tốt ở tất cả mọi mặt, cho nên sự đòi hỏi chất lượng lao động phải vừa sức và khả năng của trẻ. Khi trẻ không làm tốt một công việc nào đó, không nên trách mắng hoặc làm cho trẻ hổ thẹn. Làm như thế không dẫn đến kết quả tốt hơn lần sau. Nên bình tĩnh giải thích cho trẻ vì sao việc làm không được tốt để trẻ biết phải làm thế nào cho tốt hơn. Đòi hỏi trẻ phải sửa chữa và làm lại. Chỉ trong trường hợp đặc biệt mà cha mẹ đã bảo trẻ làm một việc quá khả năng của trẻ thì cha mẹ phải tiếp tục hoàn thành công

việc, nhưng phải phân tích rằng công việc ấy khó đối với trẻ.

Việc thưởng phạt đúng trong công việc mang đến kết quả tích cực. Một việc làm giải quyết được tốt làm cho trẻ phấn khởi và vui vẻ. Đó là phần thưởng. Cho nên khi trẻ hoàn thành tốt một công việc thì phải có nhận xét và đánh giá. Đó là phần thưởng động viên và phát huy tinh thần cố gắng của trẻ. Khi trẻ tỏ ra đã cố gắng, sáng tạo, có phương pháp thực hiện tốt thì phải khen và nói lên vì sao đạt đến kết quả đó, nghĩa là giải thích lời khen đồng thời giải thích sự thành công ấy. Nhưng không nên khen vô vấp, nhất là trước mặt bạn bè, người khác. Cần làm cho trẻ hiểu rằng trẻ còn phải phấn đấu nhiều hơn nữa để trưởng thành, chứ kết quả thành công đó chưa đủ vào đâu. Còn nếu trẻ bỏ dở một công việc cũng không nên phạt trẻ vì phạt là chấm dứt, nghĩa là công việc vẫn bỏ dở. Điều quan trọng trong trường hợp này là làm sao cho trẻ tiếp tục làm xong công việc bỏ dở. Như thế mới tạo được điều kiện cho trẻ thoải mái phấn đấu cho lần sau.

CHUẨN BỊ TRẺ 6 TUỔI ĐI HỌC LẦN ĐẦU TIÊN

Lần đầu tiên đi học trẻ nào cũng lo sợ, dù ngày thường trẻ rất mạnh dạn. Nếu buổi học căng thẳng kéo dài thì hậu quả là trẻ thấy rối loạn trong việc học tập. Nếu trẻ chế ngự được thì thử thách này sẽ giúp trẻ mau chóng trưởng thành. Vì vậy, giúp trẻ thích nghi sớm với nhà trường là tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập sau này.

Giúp trẻ thích nghi với môi trường

Trước ngày nhập học, nên cho trẻ tham quan nhà trường, theo mẹ (hoặc cha) đến làm quen, nói chuyện với cô. Nếu trẻ được trực tiếp tiếp xúc với một trẻ khác trước đó đã thích nghi với việc đi học thì càng tốt.

Có 2 yếu tố ảnh hưởng đến sự thích nghi của trẻ đối với nhà trường: môi trường gia đình và tâm lý của trẻ. Về môi trường gia đình, nếu cha mẹ đọc sách báo hàng ngày thì đương nhiên trẻ cảm thấy học đọc, học viết là cần thiết. Trẻ phấn khởi được đi học (dù có đôi chút lo âu). Như thế đối với trẻ, môi trường gia đình và môi trường nhà trường có những điểm giống nhau, ngôn ngữ của cha mẹ gần giống như ngôn ngữ của cô, các phản ứng trí tuệ hay thẩm mỹ cũng tương tự. Còn

trong gia đình không quen đọc sách báo thì dĩ nhiên có một khoảng cách giữa nhà trường và gia đình mà trẻ phải cố gắng bù đắp. Do đó sự thích nghi đòi hỏi nhiều cố gắng, nhiều thời gian hơn. Còn nếu trẻ có anh, chị đã đi học rồi thì vấn đề thích nghi dễ dàng hơn.

Giúp trẻ thích nghi điều kiện vận động

Trẻ 6 tuổi chưa đủ khả năng làm chủ cơ thể. Khả năng kiềm chế cử động cũng hạn chế. Ở lớp trẻ phải ngồi khoanh tay, im, lẳng lặng và nhìn... cô giáo. Quả thật là một đòi hỏi vượt quá khả năng sinh lý của lứa tuổi. Ở lớp trẻ phải chịu đựng tư thế bắt buộc đó 3-4 tiếng đồng hồ mỗi ngày nên khó ngồi yên. Do đó với trẻ lớp 1, 2, nếu thời gian học được sắp xếp hợp lý: xen kẽ khi ngồi im, khi có thể di chuyển thì thuận lợi biết bao cho sự tiếp thu kiến thức. Trẻ ngồi im thụ động: dễ mệt, tiếp thu kiến thức trong tư thế thụ động thì dễ quên! Vì vậy khi trẻ về nhà, chú ý cho trẻ chơi những trò chơi vận động nhiều (đá banh, nhảy dây, cút bắt...) để bù đắp sự thiếu vận động ở lớp. Tuy 6 tuổi, về mặt trí tuệ là "tuổi của lý trí" (bắt đầu biết suy luận), nhưng trình độ vận động của trẻ chưa nhuần nhuyễn, nên các thao tác đòi hỏi sự tinh tế như tập viết còn khó đối với trẻ. Cần giúp đỡ để trẻ khỏi mặc cảm.

Giúp trẻ hiểu biết mối quan hệ mới

Các mối quan hệ mà trẻ từng quen trong gia đình khác với ở trường. Trong gia đình chỉ có cha mẹ, anh chị, em mỗi người mỗi tuổi khác nhau. Ở lớp trừ cô

giáo rà, trẻ tiếp xúc với các bạn cùng tuổi bằng nhau. Ở gia đình khi tiếp xúc trẻ được gọi đích danh tên của mình. Còn ở lớp khi cô nói là hướng đến tất cả học sinh trong lớp. Cho nên lúc đầu đi học, đôi khi trẻ không làm những điều cô giáo bảo (cho cả lớp) không phải vì không vâng lời, hay biếng nhác mà vì không hiểu rằng cô bảo cho cả lớp trong đó có mình.

Kiểm tra khả năng cơ bản để tiếp thu kiến thức

Môi trường nhà trường đòi hỏi khả năng trí tuệ, khả năng tri giác hiểu được những yêu cầu, thái độ của người khác. Cho trẻ đi khám thị giác và thính giác (liên hệ đến tri giác chung) để chắc chắn rằng trẻ đủ điều kiện để nhận diện các chữ mà cô viết hay đọc. Một điểm quan trọng khác cần được quan tâm: kiểm tra xem trẻ đã nắm được một cách chính xác các khái niệm ngôn ngữ cơ bản chưa, như "ở trên, ở dưới, chính giữa, kế bên, ở trong, ở ngoài, bên phải, bên trái, hàng đầu, hàng cuối...". Hơn nữa trong gia đình trẻ quen thuộc với một số từ ngữ, với nhịp nói, giọng nói, cách nói có thể khác với cô. Một số trẻ vì không hiểu ngay được ngôn ngữ mới đó (của cô giáo), nhất là chưa nắm rõ các khái niệm ngôn ngữ cơ bản nên học kém, chứ không phải kém thông minh. Trẻ cần được phụ đạo ngay từ đầu: để lâu sẽ khó bắt kịp nhịp độ các bài học (vì hụt hẫng càng sâu qua thời gian...).

Tóm lại, trước khi cho trẻ đi học, các bậc cha mẹ nên chú ý kiểm tra những điểm sau đây:

- Trẻ không có rối loạn tâm lý.
- Trình độ thông minh được 6 tuổi: để có thể đáp

ứng những đòi hỏi và yêu cầu của trường, để tiếp thu bài vở ở lớp.

- Có đủ vốn ngôn ngữ cần thiết để giao lưu, trao đổi.

- Đủ khả năng tự quản thời gian ở trường (không cần đến cha mẹ).

- Định hướng không gian tốt: không bị lạc giữa các phòng học.

- Biết tên, tuổi, nghề nghiệp những người trong gia đình (cha mẹ, anh chị em...), biết địa chỉ.

VÌ SAO TRẺ HAY CHỌC PHÁ

Chúng ta thường thấy ở một số trẻ (từ 4 đến 11 tuổi) thói trêu chọc, gây khó chịu cho anh chị em, bạn bè, người chung quanh. Đây không phải là một tật xấu hay một khuyết điểm lớn và cũng chưa phải là một rối loạn nhân cách phải lo âu quá đáng ở trẻ. Nhưng cũng cần tìm hiểu và giúp trẻ sống tốt và hạnh phúc hơn.

Đối tượng chọc phá

Gia đình đông con là môi trường nảy sinh hiện tượng chọc phá nhất. Các anh, chị lớn đang chơi cờ. Bé trai Út bị loại. Út không chịu thua đâu. Sờ mó các con cờ đang thất nghiệp trên bàn... Xoay quanh bàn... Lén nhìn nước cờ của mỗi anh chị rồi hô to lên... đôi khi thừa lúc "vận động viên" sơ ý len lén thay đổi vị trí con cờ... Mỗi lần phá phách như thế Út bị xua đuổi, có khi bị đánh... Tái phạm và tái phạm. "Tức mày quá". Thật đúng với mục tiêu của Út rồi: Chọc tức các anh chị lớn không cho mình tham gia vào cuộc chơi.

Chọc phá không phải vì ý xấu mà là ứng phó trước sự yếu kém bản thân: một cách trẻ khẳng định mình đối với người khác mà mình cảm thấy họ quan trọng hơn. Em nhỏ thường trêu anh chị là thế. Đó là cách để đền bù lại sự yếu kém, nhất là vị trí thấp kém mà trẻ

bị dồn vào thế bí. Vì không có được quyền ưu tiên như các anh chị thì phải tranh đấu bằng cách phá rối để các quyền lợi đó không thực hiện được! Hành vi này không phải là không có nơi một số người lớn!

Tuy nhiên cũng có trẻ chọc phá đối tượng nhỏ, yếu hơn mình; chọc chó, mèo, và thích thú khi thấy chúng sợ hãi, chạy trốn, hay không bằng lòng. Có trẻ hay chọc ghẹo em. Không phải vì ghét mà vì thương. Đi nhẹ nhẹ đến sau lưng em, bịt mắt em. Hoặc núp sau cánh cửa khi em đi qua nhảy ra hù... Những trò chơi đó có tác dụng khẳng định vị trí thắng thế của mình. Như đã thấy ở trên là ứng phó để bù lại vị trí yếu kém, còn ở đây là khẳng định vị trí cao hơn. Cả hai đều bắt nguồn từ tâm lý, muốn tự khẳng định mình.

Chọc phá cũng là một cuộc đo sức (và so tài!). Giữa những đứa con trai đồng lứa tuổi thì biểu hiện cụ thể là những cú đấm, những cái đá, những cú khoèo chân bất thành linh... Nơi trẻ 10 tuổi người ta thường cho đó là biểu hiện bản năng chiến đấu của phái nam. Nơi các em gái không thích dùng vũ lực thì dùng lời trêu tức, tuyên chiến rồi "đấu khẩu".

Khí chất của trẻ hay chọc phá

Xu hướng chọc phá tiềm tàng nơi mỗi trẻ hần là bình thường. Giống như ước vọng tiềm tàng nơi mỗi con người là có được một sức mạnh, một ưu thế trong xã hội. Tuy nhiên, nơi một số trẻ nó choán nhiều thời gian và kéo dài quá đáng: Vì sao?

Thiếu sức mạnh, thiếu dũng cảm: Trẻ ốm yếu,

khuyết tật không tham gia được các trò chơi của trẻ khỏe mạnh thường có xu hướng chọc phá trẻ kia, như để khiển trách họ đã ngạo nghễ mình. Những trẻ đó thường lại không chịu nổi người khác trêu chọc mình và cảm nhận như một xúc phạm sâu sắc. Những trẻ nhút nhát, rụt rè không hề dám làm một việc khó khăn nào thường "trả thù" bằng cách chế nhạo hoạt động của trẻ dũng cảm. Trẻ có óc mạo hiểm, dũng cảm không bao giờ trêu chọc ai. Các trẻ gái "bạo dạn như con trai", trẻ khỏe mạnh ham thể thao thường không thích có hành vi chọc phá.

Trí tuệ tình tế: Nơi một số trẻ lợi dụng trêu chọc để biểu hiện óc thông minh, óc sáng tạo, trẻ đó thực thi những kinh nghiệm, tác động khả năng của mình trên người khác, xác định ảnh hưởng của mình; tương tự như một phương thức thi kỹ năng, kỹ xảo. Làm trò khỉ bắt chước để trêu chọc đòi hỏi năng khiếu quan sát rất tốt. Trẻ dấn dạn, không làm được vì thiếu khả năng nên chỉ chọc ghẹo bằng đám đá, lời nói cộc cằn...

Nhiều thời gian không biết sử dụng vào đâu: Thời gian trống trải là mảnh đất tốt sản sinh hành vi chọc phá. Do sinh lực đang phát triển nên trẻ đang lớn có nhu cầu hoạt động để sử dụng sinh lực đó, không có gì làm để đầu tư sinh lực thì trẻ có xu hướng tìm chọc ghẹo anh, chị em, cha mẹ. Chọc phá anh, không cho anh làm bài để chơi với mình, để anh kể cho nghe một chuyện cổ tích, chính là để thoát khỏi tình trạng rỗi việc và cô đơn mà trẻ không còn chịu được nữa.

Phải làm gì khi trẻ hay chọc phá

Chọc phá không phải là một tật xấu nghiêm trọng. Nếu lúc 4 tuổi hoặc lúc 11 tuổi trẻ bỗng nhiên hay trêu chọc người khác, nên xem như đó là một biến động tâm lý nhỏ, rồi sẽ qua đi. Nên tìm hiểu nguyên do hơn là trấn áp, trách phạt. Trêu chọc chỉ có tác dụng trên những người dễ phản ứng lại sự trêu chọc mà không có hiệu quả trên những người ít nhiều bằng quan, sáng suốt trước hành vi trêu tức. Trước một đứa trẻ chọc tức, nên vô hiệu hóa hành vi chọc tức bằng cách lánh xa để nó một mình hơn là nổi giận lôi đình để... thắng nó nhưng chính xác hơn chính là nó thắng.

Không nên trả đũa lại sự trêu chọc của trẻ. Cách làm này chỉ làm tăng thêm tính tự ti của trẻ mà chính trẻ đã tìm bù đắp bằng hành vi chọc tức. Chú trọng tạo bầu không khí yên lành, chế độ công bằng trong gia đình để trẻ được sống thanh thản hơn. Đó là cách tốt nhất để giải trừ các cơn trêu tức.

Giúp trẻ sử dụng thời gian trống trải và sinh lực chớm nở

Đề nghị và giúp trẻ thực hiện những công việc đòi hỏi sự cố gắng của trẻ, để trẻ cảm thấy mình cũng đủ sức đảm nhiệm công việc như các anh chị lớn. Và tự hào về nó. Nếu anh lớn sưu tập tem thì trẻ cũng có thể làm việc đó nếu trẻ thích... Mẹ có thể dạy em gái làm bánh tráng miệng cho cả gia đình... Cùng một lúc những công việc tuy đơn giản đó mang lại ít nhất ba hiệu quả: sử dụng thời gian trống trải của trẻ, làm

tan ý tưởng tự ti (hai yếu tố làm nảy sinh hành vi trêu chọc) và đồng thời trẻ được thực thi khả năng, kỹ xảo và óc tưởng tượng trên những việc cụ thể có ích.

Xử sự nghiêm túc với trẻ: tin tưởng, giao nhiệm vụ cho trẻ; như thế trẻ sẽ cảm thấy gần giống như người lớn và trẻ sẽ từ bỏ dần hành vi chọc phá. Anh lớn có nhiệm vụ hướng dẫn em học, giúp em làm việc mẹ giao thì không còn chọc phá em. Anh cũng không bị em phá rầy bởi vì công việc của em cần sự cộng tác, chỉ dẫn của anh. Xử sự nghiêm túc với con không có nghĩa là cha mẹ ngang hàng với con.

Tạo điều kiện để trẻ có thể sống và sinh hoạt với tập thể cùng lứa (nhóm thể thao, âm nhạc, hội họa...). Trẻ sẽ được sinh hoạt hứng thú, thông minh, đoàn kết hơn.

Kiểm điểm lại hệ thống giáo dục gia đình

Và xin các bậc cha mẹ lưu ý: Một lệch lạc hành vi nào đó nơi trẻ thường nảy sinh từ một sai lầm nào đó trong giáo dục (phản ứng đối phó). Cho nên cần xem xét phân tích quá trình giáo dục trước đó để điều chỉnh lại. Khi vấn đề đã sáng tỏ thì quyền lực và uy tín của cha mẹ sẽ giúp trẻ tự điều chỉnh dễ dàng. Chữa trị thói hay chọc phá là một vấn đề giáo dục. Cải thiện và nâng cao chất lượng các quan hệ trong gia đình sẽ giúp trẻ phát triển nhân cách tốt hơn.

GIẤC MƠ

CUỐN PHIM TÀI LIỆU CỦA TÂM LÝ TRẺ

Giấc mơ rất có ích cho con người nói chung. Với trẻ nó rất quan trọng vì có tác dụng điều chỉnh, uốn nắn tâm lý nội tâm trẻ đang phát triển. Trong giấc mơ trẻ có thể bộc lộ cảm xúc, tình cảm, phản ứng đích thực của trẻ trước những sự việc mà ban ngày bị ức chế, hoặc do trẻ tự kiểm chế không bộc lộ vì những quy tắc gia đình, nhà trường không cho phép. Chức năng chủ yếu của giấc mơ là bộc lộ tư duy tình cảm, do đó có vai trò bảo vệ giấc ngủ. Mọi xã hội đều cho giấc mơ con người có giá trị đặc biệt do chức năng tâm lý và chức năng an thần rõ rệt đó. Các nhà tâm lý đều cho rằng đối với trẻ, giấc mơ có vai trò giống như các trò chơi, thực hiện mơ mộng, ước muốn. Trong giấc mơ trẻ có thể làm được mọi việc (quyền lực cao cả mà mọi người vươn tới) cũng như bộc lộ uất ức, trách móc, phàn nàn, đau buồn, ước mong, tham vọng trả thù (đối với kẻ thù thật sự hay tưởng tượng!)... Giấc mơ biểu hiện cấu trúc tâm lý của trẻ.

Giấc mơ thường xuất hiện khoảng thời gian trẻ gần thức. Gần được 2 tuổi bắt đầu có giấc mơ (có lẽ giấc mơ bắt đầu khi não bộ đạt được một trình độ phát triển nào đó mới đủ khả năng dự trữ, xử lý các sự kiện

xảy ra ban ngày...) nhưng ít khi trẻ thuật lại được dù đã biết nói. Khi trẻ nói ra thì thường là tình cảm, cảm xúc hơn là sự việc. Nhà phân tâm học nổi tiếng Freud kể rằng đứa cháu 20 tháng tuổi trong giấc mơ vừa la vừa khóc, vừa kêu "Ba! Bebbi! (tên đứa cháu)! Ba đi với Bebbi phải vui sao lại khóc?". Thì ra ba cháu sắp phải ra trận, cả nhà giấu kín tin buồn đó, nhưng cháu cảm nhận được và lo sợ già biệt với cha, bộc lộ nỗi niềm đau buồn và lo sợ đó nên khóc. Việc trẻ sợ trong giấc mơ chính là để chuyển tải tình cảm, bộc lộ cảm xúc. Trẻ 3 tuổi thường có thể thuật lại giấc mơ nhưng không hẳn là giấc mơ thật sự, mà trẻ có thêm thắt vào đó theo ý muốn. Trẻ 4 tuổi, có thể thuật lại với nhiều chi tiết hơn nhưng thường thêm bớt sự việc có thật hoặc không có, do trẻ tưởng tượng. Trẻ chưa phân biệt được sự thật cụ thể và sự việc trẻ tự tưởng tượng ra. Nhưng dù sao tất cả đều bộc lộ tâm trạng trẻ. Thường đến 7 tuổi, trẻ mới có thể thuật lại giấc mơ một cách chính xác hơn, có khi trẻ tự kể lại ngay lúc vừa tỉnh ngủ, nếu sau đó ta cứ cố gạn hỏi kỹ quá thì rất có thể là trẻ sẽ bịa đặt! Ở mọi lứa tuổi, đương sự luôn luôn là nhân vật chính trong các sự kiện xảy ra trong giấc mơ nhưng không hẳn là nhân vật chủ động, đôi khi chỉ là người chứng kiến. Phải được 7 tuổi đương sự mới thật sự là nhân vật trung tâm hoạt động.

Những giấc mơ thông thường:

Trong giấc mơ của trẻ phản ánh tâm trạng một cách trực tiếp, khác với giấc mơ người lớn thông qua nhiều biến thể nên khó thấy ý nghĩa. Có thể nói *giấc*

mơ của trẻ có mục tiêu cụ thể, nội dung rõ rệt. Loại giấc mơ ước mong thì nói lên kết quả thực thi ý muốn (thèm sơ ri thì trong giấc mơ trẻ sẽ thấy ăn cả một thúng sơ ri!). Loại giấc mơ biểu hiện một sự việc đau buồn đã trải qua thường kết thúc tốt đẹp (bị phạt vì không thuộc bài, trẻ có thể nằm mơ thấy mình được khen vì học giỏi!). Loại giấc mơ bị khiển trách, bị phạt mà trong thực tế không có thật là do trẻ cảm thấy bứt rứt, tội lỗi vì đã làm một việc gì đó mà trẻ cảm thấy sai quy tắc. Giống như trong các trò chơi trẻ có thể đóng vai những người thân thương mà trẻ muốn đồng nhất. Suốt trong quá trình phát triển, trẻ có những giấc mơ giống như các trò chơi để phát triển, để trở thành người lớn.

Thường trẻ hay thuật những giấc mơ mà trẻ cảm thấy khó chịu, không vui, lo âu: bị thú dữ đuổi theo, hoặc những người gương mặt ghê sợ, quái dị đuổi bắt mình. Nội dung có thể khác nhau tùy môi trường trẻ sống cung cấp chi tiết. Nhưng về mặt tình cảm thường xoay quanh sự âu lo phải bơ vơ một mình nơi hoang vắng hay trong rừng, nguy cơ bị đánh đập, bị tấn công, bị ăn thịt... Trẻ cảm thấy chân không chạy được, tay bị nắm chặt, tay chân co cứng không tự vệ được... Loại giấc mơ này rất phổ biến, hình như trẻ nào cũng mắc phải. Nó bộc lộ những âu lo bình thường của một đứa nhỏ đang lớn: lo sợ trước những khám phá mỗi ngày một thay đổi mà mình không chủ động được, lo sợ bị cha mẹ bỏ rơi vì mình không phải lúc nào cũng làm vừa lòng cha mẹ, lo âu bị xa cách cha mẹ vì một lý do nào đó (cha mẹ mất chẳng hạn), lo sợ bị thầy cô

trách mắng, trừng phạt... Trong giấc mơ thường tái diễn thái độ của cha, của mẹ mà trẻ cảm nhận, những đặc điểm trong quan hệ của cha mẹ đối với trẻ và phản ứng của trẻ đối với những tình thế đó.

Những cơn ác mộng

Thường xảy ra từ 4-14 tuổi. Đang ngủ trẻ bỗng đột nhiên thức dậy, hét lên, bật dậy trên giường, hốt hoảng. Khi cha mẹ chạy đến trẻ có thể nói lên nỗi sợ hãi của trẻ. Sau những lời trấn an của cha mẹ, trẻ bình tâm, có thể ngủ lại. Hôm sau trẻ sinh hoạt bình thường, không nhớ gì đã xảy ra khi đêm. Đôi khi trẻ không ngủ lại được vì sợ ngủ sẽ gặp lại ấn tượng hãi hùng đó. Cũng có trẻ sau một vài lần như thế biết rằng đã gây chấn động đối với cha mẹ, nên trẻ giả vờ tạo thêm nhiều lần nữa để đánh thức cha mẹ chạy đến với mình.

Và trẻ tiếp tục trò sợ hãi mặc dù cha mẹ đã trấn an... Dù sao những cơn ác mộng đó, thật sự hay giả vờ đều biểu hiện tâm trạng âu lo của trẻ, nghi ngờ tình thương của mẹ, cảm thấy thiếu an toàn, hoặc có mâu thuẫn nội tâm, một xung đột tâm lý nào đó trong gia đình (ganh tỵ với anh chị em chẳng hạn) hay ở nhà trường (đối với thầy cô, bạn học) mà trẻ chưa giải quyết hay chế ngự được. Trong trường hợp này, giấc mơ không làm được chức năng bảo vệ giấc ngủ mà ngược lại làm rối loạn giấc ngủ. Không nên khiển trách trẻ mà tìm hiểu để có biện pháp thích hợp, mà trước nhất là làm sao để trẻ có cảm giác an toàn (nhịp độ, tổ chức, trật tự đời sống khuyết kém cũng không mang lại cảm

giác an toàn nhất là đối với trẻ con!). Được thương yêu, chăm sóc mới là phương pháp tốt nhất.

Khi những cơn ác mộng cứ liên tiếp, các biện pháp trấn an không có tác dụng, nên đưa trẻ đến thầy thuốc vì có thể là triệu chứng của chứng bệnh tâm thần nào đó mà chỉ có điện não đồ mới xác định được (dù là trường hợp này rất hiếm). Cũng có thể là trẻ bị nhiễm trùng hay bị ngộ độc. Khi cha mẹ cảm thấy có gì khác thường, tốt nhất là đưa trẻ đến nhà chuyên môn.

CHUẨN BỊ CHO TRẺ NHẬP CUỘC VÀO XÃ HỘI: VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC GIA ĐÌNH

Từ bụng mẹ (môi trường tự nhiên) sinh ra, trẻ tiếp xúc với môi trường văn hóa và xã hội đầu tiên là gia đình và đó cũng là *yếu tố cơ bản cho sự phát triển bình thường về nhân cách của trẻ*. Cho nên gia đình *giữ một vai trò quyết định trong sự thích nghi, sự nhập cuộc xã hội của trẻ* (và của người trưởng thành sau này), trong vệ sinh tâm thần xã hội.

Chất lượng gia đình ảnh hưởng trực tiếp đến việc nuôi dạy con

Trong chất lượng gia đình có sự đầm ấm, hòa thuận, thương yêu lẫn nhau giữa cha mẹ, con cái, anh chị em; có nếp sống lành mạnh, thanh đạm; có trật tự, kỷ luật; có sự vận hành và thực hiện thường xuyên các giá trị văn hóa và đạo đức mà xã hội đề ra; có sự gương mẫu của cha mẹ đối với con cái; có sự đóng góp của mỗi người cho đời sống và sinh hoạt cần thiết hàng ngày của gia đình; có sự tự giác trong động cơ lao động xã hội của mỗi người. Trong chất lượng gia đình còn có trình độ văn hóa trong sự giáo dục con cái của cha mẹ. Trình độ văn hóa khác với trình độ học vấn. Có người có trình độ học vấn nhưng không có trình độ văn hóa, nếp sống văn minh tương xứng và

thiếu chất lượng văn hóa trong giáo dục con, không đủ trình độ người con theo đạo lý người mới, không giáo dục được con rằng nguyên lý cơ bản của đạo lý là phải xuất phát từ thực tiễn chân chính để suy nghĩ và hành động.

Đời sống hiện nay đòi hỏi một sự chuẩn bị tâm lý nhiều hơn

Các biến đổi, sự kiện, cảm dỗ cũng như các điều kiện mà xã hội cung cấp ngày càng nhiều, nhưng không hẳn lúc nào cũng ăn khớp mà đôi khi đối chọi nhau khiến cho tiềm năng di truyền, hay kinh nghiệm kế thừa cũng không đủ chuẩn bị cho ta ứng xử, đối phó, lựa chọn một cách khả quan. Cho nên sự giáo dục trẻ để có được một nền tảng tâm lý vững vàng, phong phú trở thành tất yếu trong xã hội (với nghĩa rộng); đó là chưa nói đến chất lượng đời sống xã hội của cá nhân. Chứng bệnh tâm thần ngày càng nhiều như ngày nay là do thiếu thích nghi với xã hội. Mà thiếu thích nghi xã hội là do khả năng tâm lý bị hạn chế. Để "vào đời" con người bây giờ phải được chuẩn bị nhiều hơn: để ứng xử trước những đòi hỏi ngày một cao, để đủ khả năng phán đoán trước những tình thế trái ngược. Nửa thế kỷ trước, con người sống, hoạt động và cảm xúc trong một môi trường hạn hẹp: gia đình và bè bạn. Bây giờ ngoài gia đình, ta còn tham gia vào các sự kiện xã hội lớn, các sự kiện khoa học kỹ thuật không phải chỉ của cả nước mà còn của thế giới. Những sự kiện đó "bao vây" mỗi chúng ta như sự kiện riêng tư, cho nên chúng ta sống với nhiều cảm xúc hơn.

Có một nhà triết học định nghĩa *sức khỏe tâm thần là khả năng ứng xử lành mạnh trước các biến đổi, các sự kiện xã hội, xử lý thỏa đáng các điều kiện được cung cấp.*

Xã hội càng phong phú, phức tạp, thì ta phải trang bị cho trẻ những yếu tố tâm lý phong phú và vững chắc, không phải chỉ để ứng xử một cách thỏa đáng trước các tình thế mà thôi, mà còn để *tăng khả năng tác động tích cực lên môi trường.*

Trang bị cho trẻ một nền tảng tâm lý, một nhân cách phong phú, vững vàng, trách nhiệm chính là gia đình sau đó là nhà trường và xã hội: Gia đình cung cấp cho trẻ cái vốn căn bản để "tiến công" vào xã hội. Gia đình dạy trẻ những chuẩn mực và quy tắc xã hội tối thiểu và thói quen tôn trọng nó...; thói quen lao động. Gia đình dạy trẻ thương yêu lẫn nhau (được thương mến và biết thương mến người khác). Gia đình dạy trẻ phân tích, phân biệt đúng, sai... Đó là cái vốn tâm lý để con người bảo tồn bản chất người và phát huy nó. Tất cả những gì gia đình dạy trẻ và trẻ tiếp thu được, trẻ sẽ ứng dụng và phát triển khi đến trường hay ra ngoài xã hội, ở từng giai đoạn của lứa tuổi.

Chất lượng giáo dục gia đình cung cấp cho trẻ hành trang đầy đủ để hòa nhập vào xã hội một cách vững vàng và tốt đẹp. Trong thực tiễn, thường có ba trường hợp mà trẻ thiếu thốn trong hành trang này. Đó là gia đình vắng mặt (phần đông trẻ sống lang thang ngoài lề xã hội, là trẻ phạm pháp, bị bỏ rơi); hay gia đình phân tán, mâu thuẫn về mặt tình cảm

(trẻ thường có rối loạn tính tình rất sớm, dẫn đến những hành động xã hội tiêu cực liên tục); hoặc gia đình còn đủ nhưng không khí gia đình không thuận lợi, bất an toàn hoặc cha mẹ không đủ khả năng giáo dục con (trẻ có thể có những rối loạn nhân cách vì chưa biểu hiện rõ rệt lúc còn nhỏ nên không được chú ý, nhưng về lâu về dài, sẽ dần dần bộc lộ). Các nước công nghiệp phát triển đều có các tổ chức tư vấn tâm lý giáo dục, để giúp đỡ cha mẹ giáo dục con cái trong các trường hợp này, nhưng phòng ngừa vẫn hơn là chữa trị. Vì chữa trị bằng phương pháp giáo dục lại, bao giờ cũng chỉ là một sự chấp vá.

Nếu gia đình với sự ủng hộ tích cực của xã hội tạo được cho trẻ vốn tâm lý vững chắc thì vấn đề trẻ chậm phát triển sẽ được giải quyết căn bản.

MẤY VẤN ĐỀ TÂM LÝ Ở LÚA TUỔI 13 - 15

Trong các giai đoạn phát triển tâm lý của con người từ sơ sinh đến tuổi già, có lẽ giai đoạn lứa tuổi thiếu niên lớn (13 - 15) hay còn gọi là lứa tuổi tiền thanh niên mang nhiều điểm chưa sáng tỏ nhất - đến nỗi đôi khi không thể khẳng định được đâu là dấu hiệu tất yếu của một sự phát triển tự nhiên của con người, đâu là dấu hiệu sơ khởi của một triệu chứng tâm thần.

Xin nêu lên ở đây một vài vấn đề tâm lý thường gặp ở lứa tuổi này với mục đích để cha mẹ và những người làm công tác giáo dục quan tâm tìm hiểu thêm.

Trước nhất, về mặt sinh lý, đó là giai đoạn mà trong cơ thể của trẻ có những biến chuyển to lớn - ta thường gọi là tuổi dậy thì - theo quy luật phát triển tự nhiên của con người để trở thành một người trưởng thành, đầy đủ khả năng về thể chất và sinh lý để bảo tồn giống nòi. Đúng hơn, đây là một sự biến động sinh lý, đôi khi làm cho một số trẻ trong giai đoạn này ăn, ngủ, chơi đùa bất thường (đó cũng là một nguyên do thường tạo nên những gay cấn giữa cha mẹ và trẻ nếu cha mẹ không hiểu được hiện tượng sinh lý ấy). Chính đứa trẻ cũng không hiểu được những biến đổi trong bản thân. Và hầu như không ai nói cho trẻ biết trước. Nhiều trẻ rất lo sợ trước những biến đổi đó. Sự lo âu đó đôi khi gây nên những hành vi dị thường khiến cho người ngoài khó

hiếu, và do đó ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý của trẻ.

Song song với sự biến chuyển thể chất và sinh lý, ở trẻ còn nảy sinh sự thích nghi vào đời sống xã hội. Thế giới của trẻ mở rộng thêm. Phạm vi nhỏ hẹp của gia đình không còn đủ khả năng để trẻ sử dụng và phát huy năng lực đang phát triển. Cho nên trong điều kiện thuận lợi, lứa tuổi thiếu niên lớn cũng là lứa tuổi đầy nhiệt tình, năng nổ. Ở nước nào, thời đại nào và dân tộc nào cũng vậy, bước đầu của sự thích nghi đó của đứa trẻ bao giờ cũng được xã hội coi trọng. Ở các dân tộc chưa khai hóa, nhân dịp này, cộng đồng thị tộc tổ chức một số nghi lễ để đánh dấu bước đầu tiên của sự trưởng thành ấy; khả năng bảo tồn nòi giống, sự vượt qua khỏi ngưỡng cửa của gia đình để hòa mình vào cộng đồng thị tộc (đời sống xã hội mở rộng), thích nghi lao động sản xuất. Đó là một bước ngoặt cơ bản trong quá trình hình thành nhân cách của đứa trẻ.

Ở xã hội văn minh, sự tham gia của đứa trẻ vào đời sống xã hội có khó hơn nhiều. Sự hình thành nhân cách, nghĩa là sự khẳng định bản lĩnh trong một khung cảnh xã hội phức tạp, không khác gì một sự chiến đấu mong muốn chiến thắng. Nếu giai đoạn đầu của tuổi thiếu niên (9-12 tuổi) là giai đoạn trầm tĩnh, giai đoạn hình thành tính tình mang tính chất êm đềm, trên cơ sở thích ứng tốt đẹp với môi trường xung quanh, với gia đình, với nhà trường (vì trẻ đang ở giai đoạn chỉ biết tiếp thu và thích nghi, trẻ chưa có vấn đề xa gia đình để tiến bước vào xã hội, chưa có vấn đề khẳng định nhân cách của mình) thì giai đoạn cuối của tuổi thiếu niên (14-15 tuổi) lại đặt ra cho trẻ rất

nhiều vấn đề: vấn đề độc lập với gia đình (sự trưởng thành của con người đòi hỏi phải có khả năng tự lập) mà trẻ chưa đủ khả năng để thực hiện sự độc lập đó, vấn đề các quy tắc mà trẻ chưa đủ khả năng trí tuệ và tình cảm để am hiểu. Tham gia vào xã hội là nhu cầu của một người đang trưởng thành, nhưng ở lứa tuổi này cũng có nghĩa là mở rộng phạm vi tự do.

Vì nhân cách chưa hẳn đã hình thành, mà chỉ đang trong giai đoạn khẳng định nhân cách, nên luôn luôn trẻ có một sự giằng co đối với môi trường. Vì chưa dứt khoát, nên có những biểu hiện nay thế này, mai thế khác, mâu thuẫn đối với chính bản thân và với xung quanh. Nhìn từ ngoài, các mâu thuẫn ấy có vẻ phi lý, nhưng thực sự nó có một cấu trúc. Đời sống tình cảm bị óc tưởng tượng chế ngự, cho nên những biểu hiện bên ngoài của trẻ và con người bên trong của trẻ không phải bao giờ, lúc nào cũng ăn khớp với nhau. Nó thể hiện một sự giằng co trong lựa chọn để từ bỏ đời sống hoàn toàn phụ thuộc, khép kín của 12 năm đầu để tiến tới một đời sống tự lập hơn. Cho nên ý muốn độc lập là một tiến bộ trong quá trình phát triển của trẻ. Sự giằng co ấy không phải là vô ích. Nó là một cuộc thử nghiệm của trẻ để khẳng định nhân cách, để tự khẳng định mình. Năng lực trẻ càng tăng thì trẻ càng nóng vội cởi ách gia đình ra. Mọi quyền lực đối với trẻ đều trở thành nặng nề. Trẻ không chịu nổi bất cứ một ràng buộc nào, vì trẻ chưa đủ trí óc để hiểu được sự cần thiết đó. Nhu cầu ở lứa tuổi này là tự do, là phá bỏ mọi xiềng xích cản trở. Vì thế mà ý muốn độc lập và phản ứng chống đối thường đi đôi với nhau.

Nguyên vọng độc lập và những phản ứng chống đối thường biểu hiện ở hai môi trường chính là gia đình và nhà trường, và cũng chính ở hai nơi này mà trẻ có thể khẳng định được nhân cách và bản lĩnh của mình (môi trường Đoàn, Đội cũng là nơi trẻ khẳng định được nhân cách và bản lĩnh của mình, nhưng không gây cho trẻ phản ứng chống đối, vì nguyên tắc hoạt động của trẻ trong Đội là tự quản).

Môi trường gia đình là nơi trẻ được phát triển toàn diện từ lúc mới sinh ra. Nhưng ở lứa tuổi thiếu niên lớn này, gia đình không còn đáp ứng được những nhu cầu và đòi hỏi mới của trẻ. Những việc làm trong nhà trở nên buồn tẻ. Trẻ bớt giúp cha mẹ một cách sẵn sàng như khi trước. Trẻ có nhu cầu đi dạo chơi với bạn bè mà trẻ chọn. Đôi khi những bất bình, phật ý của trẻ lại có vẻ ấu trĩ và hay thay đổi. Trẻ muốn làm cái gì khác mà trẻ chưa thấy rõ mục đích và nguyên vọng. Tuy nhiên, sự khẳng định nhân cách không phải lúc nào cũng biểu hiện qua sự chống đối. Nhưng cũng phải nói là lứa tuổi thiếu niên lớn này là giai đoạn thường khó khăn nhất trong quan hệ gia đình, để khẳng định sự từ từ độc lập của bản thân đối với gia đình, để trưởng thành. Tình cảm của trẻ vì thế chuyển biến rất nhiều. Lúc thơ ấu, tình cảm đó còn mang tính chất bản năng. Đến lứa tuổi này, tình cảm của con mang ý thức tự giác, thông qua sự biết ơn cha mẹ, sự khâm phục và kính mến. Trong lúc này, nếu cha mẹ cố gắng làm như "người bạn" thì con có thể thổ lộ tâm tình. Nhưng cũng không nên lạm dụng thái độ "làm người bạn" ấy vì nó có xu hướng tiêu cực và xóa mất tính chất cơ bản trong

quan hệ giữa cha mẹ và con cái, và có thể mang lại những tình huống giả tạo khó xử sự. Điều nên nhớ ở đây là ở lứa tuổi này, gia đình không còn là trung tâm tình cảm duy nhất của trẻ nữa.

Môi trường nhà trường là nơi trẻ phát triển và phát huy các cơ chế trí tuệ của con người, cũng là nơi trẻ tiếp thu nền văn hóa của dân tộc, của nhân loại. Nhưng ở lứa tuổi thiếu niên lớn, sự học tập không đáp ứng được những nhu cầu mới của trẻ, nên nhà trường đôi khi lại ngăn chặn ý muốn độc lập, tự do của trẻ. Trẻ phát cáu với thời dụng biểu cứng nhắc. Trẻ tìm thích thú nơi các môn và vấn đề ngoài chương trình học. Bản thân nhà trường là một quy chế xã hội, mà lứa tuổi này lại hay đặt lại vấn đề sự tồn tại của các quy chế xã hội, mà trẻ chưa đủ khả năng để hiểu sự cần thiết của nó trong một xã hội tiến hóa. Cho nên cần phải phân tích và giải thích cho trẻ thấy rằng nhà trường là nơi để trẻ phát huy trí tuệ, tập luyện suy nghĩ, cung cấp cho trẻ di sản quý báu của nền văn hóa dân tộc, kho tàng tri thức nhân loại. Sự giáo dục của nhà trường là nhân tố quan trọng và quyết định nhất đối với sự hình thành nhân cách của trẻ, nhân cách với nghĩa rộng là bao hàm luôn cả vốn tri thức của nhân loại.

Phù hợp với ý nguyện của trẻ là được độc lập và tham gia vào đời sống xã hội; Đoàn, Đội cũng có một vai trò cực kỳ quan trọng để giúp trẻ giải quyết những mâu thuẫn đặt ra trong sự lựa chọn các giá trị cho bản thân, ý thức được vai trò của bản thân trong xã hội. Đoàn, Đội, gia đình và nhà trường là nơi trẻ tiếp xúc, sinh hoạt và hoạt động. Đó là các yếu tố cơ bản không thể thiếu được để hình thành một nhân cách lành mạnh.

TÂM LÝ TUỔI VÀO ĐỜI - MỘT CHÂN DUNG PHÁC THẢO

Tuổi vào đời, một giai đoạn phát triển đặc thù, đồng thời là màn cuối kết thúc quá trình phát triển của con người (tiếp theo đó là thời kỳ phát huy vốn sinh lý, tâm lý, xã hội... đã thu thập được). Qua các thời đại và ở các nước khác nhau, tuy có xuất hiện những gương mặt (bề ngoài) tuổi trẻ khác nhau (do "mốt" thời đại, do ảnh hưởng xã hội đương thời, vì nhân cách chưa định hình nên dễ xu thời) nhưng nói chung giai đoạn phát triển từng bừng như hoa nở này bộc lộ một số đặc điểm vĩnh cửu, đặc biệt giống hệt nhau qua không gian và thời gian về các khuynh hướng, quy luật phát triển, cũng như trong quan niệm về thế giới đồ vật và thế giới con người.

Tuổi vào đời: Một chiến trường tâm lý có hai mặt trận

Mặt trận thứ nhất: Thế giới nội tâm với những xung đột (không tự giải phóng được những ràng buộc cũ, không chủ động được các kích động sinh lý mới phát sinh...) cần được giải quyết để trưởng thành. Cơ bản nhất là sự giằng co, mâu thuẫn giữa mong muốn tự lập và nhu cầu còn được sự đùm bọc, che chở của cha mẹ cho nên có một thời kỳ sự trầm cảm, luyến

tiếc, ưu tư, khi sâu sắc, khi lơ mơ xâm chiếm tâm trạng trẻ vị thành niên.

Mặt trận thứ hai: thế giới bên ngoài với những quan hệ với người khác, với nhóm, tập thể, với các thể chế xã hội... Chất lượng các quan hệ này phụ thuộc mật thiết vào tâm lý cá nhân: những gì đã tiếp thụ trước đây từ cuộc sống, giáo dục gia đình, nhà trường, xã hội được thể nghiệm ở mặt trận này. Sự tác động qua lại giữa đương sự và bên ngoài diễn biến như những cuộc cách mạng nho nhỏ ở nội tâm. Thông qua đó đương sự tự điều chỉnh, sắp xếp lại những mơ ước, giá trị cá nhân; *cái tôi* dần dần trở thành *cái chúng tôi* (biểu hiện mức độ trưởng thành).

Nhiệt tình trước cuộc sống

Hành trang (vốn trí thức, văn hóa, tình cảm) mà suốt gần hai thập niên gia đình, nhà trường, xã hội đã chuẩn bị cho, bước vào đời sử dụng sao đây khi mà xã hội đã cấu trúc rồi, những nơi công tác đòi hỏi ít nhiều chủ động có thể đầu tư nhiệt tình cống hiến đã có người?

Tâm lý chung của tuổi trẻ lành mạnh, hăng hái khi tiến công vào xã hội là ước mong được làm một việc gì đó có ích. Nhưng xã hội đã tổ chức sắp xếp rồi chen vào đâu? Được đầu tư chính đáng ý chí, năng lực cho lợi ích xã hội lớp trẻ mới cảm thấy xã hội là của chính mình. Còn không, thì luôn có cảm giác mình đang đứng bên lề... Điều quan tâm trước nhất của tuổi trẻ là cuộc sống, cuộc sống của chính mình và của người khác: cuộc sống sôi động tạo nhiều hứng thú và

có sức hút mạnh nhất. Cho nên ở cương vị công tác nào dù khó khăn đến mấy mà được kiểm nghiệm nghị lực cùng tài năng sáng tạo cũng đều thấy xuất hiện nhiều tuổi trẻ ưu tú. Cũng là nơi tuổi trẻ khám phá đánh giá một cách thực tế giá trị người khác, của chính mình, để hình thành hệ thống các giá trị đã tự đặt cho bản thân để vươn tới. Đối với tuổi trẻ, nhiệm vụ là một thực tế cụ thể, chứ không phải là một ý tưởng trừu tượng của triết gia. Nhiệt tình đòi hỏi được cụ thể hóa thành sản phẩm.

Tuổi vào đời: Một giá trị

Các nhà nghiên cứu mọi phương trời đều nhất trí tuổi trẻ có ba đức tính căn bản: *nhiệt tình, ham thích cái mới, vô tư*. Do phẩm chất tinh thần đó nên tuổi trẻ là một giá trị nhân văn. Mỗi người trẻ bước vào đời thường tự xác định cho mình một lý tưởng cuộc sống trong sáng, lành mạnh. Tuổi trẻ bây giờ có nhiều tri thức khoa học, tầm nhìn vươn rộng ra thế giới hơn các thế hệ trước. Đó là điều tất yếu cho nên tuổi trẻ còn là một giá trị xã hội.

Xã hội ta đang tăng cường, đại chúng hóa nhiều giá trị văn hóa tinh thần cung cấp cho thanh niên, đang nỗ lực giải quyết những bế tắc trong lễ sống đã đẩy một số thanh niên trở thành bất lương, rồi phạm pháp, hay bệnh tâm thần... Xã hội bây giờ có tầm trí tuệ cao hơn, vật chất phong phú, nhưng cũng phức tạp hơn xưa. Nhân tài xuất hiện nhiều hơn, có nhiều thanh niên tích cực, nhưng cũng không ít thanh niên lơ lửng ngừng lại ở giai đoạn tìm lễ sống và cũng

không hiếm người lại tự dìm mình trong bùn nhơ xã hội. Quả thật tuổi trẻ hôm nay gặp nhiều khó khăn hơn trước (do xã hội ổn định, đơn giản, ít dân số hơn). Lựa chọn sao đây? Những điều kiện xã hội cung cấp không hẳn phù hợp cho mọi cá nhân. Thái độ sáng suốt nhất là không phủ nhận toàn bộ một cách trừu tượng (phủ định siêu hình) mà nên tập thói quen khách quan, khoa học, phân tích ra cái phù hợp nhất cho mình để tiến bộ (đó là phủ định biện chứng).

*

Tuổi trẻ - giai đoạn con người tự trang bị những giá trị thể chất và tinh thần phong phú - trôi qua rất nhanh. Sao lãng hay chần chừ đều dễ dẫn đến những tổn thất không thể đảo ngược được. Dù sao, thế hệ trước là chỗ dựa sáng suốt quý báu, bao giờ cũng có cái nhìn thân thương phấn khởi đối với tuổi trẻ tiến bộ như hình ảnh của chính mình phát triển, cũng như không khỏi đau lòng trước một số người tuổi trẻ thất bại trong việc săn tìm lẽ sống cho cuộc đời riêng.

THÁI ĐỘ CỦA CHA MẸ VÀ NHÂN CÁCH CỦA CON

Nhân cách con người bắt đầu hình thành từ sự giáo dục ở gia đình. Nhân cách của trẻ từ từ được xây dựng thông qua nhân cách đạo đức, nếp sống của cha mẹ, đặc biệt là thái độ của cha mẹ trong quá trình giáo dục.

Cha mẹ tin tưởng

Tin tưởng có phải là để con tự do không? Sự thật có một mối liên hệ nào đó giữa hai yếu tố đó. Trẻ cần được tự do để học tập, lĩnh hội, phát huy óc sáng tạo. Cũng như trẻ cần được tin yêu mới cảm thấy an toàn. Có cảm thấy an toàn thì trẻ mới học tập, lĩnh hội và phát huy óc sáng tạo một cách hài hòa được (người lớn cũng thế!). Được cha mẹ đặt lòng tin và giúp đỡ, trẻ cảm thấy tự tin. Tự tin là động lực phát triển, ngay những lúc khó khăn nhất trong đời sống.

Cha mẹ thiếu tin tưởng con tức là đã gián tiếp kìm hãm sự phát triển đó. Con không cảm thấy vui vẻ hạnh phúc để cố gắng học tập, phát huy quan hệ với bạn bè, với xã hội. Cha mẹ để con tự do nhưng đừng làm bậy (sic) nhé! Cha mẹ không biết con đủ sức cư xử đúng đắn không. Hoặc khát khe hơn: Làm đi, không

thì phải đòn. Những điều này chỉ gây mặc cảm, ngăn chặn tiềm năng phát huy nếu không gây nên sự chống đối. Có trẻ thông minh nhưng thất bại trong học hành chỉ vì lý do đó!

Tin tưởng một người là chấp nhận toàn bộ con người đó, kể cả những khuyết điểm. Cũng như các đức tính và phẩm chất tốt, khuyết điểm cũng là một phần của nhân cách. Hễ còn là trẻ con thì còn nhiều khuyết điểm: giáo dục là giúp đỡ trẻ ngày càng thoát khỏi khuyết điểm (và tăng nhiều hơn ưu điểm). Trẻ con cần có thời gian để học tập về mọi việc, mọi mặt của đời sống, cho nên trước tiên phải chấp nhận trẻ như hiện tại để tìm hiểu những nhược điểm của trẻ thì mới biết được phải làm gì để giúp trẻ lớn. Nếu trẻ đi vững được bây giờ là nhờ đã có ngã, cũng như biết bơi là đã phải chịu uống nước nhiều lần rồi. Người đang học tập thì phải được tự do tập dượt. Phải cụ thể hóa sự tin tưởng, ngay khi đương sự còn thất bại: vấn đề là hướng dẫn họ để dần dần giảm thất bại, tăng tiến bộ (rút kinh nghiệm, tìm hướng giải quyết...). Được tin yêu trẻ sẽ phấn khởi nên dễ dàng chấp nhận và tiếp thu những lời dạy bảo, mệnh lệnh để làm vui lòng người đã tin mình.

Thái độ tin tưởng còn biểu hiện qua sự trung thực. Không nên nói dối hoặc tránh né trả lời theo yêu cầu của trẻ, tùy theo lứa tuổi. Khi trẻ hỏi về giới tính, đừng tỏ ra khó chịu. Hãy trả lời và giải thích theo ý muốn biết của trẻ lúc đó, theo trình độ của trẻ (thường là đơn giản, chứ không là một sự tọc mạch vô ích đâu!). Luôn luôn giải thích, giúp trẻ hiểu dù vấn đề không thuộc lĩnh vực học tập hay của nhà trường.

Nếu ta nhận định rằng con trẻ hiện tại là con người xã hội tương lai phải lao động và sáng tạo thì ngay bây giờ phải đáp ứng nhu cầu hiểu biết của trẻ. Sáng tạo chỉ phát huy được từ một vốn lao động hiểu biết, tri thức đã có sẵn. Ở đây phải phân biệt tin tưởng có cơ sở và tin tưởng mù quáng (không khác gì với sự buông lỏng!). Dự đoán những nhược điểm, đánh giá tiềm năng, khuyến khích sự cố gắng của trẻ, đó là hoạt động xuất phát từ sự tin tưởng của người giáo dục. Hơn nữa một đứa trẻ luôn luôn có nhu cầu được hướng dẫn (như nhu cầu ăn no mặc ấm) đương nhiên hoàn toàn tin tưởng sự hướng dẫn của cha mẹ, của người lớn. Đến khi không gian hoạt động đã mở rộng, con vẫn còn cần sự chỉ dẫn, khuyến bảo của cha mẹ trong những tình thế mà đời sống đặt ra.

Có tin tưởng con thì những quy tắc xã hội, vốn đạo đức, tình cảm mà cha mẹ truyền đạt cho con mới có nhiều khả năng trở thành những yếu tố cấu thành bản chất nhân cách tốt của trẻ. Khiến cho khi trẻ lớn ra đời ngoài xã hội sẽ trở thành con người văn hóa thật sự, xử sự một cách văn hóa trong mọi tình huống. Sống thiếu vệ sinh, vô kỷ luật, không phải chỉ xấu, là tội, mà chính là hành vi ấu trĩ như của một đứa trẻ con chưa được giáo dục! Tin tưởng con là hành trang quý báu cha mẹ tặng để con bước vào ngưỡng cửa cuộc đời với lòng tin và sự tự trọng cần thiết, chính là ở chỗ này.

Tin tưởng con cũng là tin tưởng vào cuộc sống. Người ta nên tin tưởng cuộc sống, tin tưởng con, tin tưởng tuổi trẻ. Dù đôi khi không đạt kết quả như ý muốn đi nữa, hãy xem đó là những thí nghiệm để tìm

một cách sống nào đó thích hợp cho chính nó (chứ không phải cho chính mình). Có cha mẹ trước thất bại cảm thấy hổ thẹn, như bị xúc phạm, hạ thấp hoặc xem đó là thất bại của chính mình, điều đó không đúng đâu!

Cha mẹ - bạn của con

Nhân cách trẻ hình thành thông qua sự tác động và ảnh hưởng của người giáo dục đó là cha mẹ, thầy cô. Điều này biểu hiện rất rõ trong những sinh hoạt hay giấc mơ của trẻ: trẻ bắt chước, đồng nhất, đôi khi đối lập... Bắt chước hay đối lập biểu hiện một mối tương quan nào đó: Các đặc điểm nhân cách của trẻ được hình thành theo hướng các tấm gương, mô hình được cung cấp, hoặc ngược lại theo phản ứng không chấp nhận, chống đối các hình ảnh đó. Do đó, người giáo dục trước nhất phải trưởng thành về mặt tâm lý. Có vậy, trẻ mới cảm nhận được giáo dục của mình, tượng trưng thật sự cho một giá trị, một lý tưởng phải vươn tới. Sự cảm nhận đó làm cho trẻ sẵn sàng, dễ dàng tiếp thu và tuân theo lời dạy bảo. Trẻ phải thương yêu và kính nể người dạy dỗ mình vì người đó là biểu tượng những giá trị cao hơn mình có, để tuân theo mà tiến bước.

Vì muốn được con chấp nhận vô điều kiện nên có một số cha mẹ tự cho mình phải là bạn của con (phải thấy trước nhất là cha mẹ có trách nhiệm với con, còn bạn thì không!). Với ý niệm như thế thì giáo dục không bao giờ đạt kết quả mỹ mãn. Muốn là bạn của con cái thì phải tự coi mình ngang tầm với nó! Con cái có thể thích thú sự "gần gũi" đó. Các quan hệ nhìn từ

ngoài có thể xem như thoải mái và tự do. Trong vài trường hợp con có thể thổ lộ tâm tình dễ dàng hơn. Nhưng kinh nghiệm cho thấy điều lợi đó rất nông cạn và hạn chế so với hậu quả về lâu về dài.

Muốn là bạn của con thì đương nhiên có xu hướng chiều con (thái độ không bình thường, đôi khi giả tạo đó khi con đã lớn nó cũng thừa biết!). Giá trị và đức tính tốt của người lớn đã trưởng thành không được khẳng định rõ ràng. Uy tín của cha mẹ ở đâu để con có thể kính nể? Có người cha đi theo con trai đến những nơi mà không phải chỗ cho người lớn. Cha thì mất quyền lực và uy tín của người làm cha, còn con thì mất cảm giác có một người cha! Nguy hại và phản giáo dục; cha thủ vai thanh niên, mẹ thủ vai thiếu nữ! Không đúng vị trí nên không thể trung thực được. Con cái có thể tìm ở đâu hình ảnh chân chính của người cha, người mẹ gương mẫu không ngừng soi đường dẫn lối cho những bước đi chập chững vào đời...?

Tuổi thơ là tiềm năng. Giống như hoa khi mới trở thành quả... Sự phong phú nằm trong quả, không trong hoa. Có trưởng thành mới phong phú được. Sự trưởng thành mang lại sự phong phú. Các giá trị nhân bản (lòng vị tha, sự từng trải, trí tuệ, sức mạnh tinh thần...) con người chỉ đạt được khi đã trưởng thành. Muốn giáo dục con tốt, cha mẹ cần liên tục tự trau dồi để trưởng thành trong vai trò làm cha, làm mẹ. Chức năng của cha mẹ không thể nào là bạn của con được.

Có một yếu tố khác vô cùng quan trọng để sự giáo dục mang lại kết quả tốt là sự đầm ấm, hài hòa, trật tự trong các quan hệ cha mẹ, con cái. Quan hệ có trật

tự là có người lớn, người nhỏ không thể bằng nhau một cách máy móc được. Có như thế, cha mẹ mới biểu hiện được sức mạnh trong sáng của các phẩm chất, đức tính mà con người phải có để ngày ngày thâm nhập vào nhân cách, bản chất con, làm nền tảng tâm lý vững chắc cho con. Cha mẹ muốn là bạn của con thì không thể làm được việc này. Có một thanh niên than thở với cha: "Ba ơi, con đã có nhiều bạn rồi, nhưng con chỉ có một người cha...!". Câu này đáng được suy nghĩ về sự mong chờ của con cái đối với cha mẹ.

Cha mẹ cầu toàn

Con là một phần của chính mình, nên sự mong muốn con được hoàn hảo, thực hiện ước vọng của mình không hẳn là không chính đáng. Do đó, có cha mẹ quyết tâm đeo đuổi ước vọng riêng tư của chính mình qua con, hơn là giáo dục con vì tương lai của chính nó. Cho nên xu hướng áp đặt những quy tắc không phù hợp với độ tuổi của con không phải là hiếm. Mỗi động tác, cử chỉ, hành động của trẻ lúc nào cũng bị can thiệp. Thái độ này không giúp con phát triển, ngược lại làm cho trẻ mất nghị lực, nghi ngờ về khả năng của mình. Không khí quan hệ gia đình luôn luôn căng thẳng thất vọng. Cha mẹ thất vọng vì con không ngoan, không vâng lời. Con thì thôi chí cố tránh né sự can thiệp, quở phạt, rầy la của cha mẹ bằng cách không làm, không nói (lười biếng, thụ động, ù lì...) hoặc chống đối (bữa bãi, vô kỷ luật, làm ngược ý muốn cha mẹ...). Dần dần cha mẹ chỉ còn trông thấy những mặt đáng chê trách của con mà thôi, nên âu lo ngày càng

tăng. Âu lo càng nhiều thì sự giám sát của cha mẹ càng chi li (đôi khi còn sáng tạo nhiều mưu kế cho công việc này!). Càng bị giám sát trẻ càng thấy việc mất an toàn không biết dựa vào đâu (ta biết sự mất an toàn tâm lý là cửa mở cho rối loạn tâm lý). Muốn phá vỡ cái vòng luẩn quẩn có hại cho cả đôi bên đó, chỉ có cách là cha mẹ phải điều chỉnh lại thái độ giáo dục của mình. Không quở mắng, chỉ trích khi không cần thiết, mà phải giúp trẻ giải quyết những yếu kém trong lao động, trật tự, kỷ luật của trẻ cùng thực hiện với trẻ lúc ban đầu. Làm sao cho trẻ tự đánh giá đúng, để lấy lại lòng tin (và sự tin tưởng của cha mẹ). Khi trẻ bắt đầu biết tự quản thì đó là thành công rồi.

Thực tiễn cho thấy khi tụ họp các cha mẹ để cùng nhau trao đổi những vướng mắc trong sự giáo dục con cái, thường thì họ có cảm thấy được an ủi. Khó khăn không chỉ đặc biệt riêng mình, mà cha mẹ khác cũng gặp phải điều tương tự. Do thái độ quá khắt khe, khuôn mẫu cứng nhắc, ngăn chặn sinh lực chớm nở nơi trẻ phát huy đã gây nên. Thường thường, nếu ý thức trật tự của trẻ còn kém, không hẳn là vấn đề phải lo ngại cho lắm vì qua thời gian uốn nắn sẽ xong. Nhưng trái lại một đứa trẻ quá tỉ mỉ, chi li, quá ám ảnh về trật tự, quy tắc (quá ngoan!) lại cần được chú ý theo dõi vì có thể là triệu chứng sơ khởi của rối loạn tâm thần.

Nuôi dạy con vì con, vì tương lai của chính nó là mở đường, là tạo khả năng để con có thể trở thành vừa là con người hữu ích cho xã hội, vừa là niềm tự hào cho chính mình.

MẤY BÍ QUYẾT SƯ PHẠM

Tại sao các giáo viên cùng được đào tạo ở một trường, được cung cấp một số vốn tri thức và được huấn luyện về sư phạm giống nhau, mà kết quả dạy học không như nhau, có người thành công, có người không?

Vấn đề đặt ra đối với mỗi giáo viên là "bí quyết sư phạm!". Dạy học không phải chỉ đơn thuần là phân phối tri thức - kiến thức, mà phải làm sao cho học sinh chiếm lĩnh các tri thức - kiến thức đó để làm nền tảng cho bản thân. Hai công việc đó khác nhau. Và đấy chính là hệ quả trong sự quan hệ giao lưu trực tiếp giữa giáo viên và học sinh. Nghiên cứu các dữ kiện thu thập được từ sáu cuộc phỏng vấn "tự do, có chủ đề" đối với một số giáo viên tại các trường phổ thông cơ sở ở thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi thấy rằng, khi đề cập đến lớp học của mình, các giáo viên đều nêu lên ba ý chính. Tình thương của giáo viên đối với học sinh, ý nghĩa bực giảng đối với giáo viên và uy tín giáo viên.

Tình thương

Hầu hết các giáo viên được phỏng vấn đều lấy hình ảnh gia đình làm hình ảnh lớp học của mình: "lớp học là gia đình lớn của tôi", "lớp học là tổ ấm gia đình".

Yêu học sinh cũng là niềm say mê của những "kỵ sư tâm hồn" trong trường học, cho nên tình thương của giáo viên đối với học sinh là đương nhiên: Tình thương đó giúp cho đời sống của giáo viên có ý nghĩa.

Một điểm cần ghi nhận là tất cả các giáo viên được phỏng vấn đều nhấn mạnh yếu tố tình thương của mình đối với học sinh, nhưng chỉ có hai giáo viên đề cập đến tình thương của học trò đối với giáo viên. Nhưng đây không phải là một yếu tố khiến sự giảng dạy có kết quả, mà chỉ là một trong những yếu tố động viên giáo viên. Thật sự thì nhiều nhà giáo dục nhấn mạnh điểm này: Học trò phải thương thầy thì mới học tốt. Song, thầy có thương học trò thì học trò mới thương thầy. Khó có học trò thương thầy nếu không được thầy thương. Bí quyết thành công là sự yêu mến lẫn nhau giữa thầy và trò. Vì vậy, tình thương một chiều của giáo viên đối với học sinh không hẳn đã mang đến kết quả như ý muốn. Và như vậy cũng có thể nói là chưa có tình thương trọn vẹn.

Bục giảng

Về mặt không gian, bục giảng giúp giáo viên có thể đứng trên cao để quan sát học sinh. "Trên cao" cũng có nghĩa bóng là giáo viên phải có vị trí cao hơn học sinh. Đứng trên bục giảng, giáo viên cảm thấy mình có một trọng trách to lớn đối với sự nghiệp giáo dục: truyền đạt tri thức của dân tộc và của nhân loại. Bục giảng là nơi ràng buộc người giáo viên với nhiệm

vụ của mình. Nó là chỗ đứng mà người giáo viên phải luôn luôn vững vàng về mọi mặt, lập trường tư tưởng, tác phong đạo đức, đến tri thức.

Cho nên đứng trên bục giảng, người giáo viên phải có thái độ trân trọng nghiêm túc. Bục giảng là nơi mà giáo viên tiếp tục tồn tại về mặt tinh thần: truyền đạt văn hóa, đào tạo con người, tái sản xuất những lực lượng tinh thần mới cho xã hội.

Đứng trên bục giảng, không thể không âu lo: "bục giảng không cao đâu, nhưng đã có người vấp ngã". Ý nguyện lớn nhất của người giáo viên là không bao giờ vướng mắc, vấp ngã bên bục giảng.

Uy tín

Làm sao có uy tín đối với học trò? Đó là mối lo âu chính của giáo viên. Tất cả các giáo viên được phỏng vấn đều nhất trí rằng *uy tín là phải do bản thân tự tạo*, trong lĩnh vực trí tuệ cũng như trong lĩnh vực tình cảm. Vậy điều kiện nào khiến cho giáo viên có thể xây dựng uy tín cho mình?

Tôi xin nêu lên vài ý kiến:

Thứ nhất, là tạo nên trong lớp một bầu không khí an toàn. Muốn tạo được bầu không khí cần thiết đó thì giáo viên phải chú ý đến sự công bằng và bình đẳng nghiêm minh; mặt khác, giáo viên phải thương yêu và quan tâm đến từng học sinh.

Thứ hai, giáo viên phải kiên quyết đòi hỏi học sinh: kỷ luật, lịch sự và lễ phép trong cử chỉ, cách ăn

mặc; cần cù, nghiêm túc trong học tập. Học trò phải vừa thương thầy mà vừa kính thầy.

Thứ ba, đối với lứa tuổi 14-15 là lứa tuổi có những nhu cầu riêng mà giáo viên cần quan tâm, vì vậy: đừng để trẻ tụ tập thành nhóm thoát ly sự kiểm tra của mình. Cần có sự hướng dẫn giúp đỡ của giáo viên để định hướng hoạt động của các nhóm học sinh theo một mục tiêu có lợi cho tập thể.

Cuối cùng, giáo viên phải có điều kiện và khả năng thực hiện những sinh hoạt vui chơi giải trí ngoài giờ học với học sinh: sinh hoạt thủ công, tham quan, xem văn nghệ... Trong những sinh hoạt ngoại khoá, thầy trò dễ dàng gần gũi và hiểu biết nhau hơn.

*

Trong sự truyền đạt kiến thức cho học sinh, thành công thuộc về giáo viên có nghệ thuật phát huy những gì tốt nhất, tích cực nhất nơi học sinh. Nghệ thuật ở đây mang nhiều yếu tố tình cảm hơn là yếu tố kỹ thuật. Sự truyền thụ kiến thức của giáo viên phải đặt trên nền tảng lạc quan. Người bi quan không bao giờ thương trẻ, và cũng không bao giờ được trẻ thương mến. Người giáo viên phải gần bó, phải yêu mến và tin tưởng trẻ mình dạy. Có lẽ đó cũng là một bí quyết của sự thành công nơi người dạy học.

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ QUAN HỆ TÌNH CẢM GIỮA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH TRONG DẠY HỌC

Giữa giáo viên và lớp học, giữa giáo viên và từng học sinh có một sự giao cảm qua lại không ngừng mà người chủ động và chi phối tất nhiên là giáo viên. Sự giao cảm qua lại đó có thể tích cực (đó là lý tưởng), có thể tiêu cực, thậm chí có thể làm rối loạn.

Giáo viên là người khơi gợi bầu không khí tình cảm (với nghĩa rộng: bao gồm các cảm xúc) trong lớp học. Những thái độ, những cảm xúc của giáo viên đều gây ra phản ứng của học sinh. Phản ứng vui vẻ và tin tưởng, đó là bầu không khí thuận lợi cho kết quả giảng dạy. Phản ứng kích động hay chống đối (ra mặt hoặc ngấm ngầm) rõ ràng là bầu không khí không thuận lợi.

Bầu không khí tình cảm của lớp học không phải là ngẫu nhiên: nó liên hệ mật thiết với quan niệm của giáo viên về sự giáo dục, về lớp học. Thường có hai quan niệm đối lập nhau:

1. Khi giáo viên quan niệm rằng học sinh có nhiều nhược điểm, nhiều tiêu cực mà quên nhiệm vụ mình là theo dõi, uốn nắn "vì lợi ích của học sinh" (quan

niệm này đôi khi bản thân đương sự không hẳn là có ý thức) thì đương nhiên giáo viên có thái độ dè dặt, nghi ngờ, khát khe đối với học sinh. Xu hướng đưa ra thêm (cho đó là sáng kiến) những áp đặt khác, ngoài các mệnh lệnh cần thiết, để bảo đảm trật tự trong lớp và nhà trường, không phải là hiếm. Và điều đó không tránh khỏi làm mọc lên một hàng rào vô hình chắn giữa giáo viên và học sinh. Quả thật, bề ngoài học sinh có thể kính nể (khác với kính mến) thầy và vâng lời thầy. Nhưng sự thật, tình cảm sâu kín của học sinh đối với giáo viên có khi là một sự oán trách thầm lặng và một sự thiếu tin tưởng. Thêm vào đó, có thể là một sự chống đối ngầm ngấm, do ý thức rằng mình bị áp bức. Đằng sau cái vỏ bề ngoài tuân thủ là những hành vi để giải phóng mà biểu hiện cụ thể là những vi phạm các nguyên tắc do giáo viên đề ra, những trò cười chế nhạo giáo viên (để trả thù) thái độ uể oải trước các công việc bắt buộc, thái độ không tin tưởng kiểu đạo đức "vì lợi ích của học sinh" đó. Quan niệm này là di sản kế thừa từ một truyền thống giáo dục lâu đời, mặc dù nó có thể biểu lộ qua nhiều dạng khác nhau, khó thấy, nhưng còn thịnh hành ngay nơi những người tận tâm và yêu nghề nhất.

2. Quan niệm ngược lại, mặc dù được khẳng định mạnh mẽ nhưng chưa hẳn là một hiện thực phổ biến: quan niệm cho rằng trường học là nơi để học sinh phát triển cơ thể và nhân cách của mình, nên người thầy luôn cởi mở tâm hồn, để học sinh được phát triển không phải theo như ý định của người lớn, mà sống và học tập theo nhịp độ phát triển của lứa tuổi để học

làm người (trong xã hội), dưới sự hướng dẫn và tình thương của giáo viên và thông qua sự cộng tác hòa hợp giữa giáo viên và học sinh. Không phải vì thế mà uy tín của giáo viên bị lu mờ như ta thường tưởng. Ngược lại nó làm cho uy tín của giáo viên càng thêm hiệu lực vì uy tín đó do sự kính mến và thừa nhận của học sinh. Giáo viên không phải là một người chỉ đánh giá, phê phán, xét xử mà phải là một huấn luyện viên, một hướng dẫn viên trong sự học tập về mọi phương diện văn hóa, đạo đức, chính trị (*đạo đức*: đạo đức cá nhân; *chính trị*: đạo đức chung của xã hội). Tình cảm chi phối mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh, trong trường hợp trên, căn bản là sợ sệt, còn ở đây là sự tin tưởng tự giác mang ít nhiều tính cách tuyệt đối.

Mặc dù hai quan niệm vừa nêu trên là trừu tượng, nhưng nó có một sức mạnh tác động thực sự trên thực thể cụ thể đang sống và hoạt động là lớp học. Chính nó quyết định bầu không khí tình cảm của lớp học và chi phối những cảm xúc vận hành trong không gian lớp học. Cho nên nó rất được sự quan tâm của các nhà tâm lý giáo dục, ngoài các yếu tố khác trong nhân cách của giáo viên.

*

Một yếu tố khác không kém quan trọng để tạo bầu không khí tình cảm thuận lợi là quan niệm của giáo viên về vị trí và vai trò của mình đối với học sinh. Nếu giáo viên tự cho mình phải có một thế đứng trên cao

đối với tập thể học sinh thì cũng rất khó xây dựng được tình cảm tốt đối với học sinh. Tương tự như một nhà diễn thuyết mà quan niệm rằng những người đang lắng nghe mình là một đám người kém cỏi, thì khó thu hút được cảm tình của người nghe, mặc dù tài năng hùng biện của anh ta có sắc sảo đến đâu thì người nghe chỉ có thể phục tài hùng biện chứ không có cảm tình vì không thể có một sự giao cảm nào giữa anh ta và người nghe được (do đó, mà nội dung thuyết trình không thấm vào người nghe bao nhiêu). Một giáo viên khiêm tốn hơn, tự cho rằng mình cũng học hỏi được ở học sinh như học sinh học hỏi nơi mình thì sẽ thoải mái đứng cùng trên một mặt bằng với học sinh (với nghĩa bóng: bình đẳng giữa người và người) thì học sinh dễ sẵn sàng tin tưởng.

Một yếu tố tình cảm khác mà ai cũng nhất trí là tình thương của giáo viên đối với học sinh. Dù là điều kiện tiên quyết khi chọn nghề: phải yêu trẻ thì mới dạy được trẻ. Nhưng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, giáo viên không thể dừng lại ở quan hệ tình cảm chung chung đó. Mà giáo viên phải thương từng học sinh, dù là học sinh cá biệt đến đâu. Có thương thì mới đầu tư tâm trí tìm hiểu từng em, để có biện pháp giáo dục thích ứng được (kết quả của sự tác động qua lại giữa hai nhân cách: giáo viên và học sinh). Giống như thầy thuốc phải thương bệnh nhân dù là phức tạp hay khó tính đến đâu, thì mới điều trị được. Nhưng tình thương một chiều đó chưa hẳn là đủ để sự giáo dục mang đến kết quả như ý muốn. Các nhà tâm lý giáo dục thường nhấn mạnh sự yêu mến của học trò

đối với thầy là một yếu tố quyết định trong sự thành công của giáo dục. Chẳng những thầy phải thương trò mà trò phải thương thầy thì sự giáo dục mới tiến hành tốt được. Có lần triết gia Socrate nói với cha mẹ của một đứa học trò: "Tôi xin trả lại đứa con cho ông bà đây. Tôi không thể dạy gì cho nó được: nó không thương tôi". Trò phải thương thầy thì sự giáo dục của thầy mới có kết quả. Tất nhiên là trò không thể thương thầy nếu không được thầy thương. Bí quyết của sự thành công trong giáo dục là ở tình thương hai chiều đó.

Mấy ý kiến sơ bộ trên đây cho ta thấy yếu tố tình cảm trong lớp giữa giáo viên và học sinh là vô cùng quan trọng. Có lẽ vấn đề này cần được quan tâm nghiên cứu nhiều thêm.

ĐỘNG CƠ LAO ĐỘNG

Trong lao động, con người thực hiện dự án tự phát triển của mình và nguyện vọng đóng góp cho xã hội. Cho nên, quan tâm đến nguyện vọng và sở thích của cá nhân trong bố trí công tác không chỉ là tăng năng suất lao động mà còn đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung cũng như vào sự hình thành nhân cách và bảo vệ sức khỏe tâm thần.

Khác với các loài động vật khác, con người không khi nào để nguyên si các đồ vật chung quanh mình trong trạng thái đầu tiên khi bắt gặp nó. Con người luôn luôn thay đổi, cấu trúc nó lại theo ý muốn của mình, để phục vụ mình, hoặc phá hủy nếu nó gây trở ngại cho mình, để các đồ vật đó trở thành thế giới của chính mình. Xem lại quá trình phát triển của người ta thấy đặc điểm đó của con người đã có sẵn từ tuổi thơ. Khi chơi ở bãi cát bờ biển, ta thấy trẻ cất nhà, đắp núi, đắp bờ kênh cho nước chảy vào: trẻ tạo lại cảnh vật trẻ muốn. Trong giấc mơ, trẻ cũng xây cất. Con người từ bé luôn luôn lao động. Con người phát triển nhờ có sức lao động và trong lao động.

Con người luôn luôn mong muốn phát triển; từ bé đã cố gắng bắt chước người khác, cố gắng xử sự như một người nào đó mà trẻ muốn noi gương (như người

cha chẳng hạn đối với con trai, người mẹ hay chị lớn đối với con gái). Ở tuổi thiếu niên, sự cố gắng tự phát triển đó cụ thể hơn, mang tính cách cá biệt hơn, thông qua các hứng thú, các dự định chọn ngành nghề học tập. Khi ta hỏi một thiếu niên: em sẽ làm gì sau này? Làm gì, nghĩa là đề cập đến hình thái hoạt động mà thông qua đó trẻ có ý nguyện tự phát triển. Cũng có nghĩa là thông qua đó ta thấy được phần nào đặc điểm nhân cách của trẻ.

Các công trình nghiên cứu đã chứng minh rằng từ 2-3 tháng tuổi trẻ đã không thụ động, mà biết chú ý các biến đổi xung quanh: một tiếng động bỗng nhiên ngừng, ta thấy trẻ ngừng cử động, đó là trẻ chú ý sự biến đổi, sự ngừng của tiếng động. Đến 5-6 tháng, trẻ đã biết chú ý đến những biến đổi do chính động tác trẻ gây ra. Những biến đổi này được trẻ đặc biệt chú ý, mặc dù trẻ chưa ý thức được mối liên hệ. Hoạt động nào của trẻ mà có gây nên biến đổi thì trẻ hay lặp lại hoạt động đó để kiểm tra trong thực tiễn.

Trẻ 3-6 tuổi rất thích chủ động trong công việc hay tự làm được một việc gì, một món đồ gì... Các nhà tâm lý học thường làm thực nghiệm để xác định đặc điểm này nơi người, từ bé. Ví dụ một thực nghiệm loại đó. Trong một phòng thực nghiệm, có để sẵn ở hai góc phòng hai người máy (phòng thực nghiệm thường được kiến trúc bằng những bức tường bằng loại kính đục, để cho người ở trong phòng không nhìn thấy được bên ngoài, mà quan sát viên bên phòng bên cạnh nhìn thấy rất rõ mọi việc gì xảy ra trong phòng thực nghiệm). Chín đứa trẻ 5 tuổi chia ra làm hai nhóm,

được đề nghị chơi trên hai người máy A và B. Thực nghiệm chia ra làm ba phần: Phần I: Trên người máy A khi trẻ nắm cánh tay người máy kéo xuống thì đèn bật sáng và tắt ngay, nhưng đèn cũng tự động sáng và tắt, khi trẻ không làm gì cả; trên người máy B: khi trẻ nắm tay người máy kéo xuống thì đèn sáng và tắt ngay, và đèn chỉ sáng và tắt khi trẻ nắm tay người máy kéo xuống. Sau phần I, tất cả trẻ được ra ngoài nghỉ chơi. Phần II: cũng tương tự như phần I, nhưng trên người máy A thì đèn đã sáng sẵn, khi trẻ kéo tay người máy xuống thì đèn tắt rồi bật sáng ngay, và cũng không cần động tác nào của trẻ, đèn cũng tự động tắt rồi bật sáng ngay; còn trên người máy B, thì chỉ khi nào có động tác kéo tay người máy xuống thì đèn mới tắt và sáng lại ngay. Sau phần II, trẻ cũng được ra ngoài nghỉ chơi. Phần III: trẻ trở vào phòng thực nghiệm: trẻ được tự do chọn chơi trên người máy nào cũng được. Kết quả nhận xét: không trẻ nào chọn chơi trên người máy A mà trẻ không chủ động. Thông qua những lời lẽ trao đổi và bình luận của trẻ với nhau, trẻ không thích sự việc không do trẻ chủ động, không thích nhìn xem sự việc diễn biến một cách thụ động. Nói chung, con người từ bé đã biết thích thú khi bản thân là tác giả một cái gì, là người có ảnh hưởng tới một sự việc nào đó.

Những "sản phẩm" mà con người mong muốn tay mình làm ra là đa dạng. Có thể là một dụng cụ, một xí nghiệp mà mình có phần ít nhiều chủ động trong thiết kế, xây dựng. Có thể là một thành quả lao động trí óc, thể thao, xã hội. Nói chung, con người luôn luôn có

động cơ làm được một việc gì do chính mình chủ động (nếu được cung cấp điều kiện cần thiết). Và càng cảm thấy thoả mãn nếu việc đó không có sự tích cực của mình thì không kết quả. Xu hướng đồng nhất với thành tích, công trình của mình là đặc điểm của con người: công trình hay thành tích phát triển khả năng, nhân cách và triển khai bản ngã.

Mục đích của lao động là tạo ra sản phẩm (với nghĩa rộng như vừa nói trên). Con người từ bé hay thích làm được một việc gì, nên trong điều kiện bình thường, không bị bệnh thì sự thích thú lao động, hoạt động là tự nhiên. Ở đồng quê, ta thường thấy trẻ 8-10 tuổi "cất nhà" (đúng ra là cái chòi), và trẻ để hết sức lực và tâm trí, không kể giờ giấc, ăn uống, tìm kiếm vật liệu để cất ngôi nhà đó, nhà riêng của trẻ. Động cơ lao động tự giác làm cho con người cảm thấy thích thú lao động, đầu tư nhiệt tình và quyết tâm trong lao động, có sáng kiến để hoàn thành tốt công việc. Tuy nhiên, trong xã hội còn có nhiều người lao động mà không có động cơ lao động. Họ bị bắt buộc phải lao động nên chỉ lao động vừa đủ yêu cầu, nếu không kém hơn. Động cơ lao động của họ là động cơ bị áp đặt. Nhưng khi nhìn sâu trong đời sống của họ, thì ta thấy số đông có một hứng thú hoạt động khác ngoài lao động chính quy. Nói thế không có nghĩa là những người có động cơ lao động tự giác không có hứng thú nào khác ngoài thích thú trong lao động. Nhưng để thấy rằng con người (từ bé) có nhu cầu sử dụng năng động vốn có của mình.

Khuynh hướng chung của người là chẳng những

luôn luôn tác động đến sự diễn biến của sự vật chung quanh mà còn tác động đến sự phát triển của bản thân. Cho nên trong điều kiện thuận lợi, ý nguyện tự phát triển trong lao động, hoạt động bao giờ cũng có, hoặc bộc lộ rõ rệt, hoặc kín đáo hơn. Nhờ có ý nguyện tự phát triển đó mà con người định hướng năng động vốn có của mình, phân phối và đầu tư nó có trọng tâm. Do đó, mà động cơ lao động, hoạt động mang tính chất liên tục, thuần nhất và nhất quán. Nhờ lao động, hoạt động mà con người tự phát triển theo quan niệm của mình về mình, theo hình ảnh mà mình tự cho mình. Và, con người chỉ có thể phát triển trong lao động hoạt động. Ta nhớ lời dạy của Bác: người không hoạt động, dù có đạo đức cách mấy thì như "ông bụt" chưng bày trong tủ kính.

Ở lứa tuổi thanh niên, quan niệm về bản thân đã rõ rệt. Thanh niên có đủ trình độ trưởng thành, để tự biết về khả năng và điều kiện của mình, để có dự án cho đời sống của mình trong xã hội, đúng theo quan niệm của mình về mình, đúng với vị trí mà mình muốn có trong xã hội. Quan niệm về bản thân biểu hiện thông qua việc chọn nghề nghiệp, ngành học tập. Sự lựa chọn tự giác đó đáp ứng đồng thời hai mục tiêu: lao động vừa để tham gia vào công cuộc xây dựng xã hội, vừa để tự phát triển. Trong trường hợp đảm nhận một nhiệm vụ gì cũng thế, vừa lao động để sử dụng năng động, vừa tự phát triển trong lao động.

Động cơ lao động bị áp đặt từ bên ngoài bao giờ cũng xa lạ với bản chất hoạt động lao động của người.

Khi hoạt động lao động nằm trong chính dự án hoạt

động của chủ thể, thì động cơ lao động đồng nhất với động cơ tự phát triển của chủ thể, ít nhất cũng là một phần quan trọng. Thường động cơ từ bên trong, động cơ tự giác đó rất mạnh, đôi khi rất mãnh liệt (do sức thúc đẩy của tính năng động vốn có sẵn). Và nó có nhiều khả năng mang kết quả theo ý muốn, nghĩa là kết quả tốt. Vì lý do này mà động cơ tự giác cũng tham gia tích cực vào quá trình hình thành một nhân cách vững chắc.

Phần II

MẤY VẤN ĐỀ TÂM LÝ CỦA TRẺ EM

TÌM HIỂU TRẺ BIẾNG HỌC

Khi con học dở, có điểm kém ở lớp, hoặc thấp hơn điểm mà cha mẹ chờ đợi nơi trẻ, thì cha mẹ thường gán cho trẻ là lười học: cần phải trừng phạt để trẻ từ bỏ thói lười nhác học hành đó.

Thực sự, có nhiều nguyên nhân khiến trẻ không theo kịp đà học tập ở lớp.

Nguyên nhân trí tuệ

Nơi một số trẻ, nhịp độ phát triển chậm hơn trung bình. Biết đi, biết cười, biết nói đều chậm hơn trẻ khác. Khi đi học trẻ cũng chậm biết đọc, chậm biết viết, chậm biết làm toán, mọi việc đều chậm hơn bạn cùng lớp. Chỉ số trí tuệ của trẻ thấp hơn mức trung bình 1-2 tuổi (có khi hơn). Nhưng ta lại thấy ở nhà trẻ rất tháo vát, đảm đang công việc thay thế cho mẹ, và biết giúp đỡ cha mẹ trong các công việc gia đình.

Vậy là trẻ tuy trình độ trí tuệ kém, nhưng biết lao động. Vậy không phải là trẻ lười học. Trẻ cần được đặc biệt kèm học về môn nào trẻ thích, và bài giảng cho trẻ phải mang tính chất trực tiếp, cụ thể. Trẻ kém trí tuệ không hiểu được những gì trừu tượng. Không nên đòi hỏi những gì quá trình độ trí tuệ của trẻ. Chỉ yêu cầu trẻ những gì mà trẻ đủ sức làm. Trẻ đã có mặt

cảm tự ti rồi, vì học kém bạn. Không nên làm tăng mặc cảm tự ti đó, mà nên chú trọng những gì trẻ có khả năng làm được để kèm cặp thêm cho kết quả tốt hơn. Cha mẹ không nên phiền muộn về trình độ của trẻ, hoặc tỏ ra thất vọng vì trẻ, hoặc so sánh với anh chị em của trẻ học tập khá hơn. Vì bản thân của trẻ không may bị thua thiệt đó, trẻ cần được giúp đỡ nhiều hơn trẻ khác để tiến bộ. Nên kiên trì dạy trẻ biết đọc, biết viết, biết làm tính để có thể học được một nghề cụ thể, đơn giản theo trình độ tiếp thu của trẻ. Và giáo dục trẻ biết tự quản để có thể sau này sống được một cuộc sống độc lập trong xã hội.

Nguyên nhân sức khỏe

Khi thấy trẻ tuy trình độ trí tuệ bình thường mà học không được tốt, nên đưa trẻ đến bác sĩ khám.

Khám mắt: Nếu trẻ không thấy rõ thì không thể theo dõi đúng những gì thầy cô viết trên bảng đen. Bác sĩ chẩn đoán đo độ mắt rồi cho kính phù hợp. Trẻ phải đeo kính, mới học được. Có trẻ cận thị mà vì không đeo kính nên học không được như các bạn cùng lớp.

Khám tai: Nếu không nghe rõ thì cũng thế. Trẻ không nghe được trọn vẹn những gì thầy cô giảng. Trẻ sẽ ngại trả lời khi được hỏi vì trẻ không tin chắc rằng mình đã hiểu được đúng như thầy cô giảng. Nên trẻ ngại bị bạn bè chế giễu.

Khám sức khỏe tổng quát: Nếu trẻ thiếu yếu thì trẻ thiếu sức khỏe; không thể theo được nhịp độ học trong lớp. Cùng một việc, người thiếu dưỡng khí phải tiêu

hao năng lượng nhiều hơn. Nên dần dần sức khỏe sẽ kém.

Sau khi khám mắt, tai, sức khỏe tổng quát tất cả đều bình thường thì nên xem lại những điều kiện đời sống hàng ngày của trẻ, để điều chỉnh nếu cần.

1. *Về giấc ngủ của trẻ*: Thời gian giấc ngủ của mỗi trẻ có khác nhau. Từ 8 - 10 giờ. Trẻ phải được ngủ cho đủ thời gian cần thiết đối với trẻ. Ở một nơi thoáng khí. Trên một giường hay phản đủ rộng cho trẻ thoải mái. Vì trẻ phải đi học sớm, nên tối phải đi ngủ sớm. Nên phải tránh cho trẻ xem vô tuyến truyền hình quá nhiều hoặc xem phim buổi tối. Ngủ tốt là bồi dưỡng sức khỏe để học tập.

2. *Về chế độ ăn uống của trẻ*: Nên quy định giờ ăn và tôn trọng giờ đã định. Co giãn chút ít không sao. Nhưng ăn uống phải có giờ giấc thì thân thể mới tráng kiện. Cho trẻ ăn uống theo giờ giấc không ổn định, ta không thể bảo đảm sức khỏe cho trẻ được. Bữa ăn nên có đủ dinh dưỡng: thịt cá vừa đủ không cần nhiều, nhưng rau cải, trái cây nhiều là tốt. Mỗi trẻ, mỗi tạng khác nhau nên liều lượng ăn có khác nhau, trẻ định lấy, không nên ép trẻ ăn; ăn quá nhiều cũng hại sức khỏe. Trẻ nên nhớ uống nước nhiều ngoài bữa ăn (không nên cho trẻ uống rượu, chỉ uống nước thường, hạn chế nước ngọt). Tránh cãi nhau lúc ăn. Cười vui có tác dụng tốt giúp tiêu hóa, nâng phần khởi tinh thần.

3. *Cần nhiều dưỡng khí*: Tốc độ phát triển của trẻ đang lớn, nhanh hơn của người lớn, nên trẻ yêu cầu dưỡng khí nhiều hơn. Chiều đi học về, chủ nhật, ngày

lễ, cho trẻ đi dạo vườn cây xanh, chạy chơi thoải mái nơi khoảng trống. Hoặc tập thể dục ngoài trời. Hoặc hoạt động thể thao: đá banh, đá cầu, nhảy dây...

Những yêu cầu về sinh sức khỏe trên đây không phải gia đình nào cũng đáp ứng được dễ dàng: nhà hẹp, cha mẹ làm ăn sinh sống tất bật tối ngày, thời gian ít ỏi, kinh tế hạn hẹp... Dù sao, cố gắng thu xếp, được bao nhiêu cũng tốt. Vì về sinh sức khỏe rất cần thiết để trẻ có thể học hành tốt, nên ta phải quan tâm đúng mức.

Nguyên nhân tâm lý

Tâm lý nhu nhược: Trẻ kém sinh khí thường được xem là lười nhác. Trẻ không thích thể dục, không thích những sinh hoạt cần thể lực. Trẻ chậm chạp, bất lực trước mọi việc, không thực hiện được một việc gì trọn vẹn, có khi khởi đầu làm rồi bỏ rơi, không hoàn thành được một việc nào, dù nhỏ. Trẻ không bao giờ có dự định nào dù nhỏ,... hay rất dễ đi nữa. Đây là một trường hợp trẻ cần được chữa trị, nên đưa trẻ đi khám. Về mặt sức khỏe, có thể là do suy nhược hay một rối loạn nào đó trong hệ thống nội tiết, hoặc do suy yếu ở hệ thống gan. Còn về mặt tâm lý nên để trẻ làm việc theo nhịp độ riêng của trẻ, không nên thúc thúc nhiều. Không thể thúc đẩy để trẻ trở thành một đứa trẻ nhanh nhẹn mà không bao giờ trẻ tiến được đến mức độ đó. Nhưng khi trẻ tiến hành một việc gì thì phải yêu cầu (đôi khi phải phụ giúp; nhớ phụ giúp không phải là làm thay thế) trẻ phải hoàn thành cho tốt, không kể thời gian và phải

có chất lượng. Vấn đề ở đây là xây dựng cho trẻ tinh thần cố gắng và tâm lý nhất quán. Không nên đặt cho trẻ những chuẩn mực quá cao mà trẻ khó thể đạt được để tránh tâm lý bất lực nơi trẻ. Tâm lý những trẻ này là không muốn lớn (vì lý do nào đó, đôi khi không phải tự trẻ, mà vì người mẹ quá bao che) trẻ muốn còn luôn luôn bé để được chăm sóc, nên trẻ hay quẩn quít cạnh bên mẹ, không muốn rời mẹ. Chú ý để làm sao cho trẻ không lúc nào cũng bên mẹ mà động viên trẻ sinh hoạt gì trẻ thích. Có thể khuyến khích trẻ theo cha, thích làm cho giống như cha, đi dạo với cha, chơi với cha. Làm sao cho trẻ từ từ biết độc lập, tự quản, có thể sống với người khác, ngoài khung cảnh của gia đình. Về việc học: nên cho trẻ theo học ở lớp (mà số học trò ít, thầy cô có đủ uy tín và có đủ điều kiện để theo dõi đặc biệt từng học trò). Tránh để trẻ tự do làm gì cũng được, làm sao cũng xong mà luôn phải kèm cặp, động viên. Tạo thói quen lao động có nề nếp, chú ý đến chất lượng của kết quả. Để dần dần thói quen làm tốt đó ăn sâu vào trẻ. Làm sao cho trẻ thấy được kết quả và vui sướng trước kết quả đạt được đó. Chú ý đề nghị trẻ những việc mà trẻ có thể làm xong trong một thời gian ngắn. Để trẻ có thể cảm thấy phần khởi trước kết quả của một công việc tự tay mình làm. Đối với trẻ, lúc giảng phải cụ thể và trực tiếp, tránh trừu tượng.

Tâm lý hiếu động: Trẻ hiếu động không học được vì không tập trung trí óc để hiểu, hoặc để làm một việc gì không phải vì kém trí tuệ cần thiết mà kém tập trung trí tuệ. Nên thường bị cho là biếng học. Và

lại, tập trung không được thì học hành cũng không được. Hiếu động là bình thường đối với trẻ 6-7 tuổi (chỉ không bình thường là nhà trường bắt buộc trẻ phải ngồi yên cả tiếng đồng hồ, phản sinh lý!) Nhà trường đòi hỏi trẻ phải tập trung trí óc cả tiếng đồng hồ là quá sức chịu đựng của lứa tuổi đó. Nếu điểm hạnh kiểm của trẻ có kém, không nên xem là thảm hại, không có gì phải lo ngại nhiều, mà nên chú trọng đến bài vở học tập, theo dõi, giúp đỡ trẻ; cho được kết quả tốt. Giúp đỡ trẻ trong công việc đòi hỏi trí óc: kích thích tìm tòi, sáng kiến. Khi trẻ thích tìm hiểu thì trẻ sẽ cảm thấy hứng thú khi nghe thầy cô giảng. Nhấn mạnh cho trẻ thấy là nhờ trẻ chăm chỉ nghe và hiểu những điều thầy cô giảng, và không bị xao lãng chuyện đó với bạn bên cạnh, nên trẻ đã làm được bài tập được điểm tốt. Để trẻ cảm thấy hưng phấn làm được việc có kết quả. Khi điểm hạnh kiểm không tốt, không nên phạt mà giải thích cho trẻ hiểu là vì điểm xấu của hạnh kiểm mà điểm tổng quát của trẻ sẽ bị tụt, để trẻ tránh tái phạm. Các trừng phạt không những không làm giảm tính hiếu động của trẻ, mà thường làm tăng. Vì trẻ cảm thấy bất lực trước sự bắt buộc phải ngồi yên đó. Giải quyết hiếu động của trẻ bằng cách làm cho trẻ quên đi sự gò bó chân tay, khó chịu đó, để thay thế bằng hứng thú chăm chỉ nghe thầy cô giảng, và tập trung làm bài vở được tốt. Tính hiếu động đó sẽ dần dần mất đi khi trẻ lớn lên, khả năng tự kiểm chế tiến bộ hơn. Trường hợp trẻ vẫn tiếp tục hiếu động, nên đưa trẻ đến bác sĩ khám.

Nguyên nhân mâu thuẫn với môi trường sống

Mâu thuẫn với cha mẹ

Có nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng lý do chính là trẻ cảm thấy mất tình thương của cha mẹ là chỗ dựa chính nhất của trẻ, và là người trẻ yêu mến nhất.

Khi trẻ cảm thấy cha mẹ không thương yêu mình như mình mong muốn, trẻ thất vọng, đột nhiên học tập sút kém, mặc dù trẻ thông minh và học tập điểm tốt trước đó. Phản ứng này giống như để phạt cha mẹ không yêu, không quan tâm đến mình, đồng thời cũng để tự phạt chính mình, vì đã không làm cho cha mẹ yêu thương. Trước kia, cha mẹ rất chú ý đến điểm học tập của trẻ, bây giờ vì quá bận rộn, nên không còn quan tâm như trước được. Đột nhiên trẻ không muốn học hành nữa và kèm theo đó lại có thái độ ngang bướng, chống đối. Tất nhiên, cha mẹ phải tìm hiểu lý do của sự thay đổi bất thường này. Và không nên phạt trẻ. Vì nếu bị phạt trẻ sẽ cảm thấy mất tự tin, bất tài, bất lực. Cha mẹ có thể trình bày tình hình này với thầy cô của trẻ. Thầy cô có cương vị khách quan, vô tư. Thầy cô đã biết trẻ nên họ giống như bà con họ hàng. Thầy cô bình tĩnh hơn, uốn nắn lại dễ dàng hơn để trẻ có thể học tập lại bình thường như trước.

Bất hòa giữa cha mẹ hay cha mẹ ly dị cũng làm cho trẻ cảm thấy mất an toàn nên cũng là những nguyên nhân làm cho trẻ không học được.

Đôi khi, do một đứa em vừa ra đời, đột nhiên trẻ sút kém học hành: trẻ có cảm giác cha mẹ không

thương yêu mình bằng em. Trẻ không muốn lớn, muốn trở lại bé bỏng như em. Có trẻ lại dãi dầm để cho mẹ phải chăm sóc (không phải cố ý mà là vô thức). Không nên quở mắng trẻ. Phải chăm sóc trẻ, chiều chuộng trẻ một thời gian để trẻ cảm thấy rằng cha mẹ vẫn yêu thương trẻ như em bé, như trước khi chưa có em bé. Cha mẹ yêu thương cả mấy anh chị em như nhau, để trẻ cảm thấy an toàn. Khuyến khích trẻ giúp sẵn sóc em để trẻ tự cảm thấy là mình đã lớn, có trách nhiệm đối với em.

Khi thấy đột nhiên trẻ biếng học, ta nên tìm nguyên nhân nào đó, từ gia đình trước đây. Bởi gia đình là môi trường sống thân thiết nhất, là chỗ dựa an toàn nhất của trẻ. Hiểu biết được nguyên nhân, cần chú ý giải quyết sớm. Vì nếu để kéo dài sự sút kém học tập của trẻ, trẻ sẽ khó bù đắp, để theo kịp đà học tập của lớp.

Mâu thuẫn với anh chị em trong gia đình

Thường không phải là những mâu thuẫn trực tiếp giữa anh chị em với nhau, mà là do cha mẹ gián tiếp gây nên các mâu thuẫn đó. Nguyên nhân phổ biến là do sự thiếu công bằng của cha mẹ đối với con cái.

Điều thứ nhất cần tránh là cha mẹ không nên so sánh trẻ với anh chị trong gia đình. Không nên nói với trẻ: "Anh con hạng nhất toán trong lớp!". "Chị con ở tuổi con biết làm cái này, cái nọ". Cách động viên kiểu nêu gương đó ít khi có kết quả, mà thường gây cho trẻ mặc cảm tự ti, khi trẻ cảm thấy tự mình không thể

làm được như anh, như chị, cho nên không những không kích thích được ý chí phấn đấu của trẻ, mà thường ngược lại càng làm cho trẻ thối chí. Khi trẻ thối chí thì trẻ không thể nào có quyết tâm để học tập tiến bộ. Điều thứ hai cần chú ý là nhấn mạnh những điểm tốt nơi trẻ, những thành công dù nhỏ, để trẻ phấn khởi. Khi có thất bại gì, giúp trẻ phân tích lý do để trẻ có thể rút kinh nghiệm cho lần sau. Phải đặt tin tưởng vào trẻ thì mới giúp được trẻ học hành tiến bộ. Hạ thấp trẻ là đẩy trẻ vào tiêu cực và học kém.

Mâu thuẫn với môi trường nhà trường

Trẻ có tính rụt rè, hay hổ thẹn thường hội nhập rất khó vào môi trường nhà trường. Không phải vì trẻ kém trí tuệ, hoặc trẻ không muốn học hành. Nhưng, vì chưa bao giờ trẻ sinh hoạt ngoài phạm vi gia đình. Ở gia đình trẻ thường được bảo bọc, nuông chiều quá mức. Ở gia đình cha mẹ không giáo dục cho trẻ tính độc lập, tự quản, cho trẻ xông pha chơi đùa cùng bạn lứa tuổi. Đột nhiên đi học, vào trường, vào lớp, trẻ không còn được quan tâm, chú ý như ở nhà. Trẻ không dám làm gì cả, luôn luôn rụt rè, e ngại. Không dám trả lời sau khi thầy cô hỏi vì sợ bị bạn chế nhạo, làm trò cười cho bạn. Phải giúp trẻ hội nhập được vào nhà trường, trẻ sẽ học được như bình thường. Nếu tình hình không thay đổi trong một thời gian thì nên đưa trẻ đi khám (tư vấn chuyên môn). Vì đó là một triệu chứng tâm lý không bình thường về mặt quan hệ với người khác, cần được khắc phục khi từ nhỏ.

Thái độ của cha mẹ đối với sự học tập của con rất quan trọng

Phân tích khả năng trẻ và định hướng học tập. Khi trẻ học gần cuối cấp 2. Khuyến khích trẻ suy nghĩ về khả năng và nguyện vọng học nghề của trẻ. Để trẻ chọn vào ban nào ở cấp 3, hoặc chọn học nghề ở các trường công nghệ. Nói chung, trẻ có óc cụ thể, thực tiễn, tay chân khéo léo, không thích trừu tượng nên học một nghề trẻ chọn theo ý thích. Trẻ có nhiều óc trừu tượng hơn mà thích những gì cụ thể, thực tiễn thì theo học các khoa học chính xác Trẻ thích nghiên cứu về con người (đời sống, sự phát triển của con người...) và có óc trừu tượng tốt thì nên chọn ban ngành chuẩn bị cho sự học tập về các khoa học nhân văn và xã hội.

Nói chung nên giúp trẻ nhận đúng về khả năng, nguyện vọng và điều kiện (vật chất, trí tuệ) của trẻ, giúp trẻ định hướng tương lai của mình. Có trẻ cảm thấy bơ vơ cô độc khi phải chọn hướng nghề nghiệp của mình, nên bối rối, thối chí, rồi muốn bỏ học, hoặc học hành thờ ơ, xu hướng lo sợ cho đời sống trước mắt sẽ chiếm lĩnh tâm trí (số thanh thiếu niên cảm thấy bế tắc từ từ trong giai đoạn này không phải là ít). Giai đoạn này là ngưỡng cửa cuộc đời, cha mẹ cần quan tâm giúp đỡ con để con thấy còn chỗ dựa vững chắc nơi cha mẹ.

Nên tránh hướng học cho trẻ, với lý do tiện lợi trước mắt (gần nhà, tiện đường, quen biết...) mà phải

nghĩ đến nhân vật chính ở đây là trẻ: nguyện vọng, khả năng trí tuệ, điều kiện sức khỏe...

Đừng so sánh trẻ với anh chị em của trẻ đã thành công, hoặc với bạn bè đã học cao. Hoặc nhắc lại dĩ vãng học giỏi của mình. Hoặc bắt buộc trẻ phải theo tương lai cho trẻ mà mình đã định sẵn. Những tư tưởng vừa nêu đều ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý trẻ. Trẻ bị áp đảo, mất vai trò chủ nhân định đoạt đời sống của mình. Có thanh thiếu niên do vậy mà tự nhiên bỏ học hoặc chán nản nên học hành không còn được như trước nữa.

Thiên hướng, thiên tài rất hiếm, trong các trường hợp này nên cố gắng thật khách quan để phân tích chủ quan của mình, chủ quan của trẻ, để cho sự định hướng nghề nghiệp cho trẻ được sáng suốt và thực tế.

Cha mẹ phải đặt lòng tin vào nhà trường để trẻ tin tưởng vào nhà trường

Có trẻ không học được, không phải vì biếng học, mà vì không tin tưởng nhà trường. Ý nghĩ đó là phản ánh thái độ của cha mẹ đối với nhà trường, mà trẻ bị ảnh hưởng. Có cha mẹ nói: không hiểu học để làm gì. Không cần học cũng có thể có bằng cấp, cũng có thể làm ra nhiều tiền.

Thực tế xã hội hiện nay làm cho ý nghĩ đó có phần không sai; do đất nước ta còn nhiều vấn đề cấp bách phải giải quyết, chưa thực hiện được một cách khả quan công bằng xã hội, nhưng về lâu dài những bất

công xã hội phải được từ từ giải quyết, vì vấn đề đạo đức, vì công bằng xã hội. Và để cho đất nước có được một tâm vóc xứng đáng.

Trong sự đào tạo con người ta phải nghĩ đến những giá trị bất diệt. Những giá trị cơ bản bất diệt của con người là: giá trị nghề nghiệp, giá trị văn hóa, giá trị nhân cách.

Nếu cha mẹ lập luận theo kiểu làm được nhiều tiền là tốt rồi, thì bảo sao trẻ ham học tập, ham lao động được, hoặc có can đảm học tập, có can đảm lao động khi gặp khó khăn? Làm sao trẻ không bị cám dỗ vì những hứng thú vui chơi dễ dàng, phê phỡn, đánh bạc ăn tiền ở các đường phố? Về mặt tinh thần, cha mẹ kiểu thế này đã mất cương vị để chỉnh đốn sai lầm nơi con, để rầy la, uốn nắn con trở lại con đường ngay thẳng mà phải cố gắng học hành để có được một nghề nuôi thân sau này.

Thực tế xã hội hiện nay, ít nhiều phô bày những chuyện làm tiền dễ dàng, những chuyện buôn bán mờ ám. Người lao động cần cù lương ít ỏi, nghèo. Kẻ không lao động nhiều lại giàu tiền bạc, phung phí phê phỡn. Trước những sự việc đó, cha mẹ nên tranh thủ bình luận, phê phán, đánh giá. Đó là gián tiếp đề cao sự lợi ích của tinh thần cố gắng học tập, để bảo đảm chắc chắn nhất cho tương lai. Là giúp cho con chọn những giá trị lành mạnh vững chắc trong mớ hồ đồ bẽ bối diễn ra trước mắt. Tầng lớp "tài làm ra tiền" đó là tác hại vô lường. Nếu qua đó con biếng học thì không gì phải ngạc nhiên.

Nên tránh xem thường bài vở nhà trường. "Con chưa làm bài xong? - Không sao - Ta đi xem phim; đi bơi lội; đi phố để mua sắm...". Nên tránh bảo trẻ giữ em khi trẻ chưa kịp làm xong bài vở. Có cha mẹ muốn con có điểm cao ở nhà trường giúp con làm bài vở, mà đòi hỏi con phải đạt điểm cao. Đòi hỏi quá đáng thường gây thất vọng cho trẻ vì trẻ không đạt được điểm cao như cha mẹ đòi hỏi. Thất vọng dần dần dẫn đến buồn chán, kém học. Nói chung trẻ nào cũng kính phục cha mẹ đã tạo điều kiện cho trẻ làm bài vở ở nhà tốt. Với mục đích là giúp trẻ tiến bộ, chứ không phải để đòi hỏi điểm cao.

*

Ta thấy trước một trẻ biếng học, không nên trách phạt. Mà trước nhất phải tìm giải quyết nguyên nhân. Thường là do điều kiện sống, do môi trường, do thiếu sáng suốt của cha mẹ.

Yêu cầu giáo dục là phải có khoa học và tình cảm. Muốn giáo dục con được tốt, cha mẹ phải có vừa khoa học vừa tình cảm. Khoa học là để tìm hiểu con, tình cảm là tình thương vô tư. Không phải khi ta sinh con ra là ta đã biết giáo dục nó.

Cha mẹ phải luôn tự học và tự trau dồi để giáo dục con cho đúng với trách nhiệm làm cha, làm mẹ (có người gọi đó là nghề làm cha, làm mẹ để thấy trọng trách đó). Có nghĩa là phải trau dồi nhân cách làm cha, làm mẹ.

Các nhà giáo dục, các nhà tâm lý, qua kinh nghiệm nghề nghiệp thường nói rằng bản thân nhân cách của cha mẹ là một phần giáo dục con rồi chứ không phải những lời giáo huấn suông. Nguyên lý này giúp ta suy ngẫm.

Bởi các giá trị tinh thần mà cha mẹ đã gieo mầm, chầm bón trong lòng con sẽ trở thành của con, và con sẽ ngày một phát huy thêm theo yêu cầu đời sống, trên những bước đường của cuộc đời.

HOẠT ĐỘNG VIẾT BẰNG TAY PHẢI NƠI TRẺ THUẬN TAY TRÁI

Thuận tay trái không phải là một khuyết tật khi phải học viết, nhất là khi phải học viết bằng tay phải. Điều cần thiết là phải viết sớm, để tạo điều kiện giúp trẻ hội nhập vào môi trường xã hội mà các thiết bị, thiết kế đều theo yêu cầu của người thuận tay phải. Nguyên nhân đến nay chưa được xác định rõ ràng vì sao có người thuận tay trái.

Mới trước đây, có một giai đoạn người ta ngăn ngại dạy cho trẻ thuận tay trái học viết bằng tay phải, vì có hiện tượng rối loạn tâm lý xảy ra nơi một số trẻ thuận tay trái khi bị bắt buộc phải viết bằng tay phải. Do đó người ta nghĩ rằng vì khu vận động của bán cầu não về tay đã được xác định sẵn rồi, mà ta đảo ngược vận động tay, nên đã gây nên những rối loạn tâm lý. Thực tiễn chứng minh rằng không phải đó là nguyên nhân chính, mà nguyên nhân chính là do trẻ có sẵn những rối loạn tâm lý trước khi học viết. Học viết bằng tay phải (mà trẻ phải cố gắng nhiều hơn mức trung bình) chỉ là một cơ hội để làm nổi bật thêm các rối loạn trước, mà ta thường bỏ qua khi trẻ chưa đi học ở trường tiểu học.

Người ta nhận xét thêm rằng các trẻ chỉ có rối

loạn nhẹ về tâm lý hay vận động đều không bị ảnh hưởng bao nhiêu. Và trẻ học viết được bằng tay phải không có vấn đề, và viết được một cách lưu loát suôn sẻ. Hơn nữa, trẻ thuận tay phải mà có rối loạn tâm lý hoặc rối loạn vận động cũng vẫn học viết rất khó khăn, và chữ viết ngoằn ngoèo. Ta thấy, tâm lý cân bằng và vận động bình thường là điều kiện thuận lợi cho trẻ thuận tay trái muốn học viết bằng tay phải.

Trên đây là những giả thiết và ghi nhận trong thực tiễn của những người phụ trách hướng dẫn cho trẻ học viết.

Về việc thuận tay trái, thuận tay phải, các nhà khoa học nhất trí nhận xét rằng có một di truyền nào đó, nhưng chưa giải thích được. Nếu cả hai cha mẹ đều thuận tay phải thì có thể 90% khả năng là các con đều thuận tay phải. Nếu cha hoặc mẹ thuận tay trái thì có thể 60% khả năng có con sinh ra thuận tay trái (không phải tất cả các con).

Hoạt động tập viết cho trẻ thuận tay trái

Dạy trẻ thuận tay trái học viết là một vấn đề đối với thầy cô. Nên thầy cô thường cảm thấy không thoải mái khi phải tập viết cho trẻ thuận tay trái; vì thực tế thầy, cô chưa bao giờ được chuẩn bị để tập viết cho trẻ thuận tay trái.

Khi trẻ thuận tay trái bắt đầu học viết, trẻ phải đối phó với những khó khăn sau đây:

a) Trẻ phải theo hướng tiến của bàn tay ngược với

chiều hướng tự nhiên của bàn tay của trẻ (trẻ phải đẩy bàn tay trái từ trái qua phải);

b) Trẻ phải làm động tác ngược lại với các động tác mà trẻ thấy nơi bạn bên cạnh;

c) Những cách thức để tay, những động tác mà thầy cô tập dượt cho trẻ khác không phù hợp với trẻ.

Hơn nữa, tất cả các dụng cụ học tập và các thiết kế ở trường lớp đều dành cho trẻ thuận tay phải.

Vấn đề thuận trái, thuận phải không giống nhau, nơi một người. Có người mà tay, mắt, chân cả ba đều thuận bên phải; có người cả ba đều thuận bên trái. Có người tay thuận bên phải, mắt thuận bên trái v.v... Có tất cả là 6 phối hợp như thế này. Cộng với 2 trường hợp hoàn toàn thuận bên phải, hoặc hoàn toàn thuận bên trái. Ta thấy tất cả là 8 trường hợp.

Về việc này ta có thể kiểm tra bằng một cách trắc nghiệm. Về vấn đề thuận tay phải, tay trái thì dễ thấy: ta cho trẻ vẽ thì biết ngay. Về vấn đề chân: để một quả bóng cách trẻ 5 thước, bảo trẻ chạy lại đá nó cho mạnh. Xem trẻ đá bằng chân nào. Bảo trẻ làm thế 5 lần. Nếu trẻ đá bằng chân nào nhiều hơn là trẻ thuận chân đó. Về vấn đề mắt: gắn một hình ảnh trên tường ngang tầm con mắt của trẻ. Cho trẻ đứng cách xa đó 5 thước. Trao cho trẻ một tờ bìa cứng kích thước vừa đủ che hết mặt của trẻ, tờ bìa đó đã có một cái lỗ to bằng con mắt, đã xoi sẵn. Bảo trẻ dùng tờ bìa cứng có xoi lỗ che mặt để từ từ đi lại phía ảnh ngắm bằng một con mắt. Cho trẻ thử 5 lần. Như thế ta sẽ thấy được sự thuận phải, thuận trái của trẻ về mắt.

Khi trẻ không hẳn hoàn toàn thuận bên trái, nên cho trẻ tập viết tay phải. Nếu trẻ hoàn toàn thuận tay trái, cũng nên đề nghị trẻ nên viết bằng tay phải, và ta nghiên cứu tình hình. Vì vấn đề cho trẻ tập viết tay phải, đến bây giờ chưa ai khẳng định nên hay không mà thật sự là một việc mò mẫm. Điều quan trọng là tâm lý của trẻ được cân bằng và vận động của trẻ bình thường, thì tập viết tay phải vẫn được (có trẻ đã viết bằng tay trái, mà tập trở lại viết bằng tay phải cũng có kết quả tốt).

Ở các nước công nghiệp phát triển, nhờ có điều kiện, khi trẻ thuận tay trái, mà lại có vấn đề tâm lý, vấn đề vận động, mà cha mẹ có yêu cầu cho trẻ tập viết bằng tay phải, trẻ được đưa đến các nhà chuyên môn để điều trị tâm lý, để giáo dục chức năng vận động, trước khi trẻ đi học, để học đọc, học viết. Và có kết quả đáng kể (nhờ môi trường thuận lợi và các rối loạn được giải quyết ổn thoả). Nhưng khi thấy trẻ có nhiều khó khăn và có biểu hiện tâm lý không ổn, thì người ta ngừng việc tập viết bằng tay phải. Đây là một sự nghiên cứu và mò mẫm, khi thấy được thì tiếp tục, khi thấy không nên tiếp tục thì ngừng, không sao cả.

Trẻ thuận tay trái luôn luôn có khó khăn khi bắt đầu phải viết tay phải, nên người dạy phải rất nhẫn nại và mềm dẻo với trẻ, tranh thủ trẻ cố gắng, khi thấy trẻ mệt thì cho trẻ nghỉ. Kinh nghiệm cho thấy rằng trẻ sẽ viết được như bình thường và có khi chữ lại đẹp hơn chữ viết của những trẻ thuận tay phải. Trẻ thuận tay phải mà có vấn đề tâm lý hay vấn đề vận động, học

viết rất khó khăn, chữ khó đọc. Chữ viết là một công cụ truyền đạt, giao lưu, phải viết để người khác đọc được nếu không thì chữ viết mất giá trị của nó.

Ở nước ta, gần như không thấy có người viết tay trái so với các nước phương Tây. Nhớ khi xưa, tất cả học trò đều phải viết bằng tay phải. Nên thầy cô, không phân biệt ai thuận tay phải, ai thuận tay trái, đều bắt buộc phải viết bằng tay phải cả. Những kỷ niệm bị khẻ tay, bị khẻ đầu ngón tay chúm lại, bị buộc một cánh tay để không dùng được bàn tay bị cấm, có lẽ còn đó, nhưng điều đáng mừng và đáng hoan nghênh là nhờ bị bắt buộc mà ai ai bây giờ cũng viết bằng tay phải!

Ở các nước phương Tây hiện nay, khi trẻ viết tay trái thường thầy cô để cho trẻ tự do. Vì thầy, cô không đủ thì giờ để chăm sóc riêng biệt cho trẻ đó. Chỉ khi nào cha mẹ có yêu cầu cho trẻ viết bằng tay phải thì thầy cô mới đặc biệt chú ý đến trẻ. Sự thật, đối với thầy cô nếu trẻ theo dõi học tập ở lớp được là tốt rồi, còn thầy cô chỉ chịu trách nhiệm học tập của trẻ trong thời gian của năm học, không có trách nhiệm về tương lai của trẻ. Do cha mẹ là người suy nghĩ về tương lai của trẻ, nên một số cha mẹ yêu cầu thầy cô dạy cho trẻ viết bằng tay phải. Vả lại, hiện nay máy điện tử rất phổ biến thay thế hoạt động viết tay (cả hoạt động đánh máy) nên vấn đề viết tay có phần bị lãng quên.

Hoạt động dạy viết cho trẻ thuận tay trái

Có ba đề mục cần được chú trọng: cách bố trí tờ giấy viết và các thao tác của bàn tay; vẽ hình dáng và

chiều nét của các chữ viết; về việc sử dụng công cụ để giúp trẻ dễ dàng học viết.

Bàn học, tờ giấy, và các thao tác của bàn tay. Bàn học phải có độ nghiêng về phía trẻ ngồi (Bàn mặt phẳng bằng không tiện cho trẻ học viết). Tờ giấy phải nghiêng về phía tay phải của trẻ, khoảng từ $30-45^{\circ}$ so với cạnh bàn, để trẻ dễ nhìn. Không nên để tờ giấy thẳng đứng với cạnh bàn. Vì như thế về mặt sinh lý, trẻ không có điều kiện phù hợp để cho bàn tay có thể di động dễ dàng khi trẻ viết.

Bàn tay phải được đặt dưới hàng viết, thẳng theo phía trước cánh tay, chứ không nên uốn trên tờ giấy (Vị trí này đối xứng với vị trí bàn tay của trẻ tập viết bằng tay phải).

Thao tác của trẻ thuận tay trái học viết khó khăn hơn thao tác của trẻ học viết bằng tay phải.

Vì phải viết từ trái sang phải, nên viết bằng tay phải là thuận chiều, còn viết bằng tay trái thì ngược chiều. Về mặt sinh lý, trẻ thuận tay trái muốn viết được giống như trẻ thuận tay phải lại phải bù trừ bằng một số thao tác, phải điều chỉnh vận động tự nhiên cho phù hợp để có thể viết giống như người cầm viết bằng tay phải. Chiều hướng tự nhiên của trẻ thuận tay trái là viết từ phía phải sang phía trái. Trẻ phải điều chỉnh ngược lại, từ phía trái sang phía phải. Thao tác ly tâm (từ trái sang phải) dễ dàng hơn thao tác hướng tâm (từ phải sang trái). Khi viết bằng tay trái, trẻ phải chuyển thao tác ly tâm của trẻ viết bằng tay phải, thành thao tác hướng tâm đối với trẻ. Công

việc điều chỉnh này đòi hỏi trẻ phải cố gắng nhiều nên trẻ chóng mệt. Cần chú ý rút ngắn thời gian học viết của trẻ.

Nên để cho trẻ tự do tìm vị trí bàn tay cho phù hợp với trẻ, và đặt tờ giấy trên bàn với độ nghiêng trẻ thích, nhưng phải hợp lý. Chú ý quan sát hoạt động viết của trẻ để uốn nắn sao cho trẻ viết được thoải mái, đặc biệt mấy ngón tay phải mềm dẻo, không căng thẳng.

Về nét của chữ: Trẻ viết tay trái thường viết chữ tròn (các chữ O, G, Q) theo chiều của kim đồng hồ. Nên hướng dẫn trẻ viết theo chiều bình thường (từ trái qua phải) của người viết bằng tay phải. Còn nét ngang trên chữ T thì trẻ thường gạch ngang từ phải sang trái, cứ để trẻ gạch như thế không sao. Trẻ viết chữ dính nhau, hay từng chữ một, không quan trọng, miễn là trẻ viết được thông thả, nhanh, và thao tác dễ dàng, trôi chảy.

Về việc sử dụng công cụ dạng viết. Nên bắt đầu bằng viết chữ thật to lên bảng. Làm thao tác viết chữ to lên bảng từ trái sang phải, giống như các thao tác mà trẻ phải làm. Làm như thế một thời gian để trẻ quen thuộc được với cách viết. Khi thấy trẻ đã hiểu cách viết, thì cho trẻ viết trên giấy. Ngòi bút phải tròn ở đầu. Bởi vì trẻ phải đẩy (không phải kéo như người viết tay phải) cây bút. Nhất thiết không sử dụng ngòi đầu nhọn, vì ngòi sẽ có thể làm rách giấy.

Nói chung, phải tìm một phương cách đặc biệt cho từng trẻ khi nhận thấy trẻ có khó khăn cầm cây bút,

hoặc trong thao tác viết thì chú ý điều chỉnh để trẻ cầm bút cho được thoải mái và viết được dễ dàng hơn.

Dạy viết bằng tay phải nơi trẻ đã viết bằng tay trái

Nếu trẻ đã viết một thời gian bằng tay trái thì dạy cho trẻ viết bằng tay phải có phần khó, nhưng được bù đắp, vì trẻ đã có cái vốn hiểu biết về các chữ, trẻ đã biết đọc biết viết rồi.

Điều cần được quan tâm trước hết là đừng ép buộc trẻ phải học viết tay phải. Đừng làm cho trẻ lo sợ. Mà đề nghị trẻ cộng tác để dạy trẻ viết tay phải. Có thể nói với trẻ là phần đông ai cũng viết bằng tay phải và tất cả các dụng cụ thiết bị đều chế tạo cho người thuận tay phải, nên viết được bằng tay phải vẫn được nhiều thuận lợi hơn. (Những người đã sống trường hợp này, khi nhớ lại đều biết ơn những người đã quan tâm giúp đỡ họ bằng tay phải).

Phải dịu dàng, nhẫn nại, tin tưởng nơi trẻ và làm cho trẻ tự tin.

Trước khi khởi sự tập viết bằng tay phải, nên có những trò chơi hoặc các công việc thủ công sử dụng tay phải là chính, để cho trẻ quen với các thao tác của tay phải. Tính chất vui chơi của những sinh hoạt này thường làm cho trẻ chấp nhận dễ dàng. Tiếp đó tập cho trẻ vẽ trên không gian các chữ. Khi trẻ thuộc cách vẽ trên không gian, thì cho trẻ viết (hoặc vẽ) trên giấy

- Từng chữ một, nếu cần.

Phương pháp này cũng rất hữu hiệu đối với những trẻ dù thuận tay phải, có khó khăn tập viết. Vì ngoài

sự luyện tập cho trẻ thuộc các loại hình chữ, còn luyện tập cho trẻ sự tập trung chú ý, điều rất cần thiết cho một số trẻ.

Thực tiễn cho thấy rằng khi trẻ đã học đọc, học viết được trôi chảy, thì công việc cho trẻ học viết lại bằng tay phải, nhiều khi không cần đến những cách thức nêu trên. Và chỉ sau một thời gian cố gắng kiên trì thì kết quả thường được như theo ý nguyện.

Khi cha mẹ quan tâm một cách tích cực, trẻ có động cơ viết tay phải, và nếu có được sự hỗ trợ của thầy cô (càng tốt) thì chắc chắn thành công mở rộng.

Điều trọng tâm là khi dạy trẻ phải thực sự nhẫn nại, dịu dàng, phải làm cho trẻ tự tin để trẻ cố gắng.

Những điều cần được chú ý

Khi trẻ mới vào học lớp 1, cha mẹ nên báo trước với thầy cô là trẻ thuận tay trái, để thầy cô quan tâm bố trí cho trẻ ngồi ở phía trái bàn học, như thế cùi trỏ của trẻ và của bạn cùng bàn không vướng nhau.

Khi cha mẹ muốn tập cho trẻ viết bằng tay phải, nên nói cho thầy cô biết để thầy cô chú ý đề nghị trẻ viết bằng tay phải ở lớp. Về nhà cha mẹ phải góp phần rất nhiều trong hoạt động viết bằng tay phải của trẻ. Vì thầy cô thường có đông học trò, không đủ thì giờ để chăm sóc riêng biệt cho trẻ, như ý muốn của cha mẹ. Có trẻ ở nhà thì viết bằng tay phải, ở lớp thì khi viết bằng tay phải, khi viết bằng tay trái, trẻ chóng mệt vì phải theo nhịp độ của bạn. Vấn đề này không quan trọng vì lúc ban đầu thì như thế, sau

này trẻ sẽ quen dần. Rồi trẻ sẽ viết bằng tay phải, nếu trẻ có đủ cố gắng.

Khi đã viết được bằng tay phải, mà trẻ vẫn tiếp tục làm các việc khác bằng tay trái thì vẫn bình thường. Dù sao tay trái của trẻ vẫn khéo hơn.

Khi dạy trẻ viết bằng tay phải phải luôn dịu dàng, hiền từ, khuyến khích. Khi thấy trẻ cố gắng thì nên khen và thưởng trẻ. Bình thường là kết quả tốt, nếu trẻ không có vấn đề gì khác.

Khi có dịp, mua cho trẻ một cái kéo dành cho người thuận tay trái để trẻ làm môn thủ công. Ta thuận tay phải, khi dùng kéo đó, ta sẽ thông cảm nhiều hơn khó khăn của trẻ thuận tay trái, mà phải học viết bằng tay phải.

HỌC THUỘC VÀ TRÍ NHỚ

Ta không thể nhớ hết tất cả mọi việc. Trí nhớ không phải vô tận mà có giới hạn, dù trong thực tế đôi khi có một người nào đó mà trí nhớ gây cho ta ấn tượng lạ lùng. Trí nhớ là một dụng cụ thiết thân của ta. Giống như người thợ chăm sóc và tôn trọng các khả năng cũng như các hạn chế của dụng cụ, ta phải chăm sóc và tôn trọng những khả năng cũng như những hạn chế của trí nhớ của ta.

Một đứa trẻ mới vào trung học cơ sở nói chung phần đông đã có sẵn một vốn dự trữ khoảng 2.500 từ, trong khi chương trình học đòi hỏi vốn phải có là 6.000 từ. Nếu bắt buộc trẻ phải có đúng vốn này, tất nhiên trẻ sẽ cảm thấy bất lực. Đến cuối trung học cơ sở, khi bước vào trung học phổ thông trẻ có thể dự trữ được vốn khoảng 17.000 từ. Điều đó cho thấy phải tính đến nhịp độ, khả năng tiếp thu của lứa tuổi, khi dạy cho trẻ phải nhớ. Người lớn trình độ học vấn, có thể dự trữ trong trí nhớ nhiều chục nghìn từ, và khoảng 50.000 đến 100.000 hình ảnh. Những nhà bác học thì tất nhiên tủ sách trí nhớ của họ phong phú hơn nhiều.

Hiểu được sự hoạt động của trí nhớ để giúp trẻ đang học biết chọn lọc và trau dồi trí nhớ là một

phương pháp giáo dục gián tiếp mà rất hữu hiệu. Còn đối với người lớn là để bảo quản, duy trì dụng cụ cao cấp đó mà ai ai cũng có.

Cách ghi nhớ của mỗi người khác nhau

Hoạt động ghi nhớ của mỗi người có khác nhau. Mỗi người có một hoặc nhiều "cửa vào" ưu tiên ở não để ghi nhớ. Tuy cuộc sống hàng ngày ta thấy có người nhớ một cách dễ dàng tên họ người khác, có người nhớ mùi vị, có người nhớ giọng nói, nhớ khuôn mặt v.v... Phải chăng những người đó có trí nhớ thị giác, trí nhớ thính giác. Không? Sự thật các loại trí nhớ của họ rất hạn chế, nhiều khi mập mờ, không chính xác như ta tưởng.

Mỗi người chúng ta hàng ngày thường ghi nhớ bằng mắt nhìn thấy. Hoạt động mắt rất nhanh, nên trí nhớ thị giác chỉ ghi nhận trong vòng 1/4 giây mà thôi. Nhìn một trang sách, ghi nhớ nó trong vòng 1/4 giây, ai có thể làm được? Ta thử trắc nghiệm một người tự cho là có trí nhớ thị giác: anh (chị) nhìn xem tòa nhà trước mắt kia. Sau đó ta hỏi: tòa nhà có mấy tầng, có mấy cửa sổ, mở hoặc đóng, có bao nhiêu ban công, có hoa, không có hoa... Ta sẽ thấy anh (chị) ấy không thể trả lời chính xác được. Sở dĩ ta nghĩ rằng ta có trí nhớ thị giác thực sự bởi vì, đúng là ta có một ngân hàng dự trữ hình ảnh, khi cần ta cho nó xuất ra và kết hợp với hình ảnh vừa thấy chốc lát đó thành một hình ảnh mà ta cho rằng đã vừa thấy thật sự trước mắt. Một ví dụ khác: một con gà chạy ngang qua

mặt một số người. Khi ta hỏi con gà màu gì. Người thì nói màu xám. Ta nhận xét: có đúng, có sai. Bởi ảnh hưởng hình ảnh gà trong kho dự trữ hình ảnh của mỗi người đã ảnh hưởng họ.

Hơn nữa, mỗi người có cách xử lý thông tin của họ. Ta thử đề nghị nhớ lại một sự kiện mà hai người đã chứng kiến. Ví dụ một buổi ăn giữa bạn bè, hoặc một buổi xem phim chung. Mỗi người sẽ thuật khác nhau. Bởi vì sự nhớ lại của mỗi người phụ thuộc nhân cách và lịch sử đời sống của người đó. Mỗi người nhớ những chi tiết khác nhau.

Nơi mỗi người có hai loại trí nhớ. Hai loại trí nhớ này luôn hỗ trợ lẫn nhau: "trí nhớ trực tiếp" và "trí nhớ hoãn lại". "Trí nhớ trực tiếp" hoạt động khi ta phải ghi lại một lượng thông tin nhỏ trong một thời gian rất ngắn (không quá 30 giây) và ta phải hoàn lại ngay. Ví dụ, ta vừa được một số điện thoại và ta ấn nó ngay trên máy. "Trí nhớ hoãn lại" (giữ thông tin trong vòng 30 phút): trí nhớ hoạt động khi phải ghi một số lượng thông tin khá lớn. Ví dụ: trong một cuộc nói chuyện, trong một cuộc đàm thoại. Những thông tin này sẽ được bổ sung cho ngân hàng thông tin của mỗi người và được dự trữ trong ngân hàng thông tin. Có thể nói, ngân hàng thông tin là một cái kho khổng lồ chứa tất cả các thông tin mà trí nhớ đã thu thập suốt cuộc đời của chủ thể từ bảng chữ cái đến những sự kiện nổi bật, quan trọng của đời sống. Tất nhiên, vốn của ngân hàng này liên hệ mật thiết với nhân cách và lịch sử cá nhân.

Hoạt động và vận hành của trí nhớ

Trí nhớ, một chức năng của bộ não, quả thật là một ngân hàng dữ liệu. Nhiệm vụ là ghi thông tin, đem tồn kho dự trữ để sau đó xuất ra khi cần.

Khi ta nhận được một thông tin mới, thông tin đó lập tức được chuyển vào bộ não. Ở não, thông tin đó được xử lý, so sánh với các thông tin đã có trước. Não xác định loại thông tin, và quyết định xem nên giữ lại hay không, tùy thông tin đó có ích lợi hay không, để đem vào kho. Khi cần dùng đến gọi nó ra (xuất kho). Đó là hoạt động nhớ lại.

Trí nhớ là một cơ sở sản xuất ký ức. Hoạt động ghi nhớ rất phức tạp. Bởi vì phải tổ chức từ khâu mới nhận được thông tin (từ khi mới tri giác thông tin) đến khi phải xuất kho thông tin. Từ khâu vào đến khâu ra của một thông tin, nói cách khác, cửa vào của thông tin và cửa ra của thông tin.

Cửa vào của thông tin ở não gồm 8 tuyến thuộc các giác quan thính giác, thị giác, vị giác, xúc giác, khứu giác, cảm tính, cảm thụ bản thể, thân thể xúc giác (tri giác nóng, lạnh, đau), cảm giác ở các cơ thịt, vận động (cảm giác các vận động). Tùy loại thông tin, khi được thu nhận thông qua một tuyến giác quan hoặc qua nhiều tuyến giác quan khác nhau, được đưa vào não. Nơi đây các tế bào não xử lý và định đoạt một con đường nhất định nào đó để đi đến kho dự trữ. Con đường vào kho này rất quan trọng vì thông tin đã được đánh giá. Nhờ vậy, thông tin đã có được một giá trị nào đó đối với chủ thể, đã có được một độ nhớ tiềm tàng. Nên sự nhớ lại sẽ có hiệu quả.

Hoạt động trí nhớ không khách quan, mà thường lại có xu hướng chọn lọc. Có hai điều kiện chọn lọc: chọn lọc do tình cảm, chọn lọc do bắt buộc. Chọn lọc do tình cảm: là nhớ những gì ta thích, những gì ta không ưa; ta nhớ những người ta yêu mến, những người ta ghét, thù; những gì bổ ích, những gì độc hại; nói chung những gì gây chấn động tâm lý. Chọn lọc do bắt buộc; trong công tác, trong công việc ta phải nhớ những con số, tên họ cần thiết, ngôn ngữ mã hóa, các thông tin cần thiết cho yêu cầu, công việc.

Trí nhớ xuất sắc là khả năng tồn tại trong ngân hàng dự trữ nhiều hiểu biết trên nhiều vấn đề khác nhau, có ích cho bản thân và có ích cho người khác. Và song song, xã hội yêu cầu chủ thể phải có khả năng điều hành các cảm xúc, tình cảm một cách sáng suốt, cân bằng để sử dụng vốn thông tin, tri thức tích lũy cho mục đích ích lợi, chính đáng, không bị ảnh hưởng bởi các hấp dẫn tiêu cực ở môi trường xã hội.

Tại sao ta có xu hướng nhớ lại ký ức xưa nhiều hơn? Khi một thông tin được ghi trong trí nhớ nghĩa là nó bổ ích và quan trọng đối với chủ thể, nó được củng cố bằng cách chủ thể sẽ lặp đi lặp lại nhiều lần trong trí óc, hoặc cho người khác nghe: nhớ lại, tượng trưng hóa, thuật lại. Một ký ức được nhắc đi nhắc lại nhiều lần có sức mạnh hơn những ký ức khác. Trên một vài ký ức, trí tưởng tượng ta lại hoạt động thêm, giải thích, nói lên những cảm xúc và tình cảm từ ký ức. Ký ức đó được bổ sung, vẽ vời thêm, nên nó phong phú và vững chắc thêm. Do đó với thời gian trôi qua, nội dung thực sự đầu tiên của nó không còn đúng và

trọn vẹn nữa. Càng lập đi lập lại ký ức, chủ thể sẽ ít nhiều sắp xếp các sự kiện theo ý muốn chủ quan, khiến cho ký ức bản thân nó không còn nguyên vẹn, mà nặng nhiều tình cảm của chủ thể.

Trí nhớ tiến triển theo tuổi. Trẻ nhỏ có khả năng ghi nhớ rất lớn. Bởi trẻ nhỏ rất hiếu kỳ, và có khả năng tri giác rất nhạy. Khả năng thu hút thông tin đó của trẻ sẽ giảm dần khi trẻ lớn. Người lớn ít sẵn sàng thu nhận thông tin mới bởi động cơ chính là chọn lọc thông tin. Vì đã có được một vốn ký ức nên thích lập lại ký ức hơn. Và củng cố các ký ức bằng tình cảm. Nên chủ thể thường bằng lòng với vốn thông tin đã đạt, ít chịu khó phát huy.

Khi luống tuổi, tri giác chậm hơn, kém hơn, chủ thể có khó khăn ghi nhớ nhiều loại thông tin cùng một lúc, trong một thời gian ngắn. Người ta thường cho rằng người có tuổi, trí nhớ sút giảm. Không hẳn là đúng. Bởi người có tuổi hay quên, mà thường hay quên những việc lặt vặt, những việc mang tính cách tự động, nhưng không quên những việc đã được suy nghĩ, hay phải được suy nghĩ. Người có tuổi giữ được vốn từ đã được tích lũy và giữ được khả năng suy luận, phán đoán. Vốn quý này luôn luôn có sẵn và sẵn sàng hoạt động. Vấn đề là phải bảo quản sức khỏe. Đừng nên tìm nhớ tất cả mọi việc: không phải là phương pháp hữu hiệu để phát huy hay củng cố trí nhớ. Nên nghĩ rằng quên cũng có ích về mặt sinh lý. Tương tự như khi muốn dự trữ quá tải thì khó sắp xếp được tốt. Nên bỏ bớt những gì không cần thiết để trí óc được thanh thản.

Hiểu và học thuộc

Phải hiểu trước rồi mới học thuộc sau. Và phải hiểu một cách chính xác, cả nội dung và hình dạng của từ. Hai loại ghi nhớ này phải gắn liền mật thiết với nhau, không thể tách biệt với nhau. Sự ghi nhớ của cái này không thể vận hành mà không có cái kia. Hai thứ ghi nhớ bổ sung cho nhau. Nếu ta hiểu ý, mà không nhớ từ, thì không được, một vốn kiến thức đòi hỏi phải có được một số từ chủ chốt.

Muốn thuộc các từ, nhất là các từ vựng khó, các ngày tháng, các công thức toán học, các tên họ, các danh từ luật... không có cách nào khác là phải học thuộc lòng. Phải lặp đi, lặp lại nhiều lần (tôi nhớ có một cháu lớp 1, tôi hỏi cháu khi cháu học bài cháu làm sao, cháu nói cháu đọc to lên, to lên liên tục... Có lẽ là cách tốt, nhưng tôi chưa kịp hỏi là cháu hiểu bài không). Bởi phải hiểu bài thì trí nhớ mới ghi giữ được lâu dài, để các thông tin nhập và in vào trí óc, để trở thành chính thông tin của mình. Sự lặp đi lặp lại này là tối cần thiết để cho các tế bào thần kinh mắc nối nhau và ghi lại những từ vựng. Rồi phải hiểu mới giữ được. Ở đây, cần có một phương pháp học tập; phương pháp tham khảo nhiều tài liệu khác nhau. Ví dụ ta vừa được nghe một bài giảng về cá mập. Kế đó ta có một quyển sách nói về cá mập, ta được xem một phim tài liệu về cá mập. Những điều này đều được ghi vào trí nhớ giống như những hồi trong một mẩu chuyện (ở đây là chuyện cá mập). Nếu có được thông tin thêm

càng nhiều càng tốt. Nhờ vậy ta hiểu biết được vấn đề cá mập một cách tương đối đầy đủ.

Nghe giảng và đọc, cách nào dễ ghi nhớ nhiều hơn? Trí nhớ chỉ giữ lại một thông tin nghe có 3 giây. Thời gian này chỉ cho phép ghi lại một số điện thoại mà thôi. Ngược lại, đọc giúp tích cực hơn cho việc học tập. Khi đọc mắt ta nhìn chữ, nếu chữ đó quen thuộc mắt chỉ thoáng qua 1/4 giây rồi mắt tiếp tục đọc. Khi gặp một chữ khó, mắt có thể nhìn trở lại nhiều lần, có khi đến 5 lần, để trí nhớ có thể đoán nhận chữ khó đó. Hoạt động này chỉ tốn khoảng 30 giây. Khi ta nghe một bài giảng, hay một buổi phát thanh, ta không thể làm được như khi đọc, bởi ta không thể dừng người giảng, hay người phát thanh, để họ giảng lại hay phát thanh lại.

Vô tuyến truyền hình giúp gì trong sự ghi nhớ? Vô tuyến truyền hình có thể giúp ghi nhớ, nếu trước đó ta đã nghiên cứu học hỏi về vấn đề ở trong sách, ở bài giảng. Giống như vấn đề nghe và đọc: trí nhớ ghi lại (và dự trữ) các kiến thức đã được tham khảo từ nhiều tài liệu khác nhau. Đối với tài liệu bằng ghi hình, thì cũng giống như vô tuyến truyền hình, hình ảnh trình bày nối tiếp, liên tục trước mắt không cho sự ghi nhớ hoạt động đầy đủ được, mà chỉ một phần.

Người ta thường liên hệ trí nhớ với giấc ngủ. Tất nhiên không thể học thuộc khi ngủ. Khi ta ngủ, có thể nói là não nghỉ ngơi nên đóng kín không tiếp nhận thông tin nào từ ngoài. Nhưng giấc ngủ có thể củng cố những gì đã học khi ta còn thức. Học bài trong thời gian trước khi đi ngủ là một cách tích cực để bài học

được ghi nhớ (với điều kiện, không phải học khi ngủ gật). Tất nhiên, là bài học phải được hiểu thông suốt. Điều này đã được nhiều nhà khoa học khác nhau thử nghiệm và kiểm chứng. Có một đoạn trong giấc ngủ mà ta thường nằm mơ: đó là giai đoạn mà trí óc làm việc. Chính ở giai đoạn này mà trí óc củng cố lại những gì đã học trước đó, trước khi đi ngủ: các tế bào não tiếp tục chuyển tải và củng cố những thông tin vừa được thu nhận trước khi chưa ngủ.

Nói chung ta dự trữ thông tin bằng cách đọc sách, đọc tài liệu, vẫn tốt hơn là được cung cấp thông tin bằng tai nghe. Cho nên người nghe giảng cần phải ghi chú bài giảng.

Hiện tượng bất chợt quên hay lỗ hổng trong trí nhớ

Đôi khi bất chợt ta mất khả năng tìm lại một thông tin đã ghi nhận từ lâu: ta cảm thấy bực tức, bất lực trước cái hổng bất chợt đó của bộ máy ghi nhớ.

Hiện tượng này thường xảy ra khi ta mệt, bị xúc cảm lấn át. Trí nhớ là một kho dự trữ các dữ kiện, thông tin tích lũy đã từ lâu năm, nó giống như một tủ sách khổng lồ. Muốn tìm ra được sách thì phải lập một bộ phiếu sách. Khi ta bị một chấn động trí óc, tâm lý, ta không tìm ra quyển sách cần thiết: không tìm ra phiếu, hay không tìm ra sách. Bởi trí óc không sẵn sàng để trí nhớ hoạt động, do bị rối loạn.

Có hiện tượng, không tìm ra từ chính xác, dù từ đó mấp máy, mấp mờ trong trí óc. Đó là vì bộ nhớ về từ và bộ nhớ về nghĩa của từ, thường phải đi cùng một

tuyến, lại nhằm tuyến của nhau: ta có ý mà không tìm ra danh từ của ý. Đôi khi ta lẫn lộn từ đúng với một từ nào mà ta mới vừa sử dụng, mà âm vị tương tự. Có khi ta chỉ nhớ âm tiết đầu của từ. Hiện tượng này thường xảy ra khi ta mệt, hay tâm trí bị choán nhiều suy nghĩ khác nhau một lúc. Không phải là một rối loạn thực sự của trí nhớ.

Hai trường hợp trên là những rối loạn nhẹ, tạm thời, chóng bình phục. Rối loạn thực sự của trí nhớ là mất trí nhớ một phần, hoặc toàn phần, hoặc phẩm chất trí nhớ bị sút kém. Do các bệnh thuộc về não, hoặc bị tai nạn gây chấn thương não. Điểm chung của các rối loạn đó là: một số lớn tế bào não bị phá huỷ, khiến cho hoạt động của trí nhớ bị hỏng. May nhờ mỗi người chúng ta có hàng tỉ tế bào não mà ngày thường ta không sử dụng đến, bây giờ vì yêu cầu chữa bệnh, các tế bào "ngủ" đó được động viên, được tích cực kích thích để hoạt động thay thế cho các tế bào não đã bị phá huỷ. Nhờ vậy mà các rối loạn thực sự của trí nhớ (và của trí óc nói chung) có khả năng được điều trị. Sự phục hồi trí nhớ bằng phương pháp này có mang lại kết quả, tùy nặng nhẹ của rối loạn.

Những rối loạn nhẹ của trí nhớ thường do nơi nuôi dưỡng và bảo trì hoạt động của trí nhớ, không được khả quan; sức khỏe yếu, tâm lý trầm uất, thiếu vitamin, lao động quá sức, uống nhiều rượu, hút nhiều thuốc lá. Cách chữa trị là bổ sung sức khỏe và củng cố tâm lý, tránh những bất lợi cho sức khỏe.

Những điều kiện để bảo quản trí nhớ là: vệ sinh

đời sống, ăn uống điều độ, cân bằng dinh dưỡng, tập thể dục, thể thao. Nói chung nếu ta có sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần thì trí nhớ ta hoạt động nếu không tốt thì cũng bình thường. Trí nhớ sẽ hoạt động tốt nếu ta sẵn sàng ghi nhớ, sẵn sàng chú ý, tập trung và dĩ nhiên là có động cơ muốn ghi nhớ. Ta không nhớ những gì ta không muốn biết, những gì ta không thấy có liên quan đến ta.

Trong xã hội ta thấy có những người về mặt trí nhớ rất giỏi. Bởi trí nhớ là một chức năng của bộ não, nên môi trường gia đình, xã hội, nghiệp vụ ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển và phát huy trí nhớ. Một nhà giáo toán thì luôn luôn biết dạy trẻ trí nhớ số. Khi ta sống trong một môi trường kích thích chức năng trí óc, thì dĩ nhiên trí nhớ ta được tốt. Ngoài ra, trong xã hội còn có một số ít người chuyên luyện tập để biết nhiều về một vấn đề nhất định, để gây ngạc nhiên nơi người khác, để lòn, để biểu diễn. Loại trí nhớ máy móc này đóng khuôn trong một lĩnh vực rất nhỏ, không phải là trí nhớ xác thực. Trí nhớ xác thực là một chức năng của não đòi hỏi chủ thể phải có nhiều tri thức ở nhiều lĩnh vực, có khả năng vận dụng một cách hữu ích những tri thức của mình, chứ không bao giờ dùng nó để biểu diễn.

Trí nhớ cần được luôn luôn trau dồi. Ta có thể so sánh trí nhớ như một bắp thịt. Khi được luyện tập nhiều thì hiệu năng nó càng cao. Nếu ta không luyện tập, nó sẽ suy yếu dần. Ở tuổi nào cũng có thể và có cách để phục hồi vốn trí nhớ bị lãng quên. Ta có thể

phục hồi bằng cách xác định rõ ràng vấn đề gì ta muốn nhớ lại: ta chỉ có thể nhớ mỗi lần một vấn đề, và chớ nên chất đầy nhiều chi tiết vụn vặt. Ta tìm các liên tưởng chung quanh vấn đề mà ta muốn nhớ lại, để có những điểm mốc: ta cho vốn tri thức hoạt động lại. Nghĩa là ta điều khiển các tế bào não cho nó hoạt động tích cực, để trí nhớ được phục hồi.

Học sinh trước ngày thi, thường muốn dồn vào trí óc cả tấn kiến thức. Công việc máy móc đó không mang kết quả mà ngược lại làm cho trí óc bối rối, không thể tiếp thu kịp. Nên chú trọng những cái mốc quan trọng, chính xác, mà chắc chắn đã biết khi ôn chương trình. Ví dụ về các sự kiện lịch sử nên biết ngày, tháng, năm nào, có gì trước đó, có gì sau đó. Ví dụ: về văn học, nhà văn đang ôn lại, thuộc trào lưu nào, đối lập với trào lưu nào v.v... Những điểm mốc giúp tìm đường hướng để trả lời những câu hỏi đó.



Ta thường có cảm giác rằng đã quên tất cả. Nhưng sự thật, ta vẫn giữ ít lắm một phần những gì đã biết, đã học. Đôi khi ta không nhớ lại được một thông tin. Nhưng ký ức đó luôn luôn sống động dưới hình thức những dấu vết, những ấn tượng, tuy mập mờ. Những dấu vết, những ấn tượng đó vô cùng quý giá: chính chúng giúp ta có những phản ứng phù hợp, giúp ta có nhiều ý kiến về một vấn đề. Nói chung, chúng cung cấp cho ta những dữ kiện tiềm tàng thâm

lặng để suy nghĩ trước các sự kiện, vấn đề tình thế ta đang chứng kiến. Ta có cảm giác rằng chính tự mình đã suy nghĩ lấy, chứ không có dựa vào tri thức, thông tin nào cả. Nhưng sự thật, cái vốn dĩ kiện tiềm tàng trong mỗi người đã giúp ta có sự độc lập suy nghĩ đó. Qua đây chúng tôi ngỏ hầu mong muốn các bậc phụ huynh hiểu rõ hơn một phần nào đó về kỹ năng giúp đỡ cho con cái mình trong quá trình học tập nhằm góp phần tích cực vào kết quả học tập của trẻ.

KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA CON CÁI NHỜ SỰ QUAN TÂM CỦA CHA MẸ

Tự trường nhập học là lúc thuận lợi để cha mẹ và con đề ra những quyết định; vừa cho năm học của con, vừa cho nhiệm vụ của cha mẹ theo dõi học tập của con. Ấu cũng là một giai đoạn bận khoăn, bận tâm cho cả hai bên.

Thực tế, khi trẻ được sống thoải mái, tâm lý cân bằng thì trẻ sẽ không âu lo quá đáng. Trẻ sẵn sàng tiếp đón tình hình mới. Dĩ nhiên, ngày nhập trường, lòng trẻ cũng rung động, vừa lo lắng, vừa phấn khởi trước cái mới mẻ chưa biết. Cảm xúc này sẽ mất đi khi trẻ biết được thực tế. Hiểu được tình hình này cha mẹ mới có thể giúp trẻ thích nghi.

Suốt thời gian nghỉ hè, cha mẹ là người duy nhất dạy dỗ con. Bây giờ nhập học, cha mẹ giao con cho thầy cô dạy dỗ. Phải chăng đó là một sự đoạn tuyệt tạm thời nhiệm vụ làm cha mẹ? Hẳn là không. Trong thời gian nghỉ hè, một số nghi thức hàng ngày tạm ngưng; không có thời khóa biểu cố định, tổ chức thời giờ uyển chuyển. Nhập học, những điểm mốc tái hiện nhưng ai cũng vui vẻ, dù trước đó có phần âu lo. Học tập của trẻ bắt đầu lại. Cha mẹ trao gửi con cho người khác dạy. Cha mẹ có thể nhờ thầy cô phụ giúp trẻ học

hành, nhưng nhiệm vụ của cha mẹ đối với con là thuộc về cha mẹ, không giao phó cho ai được cả. Cha mẹ là người duy nhất phải gánh nhiệm vụ này. Thầy cô được ủy nhiệm dạy học và được thù lao về nhiệm vụ ấy, chứ thầy cô không có trách nhiệm về sự tiến triển của trẻ về lâu về dài. Dù trẻ được thầy cô dạy học ở nhà trường, nhưng trong việc học hành trẻ cần có sự giám sát của cha mẹ. Sự giám sát của cha mẹ trong việc học của trẻ ở tiểu học, là một sự hướng dẫn học tập cần thiết đối với trẻ, và sẽ ăn sâu vào trẻ.

Những kỷ niệm sâu xa của một số người bây giờ đã có nghề nghiệp thường khảng định ảnh hưởng của sự hướng dẫn của cha mẹ trong sự học hành của mình lúc thuở ban đầu đi học.

Ở tiểu học, nhà trường có phải là nơi duy nhất phát huy tiềm năng trí tuệ của trẻ không?

Nhà trường không phải là nơi sẽ làm cho trẻ thông minh. Vai trò của nhà trường là mang lại kiến thức. Trí thông minh không phải chỉ có kiến thức mà còn là khả năng hiểu biết thực tế. Trí thông minh có thể giúp trẻ học tập tốt, nhưng nhà trường không thể làm tăng nó lên được.

Thầy cô là người truyền đạt các kiến thức cho trẻ. Trước khi đi đến trường, ở gia đình, trí óc của trẻ đã được luyện tập để biết chú ý, để biết tập trung sự chú ý, để biết ghi nhớ trong các sinh hoạt hằng ngày ở nhà, trong các giao lưu giữa những người trong gia đình. Đó là cách vận động trí óc vừa tự nhiên, vừa hữu hiệu, mà cha mẹ đã cung cấp cho trẻ.

Công việc vận động trí óc phải được cha mẹ quan tâm trước khi trẻ đi trường mẫu giáo. Khai thác thời cơ để khuyến khích trẻ quan sát, tập trung chú ý. Khi cần, nên tìm cách phân tích quan hệ nhân quả cho trẻ. Từ đó dần dần trẻ sẽ tự thấy rằng trẻ có được một số dụng cụ trí tuệ để hiểu thực tế chung quanh, và khai thác nó. Mục tiêu không phải là để dồn vào đầu óc trẻ một số lượng thông tin, mà là để luyện tập, giáo dục chúng cách thức học tập. Tất nhiên, phải bắt đầu trong một phạm vi nhỏ, lĩnh vực đời sống của trẻ. Trẻ hiếu kỳ thích hỏi. Ta phải trả lời câu hỏi của trẻ. Sau đó, không chỉ nên trả lời mà còn phải khuyến khích trẻ hỏi. Về những sự việc đơn giản hàng ngày. Ví dụ câu hỏi: "Đố con biết tại sao trong giỏ đồ vừa mua của bà kia có một hộp sữa?". Câu hỏi tự nó không quan trọng. Mà quan trọng là động viên trẻ cách suy nghĩ, phân tích. Trẻ sẽ thích thú suy nghĩ và phấn khởi khi tìm được trả lời.

Hứng thú đó là tiền thân cho sự tìm hiểu, học thêm, trong học tập và sẽ tiếp tục mai sau khi làm việc.

Nhiệm vụ giám sát sự học tập của trẻ của cha mẹ

Khi trẻ học có kết quả tốt, trẻ thích đi học. Cha mẹ nên làm gì để giúp trẻ? Đầu tiên là giám sát sự học tập của trẻ ở nhà vào buổi tối. Sự kiểm tra này là tối thiểu. Dù trẻ đã làm xong bài vở trước khi cha mẹ đi làm chưa về. Sau đó cha mẹ hỏi han về những gì xảy ra ở lớp, ở trường.

Trẻ vui vẻ đi học thường thích sự quan tâm này của cha mẹ; sau đó dần dần trẻ sẽ có thói quen thuật

lại cho cha mẹ những gì đã gây ấn tượng cho trẻ ở lớp, ở trường, và trẻ bình luận về những điều đó.

Thực tế, có nhà giáo không thích cha mẹ làm như vậy, vì quan niệm rằng nhà trường và gia đình là hai thế giới riêng biệt. Ý kiến này không đúng về mặt giáo dục toàn diện con người. Giáo dục toàn diện con người phải liên tục, ngay từ lúc tuổi mầm non. Cha mẹ là người phải liên tục giáo dục con thành người về mọi phương diện. Mà vai trò này không thể phó thác cho ai cả, kể cả thầy cô. Thầy cô trách nhiệm với trẻ trong thời gian ở trường, nghĩa là khoảng 6-7 tiếng đồng hồ mỗi ngày đi học (trừ ngày nghỉ và thời gian nghỉ hè, nghĩa là khoảng 1/7 thời gian của trẻ tính cả năm). Còn toàn bộ thời gian còn lại thuộc sự quản lý của cha mẹ.

Thực tiễn cho thấy thất bại ở tiểu học thường là do thiếu sự chăm sóc, kiểm tra học tập của trẻ ngoài giờ học thường là do bài vở làm ở nhà, hoặc làm ở lớp ôn bài sau giờ học không được chu đáo, cầu thả nên trẻ chỉ có thể học kém. Mà trẻ học kém loại này (học kém vì thiếu sự chăm sóc, kiểm tra bài vở thường lại có hành vi không kỷ luật, vô lễ, hung hăng, lơ đãng). Ở lứa tuổi tiểu học hành vi hung hăng thường là một biểu hiện của sự giáo dục khuyết kém, thiếu tình thương. Thiếu sự quan tâm chăm sóc cũng có nghĩa là thiếu tình thương đúng mức.

Cha mẹ có thể kiểm tra sự học tập của trẻ ở lớp bằng cách xem trẻ có hẳn hiểu đúng những gì thầy cô giảng không, kiểm tra kết quả bài làm, bài học ở nhà, kiểm tra phiếu điểm của trẻ, bài làm ở lớp. Nên nhớ là

khi giảng lại cho trẻ hiểu đúng, nên chú ý theo đúng cách giảng của thầy cô mà giảng, không thêm không bớt cho trẻ dễ hiểu. Khi thấy cần, cha mẹ nên trao đổi với thầy cô: không phải để bình luận về cách thức dạy học của thầy cô (mà nhất thiết phải tránh điều này) mà mục đích là để hiểu thêm về trẻ. Thực tiễn, phần đông thầy cô rất sẵn sàng vui vẻ (vì có thể giúp thầy cô dạy tốt hơn). Nhưng có thầy cô thì không thích. Đây không phải lỗi của cha mẹ có ý tò mò, mà là thầy cô đó còn bị hạn chế, hạn chế nghề nghiệp hoặc hạn chế tâm lý.

Sự theo dõi học tập của con của cha mẹ cũng cố ảnh hưởng của họ đối với con: giảng lại những điều trẻ chưa hiểu rõ, phát huy cố gắng của trẻ để chúng làm bài chu đáo và nếu trẻ có khuyết điểm thì cha mẹ có thể trao đổi, bình luận với trẻ, để uốn nắn lại. Công việc này thường tiến hành suôn sẻ khi trẻ cảm thấy rằng cha mẹ quan tâm đến mình.

Cha mẹ phải đầu tư nhiều công sức và cố gắng bản thân.

Sự theo dõi có chất lượng của cha mẹ chắc chắn sẽ ảnh hưởng to lớn đến kết quả học hành của trẻ và cũng cố cân bằng tâm lý của trẻ, cho dù không may trẻ gặp phải thầy cô mà trình độ nghề nghiệp còn hạn chế. Ở tiểu học, xây dựng ý thức học tập nghiêm túc là chính. Đó là cái vốn tâm lý học tập cơ bản mà trẻ sẽ tiếp tục phát huy ở trung học cơ sở và lâu dài.

Khi trẻ có vấn đề ở lớp, làm xáo trộn trật tự, lớp học chẳng hạn, thầy cô phạt trẻ là đúng. Vì trẻ làm

sai, làm ảnh hưởng đến người khác. Đồng thời trẻ cũng tự làm hại cho mình. Cha mẹ cần phải chú ý quả trách trẻ, giúp trẻ hiểu hơn về sự tác hại đó, để trẻ không tái phạm.

Vai trò của cha mẹ là chính, trong công việc giáo dục các quy tắc xã hội cần thiết, để nó trở thành quy tắc ăn ở, cư xử của chính bản thân trẻ trong xã hội. Giúp trẻ trở thành một công dân lành mạnh, chân chính. Khi trẻ ăn ở đúng cách xử sự, thì khen. Không phải cứ sai là tránh phạt trẻ, mà quan trọng là làm cho trẻ nhận thức được cái tốt, cái xấu cần tránh nơi hành vi của mỗi người. Chú ý xây dựng cho trẻ nhận thức tốt xấu, đúng sai để trẻ có thể phát huy khi đời sống của trẻ mở rộng thêm.

Ở lớp học, khi hành vi của trẻ không làm hại bạn thì thầy cô không phạt. Ví dụ như trẻ ngồi mơ mộng, không chăm chỉ nghe giảng thì thầy cô thường chỉ quả trách, vì không gây phiền hà cho người khác. Nhưng khi kiểm tra giám sát bài vở ở nhà, cha mẹ phát hiện được sự lơ đãng của trẻ ở lớp học, cha mẹ phải phạt trẻ. Phạt để cho trẻ cảm nhận rằng, chăm chỉ nghe lời giảng của thầy cô để làm được bài ở nhà, là bốn phận của trẻ, là của tất cả học trò, không ai ngoại lệ.

Khi gặp phải thầy cô không cảm tình với trẻ, cha mẹ không nên vì đó mà than phiền. Cha mẹ nên nhắc nhở nhiệm vụ của trẻ là phải học cho tốt. Con phải học đến cuối năm cho tốt, cố gắng chăm chỉ nghe lời giảng dạy của thầy cô là bốn phận chính của con trong lớp học. Thầy cô là người cung cấp cho con những hiểu biết, kiến thức cần thiết. Đi học không phải cứ nhất

thiết để thầy cô thương yêu, mà để học tập những kiến thức. Vả lại thầy cô không thể thương yêu đầy đủ tất cả học trò. Cần tránh xích mích, nhất thiết không để một xung đột dù nhỏ xảy ra. Lành mạnh nhất là cha mẹ và con liên kết nhau để cho năm học của con tiến hành trôi chảy và có kết quả tốt.

Quan hệ tốt với thầy cô là một điều thích thú, nhưng không phải là điều tối cần thiết cho sự thành công học tập. Sự theo dõi, sự giúp đỡ của cha mẹ mới là chính đối với trẻ học tiểu học nói chung.

Khi giúp đỡ con học tập, cha mẹ luôn luôn phải giữ thái độ bình tĩnh (điều không phải là dễ) để giải thích cho con hiểu, bằng cách này, cách nọ, mục đích là để trẻ hiểu được cho chắc chắn. Giảng nhiều lần đi nữa mà người được giảng chưa hiểu, đó là lỗi của người giảng chứ không phải của người được giảng. Đó là một phương châm trong giáo dục.

Giúp đỡ con làm bài vở, chứ không phải làm bài vở hộ con. Tâm lý này thường gặp ở một số cha mẹ (có lẽ vì muốn con được điểm cao, có lẽ vì xong việc mau hơn, ít tốn thì giờ...), và cần được chú ý, để tránh.

Không nên đòi hỏi quá sức trí óc của con. Giúp con suy nghĩ nhưng để con làm bài vở theo trình độ của con. Chú ý để con giữ thế chủ động làm bài. Thái độ cầu toàn quá đáng của cha mẹ thường làm cho trẻ căng thẳng, khó tiếp thu. Nói thế không phải là không yêu cầu trẻ chăm sóc nội dung bài vở, trình bày bài vở cho sạch sẽ và đẹp mắt.

Chăm sóc cho trẻ học vì sự tiến bộ của trẻ, chứ

không phải vì vinh hạnh của mình. Khi trẻ không đạt điểm tốt, không nên lấy đó làm thất vọng. Mà nên phân tích cho trẻ thêm về những thiếu sót, để trẻ rút kinh nghiệm làm tốt hơn lần sau. Sự trao đổi giữa cha mẹ và trẻ trong học tập ngày càng làm cho trẻ kính nể và thương yêu cha mẹ thêm.

Sự theo dõi giám sát học tập của trẻ ở tiểu học của cha mẹ chuẩn bị tốt cho trẻ vào trung học cơ sở

Ta đã thấy sự theo dõi, giúp đỡ, giám sát học tập của trẻ ở tiểu học, của cha mẹ là vô cùng quan trọng, để trẻ tiếp tục học hành các năm sau một cách vững vàng. Có cha mẹ tiếp tục nâng đỡ trẻ thêm vài năm nữa ở trung học cơ sở: Chương trình phong phú hơn và có thêm ngoại ngữ. Tùy trường hợp, tùy điều kiện, như thế cũng tốt. Điều cần thiết là cha mẹ và con phải nhất trí. Trẻ có tính tự lập sớm, thường không thích. Dù sao trẻ cũng có được cái vốn căn bản về cách học tập mà cha mẹ đã dạy cho trẻ ở tiểu học.

Ở trung học cơ sở trẻ có thể tự học, tự kiểm tra. Đôi khi chương trình học tập của trẻ vượt khỏi tầm hiểu biết của một số người lớn.

Ở giai đoạn vị thành niên, quan hệ giữa cha mẹ và con có một bước tiến xa hơn: từ một quan hệ dựa trên một quyền lực đương nhiên của cha mẹ, trở thành một quan hệ dựa trên một quyền lực được trẻ nhìn nhận và tôn trọng. Nếu quyền lực của cha mẹ chưa mang được tính chất này, nghĩa là quan hệ giữa cha mẹ và con trong thời gian qua chưa được xây dựng tốt. Đó là phẩm chất trong quan hệ cha mẹ và con, mà

không thể để khiếm khuyết khi con đến tuổi vị thành niên. Cha mẹ vẫn còn thì giờ để tự kiểm tra, uốn nắn, tôi luyện thái độ và hành vi của mình đối với con. Quan hệ giữa cha mẹ và con là một quan hệ vĩnh viễn, không nên xem thường.

Cha mẹ cố gắng tránh thủ giai đoạn trẻ còn trong tầm kiểm soát và ảnh hưởng của mình để truyền đạt cho trẻ những giá trị nhân văn và xã hội cần thiết làm vốn nhân cách cho trẻ. Lớn hơn, trẻ sẽ thoát ly và ảnh hưởng xã hội (tốt có, không tốt có, xấu có) sẽ nhiều hơn ảnh hưởng của cha mẹ. Nhưng nó không át nổi những giá trị và quy tắc mà cha mẹ đã dạy, nên trẻ kính mến cha mẹ.

Song song với sự theo dõi học tập của trẻ phải xây dựng ý thức tự quản cho trẻ

Chăm sóc học tập của trẻ không có ý là luôn luôn định đoạt sẵn cho trẻ những điều phải làm. Ta phải dạy trẻ hành động một cách tự chủ. Dành cho trẻ thời gian suy nghĩ trước khi bắt đầu một công việc, để trẻ có sáng kiến. Nên kích thích sáng kiến của trẻ. Đừng bảo: "Con học giỏi, ba mẹ sẽ tặng cho con một món quà". Trẻ sẽ học tập vì món quà, chứ không phải trẻ học tập vì phải học tập, vì bổn phận của trẻ. Khi trẻ tự có hứng thú học tập là trẻ bắt đầu biết tự chủ, tự quản.

Trong 12 năm đầu, cha mẹ cần bắt buộc trẻ phải làm đúng theo cha mẹ yêu cầu: cho trẻ ý thức rằng đó là vì lợi ích của trẻ và tốt nhất cho trẻ. Luyện tập trẻ chú ý đến công việc mà trẻ đang làm, chú ý đến bản thân (sạch sẽ thân thể, không làm phiền người khác):

dần dần trẻ sẽ hành động một cách độc lập và trẻ sẽ biết tự đặt những yêu cầu cho mình.

Hàng ngày nếu trẻ có được sự hiện diện đúng lúc của cha mẹ, sự săn sóc và dạy dỗ của cha mẹ trong mọi việc liên hệ đến đời sống của trẻ, thì quan hệ tích cực giữa cha mẹ và trẻ và cuộc sống an toàn đó sẽ giúp trẻ khi phải xa cha mẹ, có đủ khả năng để tự quản. Khi trẻ đến gia đình bạn một ít lâu, khi trẻ đã ra về, gia đình bạn khen về hành vi lễ phép, xử sự thanh nhã của trẻ. Đó là cha mẹ đã thành công trong sự giáo dục trẻ: những dạy dỗ của cha mẹ đã thấm sâu vào trẻ một cách tự nhiên.

Có cha mẹ cho rằng nên để trẻ tự sắp xếp làm bài ở nhà một mình, như thế trẻ tự thấy trách nhiệm. Họ có thái độ không bao giờ chú ý đến vấn đề bài vở học tập của trẻ. Trẻ có làm thất lạc sách, trẻ có không làm bài vở ở nhà? Mặc kệ nó, cho nó biết thân! Nó cứ dần xếp với thầy cô! Cho nó biết phải giữ gìn đồ đạc! Thái độ này của cha mẹ là sai, là thiếu trách nhiệm đối với con. Cho dù trẻ có nhận thức được rằng đó là tại lỗi của trẻ, nhưng trẻ sẽ bị chấn động tâm lý nên không còn trí óc để học hành. Dần dần ngày tháng trôi qua trẻ sẽ bị trễ nải trong học tập. Đó là chưa nói đến hậu quả tất yếu của sự lơ đãng, sự sơ xuất kéo dài đó; vô tổ chức, vô phương pháp, cố gắng vô chừng, tình trạng thất bại liên miên. Thái độ đúng đắn, mang đến kết quả tích cực là cha mẹ phải theo dõi giúp đỡ trẻ, giúp trẻ mượn sách; nhưng không quên phạt trẻ để chúng ghi nhớ và đừng tái phạm. Trước tình thế trẻ đang lúng túng, trước nhất

phải tránh cho trẻ thất bại, rồi sau đó mới bắt buộc và dạy trẻ phải có ý thức trách nhiệm.

Khi sự giúp đỡ theo dõi học tập của cha mẹ gây mâu thuẫn với con

Khi trẻ không chấp nhận sự theo dõi giúp đỡ của cha mẹ, là trẻ chưa nhận thức được ích lợi của việc đó. Khi cha mẹ có lời khuyên, trẻ không cảm thấy được lời khuyên đó là đúng. Một đứa trẻ mà không chấp nhận lời khuyên răn của cha mẹ là một đứa trẻ mà ý thức đúng sai do cha mẹ đã dạy trước đây cho trẻ, chưa đạt được trình độ đúng mức.

Trước tình thế này, cách tốt nhất là cha mẹ tăng cường chăm sóc, giúp đỡ trẻ. Làm sao cho trẻ thấy đó là mục đích chung của trẻ và cha mẹ: trẻ học tốt, cha mẹ giúp trẻ tiến bộ. Trẻ phấn khởi, cha mẹ vui lòng. Cho trẻ thấy rằng cha mẹ luôn luôn là đồng minh của trẻ giúp trẻ tiến bộ trong học tập. Trẻ sẽ cảm thấy rằng mình là một nhân vật may mắn nhất, để hào hứng học hành, cho mình, cho cha mẹ.

Cho đến tuổi vị thành niên nếu có gì, cha mẹ có thể kiểm soát trở lại để điều chỉnh tình thế. Vì thực sự, cha mẹ còn tác động, ảnh hưởng được trẻ. Sau đó, thì rất khó.

Một đứa trẻ không thể tự nó quyết định là cha mẹ nên giúp hoặc không nên giúp nó học. Cha mẹ là người quyết định cho trẻ trong mọi điều lợi ích cần thiết cho trẻ. Không nên để trẻ tự do muốn gì cũng được vì hậu quả không lường được. Hơn nữa khi trẻ không muốn để cha mẹ giúp đỡ, thì vô hình chung là

cha mẹ đã đồng ý là cha mẹ chưa nhận thức đúng vai trò của mình. Nếu cha mẹ có bắt buộc trẻ phải làm theo ý mình đối với trẻ, là chính vì quyền lợi của trẻ. Cần cho trẻ thấy viễn tưởng học kém: khi lớn lên, trẻ không thể chọn một nghề nào trẻ thích... Trong cuộc sống hàng ngày chú ý dạy trẻ biết nhìn xa, biết ước đoán được hệ quả mai sau của công việc hôm nay. Khả năng ước lượng, đánh giá quý giá đó rất cần thiết cho mọi lứa tuổi, từ việc nhỏ đến việc lớn hơn. Nếu trẻ ương ngạnh thì phạt: để uốn nắn cách xử sự của trẻ khi nhận thức của trẻ chưa đủ khả năng chế ngự, quản lý các xung năng (làm trái ngược, lười biếng), xuất phát từ bên trong tâm lý của trẻ.

Cha mẹ phải cương quyết

Có cha mẹ không cương quyết. Vì e ngại con sẽ không thương yêu mình. Vì e ngại con sẽ chống đối. Vì có cha mẹ thích buông xuôi. Vì sợ con sẽ lánh xa mình.

Thực sự cha mẹ là người phải tạo điều kiện cho con phát triển lành mạnh và khả quan nhất. Chính thái độ buông xuôi có nhiều khả năng làm con lánh xa, chứ không phải thái độ nghiêm túc (đừng nên lăm lăm với sự khắt khe).

Trẻ nào cũng thích được cha mẹ thương yêu và trẻ nào cũng thích làm tốt được việc ngay từ bé nhỏ (khi bò được, khi đi được, khi nói được, trẻ nào cũng thích thú, hân hoan). Vai trò của cha mẹ chính là để giúp trẻ tiến bộ theo yêu cầu phát triển tự nhiên: tiến lên từng bước, từng nấc thang phát triển một cách vững

vàng, chắc chắn, theo nhịp độ của trẻ, không nóng vội. Các tiến bộ kết hợp nhau sẽ giúp trẻ khẳng định nhân cách. Nhân cách vững không bị lôi cuốn, không bị lung lay vì cảm dỗ. Nhân cách vững sẽ vững trước mọi tình thế và mọi hoàn cảnh.

*

Cha mẹ rất mệt sau một ngày lao động thường bị nóng nảy ức chế. Trong khi kiểm tra giúp đỡ một đứa con làm bài vở, đôi khi mấy đứa con khác lại cãi vã, làm ồn ào. Khi sự náo động đó bắt đầu, cha mẹ phải xử lý ngay vì phải cấm đoán ngay một việc không nên làm. Không nên chờ khi nổi giận rồi mới la rầy. Ta cấm đoán một việc làm sai, chứ không phải ta cấm đoán vì việc đó làm ta nổi giận.

Khi sắp xếp tổ chức thì giờ được ổn thoả để kiểm tra giúp đỡ học tập của các con, cha mẹ sẽ thấy thoải mái, các con vui vẻ và sự căng thẳng ở gia đình sẽ hiếm xảy ra.

VÌ SAO TRẺ NÓI DỐI

Vì không hiểu được đúng mức sự nói dối nơi trẻ nên cha mẹ, thầy cô thường rất bực mình, giận dữ. Không những cho nói dối là một tội lỗi về mặt đạo đức mà còn là một tật xấu phải sửa chữa. Đủ điều giáo huấn, đủ cách trừng phạt được vận dụng để làm cho trẻ ghê sợ nó, để nó biến mất không tái diễn, giống như phải tiêu diệt một kẻ thù.

Trong thực tế, có nhiều loại nói dối. Mỗi loại do một nguyên nhân tâm lý khác nhau. Dù sao trong tâm lý của trẻ nhỏ đang phát triển, nói dối chỉ là một phản ứng chi tiết trong đời sống và tự nó không có tầm quan trọng như ta tưởng. Điều cần được quan tâm ở đây là thường nó chỉ là một phản ứng tâm lý trước một đòi hỏi, yêu cầu nào đó của người lớn, bạn bè, hoặc của chính bản thân trẻ mà trẻ phải đối đáp, trong khi trẻ không đủ khả năng tương xứng.

Trong quá trình phát triển của trẻ trước 7 tuổi nói dối là một đặc điểm tâm lý

Vì nó không mang tính chất bất bình thường (loạn trí) nên các nhà tâm lý gọi đó là *nói dối giả*.

Ngôn ngữ là khả năng huyền diệu nhất của con người để chinh phục thế giới chung quanh. Nói lên tên

một món đồ là nó hiện lên trước mặt mọi người (một cách trừu tượng): huyền diệu biết bao. Do đó trẻ mới biết nói, thích nói. Lời nói có thể điều khiển sự vật. Cho nên ngôn ngữ của trẻ trong giai đoạn mới lớn này mang rất nhiều tính chất huyền diệu thần bí. Khi trẻ quả quyết về một sự việc thì sự việc đó là sự thật (giống như ảo thuật). Ở bàn ăn, trẻ chẳng may làm đổ nước trên bàn, trẻ có thể quả quyết là không phải trẻ làm đổ nước, và đôi khi đổ lỗi cho anh, chị em. Đối với trẻ, có nghĩa là "con không muốn làm việc đó thì việc đó không phải là do con".

Do trí óc trẻ còn non nớt chưa đủ khả năng phân biệt khách quan và chủ quan, nên khách quan và chủ quan lẫn lộn. Đi dạo về trẻ kể đã gặp một con chó to bằng con cọp. Trẻ nói lên sự sợ hãi của trẻ, chứ không phải là nói dối thật sự mà là nói dối giả.

Khi được 3-4, tuổi óc tưởng tượng phát triển hơn, trẻ pha trộn ý muốn và sự thật thành một trò nói dối để vui chơi. Chiếc xe đạp của trẻ là một chiếc xe hơi, có nhãn hiệu Peugeot. Trẻ lái xe chạy lung tung, kèn kêu inh ỏi (bằng miệng của trẻ), đến đèn đỏ (cuối phòng) thì dừng lại, rồi xe được tiếp tục lái đến cây xăng (bàn ăn), dừng lại để lấy xăng...

Khi được 5-6 tuổi, năng khiếu tưởng tượng có hệ thống hơn, trẻ có thể bịa một câu chuyện với nhiều tình tiết, với nhiều tiết tấu hơn, giống như một kịch bản. Nhân vật chính là trẻ, các nhân vật khác là những người chung quanh hoặc những người trẻ thường nghe nói đến. Cốt chuyện là một chuyện có thật sau đó trẻ thêm dệt thêm, thêm thắt theo ý muốn

của trẻ. Đi dạo phố với mẹ, về nhà trẻ thuật lại với ông bà là mẹ với cháu phải chờ xe buýt thật lâu (chuyện có thật). Bỗng nhiên, mẹ khóc, khóc. Có một bà đến dỗ mẹ hết khóc... ông bà chỉ còn cách là phải suy ngẫm lại xem trong quan hệ với mẹ cháu có cái gì mà đã làm phiền lòng mẹ cháu...

Có trẻ có thể bịa đặt nhiều mẫu chuyện kế tiếp nhau thành như một cuốn phim có nhiều đoạn. Nhân vật chính luôn luôn là trẻ. Còn các nhân vật khác là một người anh, một người chị họ, hoặc một người bạn của trẻ, chung quy, các nhân vật dùng để biểu lộ các kinh nghiệm, suy nghĩ, tình cảm, ưu phiền của chính trẻ: đó là một màn kịch tâm lý của trẻ. Kinh nghiệm cho thấy rằng chỉ có những trẻ có trình độ thông minh mới sáng tạo được những màn kịch như thế này. Sự nói dối giả này biểu lộ trình độ của sự phát triển của trẻ.

Nói dối giả là sản phẩm tự phát của trẻ. Và cũng là một đặc điểm trong thời kỳ phát triển trí óc nhanh chóng của trẻ. Như những ví dụ trên cho thấy, những lời nói dối này thường mang tính chất ngây thơ, vui chơi, vô hại dễ thấy. Tuy nhiên, nó cũng biểu hiện được tâm trạng của trẻ: ý muốn, sợ hãi, ưu phiền. Khi trẻ nói dối, mà ta không thấy được tính vui đùa thì ta thường phần nộ. Một đứa trẻ dưới 6-7 tuổi chưa hết nói dối thực sự, nên ta cần quan tâm tìm hiểu nguyên nhân của nói dối. Ta nhớ ở lứa tuổi này lời nói thường mang tính chất huyền diệu. Khi trẻ chối từ một việc gì thì việc đó không có xảy ra. Khi trẻ gây nên một sự việc gì mà ta cho là một lỗi, ta hỏi trẻ, trẻ bảo là không phải trẻ gây nên. Có nghĩa là trẻ khi không

muốn việc đó xảy ra, là việc đó không có. Chối từ một việc đã xảy ra đối với trẻ có nghĩa việc đó không có xảy ra. Lời nói xóa được sự việc. Cho nên nó mang tính chất huyền diệu, thần bí đối với trẻ. Khi trẻ phạm một việc sai, trẻ bảo không phải là tác giả: có nghĩa là "Không, con *không muốn* nghe nói đến việc ấy"; "Con đã lỡ tay, con *không muốn* thế!". Không ở đây không có nghĩa là chối mà có nghĩa là không có xảy ra (lời nói là một thần chú). Tùy tình huống, không, có mang tính chất thần bí. Không là sự việc đó không có xảy ra. Cho nên ta đừng bắt đầu gán cho trẻ là phạm tội. Vì phạm tội đòi hỏi hai điều kiện: a) Người phạm tội là người được tự do hành động (trẻ có tự được tự do đâu); b) và ít nhất là ý thức được hành động đó có thể mang lại hậu quả xấu, hay làm hại người khác (ở tuổi này trẻ chưa có trình độ để lường được hậu quả, hành động của mình). Nhưng đôi khi vì chưa đủ trình độ nhận thức rõ ràng điều tốt, điều xấu, nên trẻ có xu hướng chọn lối đối đáp nào trước mắt mà trẻ cho là lợi nhất cho mình, nếu cần phải chọn sự thật và nói dối. Rủi làm gì sai, sợ bị mắng, bị phạt, trẻ chối dù trẻ ý thức là mình có lỗi.

Thế nào là thái độ đúng đắn trước sự nói dối của trẻ trước 7 tuổi

Khi ta nhận định là sự nói dối giả là một hành vi đặc thù của trẻ trong giai đoạn phát triển, thì ta thường có xu hướng bỏ qua. "Nhân chi sơ tính bản thiện", rồi dẫu sẽ vào đó! Nếu nghĩ như thế thì rất sai lầm.

Thật sự, dù ta cho là nói dối giả đi nữa, nếu ta để cho trẻ cứ tiếp tục như thế nhiều lần ắt sẽ thành thói quen nói dối thật sau này của trẻ. Hơn nữa, ý thức luân lý đạo đức hình thành nơi trẻ đang giai đoạn phát triển, nhờ thông qua sự phán đoán, nhận định, đánh giá, xử sự của những người sống chung quanh trẻ trong tất cả mọi việc xảy ra trong đời sống hàng ngày, với tất cả mọi người. Nên khi trẻ nói dối để tránh né vì sợ, ta phải sửa chữa. Ta nên nhớ là thái độ phải luôn dịu dàng, điềm tĩnh, không giận dữ, cũng không dùng yếu tố tình cảm: ta nên đánh giá hành vi, sự việc, chứ không đánh giá bản thân trẻ. Nên nói với trẻ: con nói không đúng, việc đó không tốt. Không nên nói: con nói dối và con là một đứa bé xấu xa...

Do trẻ chưa đủ trình độ trí óc để phán xét đâu đúng, đâu sai, để phân biệt chủ quan, khách quan, nên trong mọi tình huống xảy ra, ta luyện cho trẻ thái độ khách quan khuyến khích trẻ kể chuyện, để khi trẻ kể xa sự thật thì uốn nắn lại cho đúng.

Khi bình luận các sự việc, tình huống chú ý chứng minh sự vô ích và bất lợi của việc nói sai sự thật (nếu có). Nên nhớ rằng lời dạy gián tiếp hay trực tiếp đều đòi hỏi người lớn phải là tấm gương sáng, là chuẩn mực để trẻ tin tưởng noi theo; nếu không thì phản tác dụng.

Nói dối nơi trẻ trên 7-8 tuổi

Khác với nói dối giả trong giai đoạn phát triển đầu, nói dối của trẻ 7-8 tuổi mang nhiều tính xã hội hơn.

Với những nguyên do ít nhiều lành mạnh. Ví dụ: nói dối vô tư tự phát để trêu trọc, để người khác chú ý

đến mình. Lỗi cuốn được sự chú ý giữa là mình có được một uy quyền, ảnh hưởng nào trên họ (ít nhiều vô thức): tác giả rất phấn khởi khi thành công. Một ví dụ khác phổ biến là nói dối lễ phép, độ lượng, hào hiệp mà động cơ chính là lòng bác ái, là tình thương. Nhà cháu giàu có, đến nhà bạn nghèo, cháu khen lấy khen để các món đồ trong nhà bạn, để cho bạn đừng buồn, đừng tủi thân. Cha mẹ không bao giờ tỏ ra quá nghiêm khắc với cháu; có lần cháu bị điểm xấu ở trường, cháu giấu đi, không phải vì sợ cha mẹ phạt, mà vì cháu sợ mẹ cháu lo buồn! (Đối với người lớn, đôi khi vì muốn nhường nhịn cho bà con, bạn bè, ta cũng nói dối: tôi đã no rồi, không ăn nữa, tôi không dùng món đồ đó v.v...). Nói dối lễ phép, xã giao thường được giáo dục trong gia đình.

Cần được quan tâm hơn cả là nói dối mà nguyên nhân thiếu lành mạnh. Nói dối vì mặc cảm tự ti, vì mặc cảm tội lỗi, vì đổ kỵ.

Nói dối vì mặc cảm tự ti; khi tự cảm thấy mình kém cỏi về một mặt nào đó: hình dáng bề ngoài, trí tuệ, khả năng... Tâm lý hổ thẹn xâm chiếm trí óc trẻ nên trẻ có xu hướng bù trừ: trẻ đề cao quá đáng cái gì mà trẻ tự cảm thấy hay nhất nơi mình. Khi thì trẻ bù trừ bằng tự cao tự đại không có cơ sở. Khi thì trẻ bù trừ bằng tự kiêu, khoe khoang sức lực, sự dũng cảm, sự giàu có, quyền lực của một người nào khác trong gia đình. Cách tự khẳng định dễ dãi đó thường thấy nơi trẻ tâm lý yếu kém, nhu nhược. Không những vô ích cho trẻ mà sự lạc quan tếu đó lấn áp tâm trạng

khiến cho trẻ không bao giờ có ý nghĩ suy tìm giải pháp nào khác lành mạnh, vững chắc, hiệu quả hơn.

Trẻ có mặc cảm tội lỗi thường sử dụng lời nói dối để tự vệ. Trẻ này thường sống trong một gia đình quá luân lý, không chấp nhận hoặc bỏ qua một khuyết điểm, lỗi lầm nào cả, dù rất nhỏ. Trẻ luôn luôn bị la rầy, trách phạt.

Nói dối đồ kỹ thường gặp ở sân trường, ở lớp học, ở khu phố, làng xóm. Nói chung, những nơi tập trung nhiều trẻ với nhau. Ví dụ có một em nào đó tính nết hay gây gổ, không ai ưa thích, bị các em khác vu những lỗi mà không phải do em gây ra.

Trên đây là những trường hợp nói dối không bình thường, thiếu lành mạnh rất cần được quan tâm để chữa trị.

Nói chung, những lời nói dối có động cơ phản xã hội, thiếu lành mạnh, ta không gặp ở trẻ có tâm lý cân bằng, đã được nuôi dưỡng trong một gia đình chăm sóc sự giáo dục con cái, đã và đang học tập nơi một môi trường trường lớp thuận lợi.

Người giáo dục trẻ nên quan tâm những điều gì?

Người giáo dục trẻ phải luôn luôn là gương mẫu. Tránh nói dối dù là mục đích lễ phép, tôn trọng lễ thói, nhất là bảo trẻ nói dối thay mình dù cho là không quan trọng.

Có người nói: "Tôi đã làm đủ cách mà không trị được nói dối của nó!" Đủ cách? Có nghĩa là chỉ lo áp đảo triệu chứng bên ngoài, không tìm hiểu động cơ. Đụng đầu phạt đấy. Cách thức vô chừng, tùy hứng.

Nặng nhẹ không phải tùy nặng nhẹ của lỗi, mà tùy tâm trạng mình lúc ấy, giận thì phạt nặng, vui thì bỏ qua. Bị rối loạn nên trẻ luôn luôn ở trong tình thế tự vệ. Phản ứng tự vệ nằm sẵn trong nhân cách: không lý do, phản ứng tự vệ cũng không bộc phát. Bế tắc cả hai bên (trẻ và người lớn). Lâu ngày làm trẻ có thể bị loạn trí óc. Người giáo dục mà không nhận thức đúng vai trò của mình, nên trước trẻ nói dối có cảm giác như bị chạm tự ái, mất uy tín, thất bại trong sự giáo dục của mình chứ không phải vì lợi ích của trẻ (một cách ít nhiều vô thức). Giáo dục lại trẻ nói dối đòi hỏi một phương pháp nhất quán chứ không thể theo lối tài tử được.

Khi thấy trẻ nói dối, trước nhất hãy tìm hiểu động cơ: nói dối để có lợi gì, nói dối tự vệ, nói dối vị tha (trừ nói dối loạn thần kinh mà điều trị phải nhờ đến người có chuyên khoa để có phương pháp giáo dục phù hợp cho mỗi trẻ), nói dối mà được tin là của trẻ thông minh (nơi trẻ kém thông minh nội dung nói dối rất nghèo nàn, khó tin).

Động cơ không phải dễ thấy ngay mà phải tùy từng sự việc. Còn phải tìm hiểu ý nghĩ, cảm xúc của trẻ đằng sau động cơ đó. Ví dụ trẻ học rất dở thường hạng cuối lớp. Một hôm đột nhiên về nhà trẻ nói dối với cha mẹ là trẻ được hạng nhất. Bị hỏi rảo riết trẻ thú nhận là đã nói dối. Nói dối để bù trừ, bộc phát đó biểu hiện mặc cảm tự ti đau buồn, tủi nhục của trẻ đã đến mức trẻ cảm thấy khó chịu lắm rồi. Và đằng sau đó có tình thương cha mẹ, muốn làm cho cha mẹ vui lòng (ta thấy tính chất thần chú ngây ngô của tuổi lên bảy).

Ta thường tưởng rằng vì trẻ hay nói dối nên trẻ tự cảm thấy tội lỗi, lâu ngày trở thành mặc cảm của tội lỗi. Không đúng. Chính là do quá trình giáo dục quá khắt khe mà trẻ phải gánh chịu, như đã nói trên. Mặc cảm tội lỗi làm mất đi sinh khí đang nảy nở mạnh mẽ ở lứa tuổi này. Đối đáp bằng nói dối để mong đẩy lùi sự sợ hãi trước những lời răn đe trừng phạt như cơm bữa mà trẻ phải nghe hàng ngày. Do đó trẻ không còn sinh khí, và trí óc để xây dựng nhân cách mình, một cách tích cực hơn. Nhân cách con người được xây dựng và hình thành trong quan hệ qua lại với môi trường, với người khác. Quan hệ qua lại đó nếu không được tốt thì công cuộc xây dựng đó bị lung lay là dĩ nhiên.

Khi cảm thấy trẻ không nói hết sự việc mà mình muốn tìm hiểu nơi trẻ, có gì trẻ còn giữ bí mật, cha mẹ, thầy cô thường có xu hướng đặt câu hỏi ráo riết, dồn dập, muốn biết tất cả, tất cả các mặt, mọi việc, cả đến những ý nghĩ của trẻ, không sót. Điều này nên tránh. Sự nắn nò, thôi thúc đó, dù có dựa trên sự tin tưởng của trẻ đối với mình, tình thương của trẻ đối với mình đi nữa, nhưng không lâu sẽ trở thành một thứ thẩm vấn gay gắt, ngột thở. Khiến cho trẻ phải nói dối để tránh né: đó là quyền chính đáng của trẻ. Giống như người lớn, trẻ cũng có một vườn tâm lý thâm kín, bất khả xâm phạm. Tại sao ta lại không tôn trọng?

Dù sao, nên nhớ là nói dối nơi trẻ không phải là một tội lỗi. Mà là hậu quả của một khiếm khuyết nào đó trong sự giáo dục, khiến cho sự hình thành nhân cách của trẻ không được thuận lợi (trừ sự nói dối giả trong giai đoạn phát triển trước 7 tuổi). Không nên

chỉ bài trừ sông hiện tượng nói dối, bởi làm như thế thì giống như ta trị triệu chứng bệnh mà không trị căn bệnh, không bồi dưỡng người bệnh thật mạnh để bệnh không tái phát. Cho nên khi giáo dục lại trẻ nói dối, phải song song xây dựng nơi trẻ tính thẳng thắn, trung thực, tinh thần cống hiến, biết thương người. Vì đó là vốn quý cơ bản cho sự cân bằng bản thân trẻ cho hạnh phúc của trẻ trong tương lai.

Một phương châm quý cho người giáo dục là phải không ngừng tự trau dồi nhân cách. Bởi vì một nhân cách bền vững, một nghệ thuật hay một vốn hiểu biết tốt của người giáo dục, và nhất là tình thương sáng suốt vô tư của người giáo dục đối với trẻ, là những bí quyết thành công trong sự giáo dục lại trẻ nói dối.

TÍNH TỰ LẬP TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Sau chín tháng được mẹ nuôi dưỡng trong bụng, bé ra đời. Tương lai của bé là sẽ trở thành người lớn, có đủ phương tiện để tự nuôi thân, và nuôi gia đình mà đến lượt mình sẽ xây dựng.

Quy luật tạo hóa tự nhiên là trẻ dần dần lớn lên, và song song trẻ cũng từ từ tách ra khỏi sự che chở và nuôi dưỡng của cha mẹ để từng bước tự sống và phát triển, cho đến khi có thể sống tự lực. Có thể độc lập điều khiển đời sống của mình, không cần đến sự giúp đỡ của cha mẹ nữa.

Lịch sử cá nhân của mỗi người là lịch sử của một cuộc tự giải phóng khỏi những ràng buộc của cha mẹ, để không còn phụ thuộc cha mẹ. Có thể nói đó là một cuộc chinh phục quyền độc lập của mỗi đứa con đối với cha mẹ, trong quá trình lớn lên để thành người.

Xu hướng tự lập là tự nhiên trong quá trình phát triển nhưng phải trải qua nhiều xung đột tranh chấp với môi trường

Có thể nói cuộc đấu tranh để được tự lập của trẻ là một chiến trường có hai mặt trận. Mặt trận thứ nhất là để có được sự tự lập, quyền tự do, thoát khỏi

quyền lực của cha mẹ, kỷ luật của gia đình, thoát khỏi trật tự và kỷ luật ở nhà trường, thoát khỏi các quy tắc xã hội tiêu cực gò bó con người. Mặt trận thứ nhì là ý muốn còn giữ được sự che chở an toàn của cha mẹ là ý muốn vẫn giữ thói quen vâng lời cha mẹ (vì nó bảo đảm cho trẻ sự an toàn), là ý muốn học tập tốt ở nhà trường để được cung cấp những kiến thức mà trẻ đam mê, ngày càng muốn biết thêm, là ý muốn xã hội phải thay đổi (mà trẻ chưa biết phải thay đổi thế nào).

Hai nguyện vọng đó của trẻ đối chọi nhau khiến cho có những biểu hiện, hành vi của tuổi trẻ làm cho ta khó hiểu. Đó là một khía cạnh đặc thù của vấn đề mâu thuẫn giữa hai thế hệ (cha, con) mà cứ như thế tiếp diễn từ xưa đến nay.

Khi có nguyện vọng được tự lập, trẻ nhìn về phía trước, và ước định về khả năng của mình. Đây chỉ là một ước đoán thuần túy, chứ chưa phải là trẻ đã có khả năng thực sự. Thường trẻ muốn được tự do, ăn uống tùy thích, tiêu tiền như anh, như chị, đi dạo chơi với ai trẻ chọn. Trong khi sự giám sát của cha mẹ còn cần thiết để tránh cho trẻ bị rối loạn tiêu hóa, tránh cho trẻ tiêu tiền vô lý, tránh cho trẻ bạn bè không tốt. Ta cũng thường thấy một số sinh viên trẻ thất bại trên đường học vấn, chỉ vì muốn sống gấp đời sống tự do, trong khi chưa có thể thoát ly được sự tài trợ của cha mẹ, trong khi còn phải cần đến sự nâng đỡ tinh thần của cha mẹ.

Một số trẻ nóng lòng muốn thoát ly sự bảo trợ của cha mẹ. Cho nên khi thì dùng mưu mẹo để tránh bị khiển trách. Khi thì có hành vi tranh đấu kịch liệt, sôi nổi. Do đó, mà nảy sinh hiểm thù, sự che giấu, sự bất

tuân, bất kể mọi việc đến đâu thì đến... Trước tình hình đó, nếu thái độ của cha mẹ thiếu bình tĩnh, thiếu ôn hòa, nóng nảy thì không khí trong gia đình sẽ rất nặng nề, khó thở.

Bi kịch ở đây, về phần con thì muốn vội vàng được thành người lớn (vì người lớn được tự do, có nhiều quyền lực), ít nữa được làm giống như người lớn.

Bi kịch của cha mẹ là còn bám vào quá khứ. Cha mẹ còn vẩn vương những hình ảnh khi còn nhỏ của đứa con trai, đứa con gái, mà đã lỗi thời, vì đứa con đã lớn, mà cha mẹ chưa ý thức được rằng con đã lớn. Cho nên mong muốn của cha mẹ, của con không thể hòa hợp nhau, không thể hợp nhất với nhau. Có cha mẹ cứ khư khư giữ thái độ che chở, quá đòi hỏi, quá kiểm tra, quá thận trọng. Những lời khuyên, những lời hỏi han, cả đến những mệnh lệnh, tuy là những biểu hiện của sự lo lắng, chăm sóc của cha mẹ đối với con, nhưng con lại thấy rằng đó là những việc làm bần trí vô ích cho cả hai bên. Hơn nữa, tình thương con vô bờ bến, thói quen che chở con làm cho cha mẹ càng thấy đau lòng khi con ngày càng xa mình cho dù đã biết rằng đó là quy luật cuộc sống, con phải từ từ tách rời cha mẹ. Tuy thế, không phải ai cũng chấp nhận một cách có ý thức. Có cha mẹ cố kiên trì đẩy lùi kỳ hạn con đã lớn. Phải chăng vì bị ám ảnh bởi cảnh cô đơn của tuổi già, cái chết kề cận, một quy luật khác của đời sống? Nếu ta nghĩ như thế, có lẽ cũng không sai.

Cha mẹ nên hướng về phía trước, đừng cố bám vào dĩ vãng, nơi có thể hiểu được con. Nên dành cho con một thời gian thực tập ý nguyện tự lập của con, dĩ

nhiên với sự giám sát gián tiếp của cha mẹ, vì trẻ chưa đủ khả năng. Không nên đáp ứng tất cả yêu cầu của trẻ, mà phải cùng với trẻ tìm hiểu và bàn bạc để cùng xem có thể thực hiện được không, rồi sau đó cùng nhất trí trên một số vấn đề. Tránh thái độ gạt ngang, bởi như thế sẽ gây nên sự chống đối nơi trẻ. Khi cùng chung bàn bạc với trẻ, nên cố gắng thích nghi quyền lực cha mẹ của mình với tình thế con đã lớn. Phải làm sao để cho trẻ nhất trí với gì mà trẻ đã suy nghĩ và định đoạt. Trong lúc đó, làm cho trẻ tự cảm thấy có đủ điều kiện và khả năng để không phải mãi tiếp tục nhờ sự hướng dẫn của người khác. Có nhà giáo nào mà không vui sướng và hãnh diện trước sự thành đạt quý giá này, trong nghề nghiệp của mình.

Tình tự lập bắt đầu - khi được 3- 4 tuổi trẻ muốn làm một mình không muốn ai giúp trẻ

Xin kể một ví dụ để giúp hiểu tâm lý trẻ muốn tự lập và để ta có thể có thái độ phù hợp.

Bé Nam được hơn 3 tuổi. Bé đang ở giai đoạn phát triển mà trẻ bắt đầu tự khẳng định, nghĩa là trẻ bắt đầu ý thức được rằng mình là một chủ thể độc lập, khác biệt với những người khác. Trước tuổi này trẻ sống hợp nhất với mẹ, với môi trường mà trẻ phải cần đến để thoả mãn những yêu cầu, ý muốn của trẻ. Giai đoạn trẻ tự khẳng định trẻ có những cơn chống đối (mà vì nó cha mẹ thường than là trẻ cứng đầu, khó dạy).

Bé Nam đang chơi xây cất một ngọn tháp với những khối vuông. Bé làm thử nhiều lần tháp không đứng được, mà cứ đổ xuống. Người cậu đang ngồi đọc

báo thấy vậy chạy lại, giải thích cho bé cách làm cho tháp đứng vững. Bé không thèm nhìn tháp, mà bỏ đi lấy xe ô tô chơi, nơi một góc nhà. Người cậu thấy vậy, trở về ghế ngồi xem báo trở lại. Bỗng nhiên, bé chạy lại đá cho cái tháp đổ xuống. Rồi bé ngồi tiếp tục trò chơi xây tháp... và tháp bé xây cứ tiếp tục đổ xuống, không đứng vững.

Trong công việc xây tháp của bé Nam, mục đích chính là thử xây tháp, chứ không phải xây được tháp. Xây được tháp đứng vững là phụ. Vì hoạt động là thử nghiệm khả năng. Ta thấy ở lứa tuổi này trẻ hay làm thử. Và trẻ cứ làm thử không cần đạt mục đích. Thử làm là mục đích của hoạt động của trẻ. Ta thấy trong cái trò chơi cũng vậy, hoạt động để chơi là mục đích chính, kết quả là phụ.

Kết quả hoàn hảo của người cậu khi xây tháp làm cho trẻ giận. Vì nó cho thấy rằng trẻ kém so với người lớn trong khi trẻ muốn được giống như người lớn. Cái tháp cậu xây một mình cậu, không có sự tham gia của bé, nên bé càng giận dữ. Tất nhiên, ở lứa tuổi này trẻ chưa ý thức được rõ ràng về động cơ đã khiến trẻ đá cái tháp mà cậu đã làm đổ xuống và sự bướng bỉnh của trẻ khẳng khẳng làm lại một mình, không kể gì đến những lời dạy của cậu. Ta có thể xem đó là trẻ muốn khẳng định rằng trẻ có thể làm được việc, không cần người lớn giúp đỡ.

Tính tự lập và ý muốn tự mình là chủ thể của hoạt động

Một đứa nhỏ đang đứng thối kèn inh ỏi, đủ giọng,

đủ cách, đủ kiểu một cách sôi nổi như cố ý để người khác thấy rằng ta đang thổi kèn, và thổi kèn giỏi. Bé Nam nhìn có vẻ thèm muốn thổi kèn được như nó. Bỗng bé chạy lại gần nó và kêu to:

"Cho ta cái kèn! Cho ta cái kèn!". Và chạy lại phía bạn muốn giật cái kèn. Mẹ thấy vậy liền mua ngay cho Nam cái kèn giống y thế mà người bán kèn còn bày ở hàng gần đó. Mẹ trao cái kèn cho Nam, Nam cứ xua tay không nhận cái kèn mẹ mua cho. Nam chỉ cái kèn của đứa nhỏ và cứ nói là Nam muốn cái kia cơ! Sự kiện loại này thường xảy ra, nó khiến cha mẹ và những người chung quanh rất tức giận vì trẻ có những đòi hỏi vô lý không thể chấp nhận được và cũng không thể hiểu được.

Nói đúng, không phải bé muốn chiếm cái kèn của đứa nhỏ kia, mà sự thật bé muốn thổi kèn giỏi như nó. Cái kèn của nó và hoạt động thổi kèn của nó là một. Cái kèn của nó cho nó thổi giỏi, nếu muốn thổi kèn giỏi phải có cái kèn đó. Ta thấy đối với trẻ, đồ vật và hoạt động của đồ vật là một, nó cung cấp cho trẻ một khả năng nào đó. Cho nên ta thấy tính hiếu kỳ ở tuổi này, tay chân không ngừng thử nghiệm khả năng của mình trên những đồ vật chung quanh trẻ, vì đồ vật cung cấp khả năng cho trẻ.

Năm sau, cha mua cho bé Nam một trò chơi phải lắp ghép đường ray cho tàu điện chạy. Bé nhất định lắp ráp một mình, không cho ai phụ giúp. Bé thử làm nhiều lần không kết quả. "Khó lắm, con làm không được đâu!" - "Không, không, con muốn làm một mình!". Tuổi muốn tự lập này thường tự cao, cứng đầu. Khi

người cha bảo rằng, khó lắm trẻ làm không được đâu, thì làm cho trẻ càng cứng đầu cứng cổ, dù khả năng tự đánh giá sức mình chưa có đủ trình độ. Đột nhiên, người cha có sáng kiến: "Thôi thì bây giờ cha làm công nhân lắp ghép đường ray, còn con làm người phát tín hiệu cho tàu chạy!" Thế rồi cha còn vui vẻ hăng hái mỗi người làm phận sự của mình, và vui chơi hào hứng thoải mái. Sự đảo ngược vai trò mà người cha đề nghị làm cho trẻ càng vui. Ý muốn tự lập của trẻ thường đi với ý muốn không chế, ý muốn uy quyền, giống như người lớn.

Tính tự lập nơi thanh, thiếu niên

Song song với ý thức tự lập, thanh thiếu niên thường tự xây dựng cho mình ý thức tập thể. Có trẻ cho ta cảm giác rất ương ngạnh với cha mẹ, không vâng lời cha mẹ. Vì trẻ cho những điều bắt buộc của cha mẹ là vô lý đối với trẻ: bắt buộc phải làm như thế này, thế nọ, phải mặc như thế này, phải về nhà đúng bữa cơm v.v... Trong khi trẻ muốn được tự do sinh hoạt với bạn bè. Và trẻ áp dụng kỷ luật của tập thể một cách nghiêm chỉnh, đôi khi có phần cứng rắn. Có thể nói, đó là một sự di chuyển của sự phụ thuộc, từ sự phụ thuộc gia đình đến sự phụ thuộc tập thể, khi ý thức xã hội bắt đầu phát triển nơi trẻ. Khi quan sát, ta thường thấy rằng các nhà lãnh đạo luôn luôn đã có một quá trình điều khiển tập thể lâu năm, từ lúc tuổi thanh thiếu niên. Tính tự lập khi được tôi luyện trở thành một giá trị.

Có trường hợp ta thấy rằng gia đình nhà đó rất kỷ

luật, lễ phép, tao nhã, tại sao đứa con trai ăn nói lỗ măng. Kinh nghiệm cho thấy đó là một ví dụ điển hình: trẻ chống đối với môi trường gò ép của gia đình. Ngôn ngữ bất nhã của trẻ biểu hiện sự bức dọc của trẻ. Tương tự như một sự trả thù, đối phó với những gò bó lễ nghi mà trẻ phải chịu đựng hàng ngày. Đồng thời đánh dấu sự tách rời của trẻ đối với gia đình có những lễ thói mà đối với trẻ không còn phù hợp với đời sống hiện tại. Hành vi tự do ngôn ngữ đối với trẻ thường có ý nghĩa là một cuộc tự giải phóng đối với những gò ép gia đình.

Sự phản ứng qua ngôn ngữ này thường gặp nơi một số nhóm thanh thiếu niên, cho rằng đó là biểu hiện sự tự do của mình đối với xã hội, trong lúc khả năng nhận định còn non nớt (tất nhiên mặt tiêu cực này sẽ không còn nữa khi trẻ được hướng dẫn đúng đắn).

Khi gia đình phản đối một cách kịch liệt, hoặc một cách ngấm ngấm đi nữa, trẻ cũng có được, cảm giác là mình thắng trận. Trạng thái đó cũng giống như trạng thái của một đứa trẻ hút diếu thuốc đầu tiên, có cảm xúc rất bằng lòng là mình đã tự giải phóng được các ràng buộc, gò ép. Trẻ cảm thấy một sự hưng phấn nào đó khiến trẻ thích lập đi lập lại những điều cấm kỵ của gia đình.

Lúc 10-12 tuổi, trẻ thường thích được tự do đi dạo chơi với bạn bè. Những ngày nghỉ học, phải ở nhà, trẻ cảm thấy không khí gia đình là buồn chán, và nặng nề nên trẻ muốn ra ngoài đi dạo. Cha mẹ lo âu (là chính đáng) nên có lời khuyên răn, cảnh cáo.

Có trẻ cho là dính tai nhúc óc, và trẻ cảm thấy như cha mẹ chỉ muốn giam cầm trẻ, làm trẻ mất tự do sinh hoạt, hoạt động. Và nhất là làm như trẻ còn là một đứa trẻ bé nhỏ, không biết gì, nên trẻ cảm thấy không chịu được.

Trẻ không muốn ai dòm ngó những buổi dạo chơi của trẻ, hoặc hỏi han khi trẻ về nhà. Trẻ có cảm giác như sự hỏi han đó là một sự thẩm vấn. Không phải trẻ cảm thấy rằng những buổi dạo chơi với bạn là có gì đáng trách, mà trẻ cho sự hiếu kỳ đó của người lớn là xâm phạm quyền tự do, mà trẻ cảm thấy có được, khi xa nhà. Sự thẩm vấn đó giống như ánh mắt của họ cứ luôn luôn theo dõi hành vi và hoạt động của trẻ một cách liên tục, như thể trẻ không có giây phút tự do nào cả. Ánh mắt của họ chiếm lĩnh thời gian và không gian của trẻ, cả khi trẻ vắng nhà. Trẻ cần tạo cho bản thân một không gian và một thời gian mà mình là chủ động, chủ thể. Khi mình hoạt động không có mặt cha mẹ là mình được tự do. Bằng chứng là ta thấy có trẻ tự nhiên khi về nhà, thuật lại tất cả gì đã xảy ra trong cuộc dạo chơi. Có trẻ ngày ngày kể lại các tình tiết cuộc dạo chơi trước đó. Trẻ tự đề xướng kể lại cho gia đình anh em nghe. Nhưng nếu trẻ không được chủ động kể lại, mà bị quấy rầy bằng những câu hỏi dồn dập, nếu bị khiển trách, về sự về nhà muộn, hay bị than là cả nhà đợi trẻ rất lâu... thì trẻ sẽ tự gò bó lại, chỉ đối đáp mập mờ, vắn tắt, qua loa dù cho buổi dạo chơi trước đó là lành mạnh và rất lý thú đối với trẻ. Có trẻ làm ra vẻ bí mật nên càng làm cho cha mẹ bức tức.

Tính tự lập và tính kín đáo

Khi tính tự lập phát triển trẻ thường làm ra vẻ bí mật. Làm ra vẻ bí mật để tự vệ, để tránh sự hiếu kỳ của người khác hay chen vào đời sống của mình, để bảo vệ địa hạt tâm lý thâm kín của mình. Và nhất là để tự do thực thi sáng kiến của mình. Khả năng sáng kiến là khả năng tự khẳng định trong sự hình thành nhân cách.

Ví dụ một cháu gái tuổi vị thành niên, tiết kiệm tiền túi để mua sắm một cái áo mà cháu thích, không cho mẹ biết. Một bữa, cháu mời các bạn đến chơi, cháu mặc chiếc áo tự sắm và cháu thấy vui sướng, hãnh diện. Chính cháu tự chọn lấy và bỏ tiền ra mua, nên chiếc áo đó mới thực sự là của cháu (khác với áo mẹ mua).

Trẻ thường thực hiện những công việc đòi hỏi trí óc, sức lực, mà không thích cho cha mẹ biết. Không phải vì muốn giấu, hoặc đa nghi. Mà trẻ tự thấy rằng mình có thể tự lập không còn cần sự giúp đỡ của người lớn. Xu hướng tự lập này thuộc quy luật phát triển và thường thấy ở lứa tuổi vị thành niên.

Mặt tiêu cực và yếu tố tích cực của tính tự lập

Đứng trước một đứa trẻ có tính tự lập mạnh và sớm, ta thường chỉ thấy khía cạnh tiêu cực: cứng đầu, ương ngạnh, thô lỗ, không vâng lời, chống đối mọi quyền lực dù chính đáng, không hòa hợp với mọi người. Những biểu hiện tiêu cực bề ngoài này thường gây phẫn nộ, phiền toái cho người lớn. Khiến cho ít ai tìm hiểu cơ chế vận hành trong tâm lý của trẻ. Sự

thật, ý muốn tự lập còn non của trẻ, đang ở giai đoạn dần tự hoàn thiện này, tuy vậy vẫn là một yếu tố cần thiết trong sự hình thành cá tính của trẻ. Điều đó cần được chỉ dẫn để phát huy đúng hướng.

Có trường hợp không bình thường của tính tự lập là trẻ bỏ nhà ra đi. Vì trẻ cảm thấy quá bức tức, phải đương đầu với đời sống hiện tại khó thở vì mâu thuẫn sâu sắc với cha mẹ hoặc quá chán ngấy đời sống buồn bã đơn điệu của gia đình. Có khi trẻ đi đâu gần nhà, có khi đi xa hơn vài hôm. Để hít thở không khí bên ngoài, để có dịp tự chấn chỉnh tâm trí. Trong thực tế có không ít tình cảnh cho ta thấy cha (hoặc mẹ) dùng quyền lực của mình để áp đảo, đè nặng trẻ (để xem ta thắng hay nó thắng!). Điểm này cho ta thấy phần lớn các biểu hiện bên ngoài quá nông nổi này thường do trách nhiệm của người lớn.

Nói chung, tính tự lập là biểu hiện sự tự khẳng định nơi trẻ. Khi những biểu hiện tiêu cực vượt quá mức cho phép, thì nguyên nhân thường do phía người lớn đối phó một cách quá nghiêm khắc. Tức nước vỡ bờ, là do trẻ cảm thấy hoàn toàn bất lực, chắc chắn thất bại trước những quyền lực quá mạnh, nên trẻ hành động tiêu cực, thể thôi. Phương pháp hợp lý nhất là tìm cách phát huy ý thức tự lập của trẻ, để trẻ có thể tự khẳng định đúng phương hướng.

Tính tự lập phát triển tập trung ở hai giai đoạn khác nhau nơi trẻ

Xu hướng tự lập là bình thường nơi mỗi đứa trẻ.

Nhưng sự phát triển của tính tự lập không bằng nhau nơi mỗi trẻ.

Nơi con trai, tính tự lập thường phát triển mạnh hơn, một cách bùng bột hơn nơi con gái, như là đã thấy ở phần trước của bài này.

Con gái thường có vẻ dễ bảo, dễ khiến, dễ dàng thích ứng với yêu cầu, đòi hỏi của môi trường, làm y lệnh.

Khi con có vẻ mềm mỏng, luôn vâng lời, không bao giờ tỏ ra có yêu cầu tự lập, cha mẹ thường rất mừng và bằng lòng về con. Sự thật, ý muốn được an toàn, ý muốn luôn luôn được che chở đã chế ngự ý muốn tự lập. Vì sự tự lập đòi hỏi khả năng cố gắng, khả năng sáng kiến, khả năng suy nghĩ (do đó mà nó cần thiết cho sự hình thành nhân cách). Có trẻ muốn còn được cha mẹ áp ủ, và trẻ lại đòi hỏi phải được như thế mãi. Trẻ rất vâng lời cha mẹ, vì vâng lời là rất dễ, không cần phải suy nghĩ. Cho nên trẻ không có sáng kiến, dù trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp với trẻ: việc ăn uống, cách ăn mặc, dạo chơi với bạn, giải trí. Khi đến tuổi thanh niên phải chọn nghề, có khi cả đến công việc xây dựng gia đình, trẻ cũng ỷ lại nơi cha mẹ để định đoạt.

Cha mẹ thường có thái độ rất thích khi con ngoan ngoãn tham khảo ý kiến của mình về mọi việc. Phương pháp giáo dục này là đúng khi con chưa đủ khả năng suy tính. Nhưng nếu để cho trẻ tiếp tục thói quen phải nhờ đến người khác để cho ý kiến, để có lời khuyên, để có sự phê chuẩn, thì sẽ không bao giờ tập

luyện được cho trẻ tinh thần tự chịu trách nhiệm trước yêu cầu, đòi hỏi của đời sống, tính cương quyết cần thiết khi phải lựa chọn, ý chí thành`đạt trong công việc.

Như ta đã thấy, trong sự hình thành nhân cách của trẻ, có hai giai đoạn mà tính tự lập phát sinh một cách nổi bật là: giai đoạn 3-4 tuổi và giai đoạn 10-14 tuổi. Tuy thuộc quy luật phát triển tâm lý của trẻ, nhưng thực tế thuộc hai giai đoạn phát triển khác nhau và hai trình độ phát triển khác nhau.

Sự đòi hỏi để được tự do hoạt động (đơn giản) một mình, không cho ai phụ giúp, nơi trẻ 3-4 tuổi, mang tính chất bột phát hơn là một thái độ có suy nghĩ. Còn nơi thanh thiếu niên, ngược lại, tính tự lập mang nhiều tính chất suy nghĩ, suy tính. Như ta đã thấy, những hành vi, hành động, thái độ của trẻ đều được suy tính, ước lượng, thậm chí được tính toán nữa. Cho nên đôi khi ta thấy có trẻ lý luận dựa trên những lý thuyết có thật, rồi trẻ xào xáo lên, để trở thành những lý luận đả kích, ngược đời. Để chống đối với các quy chế ràng buộc của xã hội, để chống đối với người lớn (trong đó có cha mẹ) là những người đại diện cho các quy chế đó. Thực tiễn cho thấy, khi thời gian đã trôi qua, thì chân trời tương lai của trẻ sẽ sáng sủa hơn.

Thái độ nên có trước tính tự lập phát sinh ở mỗi giai đoạn

Trẻ 3-4 tuổi, và vào năm sau đó, khi tính tự lập của trẻ phát sinh, tính tình trẻ hay giận hờn, hay nói ngược lại với người khác, hay có hành vi làm ngược lại

người khác. Giai đoạn này là giai đoạn mà cha mẹ thường than vãn là trẻ khó dạy dỗ. Vì trẻ không vâng lời. Như ta đã thấy những biểu hiện đó là bình thường. Nếu ngoài ra, trẻ ăn ngủ, chơi đùa bình thường. Cùng một lúc, thấy trẻ thích chơi với các bạn khác cùng lứa tuổi, và bớt lần quấn bên mẹ. Trẻ có thể chơi một mình ở một phòng, chỉ thỉnh thoảng chạy xem mẹ còn ở nhà không, để yên tâm tiếp tục chơi. Có trường hợp khi mẹ đến đón trẻ, trẻ ở trong trường mẫu giáo chạy ra, mẹ ôm trẻ mẹ hôn, trẻ đẩy mẹ ra, không muốn cho mẹ hôn. Không phải vì trẻ không yêu mẹ, mà vì trước mặt các bạn cùng tuổi, trẻ cảm thấy hổ thẹn để mẹ hôn mình như một em bé. Và trẻ muốn bạn thấy là mình lớn. Ở lứa tuổi này trẻ cũng biết hãnh diện là mình đã lớn, không còn giống như em bé. Nói thế để hiểu nghĩa của những phản ứng của trẻ mà đôi khi ta cho là kỳ dị, mà thật ra là bình thường, khi ta nghĩ đến tính tự lập, mà biểu hiện khi rõ ràng, khi gián tiếp. Khi đã hiểu ta sẽ có thái độ phù hợp. Khi cha mẹ quan tâm tìm hiểu con là tự cha mẹ cũng phải thay đổi thái độ và suy nghĩ phương pháp để giúp con từ từ thoát ly sự chăm sóc của mình, và học tập tự quản.

Đến tuổi vị thành niên, thanh thiếu niên, khi sự chăm sóc của cha mẹ quá đáng, hoặc những mệnh lệnh quá cứng rắn, những cấm đoán quá nghiêm khắc, dù cho trẻ biết rằng do cha mẹ quá thương yêu trẻ đi nữa, một số trẻ cũng không muốn gần cha mẹ, mà hay tìm cách lánh xa. Còn một số khác do tính tình nhu nhược, yếu đuối thích được cha mẹ luôn luôn che chở, thì cha mẹ cũng không phải là người trẻ tâm sự, và khi trẻ có ý

muốn gì, trẻ cũng không nói ra, vì sợ phiền lòng cha mẹ. Ta thấy thái độ chăm sóc âu lo quá đáng của cha mẹ không mang lợi ích chút nào cho trẻ có tính tự lập, cũng như cho trẻ thiếu tính tự lập. Cho nên điều bổ ích cho tất cả là phụ giúp trẻ có tính tự lập phát huy đức tính này, còn trẻ thiếu tính tự lập thì tìm cách cho trẻ tự quản không cần đến cha mẹ, rồi sau đó tạo điều kiện để kích thích tính tự lập cho trẻ. Nên để trẻ đương đầu với những nguy hiểm nhỏ để cho trẻ tự lấy sáng kiến tìm phương pháp để giải quyết.

Khi cha mẹ đặt lòng tin nơi trẻ, trẻ cảm thấy tự tin và muốn gần cha mẹ hơn. Quan hệ cha mẹ - con cái sẽ thấm thiết và vững mạnh hơn. Khi bàn bạc, khi lập chương trình sinh hoạt, nếu cha mẹ để cho trẻ như ngang hàng với mình trong những quyết định chung, cha mẹ sẽ có dịp chứng kiến một kỳ công nào của con để vượt khó khăn, và con sẽ thích tâm sự với cha mẹ. Hai thế hệ gần nhau, thì sẽ không có hoặc ít mâu thuẫn. Tính thụ động, ngoan ngoãn dễ khiến của trẻ đối với cha mẹ, ngược lại, làm cho khoảng cách giữa hai thế hệ càng lớn hơn.

Không nên thay thế trẻ chọn cách thực hiện, dù một cách gián tiếp, mà để trẻ tự do định đoạt tiến hành, sau khi đã cùng trẻ bàn bạc và ước tính kết quả sẽ đạt được cho dù đôi khi trẻ có những ý không thông thường trên những chi tiết không đáng kể. Nói chung, nên để trẻ tự do làm một việc gì mà trẻ đã suy nghĩ, không nên can thiệp. Chỉ khi nào trẻ có hỏi ý kiến thì chỉ bảo một cách thân tình, thoải mái, chứ không ra mệnh lệnh buộc trẻ phải tuân theo.

Không nên chuẩn bị sẵn mọi việc, mà nếu có yêu cầu cùng với trẻ lập chương trình, thiết kế các công việc trong chi tiết nếu có thể. Mà khuyến khích trẻ có sáng kiến thực hiện đúng theo sở thích của trẻ, nếu trẻ có đủ khả năng. Ví dụ cháu gái muốn làm cái bánh. Để cháu tự do làm một mình, mẹ không nên can thiệp. Nếu bánh không ngon như ý muốn, cũng không sao. Lần sau sẽ ngon và đẹp hơn. Kinh nghiệm từ bản thân vẫn có hiệu quả hơn là kinh nghiệm của người khác. Tự tay làm được cái bánh, dù chưa ngon chưa khéo vẫn có giá trị về mặt tinh thần hơn là cái bánh ngon, khéo nhưng nhờ sự giúp đỡ của người khác.

Ví dụ cháu trai thích làm vườn, hoặc thích sửa sang lát vật trong nhà, nên cho cháu tiền để mua sắm dụng cụ và vật liệu cần thiết. Nên để cháu tự do bố trí các công việc. Không can thiệp trừ khi cháu hỏi ý kiến. Để cho cháu thấy rằng cháu là người chủ động. Nếu cha mẹ can thiệp một cách trắng trợn, trẻ sẽ bị cụt hứng, và chắc chắn trẻ sẽ không còn muốn làm gì nữa hữu ích cho gia đình.

*

Tính tự lập thuộc quy luật phát triển tâm lý của trẻ. Nhiệm vụ và nghệ thuật của người giáo dục là theo dõi trẻ để tính tự lập có động cơ hữu ích, và nếu có thể để trở thành một giá trị nâng cao nhân cách của trẻ.

Cùng một lúc nên làm cho trẻ hiểu và thấm nhuần khái niệm kỷ luật và khái niệm tự do. Cập

phạm trù này phải khẳng khít, không thể tách riêng. Muốn có được tự do chân chính, trước tiên phải có kỷ luật. Kỷ luật gồm toàn bộ các quy chế, điều lệ, quy định mà luật pháp đã định để tất cả mọi người trong xã hội, các tập thể, gia đình có thể sống chung một cách an toàn, thoải mái với nhau. Cho nên không phải những cá nhân có thể thay đổi các điều lệ đã được quy định trên, mà phải chính toàn dân mới có quyền đó. Để cho những trẻ khẳng khăng đòi xã hội thay đổi phải hướng lại sự suy nghĩ của mình vào những công việc hữu ích hơn. Mục đích chính là để trẻ định hướng lại suy nghĩ của mình.

Mục đích của kỷ luật là để mọi người có thể tự nhận định cho mình cái gì được phép, cái gì không được phép làm. Kỷ luật cung cấp những điểm tựa, những điểm mốc để con người có thể có được tự do hành động, hoạt động mà không làm hại, hoặc làm phiền hà cho người khác. Người muốn tự do lung tung không ý thức được những điểm tựa, điểm mốc đó, nên giống như người lênh đênh trên mặt bể, không thấy được định hướng nào cả. Do đó, người tự do lung tung hay làm những việc bậy bạ, trái phép, nên có thể trở thành tội phạm của xã hội.

Nói chung, nên nhìn về phía trước đời sống của trẻ để giúp trẻ luyện tính tự lập thành một giá trị nhân cách.

NÓI GÌ VỚI TRẺ ĐỂ GIÁO DỤC TÍNH DỤC

Giáo dục tính dục cho trẻ hiện nay tuy chưa hẳn thuộc chương trình ngành giáo dục, nhưng rất cần thiết, góp phần giúp trẻ phát triển đúng đắn, lành mạnh. Giáo dục tính dục bổ sung cho sự giáo dục toàn diện con người.

Vì chưa thấy được tầm quan trọng của vấn đề giáo dục tính dục trong sự phát triển tự nhiên của trẻ; vì phần đông ta còn nhiều thành kiến về vấn đề trên, nên có xu hướng bỏ qua. Những phát hiện của tâm lý học hiện nay thường nhấn mạnh hậu quả của sự thiếu sót này. Nên công việc giáo dục tính dục cho trẻ hiện nay không còn là một vấn đề cần được bàn cãi nữa. Tuy vậy, ta chưa có một phương pháp nào hoàn hảo. Mỗi tâm lý trẻ, mỗi tâm lý cha mẹ đều khác nhau. Hai tâm lý đó tác động qua lại, không trường hợp nào giống trường hợp nào. Cho nên tìm cho ra một phương pháp giáo dục tính dục hoàn chỉnh cho tất cả mọi người là một việc làm mang ít nhiều tính chất không tưởng. Dưới đây chỉ là một số ý kiến để phụ giúp cha mẹ giáo dục tính dục cho con.

Không nên tránh trả lời khi trẻ hỏi về tính dục

Trước nhất là thái độ cha mẹ phải tự nhiên, trung thực, đối đáp với trẻ một cách thoải mái.

Không gán cho trẻ là tò mò và nói dối với trẻ. Nhớ chữa lại những hiểu biết sai lệch của trẻ. Ví dụ nếu trẻ bảo là người ta nhặt em bé ngoài đồng về nuôi, hoặc mẹ mua em bé ở ngoài chợ, hoặc bà tiên mang em bé đến nhà, thì nói với trẻ đó là những chuyện bịa đặt.

Trẻ nào cũng xem cha mẹ là người giỏi nhất, tốt nhất, hiểu biết hết tất cả mọi việc. Cha mẹ là chỗ dựa, là người trẻ yêu mến nhất. Trẻ khâm phục cha mẹ. Nên khi trẻ hỏi mà cha mẹ không trả lời, hoặc rầy la, hoặc có thái độ bí mật, hoặc luôn cả ba thái độ thì tất nhiên, trẻ bỗng cảm thấy mình mất lòng tin tưởng đối với cha mẹ và trẻ không an lòng. Từ đó, tạo ra một khoảng cách giữa cha mẹ và trẻ. Trẻ cảm thấy không còn sẵn sàng nữa để thổ lộ với cha mẹ một việc gì trẻ cần biết, hay cần được chỉ dẫn.

Có trẻ trước đó là con ngoan, trò ngoan, đột nhiên trở thành hiếu động, thô lỗ, nói dối, sút kém học hành. Có trẻ tìm sách báo dành cho người lớn, cấm trẻ em để đọc lên. Đường phố bây giờ lại cung cấp quá nhiều thông tin, cha mẹ khó mà kiểm tra được. Những gì người lớn giấu giếm, đến trường các trẻ trao đổi với nhau ở sân chơi, và tất nhiên trẻ thu thập nhiều chi tiết cho bí mật, cho kỳ quặc. Những thông tin chồng chéo với nhau đó dĩ nhiên là sai bậy, rất nguy hại vì nó sẽ ám ảnh trẻ lâu dài, ảnh hưởng đến đời sống.

Khi trẻ hỏi em bé ở đâu ra

Một cách tự nhiên ta nói với trẻ là phải cha và mẹ hợp lại thì mới có em bé. Một mình mẹ không thể có

em bé. Một mình cha cũng không có được em bé. Chỉ khi trẻ hỏi ta mới trả lời. Nghĩa là theo yêu cầu của trẻ, chứ không phải vì ta muốn giáo dục tính dục, ta gọi trẻ lại để nói điều đó. Không có tuổi nhất định để giáo dục tính dục, Ta giáo dục theo yêu cầu muốn biết của trẻ. Thường 4-5 tuổi trẻ bắt đầu hỏi về vấn đề tính dục.

Trẻ có thể hỏi thêm về sự ra đời của em bé. Nếu trẻ chưa hẳn bằng lòng giải thích ngắn trên và muốn biết nhiều hơn, ta cho thêm những giải thích chính xác hơn, nhưng phải thích hợp với tuổi của trẻ.

Chẳng hạn, ta có thể nói rằng trong bụng mẹ có một cái túi nhỏ để đựng em bé. Túi đó ban đầu bé tí, dần dần to lên và bụng mẹ cũng to lên. Trong túi đó em bé dần dần lớn lên nhờ được mẹ nuôi bằng máu ấm của mẹ. Đến lúc em bé lớn đủ sức sống ngoài bụng mẹ, em bé chui ra khỏi bụng mẹ, giống như con đã thấy gà con chui ra khỏi vỏ trứng vậy. Khi bé mới chui ra bụng mẹ thân mình bé còn co quắp lại cũng giống như gà con vừa nở trứng. Ra ngoài em bé biết thở không khí, khóc oa oa và biết bú mẹ. Khi em chui ra thì mẹ sẽ đau, nên phải đưa mẹ vào bệnh viện để thầy thuốc và cô đỡ giúp mẹ cho em bé chui ra. (Có trẻ hỏi em bé làm sao chui ra: ta có thể nói rằng trong mình mẹ có một cái ống đặc biệt dần dần to lên đủ cho em bé chui ra). Khi bé ra, mẹ rất mừng và sung sướng nên mẹ hết thấy đau, và mẹ cho em bé bú sữa mẹ. Nhân dịp một con vật nào đẻ, ta cho trẻ quan sát cũng tốt. Ta cũng có thể dùng sách khoa

học tự nhiên để giải thích cho trẻ về sự sinh sản (hữu tính) của thực vật.

Nếu trẻ hỏi còn ba làm gì, thì có thể nói rằng một mình mẹ không thể có em bé được vì mẹ chỉ có một hạt giống, mà muốn có em bé phải hai hạt giống nhập lại, nên ba phải cho thêm một hạt giống nữa. Khi ba mẹ yêu nhau, hai hạt giống nhập lại thành một trứng nhỏ trong bụng mẹ. Trứng đó dần dần lớn lên trở thành em bé. Thường trẻ bằng lòng với giải thích đó, không hỏi gì thêm.

Nếu ta sợ rằng trẻ sẽ thuật lại cho bạn điều mới được biết, thì nên nói trước với trẻ là không nên nói lại với bạn, mà để cha mẹ bạn nói cho bạn biết khi bạn hỏi. Vì việc đó là của người lớn và để cha mẹ bạn giải thích cho con của họ.

Đối với trẻ gần đến tuổi dậy thì

Gần đến tuổi dậy thì của trẻ, cha mẹ cần cho trẻ biết trước những hiện tượng sinh lý của tuổi dậy thì cho con gái, cho con trai. Khi cháu gái được 11 tuổi, bắt đầu có vú nên nói cho cháu an tâm: đó là dấu hiệu đầu tiên là cháu sẽ thành thiếu nữ. Cháu sẽ giống như mẹ, cháu không nên lo ngại khi thấy lông mọc nơi bộ phận sinh dục và dưới nách. Rồi mỗi tháng cháu sẽ thấy chút máu nơi bộ phận sinh dục: đó là sinh lý thân thể cháu trưởng thành để có thể có con. Nếu cháu cảm thấy mệt mỏi là tự nhiên, nên tránh việc nặng nhọc.

Nên cho cháu hiểu thêm ý nghĩa của kinh nguyệt:

mỗi tháng 15 ngày trước kinh nguyệt, trong mình cháu có một cái trứng rớt xuống rồi đi vào một cái túi gọi là tử cung (là nơi để tiếp bào thai). Trứng đó giống như là một hạt giống dần dần phồng lên thu hút nhiều máu (đó là hạt giống của nữ). Nếu hạt giống này không gặp hạt giống của nam, nhập lại để thành bào thai thì hạt giống đó (trứng của nữ) chết đi và tung ra ngoài với máu: đó gọi là kinh nguyệt. Như vậy là bé gái nhỏ trở thành thiếu nữ với thân thể dần dần phát triển để sẵn sàng sau này có thể có con khi có chồng. Luôn thể nên dạy cho cháu vệ sinh sẵn sóc lúc kinh nguyệt: không tắm nước lạnh, tránh gây mệt quá sức.

Đối với cháu trai, tuổi dậy thì muộn hơn 1-2 năm. Nói cho cháu biết sự mọc lông ở bộ phận sinh dục và dưới nách. Đồng thời thân mình cao lên và to hơn. Giọng nói thay đổi, ồ ồ. Như thế là cháu sắp sửa trở thành thanh niên. Bộ phận sinh dục của cháu cũng to hơn và cháu không nên lo ngại khi đêm có phóng tinh. Như vậy cháu đã trưởng thành sinh lý.

(Khi giải thích cho cháu gái, cháu trai, ta nhớ luôn luôn nhấn mạnh sự phân biệt giữa trưởng thành về mặt sinh lý để có thể có con và sự trưởng thành về nghề nghiệp, nhân cách để có thể có vợ, có chồng, lập gia đình, có con. Trách nhiệm này đòi hỏi phải học tập, có nghề, để làm việc có tiền nuôi gia đình, phải có kiến thức cần thiết để giáo dục con cái...)

Có thể cho cháu biết danh từ của các cơ quan sinh dục. Tế bào sinh dục nam có tinh dịch gồm hàng triệu triệu tế bào li ti rất di động, rất linh hoạt. Tế bào đó

có tên là tinh trùng. Chỉ cần một tinh trùng sát nhập với trứng của phụ nữ là thành một bào thai. Bào thai được nuôi dưỡng trong bụng mẹ 9 tháng thì đứa bé được sinh ra. Thừa dịp này, có thể cho cháu biết về kinh nguyệt phụ nữ. Khi phụ nữ có kinh nguyệt nghĩa là trứng của phụ nữ rớt xuống trong tử cung không gặp tinh trùng của nam giới. Cho nên lượng máu dành nuôi trứng để thành bào thai, vì không được sử dụng phải xuất ra ngoài nơi bộ phận sinh dục của nữ. Trong 2-3 ngày kinh nguyệt, phụ nữ có phần mệt mỏi, yếu ớt, nên phải tránh việc mệt nhọc (cháu gái thường hiểu dễ dàng sinh lý của bản thân).

Trong khi giải thích về sinh lý, không quên nhấn mạnh sự liên hệ chặt chẽ giữa quan hệ sinh lý và tình yêu. Vì quan hệ mật thiết tối ưu đó giữa người và người là một giá trị nhân văn bất diệt. Đôi khi ta bắt gặp một người cha khi nói đến vấn đề sinh dục với phụ nữ tỏ ra khinh thường, đùa bỡn, giễu cợt. Điều này cần tránh. Như thế khó giáo dục được con, để trở thành một người nam giới chân chính, đúng đắn, hiểu đúng quan niệm bình đẳng nam nữ, quan niệm dân chủ, để có thái độ, hành vi tương xứng trong tập thể, trong xã hội.

Giảng về tính dục, cha giảng cho con trai, mẹ giảng cho con gái là thích hợp hơn.

Thái độ thế nào trước những biểu hiện tính dục quá sớm

Nếu trẻ sờ mó bộ phận sinh dục mình, có nên rầy la, trách phạt nghiêm khắc không?

Trước hết đừng hăm dọa trừng phạt quá đáng. Chớ nên nói là trẻ "bẩn thỉu", rằng làm thế sẽ dẫn đến, bị bệnh, không thể học hành được. Sự mó máy sờ rầm đó là hiện tượng bình thường, thường gặp trong một vài giai đoạn phát triển của trẻ. Nên ta không thể xem đó là một thói hư, tật xấu đáng chê trách để sỉ nhục trẻ.

Thật sự, tật đó là biểu hiện tâm lý bất an của trẻ: trẻ cảm thấy không được đáp ứng các nhu cầu trẻ chờ đợi, tình thương yêu trẻ mong muốn. Không tìm được thích thú bên ngoài trẻ tự gò bó lại, tìm thích thú một cách cô đơn. Tật này không gì đáng lo ngại nơi trẻ dưới 3 tuổi. Lớn hơn, khi trẻ gặp được một bạn nào trẻ thích để chơi đùa vui vẻ, khi không khí gia đình phóng khoáng hơn, tình cảm hơn, thì tật đó sẽ mất đi. Nên chú trọng tạo điều kiện thoải mái, an toàn, thân thương trong môi trường sống của trẻ, là giúp trẻ thoát khỏi cái vòng tự kỷ đó. Rắn đe chỉ có tác dụng tác hại thêm, làm tăng thêm thói quen đó, dù có trẻ vì sợ cha mẹ rầy có cố ý sửa chữa, nhưng không được. Đó là một xung động bên trong để đối phó với điều kiện bên ngoài không thuận lợi cho trẻ. Vả lại, mỗi người đều có kinh nghiệm: khi ta muốn tự kiềm chế một việc gì, ta lại càng thêm muốn làm việc đó. Phải giúp trẻ phấn khởi, có hứng thú, quan tâm thương yêu, săn sóc trẻ là liều thuốc bổ dưỡng, có hiệu quả nhất.

Đôi khi ta bắt gặp "trò chơi tính dục" giữa 2 đứa, 2 trai, hoặc 2 gái. Chúng sờ rầm bộ phận sinh dục của

nhau, có khi cười thích thú. Cũng giống như nguyên do vừa nói trên: cảnh nhà thiếu thốn về vật chất, về tình thương, hoặc quá nghiêm khắc, khiến cho trẻ không có cảm giác được an toàn. Trò chơi tính dục này cũng thường gặp ở các thanh thiếu niên nội trú. Giải pháp? Cũng như trên, tạo điều kiện, cởi mở, lành mạnh, yêu thương trong môi trường quanh trẻ, động viên trẻ tham gia vào các sinh hoạt tập thể, kèm cặp trẻ trong các công việc trẻ phải làm để trẻ tự tin, có hứng thú. Khi trẻ ham vui, ham sinh hoạt, hoạt động, thì tật đó tự nhiên sẽ biến mất.

*

Cha mẹ đã cung cấp được cho trẻ một số thông tin, hiểu biết cần thiết về sự phát triển tính dục. Phải nói đó là một bước tiến bộ đáng kể, đáng tôn trọng trong sự giáo dục của cha mẹ đối với con, nhất là ở giai đoạn vị thành niên. Có cha mẹ có cảm giác nhẹ nhõm như đã làm được một việc khó, như đã giải toả được một phần lo âu. Có cha mẹ lại có phần lo lắng thêm hơn vì không biết con sử dụng những hiểu biết mới về tính dục như thế nào. Những cảm nghĩ này đều chính đáng.

Không ai ước tính điều gì sẽ xảy ra. Thiết nghĩ nhiệm vụ của cha mẹ là phải tin tưởng con. Khi cha mẹ đặt lòng tin nơi con, là giúp con tự tin. Một thanh thiếu niên có tự tin thường biết suy nghĩ về những công việc mình làm. Và sẽ dễ dàng tiến bước vào xã

hội. Những đứa con muốn thoát ly gia đình thường thiếu cái vốn đó. Lòng tin của cha mẹ, lòng tự tin của con là vốn quý cơ bản để con xây dựng vững vàng nhân cách. Có cha mẹ lén đọc nhật ký của con, cho rằng nếu mình nắm rõ được tất cả về con là thương yêu nó để dạy con cho tốt. Nhưng sự thật là thiếu tin tưởng nơi con. Đó là một sai lầm lớn của cha mẹ. Như những người lớn đã trưởng thành, nam nữ thanh niên ở giai đoạn ngưỡng cửa cuộc đời, thích chăm nom giữ kín vườn tâm lý đặc biệt của mình bằng nhật ký, không muốn ai xúc phạm. Phải tôn trọng những gì con không muốn cho ta biết.

Không kiểu giáo dục nào là hoàn hảo trăm phần trăm. Không cha mẹ nào, dù có cố gắng, sáng suốt đến đâu nữa, cũng không đạt được kết quả giáo dục trăm phần trăm. Cho nên ta đừng nên quá dấn đo, quá lo ngại làm không được tốt. Chớ nên so sánh với các cha mẹ khác, trẻ khác. Nếu có học hỏi kinh nghiệm người khác là để tu bổ, uốn nắn suy nghĩ về đường hướng của mình, chứ không để làm giống họ. Chỉ bản thân mình là biết được thật sự điều kiện, khả năng của mình và của con.

Khi giảng cho trẻ, phải giữ thái độ thành thật, thoải mái mà nghiêm túc. Giảng giải một cách đơn giản với ý thức nghiêm trang và quan trọng, vừa giúp cho trẻ hiểu rõ về sự trưởng thành sinh lý của bản thân trẻ và của con người nói chung. Đồng thời, song song với việc đó, ta cung cấp cho trẻ ý thức về những giá trị nhân cách cần thiết trong quan hệ qua lại giữa nam và nữ. Vì thanh thiếu niên đó, tuy là con của

mình, nhưng trong tương lai gần sẽ là những nòng cốt xây dựng những tế bào lành mạnh cho xã hội.

Các nhà tâm lý thường để ý thấy rằng trong thực tế thái độ cha mẹ trong vấn đề giáo dục tính dục cho con mang dấu ấn của lịch sử đời sống, tâm lý của chính bản thân của họ trước đó. Nêu ra ý kiến này là để ta thấy rằng bản thân cha mẹ phải luôn luôn tự trau dồi về những giá trị nhân văn lành mạnh, tiến bộ, hiện đại và gạt bỏ những gì mà mình đã tiếp nhận không còn phù hợp nữa. Để giáo dục con thành người ý thức được thế nào là hạnh phúc cho bản thân, cho người khác đúng với những giá trị chân chính nhất.

CHA MẸ TRƯỚC SỰ ĐỐ KÝ CỦA CÁC CON

Người mẹ nào (hoặc người cha nào) cũng thường phải giải quyết những tranh giành, cãi cọ giữa hai, hoặc nhiều đứa trong mấy đứa con, nhất là khi khoảng cách tuổi giữa chúng không nhiều. Bằng nhiều cách khác nhau, khi thì quở trách nghiêm khắc, khi thì có xu hướng qua loa cho xong chuyện. Nhưng thường luôn luôn mẹ là người trọng tài. Tuy là một vấn đề phổ biến trong gia đình nhưng ít cha mẹ nào nghĩ đến sự dự phòng, hoặc ít ra là giảm bớt sự đố kỵ giữa các con một cách có hiệu quả. Trong thực tế có nhiều nguyên nhân làm nảy sinh sự đố kỵ này.

Nhân sự kiện ra đời của một đứa em

Trong gia đình nào cũng vậy, khi có một đứa trẻ ra đời, gần như tất cả những người lớn đều tập trung sự chăm sóc cho đứa trẻ mới vừa được sinh đó. Điều này là dĩ nhiên đối với cha mẹ. Nhưng đối với các con khác trong gia đình thì sự kiện này gây nên một số phản ứng khó hiểu đối với cha mẹ.

Trước đó, trẻ đã được nghe rằng trẻ sẽ có một đứa em, và trẻ thấy cha mẹ bận rộn chuẩn bị đồ đạc đón em, trẻ có cảm giác vui, thích: trẻ chưa nghĩ rằng em sẽ chiếm mất dù chỉ là phần nào sự chăm sóc và tình

thương của cha mẹ. Bây giờ em bé được sinh ra, thực tế có thay đổi.

Sự ra đời của một đứa em, đối với nhóm anh chị trong gia đình, đặc biệt là đối với đứa nhỏ nhất là một kinh nghiệm buồn, dù có trẻ tỏ vẻ bề ngoài là vui, để giống như cái vẻ hân hoan của cha mẹ. Sự u buồn này xuất phát khi trẻ cảm thấy mẹ chăm chỉ săn sóc em, và mẹ không còn chăm sóc mình như trước nữa. Cho nên nảy sinh sự đổ kỵ đối với đứa em vừa được sinh: một đứa em "không mời mà đến".

Sự đổ kỵ này thường bộc lộ thông qua một sự chống đối ngầm (tiềm ẩn), chỉ chờ cơ hội không đâu là bộc lộ. Khi cơ hội cho phép, sự chống đối này tha hồ bộc phát, hung hăng. Ta không ngạc nhiên khi chứng kiến sự tranh giành giữa anh chị em trong gia đình nhiều khi chỉ do một lý do nhỏ nhen, vô lý.

Sự đổ kỵ giữa anh chị em có nhiều cách bộc lộ khác ngoài sự cãi cọ với nhau. Sự chống đối đôi khi, không hướng về một đối thủ thực sự, mà hướng về người mẹ là người đối thủ gián tiếp - đã gây nên sự buồn phiền cho mình. Ta thấy có trẻ đột nhiên trở nên ương ngạnh, không vâng lời, dãi dầm trở lại, không thèm ăn, không thèm trả lời... Tất cả biểu hiện này là để được chú ý quan tâm của cha mẹ mà đối thủ trực tiếp (ở đây là đứa em mới sinh) đã cướp mất.

Có khi sự chống đối của trẻ thể hiện dưới những dạng khác: trẻ không tham gia các sinh hoạt thường xuyên của anh chị, của gia đình, hoặc trẻ cứ cắn móng tay, hoặc bú tay, hoặc sờ mó bộ phận sinh dục. Những

biểu hiện này nói lên tình trạng trẻ tự gò bó, trốn tránh những gì bên ngoài.

Ta không thể khẳng định rằng tất cả mọi sự tranh giành, cãi cọ giữa anh chị em trong một gia đình đều là do sự đố kỵ giữa anh chị em. Nhưng thường thường sự đố kỵ là nguyên nhân chính.

Khi quan sát, ta thấy mỗi trẻ có thái độ khác nhau đối với những người mà trẻ không đố kỵ. Có trẻ tuy ồn ào ở nhà nhưng sự thật trẻ không hung hãn với tất cả mọi người, hoặc vô lễ với bất cứ ai (trường hợp này rất hiếm thấy). Có trẻ ở nhà thì ngoan ngoãn, mà vào lớp học thì vô kỷ luật. Hoặc có trẻ lại có hành vi trái ngược lại. Có trẻ hay gây gổ với anh, nhưng rất tâm đầu ý hợp với em gái. Có những người, trẻ rất ghét (do có điểm nào nơi người đó giống như một người nào trẻ không có thiện cảm), nhưng trẻ không ghét tất cả mọi người.

Trước những sự việc mà đáng lẽ không xảy ra, thái độ của cha mẹ có tính chất quyết định nên cha mẹ phải đặc biệt quan tâm để không gây mâu thuẫn giữa các con. Ta thường thấy thái độ của cha mẹ đối với đứa này gây nên đố kỵ của những đứa khác chính là đối với đứa mà chúng có cảm giác được cưng hơn. Có cha mẹ vì vô tình, vì vụng về đã khiến cho những đố kỵ giữa các con lâu năm trở thành những thù oán, chỉ vì phải lo lắng chăm sóc nhiều hơn một đứa con không được khỏe mạnh bằng anh chị nó.

Cha mẹ cần chú ý quan sát quan hệ giữa các con trong gia đình, để điều chỉnh thái độ khi cần, để cho

các con sum họp trong một tập thể gia đình đoàn kết với nhau.

Vấn đề thứ tự trong anh chị em

Theo thứ tự ra đời, mỗi đứa trẻ trong gia đình có một vị trí đặc thù trong các quan hệ với anh chị em, trong quan hệ với cha mẹ.

Em út: thường người mẹ có xu hướng cưng đứa bé nhất. Đứa bé nhất vừa yếu đuối, vừa dễ thương. Bé làm gì mẹ cũng thấy là buồn cười, mẹ khen, mẹ khuyến khích. Không thể nói đây là tất cả những biểu hiện nói lên là mẹ ưu tiên yêu em bé, nhưng các anh chị lớn, nhất thiết xem đó là mẹ yêu em hơn ai cả, đặc biệt là đứa áp út vì mới vừa đây, mẹ đã yêu mình như thế.

Khi gặp trường hợp đứa em út có vẻ thông minh hơn, khéo tay hơn, hoặc lịch sự hơn các anh chị lớn (dĩ nhiên, dưới ánh mắt của cha mẹ), và cha mẹ lại thường cố ý nêu cao những điểm này, khiến cho các đứa lớn có cảm giác rằng mình là những đứa luôn thua thiệt. Tùy mỗi tính tình, mỗi đứa phản ứng khác nhau. Chống đối đứa em út. Chống đối cha mẹ. Hoặc có tâm lý muốn quay ngược lại thành đứa con bé bỏng.

Khi mẹ khiển trách đứa con lớn bởi vì nó chọc ghẹo em, không đáng làm anh chị, là vô tình mẹ làm cho sự đố kỵ đó gay gắt thêm. Nên cho trẻ thấy, nhất là đứa áp út thấy rằng mẹ vẫn thương yêu trẻ, và trẻ sẽ là anh chị của em út nên phải có trách nhiệm đối với em út. Như thế trẻ sẽ an tâm: trí óc trẻ không còn bị rối loạn vì sợ mẹ không yêu mình. Chú ý làm cho

trẻ cảm thấy rằng trẻ đã lớn, phải giúp mẹ săn sóc em, che chở em để em khỏi gặp nguy hiểm. Và cùng lúc đó cố gắng tranh thủ cho trẻ đi dạo chơi, để có quan hệ ở nơi khác, ngoài phạm vi gia đình. Ta sẽ thấy trẻ tiến bộ trong thái độ đối với em, chăm sóc em và hiền từ hơn đối với em. Khi đã biết được và hiểu được nguyên nhân sự đổ kỵ, thường thường các cha mẹ đều biết điều chỉnh để giáo dục lại các con trong gia đình.

Đứa ở giữa: ở gia đình 3 con là đứa thứ nhì. Ở gia đình năm con là đứa thứ ba vị trí đó thường không thuận lợi cho trẻ (cho nên cha mẹ cần chú ý để có thái độ uyển chuyển trong sự đối xử với trẻ). Mấy đứa kia thường hợp lại thành nhóm, còn trẻ bơ vơ một mình. Trừ khi trẻ là con gái, còn mấy đứa kia là con trai. Hoặc ngược lại. Nhờ vị trí con gái một, hoặc con trai một, trẻ trở thành một nhân vật trong gia đình. Nhưng đó cũng không hẳn là một vị trí thuận lợi.

Thường thường khi khoảng cách không quá 3-4 tuổi trẻ chính giữa không được những đặc quyền của anh chị lớn, trẻ cũng không có những quyền lợi như các em, mà khi có làm sai thường không bị rầy la. Trẻ chính giữa không được chơi với anh chị lớn vì trẻ chưa biết chăm sóc đồ chơi, chưa biết cách chơi, hoặc phải đi ngủ sau khi ăn tối, không được quyền thức thêm như các anh chị.

Cho nên vì thế có trẻ đột nhiên trở thành một kẻ không ai kiểm chế nổi, phá phách anh chị, không yên được để làm bài vở, chọc ghẹo em. Bị phạt trẻ không sợ, và càng thêm vô kỷ luật; bằng những cách này trẻ

bộc lộ sự oán hận của trẻ đối với môi trường không công bằng, gò ép trẻ.

Trẻ ở tuổi chưa đi học, rất nhạy bén trước những bất công, mà người lớn ta không mấy ai nghĩ đến. Đối với trẻ chính giữa nên để trẻ chơi với các em nhỏ hơn là để trẻ theo sinh hoạt với các anh chị lớn, vì các anh chị phải bận làm bài vở. Nên để trẻ ở cùng với các em trong các bữa ăn, hay giấc ngủ. Nhưng cần phải nói cho trẻ hiểu là không phải vì thế mà trẻ không có nhiệm vụ làm anh chị đối với các em. Và cha mẹ thương yêu trẻ giống như thương yêu các anh, chị và các em. Có thể giao cho trẻ một số công việc trong gia đình, vừa với sức của trẻ. Khi có dịp, quan tâm cho trẻ tham gia các sinh hoạt của anh chị để trẻ noi gương anh chị để tiến bộ, và chú ý hướng dẫn trẻ tham gia tốt. Nên chú ý theo dõi trẻ nhiều hơn để cho trẻ có thể sinh hoạt với các anh chị, cũng như khi trẻ phải sinh hoạt với các em. Đặc biệt nêu cao trách nhiệm của trẻ đối với em, để cho trẻ cảm thấy rằng cha mẹ rất tin tưởng nơi trẻ.

Trong một số gia đình, đứa con cả, nếu là con trai rất được chăm sóc từng chi tiết, và có thể nói là được trọng nể, đôi khi quá đáng. Ta không thể không nghĩ đến dư âm của quyền anh cả xa xưa. Nếu anh chị cả được cha mẹ nêu lên làm gương cho các em noi theo để tiến bộ, thì đó là một việc làm đáng khuyến khích. Nhưng nếu anh chị cả dựa vào đó để tự cao, để bắt nạt các em là một tai hại.

Có trường hợp anh chị cả thông minh tháo vát, học giỏi hơn các em. Và cha mẹ lại không ngừng nêu

cao anh cả trước mặt người khác. Sự đổ kỵ sẽ nảy sinh nơi các em. Không bao lâu nữa cha mẹ sẽ ngạc nhiên thấy mấy đứa con nhỏ trở nên khó dạy, cứng đầu, náo loạn, đặc biệt mỗi khi có sự hiện diện của anh chị cả. Hoặc khiêu khích làm nổi giận anh chị cả hay cha mẹ. Cha mẹ dĩ nhiên sẽ than phiền trước tình hình đó. Nhưng sau đó, cha mẹ cũng sẽ thấy rằng đứa con cả cũng trở nên vô lễ và bạo ngược.

Trước tiên, phải uốn nắn lại tính tình của anh chị cả. Phải cho trẻ nhận thức rõ ràng trách nhiệm làm anh chị cả và nhất thiết trẻ không có quyền dẫm chân lên các em. Cho trẻ ý thức rằng trẻ phải chia sẻ với các em mọi điều và đôi khi phải nhường nhịn cho các em, thì mới đúng vị trí là anh chị cả. Sẽ thấy ngay sự thay đổi sau khi tình hình được điều chỉnh. Anh chị cả sẽ cảm thấy vui sướng vì các em thương yêu và triu mến mình. Trong gia đình đông con, nói chung tình hình đổ kỵ với anh chị cả hiếm xảy ra. Bởi thường anh chị cả đảm nhiệm vai trò của mình một cách tự nguyện.

Kinh nghiệm cho thấy rằng hạ thấp đứa này bằng cách đề cao đứa kia là một sai lầm. Cũng như làm trẻ hổ thẹn bằng cách vén lên trước mặt người khác những tật xấu của nó là một sai lầm lớn trong sự giáo dục cần được chú ý để tránh.

Cha mẹ cần làm gì để phòng ngừa sự đổ kỵ giữa các con

Mẹ là người cung cấp cho trẻ sự thoải mái và mang lại cho trẻ nhiều sự vui thích ngay từ khi trẻ ra

đời. Cho nên mẹ là người mà trẻ thương yêu đầu tiên. Cha có vai trò phụ là hỗ trợ mẹ làm tốt vai trò làm mẹ. Trong giai đoạn đầu mới được sinh ra, trẻ chưa biết anh chị. Sau khi đã biết anh chị, thì anh chị có thể là người mà trẻ thương yêu, cũng có thể anh chị là người trẻ chống đối, hoặc xem giống như thù địch. Cho nên, tùy thuộc vào người mẹ biết sử dụng tình thương của trẻ đối với mẹ để hướng trẻ thương yêu anh chị. Cũng tùy thuộc vào người mẹ, làm cho trẻ cảm nhận được vị trí và vai trò của trẻ trong xã hội nhỏ là gia đình. Tình cảm khoan dung hay đố kỵ mà người mẹ đã xây dựng, hoặc đã gây nên sẽ chi phối các mối liên hệ giữa anh chị em. Cho nên từ tuổi thơ của trẻ, trước hết mẹ phải làm sao cho mỗi đứa con yên tâm rằng mẹ thương yêu tất cả các con của mẹ, dù tính tình thế nào, đứa nhu mì cũng như đứa ồn ào, đứa thông minh cũng như đứa kém trí tuệ, đứa lịch sự cũng như đứa kém lịch sự. Mẹ đều yêu thương tất cả giống nhau.

Trong cuộc sống, có những lúc mà có một đứa đặc biệt có nhu cầu được cưng. Khi có một đứa đang nản chí, mẹ có thể chiều chuộng như một đứa được cưng nhất. Đó là một cách để giải tỏa tâm lý trầm uất tạm thời của nó. Nếu đứa khác, lúc nào đó, cũng trong tình trạng tâm lý bất an, thì mẹ cũng làm như vậy. Nên để cho mỗi đứa con đều cảm thấy rõ ràng rằng không có đứa nào độc quyền sự chăm sóc tăng cường đó của mẹ.

Không có thái độ nào kiểu mẫu cho người mẹ, cho người cha, để tránh xích mích giữa anh chị em trong gia đình. Khi nhà đông con, cha mẹ không thể làm

giống nhau cho mọi đứa cùng một lúc. Cha mẹ có thể hôm nay thì khuyến khích một đứa con, hôm khác thì khuyến khích đứa khác. Cha mẹ sáng suốt và uyển chuyển thường biết xây dựng và vun bón nhân cách của mỗi đứa con.

Ta nên thấy rằng không phải tất cả những va chạm giữa anh chị em đều có hại cho quan hệ giữa anh chị em - chỉ những mâu thuẫn xuất phát từ một sự thù hằn bị dồn nén lâu ngày, thì quả thật có hại. Còn những bất đồng giây lát mà anh chị em tự giải quyết lấy, tuy đôi khi rất ồn ào, nhưng nhanh chóng, không cần cha mẹ can thiệp, là bình thường ở các gia đình. Những cãi cọ, xô xát, mà tùy trường hợp mỗi đứa thay nhau khi chủ động tấn công, khi là nạn nhân, khi là đứa thắng, khi là đứa bại, mà không đứa nào luôn luôn là bạo chúa, cũng không đứa nào luôn luôn bị bắt nạt. Cãi cọ xô xát với nhau một lúc rồi dứt điểm.

Những thử thách có khía cạnh tích cực này mang tác dụng chuẩn bị cho trẻ hội nhập vào xã hội, mà xã hội thì không phải lúc nào cũng khoan dung. Sự hội nhập vào xã hội đòi hỏi mỗi cá nhân phải biết quản lý cảm xúc và xung năng bản thân, bắt buộc nó phải tính đến quan điểm của người khác, chứ không thể tự xem mình là trung tâm của mọi việc được. Những thử thách đó giúp trẻ tự khẳng định. Đồng thời góp một phần rất bổ ích cho sự hình thành nhân cách của trẻ.

Sự bất công của cha mẹ làm cho trẻ buồn lòng, phải tự gò bó không hoạt động, nên làm nảy sinh ra sự chống đối nơi trẻ. Cảm thấy không được thương

yêu, không được hiểu, trẻ mất lòng tin ở bản thân. Trẻ không còn biết tự vệ, không còn biết tự bào chữa, bởi cảm thấy đó là vô ích. Có trẻ bỏ nhà ra đi vì trẻ đã bị phạt, bị mắng một cách bất công. Nếu trẻ không bỏ nhà ra đi, thì trẻ cũng cảm thấy rằng trẻ như không có gia đình. Ta thấy mấy đứa con dù còn nhỏ đi nữa thường có ý niệm rất cao về sự công bằng, về sự bất công trong gia đình.

Đứa con nào cũng đặt lòng tin tưởng tuyệt đối vào cha mẹ (khi đi học thì tin tưởng vào thầy cô, khi làm việc thì tin tưởng người lãnh đạo...) vì đó thường là một chỗ dựa tinh thần, giúp cho trẻ tránh được những thất vọng.

Khi các con đang tranh cãi, tốt nhất là không nên can thiệp. Bởi cha mẹ thường hiểu sai khi đột nhiên xen vào. Bởi cha mẹ không biết được chính xác về sự việc mà mới trước đó đã xảy ra như thế nào. Khi cha mẹ không can thiệp vào thì thường sự tranh cãi giữa anh chị em không tiếp tục lâu, nếu cha mẹ xen vào thì nó sẽ kéo dài, và với một lý do khác. Mấy đứa con nhỏ thường thích được cha mẹ vuốt ve, yêu thương, nên hay trêu anh chị nổi giận cho đến mức phải đánh trẻ, để trẻ đóng vai nạn nhân bị bắt nạt. Nếu trẻ thấy cha mẹ không can thiệp, không dấn động gì đến hoàn cảnh khi đó của trẻ, thì nó không làm cho anh chị nổi giận làm gì, vì không còn mục tiêu.

Một đứa trẻ được tự do nói lên những gì trẻ nghĩ, trẻ muốn thì không bao giờ có tâm trạng mặc cảm, tủi thân.

Khi cảm thấy có sự đổ kỵ nơi các con, không nên quan trọng hóa vấn đề, để tránh nó trở thành một bi kịch gia đình. Vì như thế càng làm cho tình thế nặng nề hơn. Và nếu cố gắng giữ bình tĩnh, để giải quyết từng khâu một của vấn đề. Điều này khiến cho sự thành công sẽ bảo đảm hơn.

TÌM HIỂU TRẺ ĐÁI DÂM

Đái dâm là đái ở thế nằm, khi ngủ, một cách chủ động mà không cố ý, lúc ngủ ban đêm, hoặc lúc ngủ ban ngày. Khác với đái không kiểm chế được (vì bệnh), hoặc đái vì túi đái quá đầy không kìm lại được phải trút ra.

Thường có thể phân ra hai loại đái dâm:

- Đái dâm cấp 1: trẻ chưa bao giờ sạch mặc dù đã hơn 3 tuổi.

- Đái dâm cấp 2: sau một thời gian sạch, trẻ đái dâm trở lại.

Đái dâm cấp một

Thường gặp nhất. Hai phần ba trẻ đái dâm là đái dâm cấp một. Có thể do thể tạng, hoặc bẩm sinh. Thường gặp nơi bé mà nhịp độ đái tự nhiên bị đảo lộn, chỉ đái khi ngủ. Do thiếu phương pháp vệ sinh; đó là "đái dâm bất buộc". Thường trẻ đái lúc vừa thức dậy để bú nhưng vì người mẹ quá bận, hoặc không chú ý, hoặc không biết vệ sinh nuôi con, để bé ướt trong tã.

Ta nhớ một hai thập niên trước, các bà, các cô, dì của ta thường làm khi bé mới vừa thức dậy, mau mau "xi" cho bé đái; và trước khi cho bé ngủ "xi" cho bé đái

lần nữa. Họ có kinh nghiệm là bé đái lúc thức, chứ không phải lúc ngủ.

Ban đầu bị ướt khó chịu bé khóc. Không được thay tã, dần dần bé có thói quen với tã ướt. Và giống như phản xạ có điều kiện, bé đái lúc ngủ. Loại đái dầm này không phải do rối loạn nào đó mà do thói quen ngủ trong tã ướt. Nhịp độ bẩm sinh là bé đái lúc thức, chứ không phải khi ngủ. Cho nên có thể tránh dễ dàng, bằng cách thay tã khi bé đã bú xong và đã đái rồi. Như thế bé sẽ quen ngủ trong tã khô và không đái dầm.

Đái dầm cấp hai

Thường gặp nơi trẻ mà sự giáo dục sạch sẽ rất chậm. Hơn 3 tuổi mà chưa sạch. Hoặc trẻ đã sạch từ hơn một năm (thường trẻ sạch vào khoảng 18 tháng đến 2 tuổi), bỗng nhiên trẻ đái dầm trở lại. Có nhiều nguyên nhân. Có thể bé vừa có một đứa em mới ra đời. Đó là một cách để trẻ biểu lộ rằng trẻ không muốn lớn, mà muốn nhỏ lại như em bé. Vì em bé chiếm mất của trẻ sự săn sóc của cha mẹ, nhất là của mẹ. Trẻ cảm thấy bị em cướp mất tình cảm đó của trẻ. Các nguyên nhân khác có thể là do bất hòa trong gia đình, phân tán trong gia đình, có người mất, hoặc do sự tái hôn của cha, của mẹ...

Loại đái dầm cấp hai thường phổ biến ở nơi trẻ 8 - 15 tuổi. Ở tuổi này, hậu quả không chỉ riêng ở gia đình mà thường thêm có tính chất xã hội: các nơi nội trú không nhận trẻ đái dầm; trẻ đái dầm không đi nghỉ hè tập thể được, không tham gia được đội lao động tập thể xa nhà...

Các chuyên gia thường xác định nguyên nhân yếu tố gia đình và một phần yếu tố di truyền. Vì trong thực tiễn có nhiều gia đình chấp nhận triệu chứng đó một cách dễ dàng, không chút thắc mắc: do thân nhân, họ hàng gần xa có không ít người đái dầm lúc nhỏ, mà rồi cả thấy đều hết đái dầm khi lớn. Điều này đúng vì trong thực tế không có người lớn tâm lý bình thường mà đái dầm.

Đái dầm thường gặp nơi con trai. Nhịp độ khác nhau: khi mỗi đêm, khi vô chừng, tùy ngày. Khi đi khám các chuyên gia thường hỏi nhiều chi tiết; để tìm hiểu, phân tích những hoàn cảnh, tình tiết khiến cho trẻ phải đối phó bằng đái dầm.

Dù sao trước trẻ đái dầm, trước nhất đưa trẻ đi khám bác sĩ y khoa. Vì có những bệnh gây đái không chủ động, không cố ý: viêm bàng quang, bệnh thận, bệnh tiểu đường, dị tật dây niệu đạo, hẹp bao quy đầu...

Trái với người ta thường nghĩ là giấc ngủ của trẻ đái dầm không được yên ổn, thực sự giấc ngủ của trẻ đái dầm không khác giấc ngủ của trẻ bình thường. Thường trẻ đái khi giấc ngủ trong giai đoạn nhẹ nhàng, nên ta có cảm giác là dường như trẻ không muốn kìm lại nước tiểu của mình, mà ngược lại trẻ cảm thấy khoan khoái khi đái khiến cho người ta càng nghĩ đến nguyên nhân tâm lý. Cho nên cách làm hợp lý nhất là tìm ý nghĩa của triệu chứng đái dầm, đặc biệt là ở thể đái dầm cấp hai.

Hoạt động đái và các cảm xúc

Quan sát một đứa bé đang đái, ta thấy bé sung

sướng. Sung sướng vì làm giảm nhẹ được căng thẳng ở bụng đại. Sung sướng vì nước đại chảy dài vuốt ve ống bụng đại. Sảng khoái vì hơi ấm của nước đại chảy dài lưng và hông dẹt (đôi khi là có cảm giác trẻ im thin thít để nghe nó chảy...). Không nên cho rằng sự sung sướng, sảng khoái này là không quan trọng. Rất quan trọng vì nó không chỉ có ý nghĩa một hoạt động sinh lý mà còn là một hoạt động biểu lộ các cảm xúc, khi phấn khởi, khi khó chịu, khi lo sợ. Chúng ta ai cũng biết câu: sợ té đại ra quần! Để nhấn mạnh cảm xúc sợ. Có khi vì quá vui cũng té đại ra quần: cười té đại ra quần! (cười ra nước mắt, cũng tương tự: tiết ra một thứ nước tự con người sản xuất). Đôi khi ta chứng kiến trẻ đi xem hát, trên vai cha, mỗi khi tức cười trẻ đại trên vai người cha (!).

Đại mà không chủ động là một cách hữu hiệu để chủ nhân cho "xi" ra căng thẳng tâm lý: hưng phấn, bức tức, giận dữ. Do đó nó mang tính cách tượng trưng như một phương tiện tâm lý (không bình thường) để giải đáp một vấn đề mà chủ thể thiếu khả năng đối phó.

Trong quá trình dạy dỗ trẻ, ngoài sự luyện tập cho trẻ bú, ăn uống có giờ giấc, sự giáo dục sạch sẽ đối với trẻ là một sự giáo dục quan trọng đầu tiên. Không phải trẻ đại lúc nào cũng được, đâu cũng được, mà phải có nơi, có chốn đã định sẵn. Cho nên cha mẹ thường can thiệp, cấm đoán sự vui sướng tự do đại đó. Nhanh chóng trẻ sẽ thấy rằng cái thích thú của mình không phải là cái thích thú của cha mẹ. Mâu thuẫn đầu tiên khó tránh nảy sinh. Trẻ phải từ bỏ tự do đại

trong giấc ngủ, tự do được khoải đãi... Trẻ không bao giờ thích mất tự do như thế, nhưng trẻ thấy tuân thủ cha mẹ có lợi hơn. Và thường trẻ vâng lời, không có vấn đề. Khi trẻ tuân thủ, ngoan ngoãn trẻ thấy cha mẹ vui cười với trẻ, trẻ được khen, được âu yếm. Sự tuân thủ này ít nhiều giống như một chính sách rút lui. Nếu không có biến cố gì xảy ra thì về sau sự cấm đoán của cha mẹ trở thành một quy tắc của chính trẻ. Nhưng khi chưa được củng cố, mà có một biến động tâm lý thì trẻ sẽ tái phạm trở lại không tùy nơi, không tùy lúc. Trẻ sẽ tái phạm trở lại để đối phó trước tình thế mới đó.

Nguyên nhân, triệu chứng tái phạm cấp hai

Có thể nói có ba nguyên nhân chính:

1. Nguyên nhân không muốn lớn:

Có một số trẻ tái phạm để trở lại như em bé nhỏ để được cha mẹ cưng như em bé, chăm sóc như em bé mới sinh. Đã sạch hẳn bỗng nhiên trẻ tái phạm khi em bé ra đời. Dù trong thực tế cha mẹ vẫn yêu thương các con bằng nhau, nhưng trẻ rất sợ mất tình thương. Có trẻ nũng nịu em, vuốt ve em, hôn em nhưng sự thật trẻ rất ganh tị em. Vì muốn chiếm lại vị trí được sự trung tâm chú ý của cha mẹ nên trẻ tái phạm. Khi trẻ tái phạm bỗng nhiên cha mẹ quan tâm đến trẻ nhiều hơn. Trẻ đạt được mục đích (tất nhiên, không nên rầy la mà phải có thái độ mềm mỏng, yêu thương, săn sóc để trấn an trẻ).

Có trường hợp vì quá sợ cha mẹ bỏ rơi mình (vì một lý do nào đó), bỗng nhiên trẻ tái phạm. Đôi khi có

cảm giác là một nỗi lo sợ vô cớ. Nhưng sự thật, không bao giờ là vô cớ. Có trẻ đá dẫm khi cha mẹ chuẩn bị cho vào nội trú, hoặc cho đi xa nhà. Lúc đi mua sắm đồ đạc đủ các thứ cho trẻ, trẻ có vẻ vui mừng cộng tác. Bỗng nhiên trẻ đá dẫm. Vì trong tâm lý trẻ không muốn vào nội trú, xa gia đình. Mà nội trú thì không chấp nhận trẻ đá dẫm. Đá dẫm không vào được nội trú: ý nguyện của trẻ đạt kết quả.

Ở ngưỡng cửa vị thành niên, các khổ khăn, bối rối về vấn đề tính dục nổi dậy nơi trẻ khiến trẻ rất lo sợ. Vì thường trẻ không được giáo dục về tính dục (đó là một khuyết điểm của cha mẹ, của xã hội). Mà lại là vấn đề tối kỵ đối với người lớn. Trẻ phải đối phó với xúc cảm ở bản thân đang nảy nở (thủ dâm là bình thường ở giai đoạn này, không bình thường là khi nó cứ tiếp tục lâu về sau), đối phó với sự cấm đoán của cha mẹ, đối phó khi chứng kiến gián tiếp giao cấu của người lớn (mà thường không phải là trẻ không nghe thấy, do nhà cửa chật hẹp), đối phó với những lời lẽ trao đổi tình dục giữa người lớn, đối phó với những cuộc trao đổi kiến thức về tính dục nơi các bạn. Những thông tin đó rất lộn xộn, vì nó đáp ứng sự tò mò hơn là sự hiểu biết. Và thường là sai. Thái độ im lặng của cha mẹ càng làm cho trẻ thêm lo âu. Cho nên xu hướng tìm sách cấm để đọc, hoặc nghe theo những lời giải thích ngông cuồng, quái dị, đe dọa về tính dục là phổ biến. Không tránh khỏi trẻ bị nỗi lo sợ ám ảnh. Trước trách nhiệm phải lớn, trẻ cảm thấy không đủ khả năng. Trẻ không muốn lớn. Giải toả lo sợ bằng đá dẫm. Và đá dẫm là mình còn

nhỏ, chưa lớn, để khỏi phải đối phó với những đòi hỏi nan giải đó.

Không muốn lớn, có thể do nhiều nguyên nhân khác hoặc nhiều nguyên nhân kết hợp, thường biểu hiện bằng một hành vi thoái triển, mà đái dầm là một triệu chứng thường gặp.

2- Nguyên nhân chống đối:

Từ bé trẻ đã từng thường nghe những danh từ dơ dáy, dơ bẩn, bẩn thỉu để chỉ những gì mà người ta rất ghét, rất ghét. Đại tiện, tiểu tiện thuộc dơ bẩn (làm dơ bẩn nơi công cộng, nơi đường phố, là một cách chống đối gián tiếp của một số người lớn trong xã hội). Khi bực tức vì trẻ đái dầm, khi bất mãn vì trẻ đái dầm, cha mẹ sẽ bị phiền phức và lúng túng. Đó là một cách chống đối hữu hiệu (ta cũng hay thấy ở xóm làng, khi có gay cấn với nhau, cũng có người lén lút đại tiện, tiểu tiện trước/trong sân nhà người kia để cho bở ghét!). Thử xem các danh từ tục tĩu, nhục mạ của người lớn, cũng dùng những danh từ liên hệ với đại tiện, tiểu tiện.

Đái dầm để phản đối thường có tính cách ít nhiều vô thức.

3- Nguyên nhân tự phạt vì bế tắc, bất lực

Đái dầm để được cha mẹ chăm nom nhiều hơn. Đồng thời trẻ cũng tự cảm thấy sút kém, vì đái dầm (ta đã thấy đái dầm là không chủ động, ngoài ý muốn của chủ thể, vô thức). Đái dầm gây phiền toái cho cha mẹ như bị nhục vì con. Đồng thời, trẻ cũng cảm thấy mình làm nhục mình và tự phạt bằng đái dầm. Đó là

một vòng luẩn quẩn. Tự phạt vì đã làm cho cha mẹ phật ý, không vui vì mình đái dầm.

Đái dầm để chối từ không muốn lớn: khi nhỏ thì sợ mất tình thương của cha mẹ; lúc vị thành niên vì cảm thấy bất lực trước tính dục mới nảy sinh. Một chối từ gì mà bắt nguồn do bản thân bị bế tắc đều gây cho chủ thể một ấn tượng tội lỗi: tự phạt vẫn hơn là phải đương đầu với những hình phạt của người khác mà mình không thể lường được. Đái dầm là hình phạt tượng trưng cho bản thân bất lực.

Để hiểu thêm về vấn đề đái dầm của trẻ, ta cần đề cập đến những lợi ích gián tiếp mà trẻ có được khi đái dầm. Như ta đã thấy, đái dầm để khỏi phải vào nội trú, khỏi phải xa cha mẹ, khỏi phải mất tình thương: đó là lợi ích gián tiếp của đái dầm. Nhưng không phải là mục tiêu chính, mà khiến cho trẻ tiếp tục đái dầm để không mất lợi ích đó. Hiểu thêm khía cạnh này giúp cha mẹ tìm giải pháp thích hợp và đúng đắn.

Yếu tố và điều kiện xuất hiện và gia tăng đái dầm:

Ta đã thấy, sự xuất hiện đái dầm luôn luôn có nguyên nhân do đứa em mới ra đời, do lo sợ trước vấn đề tính dục mới phát sinh, do sự bất lực vì học kém, do lo ngại phải sống xa gia đình. Nhưng nguyên nhân thường thấy nhất là mâu thuẫn gia đình: cha mẹ bất hoà, ly dị, ly thân... làm cho trẻ cảm thấy mất an toàn, tâm lý lao đao. Tính quá nóng nảy của cha mẹ, làm căng thẳng bầu không khí gia đình và làm căng thẳng tâm lý trẻ. Tất cả những yếu tố này đều có thể làm cho trẻ đái dầm hoặc tăng đái dầm nơi trẻ.

Có trẻ không đái dầm thường xuyên: nhiều đêm rất tốt, nhưng bỗng nhiên một đêm nào đó trẻ đái dầm. Có những yếu tố làm giảm, có những yếu tố làm tăng. Chẳng hạn như các loại phim, tuồng hát, cảnh tượng xã hội, sách kích động, làm chấn động thần kinh trẻ. Nói đây không phải để cấm ngặt, mà để hiểu vì sao. Dù bị chấn động, nhưng không phải là nguyên nhân chính gây đái dầm.

Cũng như đối với người lớn, đối với trẻ cũng có ngày tốt, ngày xấu. Khi bầu không khí gia đình căng thẳng hôm đó, khi trẻ bị điểm xấu, hoặc được điểm tốt bất chợt đối với trẻ, khi nhà có đông khách xáo trộn nhịp sống của trẻ: trẻ đái dầm hoặc tăng đái dầm..

Nhưng không vì những tác động ngoài ý muốn này mà bao che để trẻ tránh sinh hoạt hoặc cảm xúc. Sự cấm đoán hoặc sự bao che tai hại hơn. Trẻ phải đối phó với những thử thách, vừa khả năng trẻ, để chế ngự. Đó là một sự luyện tập để củng cố tâm lý và cho sự phát triển nhân cách.

Có trẻ tự nhiên không đái dầm nữa. Khi trẻ đi xa nhà: đi nghỉ hè, đi vào đồng quê, đi nơi xa thăm viếng bà con. Có trẻ lại đái dầm trở lại khi có một người nào đó đến nhà. Có trẻ đái dầm khi cha đi vắng nhà. Có trẻ đái dầm khi cha trở về nhà. Ta rất băn khoăn khi thấy những nguyên nhân đái dầm của trẻ có nhiều điều trái ngược. Sự thật, nguyên nhân chính là do một chấn động tâm lý. Rồi trẻ bị chấn động khác nhau, do lịch sử đời sống của trẻ trước đó khác nhau. Cho nên phương châm: phân tích và tìm

hiếu để có phương pháp điều trị một chấn thương tâm lý nào đó nơi trẻ.

Cha mẹ nên làm gì:

Cha mẹ nào cũng sẵn sàng tìm giải quyết cho con hết đái dầm (để tránh giặt giũ, để tránh mùi hôi khai, để yên tâm, để đảm bảo lòng tự ái...). Cha mẹ thường nói là chúng tôi đã thử tất cả phương pháp (!): rầy la, làm cho trẻ hổ thẹn, hứa thưởng đồ chơi, đi dạo chơi, đã mang đến bác sĩ khám, đã thức nửa đêm để đánh thức con đi tiểu... đủ cả, hăm dọa, phạt, thưởng. Có bà mẹ nói rằng mình đã khóc với con vì con làm mẹ buồn mẹ sẽ chết (!). Không kết quả. Hoặc trẻ ngưng đái dầm một thời gian, rồi đái dầm trở lại.

Sự thật, trị bệnh phải trị căn nguyên gây bệnh, chỉ trị triệu chứng thì kết quả sẽ không đi đến đâu.

Thái độ của cha mẹ đối với trẻ đái dầm rất quan trọng vì là một yếu tố quyết định để giúp trẻ dứt bỏ đái dầm.

1. Cha mẹ phải khẳng định lòng tin của mình đối với con: khi con lỡ đái dầm, thái độ phải ôn hòa, thân thương. Cảm thông để giữ vững quan hệ bình thường của cha mẹ với con, là một liều thuốc tốt nhất.

2. Không nên làm cho trẻ hổ thẹn. Càng không nên làm cho trẻ lo sợ vì lỡ đái dầm. Cho trẻ thấy viễn ảnh những lợi ích nếu trẻ hết đái dầm. Khi trẻ không đái dầm, thì nên khen trẻ. Khuyến khích để trẻ muốn lớn (không còn muốn là em bé) bằng cách cho trẻ tự do hơn, bằng cách hạn chế bớt những gò bó, kìm hãm đối với trẻ, cung cấp cho trẻ thêm những quyền hành động vui chơi, một ít tiền túi, là rất hữu hiệu. Trẻ sẽ

cảm thấy, nếu trẻ lớn lên, trẻ sẽ có nhiều quyền lợi hơn là còn bé

3. Cha mẹ cần cho trẻ tin tưởng rằng tình thương của mình không bao giờ thay đổi, một cách cụ thể, dù trẻ có đái dầm hay không đái dầm.

4. Chú ý tránh những điều kiện, yếu tố có thể gây đái dầm. Không khí gia đình thoải mái, ấm cúng, không bị lo âu chiếm lĩnh vì đái dầm của trẻ, sẽ làm giảm căng thẳng thần kinh của trẻ, và xóa mờ dần đi ý tưởng quyền lợi, gián tiếp của đái dầm thường có nơi những trẻ đái dầm cảm thấy thiếu chăm sóc, thiếu tình thương. Nói chung, làm sao cho trẻ cảm thấy trẻ vẫn có một chỗ thân thương trong gia đình, và trẻ trực tiếp tham gia đời sống gia đình hàng ngày. Không bao giờ để trẻ có ý nghĩ bị ruồng bỏ choán đầu óc vì đái dầm.

5. Thái độ rộng lượng của cha mẹ là cần thiết. Cũng như người lớn, mỗi trẻ trong sự phát triển, phải có quyền được chút tự do, chút điên rồ, chút thất bại trong học hành, chút lệch lạc ngôn ngữ. Không nên quá ư nghiêm khắc.

6. Và nhất là đừng xem điều trị được đái dầm là tự nó đã xong cả rồi. Đái dầm chỉ là một triệu chứng rối loạn tình cảm, chấn động tâm lý. Nên phải giải quyết, trước nhất nguyên nhân gây rối loạn, nguyên nhân gây chấn động và làm sao cho những rối loạn đó, những chấn động đó đừng tái phát thì mới dứt điểm được đái dầm.

Khi cha mẹ nhẫn nại và thương yêu trẻ đã phải đối phó với những tình thế mà trẻ không chủ động được, thì tất nhiên trẻ hết đái dầm.

QUAN HỆ GẮN BÓ GIỮA ANH CHỊ EM TRONG MỘT GIA ĐÌNH

Trong gia đình đông con, trẻ được sống hàng ngày vừa với quan hệ với cha mẹ, vừa với quan hệ với anh chị em. Quan hệ với cha mẹ là quan hệ chiều đứng đối với trẻ, còn quan hệ với anh chị em là quan hệ chiều ngang. Khi nói đến sự giáo dục trong gia đình, người ta thường nghĩ đến sự tác động qua lại giữa cha mẹ và con, còn ảnh hưởng anh chị em trong gia đình với trẻ hình như ít được bàn đến. Sự thật, trong gia đình nhiều con, trẻ được sống trong một mạng lưới quan hệ rất phong phú. Và ảnh hưởng anh chị em trong sự hình thành nhân cách của trẻ cũng chiếm một phần quan trọng không nhỏ.

Đặc điểm của mối liên hệ giữa anh chị em trong một gia đình

Mối liên hệ giữa anh chị em là mối liên hệ huyết thống. Nhưng mối liên hệ huyết thống này không phải là đặc điểm duy nhất chi phối mối quan hệ giữa anh chị em trong gia đình. Tính huyết thống không hẳn giải thích được sự bền vững và lâu bền của mối quan hệ gắn bó giữa anh chị em trong một gia đình. Bởi anh chị em ruột, từ bé sống xa nhau không có được

một sự gắn bó tình cảm như những anh chị em vừa con đẻ vừa con nuôi sống cùng chung một nhà, với cha mẹ chung cho tất cả các con, không phân biệt con đẻ, con nuôi. Ở Israel, những trẻ được nuôi dưỡng trong một gia đình, cả ngày và đêm, với những trao đổi tình cảm giữa các nhân viên phụ trách và các trẻ với nhau giống như quan hệ cha mẹ với con, quan hệ giữa anh, chị, em trong gia đình, các trẻ này có những cách xử sự, hành vi, nhân cách, giống như các anh chị em trong một gia đình, có lúc rất trù mến nhau, cũng có lúc tranh giành cãi cọ. Tất nhiên khi các trẻ này chia tay nhau, xông pha vào cuộc sống xã hội, mỗi đứa một nơi thì khác. Còn anh chị em sống trong một gia đình cùng cha mẹ chung, khi xa nhau để xây dựng đời sống cá nhân, vẫn tiếp tục quan hệ gắn bó với nhau dù cha mẹ đã đi xa. Cha mẹ là một giá trị đời đời, giúp cho sự gắn bó giữa anh chị em với nhau càng bền vững.

Cội nguồn và cơ sở của sự gắn bó giữa anh chị em là sự gần gũi thân thiết, liên tục trong một thời gian dài, trong một môi trường sống an toàn mà người điều khiển duy nhất là cha mẹ với tình thương yêu vô bờ bến. Mỗi chúng ta khi nghe hai câu được học từ bé, đều không khỏi rung động sâu sắc:

"Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"

Hàng ngày trong suốt 18-20 năm, có một sự trao đổi không ngừng về vật chất, về tình cảm, biểu hiện qua một sự cộng tác đặc biệt, khi thăm lặn, khi rõ rệt, thông qua một sự chia sẻ nhau mọi điều, mọi thứ:

chia sẻ nhau tình thương và sự chăm lo của cha mẹ, chia sẻ nhau về ăn uống, về ăn mặc, chia sẻ nhau các thú vui chơi, trò chơi, đồ chơi, chia sẻ nhau những gì thiết thân nhất. Tất cả những gì thuộc vật chất, cũng như thuộc tình cảm đều tập trung vào cụm từ "chia sẻ nhau". Cho nên sự gắn bó giữa anh chị em trong một gia đình khó thay thế được.

Một đứa con một trong gia đình thường có cảm giác cô đơn vì là nhân vật duy nhất của thế hệ trong môi trường gia đình, thiếu quan hệ chiều ngang của đồng lứa giống như trẻ trong gia đình nhiều con, được nhiều thuận lợi hơn, nhờ trẻ được sống trong nhiều quan hệ hơn, cả chiều dọc, cả chiều ngang, nhưng ngược lại trẻ phải đối phó với sự đổ kỵ giữa anh chị em trong gia đình. Sự đổ kỵ này là bình thường và cần thiết trong một gia đình nhiều con. Bởi nó không phải là một sự đổ kỵ thuần túy, chỉ có thù ghét. Trong đó còn có lẫn lộn tình thương. Nó là một tập hợp hai tình cảm, tình thương và đổ kỵ, để đối phó trước tình thế mà trẻ cảm thấy mất tình thương và sự chăm sóc của cha mẹ đối với trẻ. Hơn nữa, nó mang tính chất hai chiều qua lại. Không đứa nào luôn luôn là tác giả tấn công, không đứa nào luôn luôn là nạn nhân, mỗi đứa có hai vai trò thay phiên nhau. Cho nên các nhà tâm lý giáo dục cho rằng đó là tiền đề luyện tập cho trẻ đi vào xã hội sau này. Các trẻ ở gia đình đông con hội nhập vào xã hội có phần dễ dàng hơn trẻ con một (tất nhiên còn phải được giáo dục thêm).

Thực tiễn cho thấy sự đổ kỵ bắt đầu từ những giai đoạn đầu tiên khi trẻ biết nhận thức cái thương, cái

ghét. Trước tình thế này, thường cha mẹ rất bức mình, cảm thấy không thể chấp nhận được. Có trường hợp ta nghe cha mẹ nói: thằng con thứ hai của tôi nó rất thích có được một đứa em gái. Nhưng thật sự tình cảm của thằng con trai mới được làm anh đó có hai mặt, vừa thương em mà cũng đố kỵ với em. Một thời gian sau, ta thấy cha mẹ thất vọng vì hai đứa con không hòa thuận nhau. Sự đố kỵ bình thường mà cần thiết đó, giúp trẻ tự xác định, để biết vị trí mới của mình. Mục đích của sự tranh chấp là để giành lại vị trí con một trước đây, khi chưa có em là để kiểm tra sự hiện diện của mình dưới ánh mắt của mẹ, của cha - đứa trẻ nào cũng cố sự hiện diện của mình dưới ánh mắt của mẹ, của cha.

Trong gia đình nhiều con, trẻ còn phải kiểm tra, điều chỉnh, củng cố hàng ngày sự hiện diện của mình dưới ánh mắt của các anh, chị, em. Công việc này giúp trẻ uốn nắn hành vi và thái độ. Cho nên chẳng những cha mẹ mà luôn cả anh, chị, em đều có phần giúp trẻ tự xây dựng bản thân và xây dựng nhân cách của mình.

Dù trẻ có nhiều bạn bè thân thiết, có nhiều anh, chị, em họ mà quan hệ giao lưu được phong phú đi nữa, nhưng quan hệ gắn bó giữa anh chị em vẫn quan trọng hơn. Bởi vì quan hệ anh chị em chẳng những được xây dựng liên tục trong không gian ấm cúng của gia đình và sau này vẫn còn tiếp tục trong thời gian, còn các quan hệ kia thiếu những yếu tố này. Quan hệ gắn bó giữa anh chị em mang tính chất sâu sắc, nồng thắm và lâu dài nhất, vì sẽ tiếp tục suốt đời. Khi trẻ

đi học là trẻ bắt đầu sự xã hội hóa mạnh hơn, trẻ có thể chuyển quan hệ giữa anh chị em thành quan hệ với bạn bè, đồng nghiệp. Quan hệ này là quan hệ cảm tình, đồng thời ta cũng thấy có sự đố kỵ, phần đông ngấm ngấm. Nhưng sự đố kỵ này mang tính chất cao thượng, thực tế biểu hiện thông qua các cuộc đua tranh học tập, các cuộc thi đấu thể dục, thể thao. Nhờ đó trẻ sẽ tiến thêm một bước trong sự xây dựng con người xã hội của mình.

Thái độ của cha mẹ có tính chi phối quan hệ giữa các chị em trong gia đình. Một số sự việc không hay xảy ra, bắt nguồn từ thái độ của cha mẹ. Sự đố kỵ giữa anh chị em trong gia đình là bình thường, nhưng nếu cha mẹ thiếu sáng suốt, thiếu tìm hiểu, cứ khư khư giữ thái độ cứng rắn, cứng chiều đứa này hơn đứa khác, hoặc có thái độ bàng quan với đứa này hoặc hay luôn trách mắng đứa khác, làm cho sự đố kỵ giữa anh chị em càng thêm gay gắt, náo động. Trước những tình thế này, thường những nghi vấn được đặt ra. Có thể cha mẹ cảm thấy may mắn có được một đứa con "đặc huệ" (hợp tuổi, đứa con cho làm ăn phát tài...). Hoặc có một đứa con không giống ai, lạ điệu... Vấn đề đặt ra là nên chữa trị cha mẹ trước rồi mới giáo dục lại con. Nhân vật chính điều hành, điều khiển gia đình là cha mẹ. Khi có rối loạn quá mức bình thường trong gia đình là do cha mẹ chín chục phần trăm đã xử sự một cách bất công đối với các con.

Dĩ nhiên, cha mẹ không thể thương con đứa nào cũng giống nhau. Bởi vì các con mỗi đứa khác nhau. Và lại giống nhau một cách giả tạo lại hại hơn là nói

ra sự ưa thích của mình một cách thành thật, trung thực. Điều quan trọng là mỗi đứa phải cảm thấy rằng mình được cha mẹ nhìn nhận là con, được thương yêu bằng nhau, với những khác biệt cá nhân của mình. Thái độ của cha mẹ phải phù hợp với mỗi đứa con, dù mỗi đứa mỗi tính tình khác nhau. Nghệ thuật của cha mẹ là làm sao cho năng lực của mỗi đứa đều được phát huy, với khả năng của chính bản thân nó.

Khi cha mẹ thiếu quan tâm chú ý từng đứa con và lại có xu hướng công khai so sánh sự thành đạt chênh lệch nhau trong học tập, trong công việc làm ăn của các con, thì tất nhiên sự đổ kỵ giữa anh chị em càng thêm gay gắt. Do đó quan hệ gắn bó với nhau sẽ bị giảm sút. Đó là lỗi của cha mẹ. Thực tiễn cho thấy, nếu mỗi đứa con được cha mẹ nhìn nhận và chuẩn y, với trình độ dù kém của nó, được cha mẹ yêu thương với tính tình nó có, thì con không cần phải tranh đấu để được nhìn nhận, thông qua sự đổ kỵ.

Thời gian và mối quan hệ gắn bó giữa anh chị em

Đến tuổi thanh thiếu niên và thanh niên đôi khi sự gắn bó quan hệ giữa anh chị em tăng thêm. Có khi đến mức độ cao như tình thương trở thành tình yêu, đổ kỵ trở thành căm thù. Cho nên khi con còn ở gia đình, cha mẹ nên chú ý giúp các con đừng đi quá mức khoảng cách phải có trong sự thương yêu lẫn nhau, cũng như trong sự đổ kỵ. Trong lịch sử các gia đình, ta cũng thường thấy những tình cảm đam mê sôi nổi, không đúng luân thường đạo lý. Em gái đi lấy chồng, anh trai không thích. Anh trai đi lấy vợ, em gái không

thích. Đó là những bi kịch nhỏ thường xảy ra, dù không tai hại là bao. Điều mà cha mẹ cần lưu ý là khi con lớn lên, nên khuyến khích, động viên con sinh hoạt trong các đoàn thể xã hội, tham gia các công tác xã hội, để có nhiều cơ hội tiếp xúc với những bạn bè ngoài giới, để tránh tình trạng anh chị em cứ lẫn lẩn bên nhau, hợp thành một nhóm khép kín. Có cha mẹ ngày ngày thấy các con cứ tiếp tục tụ họp nhau trong mọi sinh hoạt như khi còn nhỏ, cho rằng các con đoàn kết và cha mẹ rất tự mãn về sự giáo dục của mình. Mỗi giai đoạn của lứa tuổi con, có yêu cầu giáo dục khác nhau. Khi con đến tuổi vị thành niên nên chú ý tạo điều kiện cho con hội nhập vào các sinh hoạt ngoài phạm vi gia đình, để con có thể tự chuẩn bị cho một đời sống mở rộng hơn.

Mối quan hệ gắn bó giữa anh chị em và cha mẹ đã xây dựng cho con ăn sâu vào lòng các con, vào máu, khiến cho nó trở thành như một tình yêu thương bản năng giữa anh chị em. Nếu cha mẹ mất trước khi các con đã thành người, anh chị em đùm bọc cho nhau, đoàn kết nhau nhiều hơn khi cha mẹ còn sống. Nhiều trường hợp gia đình bị phân tán vì một tai hoạ bất ngờ nào đó, các anh chị em tìm kiếm nhau một cách kiên trì, dũng cảm. Xu hướng chọn người yêu, người bạn đời trong số bạn hữu của anh, của chị, của em không phải là hiếm. Có thể nói là do có nhiều cơ hội gặp nhau, trong các buổi gặp gỡ bạn bè thân mật. Nhưng có lẽ nguyên nhân chính là do một đặc điểm nào giống anh, giống chị hoặc một tương đồng nào đó trong tính tình (tiềm ẩn trong tâm trí).

Tính chất sâu đậm, tiềm tàng của mối gắn bó anh chị em ít nhiều tiếp tục chi phối các quan hệ bạn hữu, nghiệp vụ của ta. Có người thoát đầu ta có cảm tình ngay, có người thoát đầu ta không có cảm tình chút nào, một cách vô lý. Vì đột nhiên ta thấy người anh, người chị, người em nơi người này, khiến cho các cảm xúc khi xưa tái diễn. Nên ta vô tình lập lại thái độ trước đây, một cách vô tình.

Loại giao thoa cảm xúc này thường ảnh hưởng đến các quan hệ trong đời sống. Muốn tránh bị ảnh hưởng đó, ta nên chú ý phân tích, kiểm tra thái độ của ta. Khi ta nhận thấy rằng đã quá dễ dãi, hoặc quá nghiêm khắc, để điều chỉnh cho hợp tình, hợp lý.

Phụ lục

TÌNH THƯƠNG CỦA MẸ CHA VÀ CÁC YÊU CẦU GIÁO DỤC

Sáng ngày 29 - 6 tại Hội trường UBND quận 10, Tiến sĩ Trần Thị Cẩm đã nói chuyện với chị em phụ nữ về vấn đề giáo dục con, do lời mời của Thành hội phụ nữ.

Ở Pháp về nước đã 3 năm, hiện phục vụ tại Phân viện Khoa học giáo dục, đây là lần đầu Tiến sĩ có dịp trò chuyện với chị em về một vấn đề vốn rất thiết thân của giới mình. Để chị em dễ dàng tiếp thu, chị có sáng kiến nói chuyện thân mật tự nhiên chứ không đọc bài một cách công thức, khô khản. Nhờ thế, buổi nói chuyện đã diễn ra trong bầu không khí thoải mái và hào hứng.

Chị cho biết, con người vốn chịu ảnh hưởng sâu xa ở môi trường sống: "Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài", đó là một câu xưa cũ cho đến nay vẫn rất đúng, không sai chạy. Vì vậy, người mẹ cần quan tâm đúng mức trong việc giáo dục con, không phải đợi đến lúc lên 5, lên 3, mà ngay khi trẻ vừa chào đời. Một số bà mẹ đã lầm lẫn khi quan niệm một cách đơn giản rằng dưới

chế độ xã hội chủ nghĩa, phần trách nhiệm giáo dục trẻ do Nhà nước và tin rằng trẻ sẽ nên người mà không cần đến sự chăm sóc, hướng dẫn của cha mẹ, gia đình.

Không! Chị đặc biệt nhấn mạnh: *từ sơ sinh đến 6 tuổi là thời kỳ quan trọng nhất để người mẹ giáo dục con mình.* Từ chuyện cho bú có giờ, ngủ và tiểu tiện có giờ, cho đến việc ôm con trong tay, âu yếm trẻ, người mẹ đã mặc nhiên giáo dục con, và có khi bà không ý thức rõ thiên chức cao quý ấy. Sự có mặt người mẹ (hay một người thay thế mẹ) trong thời kỳ này rất có ích cho việc dạy trẻ. Ở một số nước, những trẻ được nuôi dưỡng trong một nhà trẻ hiện đại, đầy đủ tiện nghi vẫn không linh hoạt bằng những đứa trẻ có mẹ bên cạnh, thiếu thốn chút ít về mặt vật chất nhưng bù lại được tình thương đầy đủ. Tình mẫu tử thiêng liêng đã giúp trẻ rất nhiều để trẻ phát triển. Điều này đã được khẳng định do những nhà chuyên môn chứ không phải chỉ là một nhận xét chủ quan, mơ hồ không chính xác. Sự âu yếm của bà mẹ - chị nói thêm - là liều thuốc bổ quý giá, cần thiết cho trẻ về cả hai mặt tinh thần và thể lực.

Từ 3 tuổi, người mẹ cần tập cho con biết làm việc, những công việc hợp với trẻ - có thể sớm hơn chút đỉnh càng tốt. Đừng sai phái trẻ nhiều quá hoặc sai làm những công việc có thể gây nguy hiểm như cầm dao, cầm kéo, lại gần nước sôi, lửa v.v...; nhưng cũng chớ nuông chiều thái quá, cái gì cũng để mẹ làm, đứa trẻ sẽ quen thói ỷ lại. Chị có thể khen con, điều này

cũng cần thiết miễn đừng khen quá độ, khi trẻ tỏ ra siêng ngoan.

Tiến sĩ tỏ ra tha thiết ao ước rằng phụ nữ có con mọn được hưởng một chế độ rộng rãi hợp lý, chẳng hạn như có quyền đến sở làm muộn chút ít so với các đồng nghiệp. Vì chị tin là phải dậy sớm quá mức để chuẩn bị cho mình đi làm đúng giờ theo thông lệ bên ngoài có vẻ tốt nhưng không có lợi về mặt tâm lý cũng như năng suất của bà mẹ. Vả lại, như thế rõ ràng là trẻ phải ở nhà trẻ nhiều giờ hơn một công nhân viên, hơn một người lớn đi làm! Chị còn đề nghị: nếu có thể bà mẹ nào cũng nên tập cho trẻ làm quen với không khí nhà trẻ và cô nuôi trẻ để tạo thuận lợi cho cả đôi bên: cô nhà trẻ đỡ vất vả buổi đầu, còn trẻ thì đỡ khóc lóc, trì kéo làm người mẹ không được yên lòng khi giao con. Một người mẹ tinh ý sẽ tập cho con làm những việc hợp sức để khi đến nhà trẻ nó vui vẻ giúp đỡ cô, vui vẻ mà hòa nhập vào xã hội mới, không thụ động hay buồn rầu làm trở ngại cho cô nuôi.

Biết giáo dục con chu đáo trong 6 năm đầu, trẻ sẽ rất dễ thích ứng với đời sống tập thể trong những năm kế. Đó là tuổi đặt nền móng, đặt cơ sở vững chắc cho một công dân tương lai, không nên chênh mảng.

Từ 6-12 tuổi, có thể nói đó là những năm thoải mái, êm ả trong cuộc đời làm mẹ. Trẻ thường tỏ ra ngoan ngoãn, hiền lành, dễ bảo ở thời kỳ này.

Qua tuổi 12 là tuổi mà đôi khi cả mẹ lẫn con gặp khó khăn: ở đứa trẻ là do biến chuyển về mặt tâm sinh lý, ở người mẹ là do bỗng nhiên nhận thấy con

đổi khác, lắm lúc bướng bỉnh, cứng đầu, không còn dễ dạy như trước nay. Nếu không hiểu, người mẹ sẽ lo sợ, bối rối. Cần tể nhị học hỏi, tìm hiểu - hiển nhiên là người mẹ phải chuẩn bị học hỏi trước chứ đợi đến lúc ấy sao còn kịp để ứng phó với những thay đổi khác lạ của con. Phải kiên nhẫn, chịu khó hướng dẫn, giúp đỡ trẻ vượt qua giai đoạn rắc rối này. Đó là tuổi mà trẻ bắt đầu có khuynh hướng tách rời gia đình, muốn tỏ ra độc lập, không chịu lệ thuộc vào cha mẹ, ưa tìm hiểu các quy tắc xã hội, là tuổi nhiệt tình sôi nổi và năng nổ nên mặc dù gây nhọc nhằn song cũng là lứa tuổi đem lại nhiều hứng thú cho những nhà giáo yêu trẻ, yêu nghề. Cá tính và thông minh biểu lộ rõ rệt về các câu hỏi như:

1. Có những đứa trẻ rất bừa bãi, làm thế nào hướng dẫn nó trở lại ngăn nắp?

2. Có những đứa tỏ ra không thích học, hoàn toàn không học được, phải làm sao?

3. Một số người cho là phải vào đại học mới phục vụ tốt cho xứ sở. Có đúng thế không?

Chị vui vẻ cho biết:

- Không có một đứa trẻ nào bẩm sinh bừa bãi. Đó là một thói xấu trẻ đã tiềm nhiễm phải từ nhỏ. Nếu cha mẹ, anh chị trong nhà bừa bãi thì làm sao mà đứa trẻ có thể ngăn nắp được? Vì nó vốn chịu ảnh hưởng trực tiếp lâu ngày trong khung cảnh về trật tự tại nhà mình. Bây giờ, chỉ có thể uốn nắn dần, mỗi ngày một ít, với rất nhiều kiên nhẫn và chắc chắn là không dễ dàng.

- Không có một đứa trẻ bình thường nào lại không thích học. Có thể vì lúc đầu thay đổi môi trường lạ, vì nhút nhát, nó chưa thích. Trong thực tế có nhiều trẻ đòi đi học, ngay cả khi đau ốm vẫn không chịu nghỉ. Nếu nó nhất định từ chối sự học ấy là vì có gì trục trặc chưa tìm ra nguyên nhân, chớ vội kết luận. Những nguyên nhân ấy có thể đau ốm, bị hắt hủi, có mặc cảm chi đây. Vả lại, trong một xã hội văn minh không thể có ai chấp nhận một công dân mù chữ, ít nhất mỗi người phải viết và đọc thông tiếng mẹ đẻ, rồi sau đó học thêm ngoại ngữ.

Về câu hỏi thứ ba, chị khẳng định: một xã hội do nhiều thành viên hợp lại. Xã hội phân công cho mỗi thành viên một nhiệm vụ nhất định, hợp với khả năng. Không thể nào có một xã hội mà trong đó toàn người có trình độ đại học. Vả lại, không phải ai cũng cần đến đại học mới hữu ích cho xứ sở. Ngày trước có quan niệm hẹp hòi là lên Đại học mới nên người. Nhưng thực tế cho ta thấy một công dân tận tâm vẫn phục vụ đắc lực cho xứ sở hơn một nhà trí thức thiếu nhiệt tình. Nếu là một kẻ ích kỷ, không có nhiệt tình thì dù đỗ đạt cao cũng không lợi cho đất nước. Vả lại, kiến thức nhà trường cần có sự kết hợp với lao động để đào tạo con người toàn diện, đó là cách tốt nhất để trở thành một công dân hữu dụng. Chị nêu lên trường hợp những người vì gia cảnh phải bỏ học nửa chừng, những người sốt sắng thi hành nghĩa vụ quân sự, những thanh niên xung phong... sau khi xong nhiệm vụ ở nông trường, ở chiến trường, trở lại học tiếp, kết quả không kém gì các bạn học thẳng từ dưới

lên, có khi hơn. Vì sao? Chính là vì những người ấy được thử thách, tôi rèn qua thực tế sinh động của môi trường sống.

Trước khi chấm dứt buổi nói chuyện, tiến sĩ Trần Thị Cẩm ân cần nhắc lại lần nữa, trách nhiệm nặng nề và hào hứng của bà mẹ đối với con trong lứa tuổi từ sơ sinh đến 6 tuổi, tuổi cơ bản quan trọng nhất để mẹ dạy con, theo dõi con đúng mức. Chị còn thêm: cha mẹ cần nhất trí với nhau thì việc dạy con mới có kết quả tốt. Và còn một điều không kém quan trọng, chị nhấn nhủ chúng ta: *Cha mẹ phải tuyệt đối tỏ ra kính trọng nhà giáo, vì nếu cha mẹ không có được thái độ cần thiết ấy, thì khó mà mong con mình nên người.*

Mấy vấn đề tâm lý ở lứa tuổi 13-15	82
Tâm lý tuổi vào đời - Một chân dung phác thảo	87
Thái độ của cha mẹ và nhân cách của con	94
Mấy bí quyết sư phạm	98
Một vài suy nghĩ về quan hệ tình cảm giữa giáo viên và học sinh trong dạy học	102
Động cơ lao động	107

PHẦN II. MẤY VẤN ĐỀ TÂM LÝ CỦA TRẺ EM

Tìm hiểu trẻ biếng học	115
Hoạt động viết bằng tay phải nơi trẻ thuận tay trái	129
Học thuộc và trí nhớ	139
Kết quả học tập của con nhờ sự quan tâm của cha mẹ	152
Vì sao trẻ nói dối	165
Tính tự lập trong quá trình phát triển của trẻ	175
Nói gì với trẻ để giáo dục tính dục	192
Cha mẹ trước sự đổ kỵ của các con	202
Tìm hiểu trẻ đái dầm	213
Quan hệ gắn bó giữa anh chị em trong một gia đình	224
Phụ lục	
Tình thương của mẹ cha và các yêu cầu giáo dục	232

TÂM LÝ TRẺ VÀ GIÁO DỤC TRONG GIA ĐÌNH

Chịu trách nhiệm xuất bản: **Mai Quỳnh Giao**

Chịu trách nhiệm bản thảo: **Nguyễn Thu Hà**

Biên tập : **Lê Ngọc Yến**

Bìa. **Trọng Kiên**

Sửa bản in: **Mạnh Linh**

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

39 Hàng Chuối - Hà Nội

ĐT: 9.710717 - 9.717979 - 9.716727 - 9.712832.

* Fax: 9.712830 - Email: nxbphunu@vnn.vn

Chi nhánh:

16 Alexandre De Rhodes - Q1. TP. Hồ Chí Minh. ĐT: 8.234806

PHÁT HÀNH TẠI

Nhà sách Huy Hoàng

95 Núi Trúc, Ba Đình, Hà Nội

Tel/Fax: (04) 7365859 - 7366075

- Mobile: 0903262626

Nhà sách Thanh Vinh

59 Đường Trần Phú, TP Vinh, Nghệ An

Tel/Fax: (38) 591.167 Mobile: 0912109349

In 700 cuốn khổ 13x19 cm tại Xưởng in Tạp chí Tin học & Đời sống.

Số đăng ký KHXB số 67/590 XB-QLXB ký ngày 26/04/2005.

In xong và nộp lưu chiểu Quý 4 năm 2005.

TÂM LÝ

TRẺ

VÀ

**GIÁO
DỤC**

**TRONG
GIA ĐÌNH**



0502 943



8 935077 00568

hành tại: NS Huy Hoàng - 95 Núi Trúc - Kim Mã, Ba Đình, HN - Tel/Fax: 7365859 - 7366075

Giá: 25.00